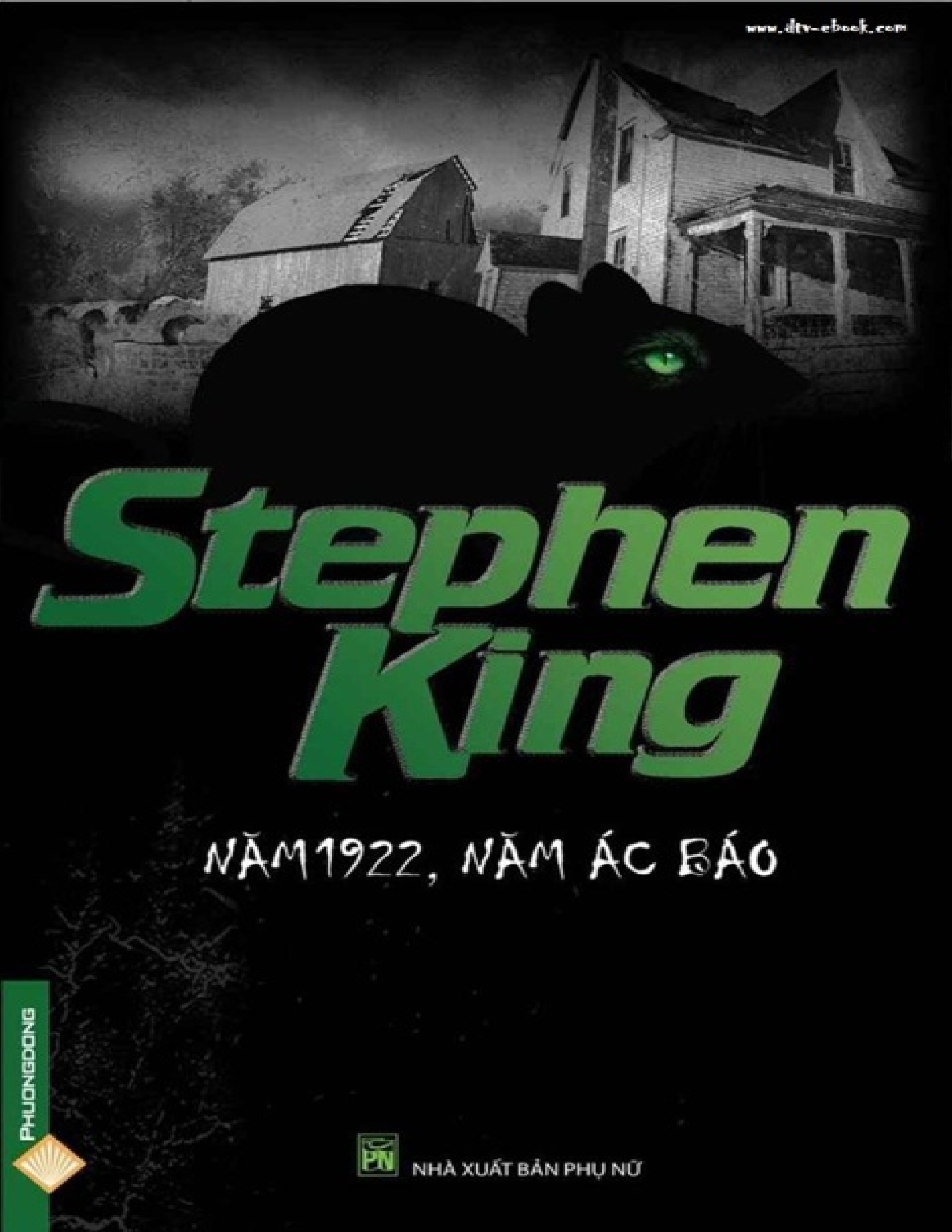




Stephen King

NĂM 1922, NĂM ÁC BÁO

Stephen King

NĂM 1922,
NĂM ÁC BÁO

Người dịch: Lê Đình Chi

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

Thông tin sách

Tên sách: **Năm 1922, Năm Ác Báo**
Nguyên tác: **Full Dark, No Stars: 1922**
Tác giả: **Stephen King**
Người dịch: **Lê Đình Chi**
Công ty phát hành: **Phương Đông**
Nhà xuất bản: **NXB Phụ Nữ**
Trọng lượng vận chuyển: **350g**
Kích thước: **14.5 x 20.5 cm**
Ngày xuất bản: **10/2012**
Giá bìa: **63.000đ**
Thể loại: **Trinh thám - Tâm lý XH**

Thông tin ebook

Type+Làm ebook: **thanhbt**
Ngày hoàn thành: **06/05/2015**

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Dự án ebook #15 thuộc Tủ sách BOOKBT



***Ebook này được thực hiện nhằm chia sẻ cho những bạn không có điều kiện mua sách!
Còn nếu bạn có khả năng hãy mua ủng hộ nha!***

Giới thiệu

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Năm 1922, Năm Ác Báo được viết nên bởi chính nỗi ám ảnh của nhân vật chính; Ông ta rơi vào những cơn ảo giác, mộng mị, hoang tưởng và tự kết liễu cuộc đời mình theo cách đau đớn và kinh khủng nhất.

Wilfred James, một chủ trại nhỏ tại Nebraska, chỉ vì 100 mẫu đất tốt mà đã phạm sai lầm giết vợ. Anh ta cuốn theo cả đứa con trai của mình để rồi phải hối tiếc suốt đời. Sự dấn vật tội lỗi của James trở thành những cơn ác mộng kéo dài khiến bao tai họa thảm khốc gián xuống đầu James, tước đi dần những thứ anh ta yêu quý nhất, cho đến khi đoạt nốt tính mạng anh ta.

Tất nhiên, nếu câu chuyện chỉ dừng lại ở việc James giết được người vợ thì 1922, năm ác báo sẽ không phải là tác phẩm được viết nên bởi Stephen King nữa. Cuộc sống sau cái chết của người vợ mới là điều đáng phải bàn. Nhân vật chính James tưởng rằng cuộc đời hai cha con từ đây đã bình yên với ruộng vườn, cậu con trai ngày ngày lái xe tải đến trường, hẹn hò với cô bạn gái, bố con ông qua mặt được ông lão cảnh sát già địa phương và tay luật sư về sự biến mất của người vợ nhưng sự thực cái chết của người mẹ vẫn luôn ám ảnh trong cuộc sống của hai người và đó mới là thời điểm bi kịch bắt đầu.

Ngày 11 tháng Tư, 1930

Khách sạn Magnolia

Omaha, Nebraska

GỬI BẤT CỨ AI QUAN TÂM:

Tên tôi là Wilfred Leland James, và đây là lời tự thú của tôi. Vào tháng Sáu năm 1922 tôi đã sát hại vợ mình, Arlette Christina Winters James, và phi tang thi thể cô ta bằng cách ném xuống một cái giếng cũ. Con trai tôi, Henry Freeman James, đã giúp tôi trong tội ác này, mặc dù ở tuổi 14, con trai tôi không phải chịu trách nhiệm; tôi đã lừa gạt thằng bé tham gia vào việc này, lợi dụng sự sợ hãi của nó và khuất phục những lời phản đối hoàn toàn bình thường của nó trong một quãng thời gian suốt hơn hai tháng trời. Đây là một việc làm khiến tôi ân hận còn cay đắng hơn chính bản thân tội ác, vì những lý do mà lời thú tội này sẽ trình bày rõ.

Nguyên do đã dẫn tới tội ác tôi gây ra và sự nguyên rủa tôi phải chịu đựng là 100 mẫu ^[1] đất tốt ở Hemingford, Nebraska. Khu đất này vợ tôi được thừa kế từ ông bố của cô ta, John Henry Winters. Tôi mong muốn sát nhập khu đất này vào trang trại thuộc quyền sở hữu vô thời hạn của chúng tôi, có tổng diện tích chừng 80 mẫu vào năm 1922. Vợ tôi, vốn chưa bao giờ thích thú gì đời sống điền trang (hay việc trở thành vợ của một chủ trang trại), lại muốn bán nó cho Công ty Farrington để lấy tiền mặt. Khi tôi hỏi vợ tôi liệu cô có thực sự muốn sống ở phía cuối gió một lò sát sinh của Farrington hay không, cô ta nói với tôi chúng tôi hoàn toàn có thể bán luôn cả trang trại của mình cùng với lô đất của bố cô ta - trang trại của bố tôi, và trước đó, của ông nội tôi! Khi tôi hỏi vợ liệu chúng tôi có thể làm gì với tiền mà không còn đất nữa, cô ta nói chúng tôi có thể chuyển tới Omaha, hay thậm chí tới St. Louis, và mở một cửa hiệu.

“Anh sẽ không bao giờ sống ở Omaha,” tôi nói. “Các thành phố là để dành cho những kẻ ngốc.”

Câu nói thật mỉa mai, nếu xét đến nơi tôi đang sống lúc này, nhưng tôi sẽ không sống ở đây lâu nữa; tôi biết rõ điều đó cũng như tôi biết thứ gì đã gây ra những âm thanh tôi nghe thấy trong các bức tường. Và tôi biết tôi sẽ tìm thấy mình ở đâu sau khi cuộc sống trần thế này kết thúc. Tôi tự hỏi không biết liệu Địa Ngục có thể tồi tệ hơn thành phố Omaha hay không. Có thể nó *chính là* thành phố Omaha, nhưng không hề có vùng đồng quê đẹp đẽ yên bình nào bao quanh; chỉ là một khoảng trống rỗng mù mịt khói, sặc sụa mùi lưu huỳnh, đầy ắp những linh hồn lạc lối giống như bản thân tôi.

Hai vợ chồng tôi đã cãi nhau kịch liệt về 100 mẫu đất kia trong suốt mùa đông và mùa xuân năm 1922. Henry bị mắc kẹt trong cuộc cãi vã đó, nhưng có phần ngả về phía tôi nhiều hơn; con trai tôi có ngoại hình giống mẹ nó, nhưng lại giống tôi ở tình yêu dành cho đất. Thằng bé là một đứa trẻ biết vâng lời,

không có chút ương ngạnh nào của mẹ nó. Hết lần này đến lần khác, con trai tôi nói với mẹ rằng nó không hề muốn sống tại Omaha hay bất cứ thành phố nào khác, và sẽ chỉ chịu đi nếu vợ tôi và tôi đi đến nhất trí, điều chúng tôi không thể đạt được.

Tôi đã nghĩ tới chuyện viện tới Pháp Luật, cảm thấy chắc chắn rằng, với vị thế người Chồng trong vụ việc này, bất cứ tòa án nào trong vùng cũng sẽ ủng hộ quyền của tôi trong việc quyết định cách thức và mục đích sử dụng khu đất đó. Thế nhưng vẫn có điều gì đó ngăn tôi lại. Đó không phải là nỗi sợ hãi những lời bàn ra tán vào của hàng xóm láng giềng, tôi chưa bao giờ bận tâm tới những lời đồn thổi trong vùng; đó là một thứ khác. Tôi đã trở nên căm ghét vợ mình, các vị hiểu chứ. Tôi dần mong muốn cô ta chết đi, và đó là điều đã ngăn tôi lại.

Tôi tin rằng luôn có một con người khác bên trong mỗi chúng ta, một kẻ lạ lùng, một Kẻ Ma Quái. Và tôi tin rằng vào tháng Ba năm 1922, khi bầu trời hạt Hemingford tuyền màu trắng và tất cả các cánh đồng đều là một vạt bùn trắng tuyết, Kẻ Ma Quái bên trong người nông dân Wilfred James đã làm xong việc tuyên án vợ tôi và quyết định số phận của cô ta. Đó là thứ công lý mà các vị quan tòa vẫn

[\[2\]](#)
đưa ra khi đội mũ đen. Kinh Thánh có nói một đứa con bất hiếu cũng giống như một chiếc răng của rắn độc, nhưng một người Vợ hay cần nhẫn và vô ơn còn sắc nhọn hơn thế.

Tôi không phải là một con quái vật; tôi đã cố cứu vợ mình khỏi Kẻ Ma Quái. Tôi nói với cô rằng nếu chúng tôi không thể đi tới nhất trí, vợ tôi nên tới sống cùng mẹ cô ở Lincoln, cách nơi chúng tôi đang

[\[3\]](#)
sống sáu mươi dặm về phía tây - một khoảng cách thích hợp cho một cuộc chia cách không hẳn là ly dị nhưng cũng đồng nghĩa với việc chấm dứt cuộc sống hôn nhân chung.

“Và để lại cho anh khu đất của bố tôi, tôi đoán vậy có đúng không?” cô ta hỏi, và hát hăm. Tôi đã trở nên căm ghét cái hát hăm sỗ sàng đó biết chừng nào, nó thật giống với cử chỉ vùng vằng của một con ngựa non được dạy dỗ tồi, và cả cái hít mạnh luôn đi kèm với cử chỉ đó nữa. “Không bao giờ có chuyện đó đâu, Wilf.”

Tôi nói với vợ tôi rằng tôi sẽ mua lại khu đất từ cô ta, nếu cô ta cứ khẳng khẳng như vậy. Tất nhiên sẽ phải mất một quãng thời gian - tám năm, mà cũng có thể là mười - nhưng tôi sẽ trả cho cô ta tới tận đồng xu cuối cùng.

“Một ít tiền nhỏ giọt còn tệ hại hơn là không có gì,” vợ tôi đáp lại (thêm một cái hít mạnh và một cái hát hăm nữa). “Đó là một điều phụ nữ nào cũng biết. Công ty Farrington sẽ thanh toán toàn bộ tiền ngay lập tức, và ý tưởng của họ về mức giá cao nhất nhiều khả năng sẽ hào phóng hơn đề xuất của anh nhiều. Và tôi cũng sẽ không bao giờ sống ở Lincoln. Đó không phải là một thành phố, mà chỉ là một ngôi làng với nhiều nhà thờ hơn cả nhà dân.”

Các vị thấy hoàn cảnh của tôi rồi chứ? Không lẽ các vị không hiểu cô ta đã đẩy tôi vào tình thế tồi tệ đến thế nào? Chẳng lẽ tôi không đáng có được dù chỉ một chút cảm thông của các vị sao? Không ư? Vậy hãy đọc tiếp.

Tối đầu tháng Tư năm ấy - đúng ngày này tám năm về trước, nếu tôi nhớ không sai - cô ta tới gặp tôi lộng lẫy hào nhoáng. Vợ tôi đã dành gần hết cả ngày hôm đó tại “thẩm mỹ viện” ở McCook, và mái tóc cô ta rủ xuống quanh hai bên má thành từng lọn dày uốn cong, chúng làm tôi nhớ tới những cuộn giấy vệ sinh người ta vẫn thấy tại các khách sạn và nhà trọ. Vợ tôi nói cô ta có một ý tưởng. Ý tưởng đó là chúng tôi nên bán gộp luôn cả 100 mẫu đất lần trang trại cho Farrington. Vợ tôi tin rằng bọn họ hẳn sẽ chịu mua tất cả chỉ để có được khu đất của bố cô ta, vốn nằm gần đường xe lửa (và có lẽ vợ tôi có lý).

“Sau đó,” ả lẳng lơan chải chuốt đó nói tiếp, “chúng ta có thể chia tiền ra, ly dị, và bắt đầu cuộc sống mới của mỗi người. Cả hai chúng ta đều biết đó là điều anh muốn mà.” Như thể chính cô ta không muốn điều đó vậy.

“À,” tôi nói (như thể đang cân nhắc nghiêm túc ý tưởng đó). “Vậy con trai chúng ta sẽ đi theo ai đây?”

“Tôi, tất nhiên rồi,” vợ tôi nói, mắt tròn tròn. “Một đứa con trai 14 tuổi cần sống với mẹ nó.”

Tôi bắt đầu “thuyết phục” Henry ngay từ hôm đó, kể cho con trai tôi biết về kế hoạch mới nhất của mẹ nó. Hai bố con tôi lúc ấy đang ngồi trong vựa cỏ khô. Tôi trưng ra khuôn mặt rầu rĩ nhất và nói với giọng phiền muộn nhất, vẽ lên một bức tranh về cuộc sống trong tương lai của nó nếu vợ tôi được phép thực hiện kế hoạch của cô ta: rằng cậu bé sẽ không còn cả trang trại lẫn bố, về việc nó sẽ phải tới một trường học lớn hơn rất nhiều, phải bỏ lại sau lưng tất cả bạn bè (hầu hết đều từ khi còn bé), và chuyện một khi tới ngôi trường mới đó, con trai tôi sẽ phải vật lộn tìm cho mình một vị trí giữa những người xa lạ, những kẻ sẽ cười nhạo nó, gọi nó là một thằng thộn nhà quê. Ngược lại, tôi nói tiếp, nếu chúng tôi có thể giữ lại tất cả đất đai, tôi tin chắc chúng tôi có thể trả hết nợ ngân hàng vào năm 1925 và sống hạnh phúc không nợ nần, hít thở không khí ngọt ngào thay vì phải chứng kiến những bộ ruột lợn nổi lênh phênh trôi xuống dòng suối vốn trong veo trước kia của chúng tôi từ sáng sớm tới tận chiều tối. “Giờ con muốn gì?” tôi hỏi sau khi đã mô tả ra bức tranh đó một cách chi tiết hết mức tôi có thể.

“Ở lại đây với bố,” cậu bé nói. Nước mắt đang rùng rùng chảy xuống hai gò má con trai tôi. “Tại sao mẹ lại phải... lại phải...”

“Nói tiếp đi con,” tôi nói. “Sự thật không bao giờ là nguyên rửa hết, con trai.”

“Đê tiện đến thế!”

“Bởi vì phần lớn đàn bà là như thế,” tôi nói. “Đó là một phần không thể giữ bỏ đi được trong bản chất của họ. Câu hỏi đặt ra ở đây là chúng ta sẽ phải làm gì với chuyện này.”

Nhưng Kẻ Ma Quái bên trong tôi đã nghĩ sẵn tới cái giếng cũ nằm sau chuồng bò, cái giếng chúng tôi chỉ dùng làm nơi chứa nước thải vì nó quá nông và đầy bùn - chỉ sâu có 6 mét và chỉ hơn một vũng nước đọng dưới đáy cống một chút. Vấn đề còn lại chỉ đơn giản là làm cách nào thuyết phục con trai tôi đồng ý với giải pháp này. Và tôi *bắt buộc* phải làm như vậy, điều này hẳn các vị đã hiểu; tôi có thể giết vợ nhưng nhất thiết phải giữ lại đứa con trai yêu quý của mình. Sở hữu 180 mẫu đất - hay thậm chí

cả nghìn mẫu - để làm gì nếu bạn chẳng có ai để cùng chia sẻ và chuyển giao lại?

Tôi giả bộ đang cân nhắc về kế hoạch điên rồ của Arlette sẽ khiến khu đất trồng trọt màu mỡ bị biến thành lò mỗ lợn. Tôi yêu cầu cô ta cho tôi thời gian để quen dần với ý tưởng này. Vợ tôi đồng ý. Và trong suốt hai tháng tiếp theo, tôi tiếp tục tác động lên Henry, làm cho con trai tôi quen với một ý tưởng khác hơn nhiều. Cũng không đến mức khó khăn như tôi đã nghĩ; con trai tôi thừa hưởng vẻ bề ngoài của mẹ nó (nhân sắc của một người đàn bà, các vị biết đấy, chính là thứ mật ong dẫn dụ đàn ông sa chân vào một tổ ong bầu) nhưng sự ương bướng đến Chúa cũng không chịu nổi của cô ta thì không. Chỉ cần mô tả lên một bức tranh về cuộc sống của cậu bé sẽ như thế nào tại Omaha hay St. Louis. Tôi úp mở đưa ra khả năng thậm chí cả hai tổ kiến đông đúc chật chội đó cũng không thỏa mãn được vợ tôi; cô ta hoàn toàn có thể đưa ra quyết định chỉ có Chicago mới khiến cô ta hài lòng. “Khi đó,” tôi nói, “có thể con sẽ thấy mình phải tới trường trung học với bọn da đen.”

Con trai tôi trở nên lạnh nhạt với mẹ nó; sau vài nỗ lực ít ỏi - tất cả đều thật vụng về, và tất cả đều bị từ chối - nhằm lấy lại cảm tình của con trai, vợ tôi cũng đáp lại thái độ lạnh nhạt đó. Tôi (hay đúng hơn là Kẻ Ma Quái) vui mừng khôn xiết trước chuyện này. Tới đầu tháng Sáu, tôi nói với vợ mình rằng, sau khi cân nhắc thấu đáo, tôi đã quyết định sẽ không bao giờ tôi cho phép cô ta bán đi 100 mẫu đất đó mà không tranh đấu gì; rằng tôi sẵn sàng khiến tất cả chúng tôi lâm vào cảnh bần hàn khánh kiệt nếu cần thiết.

Vợ tôi tỏ ra rất bình tĩnh. Cô ta quyết định tự mình đi tìm tư vấn pháp luật (Vĩ Pháp Luật, như chúng ta biết, sẽ làm bạn với ai trả tiền cho nó). Chuyện này tôi đã lường trước. Và chỉ cười khi nghe cô ta nói về nó! Vì vợ tôi không thể đủ tiền trả cho việc tư vấn như thế. Khi đó, tôi đang giữ chặt số tiền mặt ít ỏi chúng tôi có. Henry thậm chí còn đưa chỗ tiền dành dụm của nó cho tôi khi tôi yêu cầu, vậy là vợ tôi không thể lấy trộm tiền từ nguồn đó được, cho dù nó cũng chẳng đáng là bao. Tất nhiên, cô ta tìm đến văn phòng Công ty Farrington ở Deland, cảm thấy khá chắc chắn (cũng như tôi) rằng bọn họ, những người sẽ được hưởng lợi lớn, chắc hẳn sẽ chấp nhận trang trải chi phí tư vấn pháp luật cho cô ta.

“Họ sẽ làm thế, và mẹ con sẽ thắng kiện,” tôi nói với Henry trong vựa cỏ khô, giờ đây đã trở thành chốn tâm tình quen thuộc của hai bố con. Tôi không hoàn toàn tin chắc về chuyện này, nhưng tôi đã đi tới quyết định của mình, điều tôi sẽ không đi xa tới mức gọi là “một kế hoạch”.

“Nhưng bố ơi, như thế thật không công bằng!” con trai tôi kêu lên. Khi ngồi đó, trên đồng cỏ khô, trông thằng bé thật bé bỏng, giống một đứa trẻ lên mười hơn là một thiếu niên 14 tuổi.

“Cuộc đời chẳng bao giờ công bằng hết,” tôi nói. “Đôi lúc điều duy nhất ta có thể làm là đoạt lấy thứ ta muốn có. Cho dù ai đó phải chịu đau đớn.” Tôi ngừng lời, dò xét khuôn mặt nó.” Cho dù ai đó phải chết.”

Mặt thằng bé trắng bệch. “Bố!”

“Nếu mẹ con biến mất,” tôi nói, “mọi thứ sẽ đi theo con đường đúng đắn. Mọi tranh cãi sẽ kết thúc.

Chúng ta sẽ có thể bình yên sống ở đây. Bố đã trao cho mẹ con mọi thứ bố có thể để bà ấy đi khỏi đây, và bà ấy không chấp nhận. Chỉ còn một thứ duy nhất mà bố có thể làm. Mà chúng ta có thể làm.”

“Nhưng con yêu mẹ!”

“Bố cũng yêu bà ấy,” tôi nói. Điều đó, cho dù các vị có thấy khó tin đến đâu đi nữa, đúng là sự thật. Sự căm thù tôi cảm thấy với vợ mình vào năm 1922 đó thực sự dữ dội hơn rất nhiều những gì một người đàn ông có thể cảm thấy về bất cứ người phụ nữ nào, trừ khi tình yêu là một phần trong nó. Và cho dù vợ tôi có tỏ ra cay nghiệt và ương ngạnh đi chăng nữa, Arlette vẫn là một phụ nữ có bản chất nồng nhiệt. Mỗi “quan hệ vợ chồng” giữa chúng tôi đã không bao giờ gián đoạn, cho dù kể từ khi những cuộc cãi vã về 100 mẫu đất bắt đầu, những lần gần gũi vào ban đêm của hai chúng tôi dần trở nên ngày càng giống những màn giao phối của động vật hơn.

“Việc đó không nhất thiết phải đau đớn,” tôi nói. “Và khi nó đã kết thúc... thì...”

Tôi đưa thằng bé ra khỏi giường sau chuồng gia súc và chỉ cho con trai tôi thấy cái giếng, tại đó nó nức nở òa khóc. “Không, bố. Không thể như thế. Dù có thế nào đi nữa.”

Nhưng khi vợ tôi từ Deland quay về (Harlan Cotterie, hàng xóm gần nhất của chúng tôi, đã chở cô ta đi phần lớn quãng đường trên chiếc Ford của ông ta, sau đó để vợ tôi đi bộ nốt hai dặm cuối) và Henry nài nỉ mẹ nó “đừng đi nữa, để chúng ta có thể lại trở lại là một gia đình,” vợ tôi liền nổi nóng, tát vào miệng thằng bé, và quát nó hãy thôi ư ử lên như một con chó đi.

“Bố mày đã làm mày tiêm nhiễm cái tính nhát như cáy của ông ấy. Còn tệ hơn thế, ông ấy đã tiêm nhiễm vào mày thói tham lam của mình.”

Cứ như thế cô ta hoàn toàn không vương phải thứ tội lỗi này vậy!

“Ông luật sư đã cam đoan với tôi khu đất là của tôi, và tôi có toàn quyền làm gì tùy thích với nó theo ý của tôi, và tôi sẽ bán khu đất đi. Còn về hai bố con ông, các người có thể ngồi ỳ lại đây cùng nhau ngửi mùi lợn nường, tự nấu ăn dọn giường lấy cho mình. Con, con trai của mẹ, có thể cày bừa cả ngày và đọc những cuốn sách liên tu bất tận của *ông ấy* mọi buổi tối. Chúng đã chẳng đem lại gì mấy tốt đẹp cho ông ấy, nhưng có thể con sẽ khá hơn. Ai mà biết được?”

“Mẹ, như thế thật không công bằng!”

Vợ tôi nhìn con trai mình như thể một người đàn bà nhìn một người đàn ông hoàn toàn xa lạ vừa định tìm cách cầm lấy tay mình. Và tim tôi tràn ngập niềm vui khi tôi nhìn thấy thằng bé nhìn lại mẹ nó cũng lạnh lùng như thế. “Các người có thể cuốn xéo đi với quý, cả hai người. Còn về phần tôi, tôi sẽ tới Omaha, và mở một hiệu bán quần áo. Đó là ý tưởng *của tôi* về sự công bằng.”

Cuộc đôi co này xảy ra trên khoảng sân đầy bụi nằm giữa ngôi nhà ở và căn nhà kho, và ý tưởng về sự công bằng đó của vợ tôi là những lời nói tối hậu. Cô ta đi qua sân, hất tung bụi lên với đôi giày thành

phổ đỏm dáng của mình, bước vào trong nhà, và đóng sầm cửa lại. Henry quay lại nhìn tôi. Có máu trên khoe miệng thằng bé, còn môi dưới của nó sưng phồng lên. Con cắn hận trong đôi mắt nó là một thứ cảm xúc nguyên sơ, thuần khiết mà chỉ những đứa trẻ vị thành niên mới có thể cảm nhận được. Đó là sự cắn hận bất chấp cái giá phải trả. Con trai tôi gật đầu. Tôi cũng gật đầu đáp lại, cũng nghiêm nghị như thế, nhưng bên trong tôi Kẻ Ma Quái đang nhe răng ra cười thỏa mãn.

Cái tát đó chính là án tử hình của vợ tôi.

Hai ngày sau, khi Henry tới tìm tôi ngoài ruộng ngô mới trồng, tôi nhận thấy thằng bé đã lại trở nên yếu đuối. Tôi không thấy thất vọng hay ngạc nhiên; những năm tháng nằm giữa thời thiếu niên và tuổi trưởng thành là những năm tháng đầy giông tố, và những người đang trải qua quãng thời gian này luôn bị quay cuồng như chiếc chong chóng gió một số nông dân miền Trung Tây vẫn hay cắm lên nóc những silo đựng ngũ cốc của họ.

“Chúng ta không thể,” thằng bé nói. “Bố, bà ấy đang Sai Lầm. Và Shannon nói những người chết trong Sai Lầm sẽ rơi xuống Địa Ngục.”

Quý tha ma bắt nhà thờ Hội Giám lý và Hội Huynh đệ trẻ Giám lý đi, tôi thầm nghĩ... nhưng Kẻ Ma Quái chỉ mỉm cười. Trong mười phút tiếp theo, chúng tôi nói chuyện về tôn giáo giữa đồng ngô xanh mướt trong khi những đám mây đầu hè - những đám mây tuyệt vời nhất, bông bênh như những chiếc thuyền buồm - chậm chạp trôi qua trên đầu chúng tôi, kéo theo sau những cái bóng của chúng như những chiếc đuôi. Tôi giải thích với thằng bé rằng, không những không đẩy Arlette xuống Địa Ngục, chúng tôi sẽ đưa vợ tôi lên Thiên Đường. “Vì,” tôi nói, “một người đàn ông hay đàn bà bị sát hại sẽ không chết vào kỳ hạn của Chúa mà của Con Người. Ông ta... hay bà ta... đã bị cướp đi mạng sống trước khi ông ta... hay bà ta... kịp chuộc tội, vì thế tất cả các tội lỗi của họ cần phải được tha thứ. Khi con suy nghĩ theo hướng đó, mỗi vụ sát nhân đều là Cánh cổng dẫn tới Thiên đường.”

“Nhưng còn chúng ta thì sao, bố? Chúng ta sẽ không phải xuống Địa Ngục chứ?”

Tôi chỉ về phía những cánh đồng xung quanh, đầy sức sống mới mạnh mẽ. “Làm sao con có thể nói vậy được, khi con tận mắt thấy Thiên Đường khắp xung quanh chúng ta? Thế mà mẹ con đã định kéo chúng ta rời xa nó cũng kiên quyết như thiên thần với thanh kiếm rực lửa trong tay đuổi Adam và Eve khỏi Vườn Địa đàng.”

Thằng bé nhìn tôi trân trời, đầy bối rối. Tối tăm. Tôi ghét phải bơi đén con trai mình theo cách như thế, song lúc đó một phần trong tôi đã tin, và tới giờ vẫn tin rằng không phải tôi đã làm vậy với thằng bé, mà là vợ tôi.

“Và thử nghĩ xem,” tôi nói. “Nếu bà ấy tới Omaha, mẹ con sẽ tự đào cho mình một cái huyệt còn sâu hơn dưới Địa Ngục. Nếu bà ấy mang con theo, con sẽ thành một thằng bé thành thị...”

“Con sẽ không bao giờ chịu!” Thằng bé kêu lên to đến nỗi lũ quạ đang đậu trên hàng rào gỗ cánh vụt bay lên và lượn vòng ra xa lên trời cao như những mảnh giấy cháy thành than.

“Con còn trẻ và con sẽ thay đổi,” tôi nói. “Con sẽ quên hết những thứ này... con sẽ học những kiểu cách thành thị... và bắt đầu đào huyệt chôn vùi chính mình.”

Nếu con trai tôi đáp trả bằng cách nói những kẻ sát nhân không có bất cứ hy vọng nào được đi cùng các nạn nhân của chúng lên Thiên Đường, hẳn tôi đã lâm vào thế bí. Nhưng có thể vốn hiểu biết về tôn giáo của con trai tôi không rộng đến thế, mà cũng có thể thằng bé không muốn nghĩ tới điều đó. Và liệu có Địa Ngục thật không, hay chúng ta đã tự tạo ra nó cho mình trên trái đất này? Khi nhìn lại tám năm vừa qua của đời mình, tôi nghiêng về lựa chọn thứ hai.

“Bằng cách nào?” con trai tôi hỏi. “Khi nào?”

Tôi nói cho thằng bé biết.

“Và chúng ta có thể tiếp tục sống ở đây sau đó chứ?”

Tôi trả lời là có thể.

“Và mẹ sẽ không bị đau đớn chứ?”

“Không,” tôi nói. “Sẽ rất nhanh thôi.”

Con trai tôi dường như có vẻ hài lòng. Dẫu vậy, chuyện đó rất có thể đã không xảy ra, nếu không vì chính Arlette.

Chúng tôi chọn thời điểm vào một buổi tối thứ Bảy, vào khoảng giữa một tháng Sáu cũng đẹp trời như bất cứ tháng Sáu nào khác tôi còn nhớ được. Arlette thỉnh thoảng từng uống một ly rượu vang vào các buổi tối mùa hè, nhưng lúc đó hầu như thói quen này không còn được duy trì nữa. Có một lý do rất hợp lý cho việc này. Cô ta thuộc về loại người không thể uống hai ly mà không uống bốn, rồi sáu ly, rồi cả chai. Và thêm một chai nữa, nếu chai nữa đó sẵn có. “Tôi cần phải rất cẩn thận, Wilf. Tôi quá thích nó. Thật may cho tôi, sức mạnh ý chí của tôi đủ mạnh.”

Tối hôm đó, chúng tôi ngồi trước cửa, ngắm nhìn những tia sáng cuối cùng còn nấn ná lại trên các cánh đồng, lắng nghe những tiếng dế gáy *reeeee* ừ ừ thật buồn ngủ. Henry đang ở trong phòng riêng. Con trai tôi hầu như không động đến bữa tối, và trong khi Arlette cùng tôi ngồi trước cửa trên hai chiếc ghế xích đu giống hệt nhau có đệm ngồi, tôi nghĩ tôi đã nghe thấy một tiếng động khe khẽ như tiếng ọe khan. Tôi nhớ từng nghĩ rằng khi thời khắc hành động điểm, thằng bé hẳn sẽ không thể chịu đựng qua được chuyện này. Mẹ nó sẽ thức dậy với tâm trạng cáu bẳn vào sáng hôm sau với một “dư vị” khó chịu và không hề biết cô ta đã đến sát tới mức nào việc không bao giờ được nhìn thấy thêm một buổi bình minh Nebraska nữa. Dẫu vậy, tôi tiếp tục tiến tới theo kế hoạch. Bởi vì tôi giống như một trong

[4]
những con búp bê Nga đó? Có thể lắm. Có thể tất cả mọi người đều thế cả. Bên trong tôi là Kẻ Ma Quái, nhưng bên trong Kẻ Ma Quái là một Người Hy Vọng. Gã này đã chết đâu đó trong khoảng giữa

năm 1922 và 1930. Kẻ Ma Quái, sau khi đã gây ra xong tổn thất, đã biến mất. Không có những mưu toan và tham vọng của hắn, cuộc sống trở nên trống rỗng.

Tôi mang chai rượu theo ra ngoài cửa, nhưng khi tôi tìm cách rót đầy chiếc ly trống rỗng của vợ tôi, cô ta đưa tay lên che. “Anh không cần phải làm tôi say để có được thứ anh muốn. Tôi cũng muốn nó. Tôi đang thấy ngứa.” Cô ta dặng hai chân ra và đưa một bàn tay lên váy để chỉ ra cảm giác ngứa nằm ở đâu. Bên trong cô ta có một Người Đàn Bà Thơ Tục - thậm chí là một Con Điem - và rượu vang luôn làm cô ta trở nên buông thả.

“Dẫu sao cũng hãy uống thêm một ly nữa,” tôi nói. “Chúng ta có một thứ để ăn mừng.”

Vợ tôi nhìn tôi đầy cảnh giác. Thậm chí một ly rượu vang duy nhất cũng khiến đôi mắt cô ta uớt rượt (như thể một phần con người cô ta đang khóc than vì lượng rượu vang nó muốn và không thể có được), và trong ánh hoàng hôn trông chúng có màu cam, giống như những ô kính của một chiếc đèn bão có thấp nền ở trong.

“Sẽ không có vụ kiện tụng nào hết,” tôi nói với cô ta, “và cũng sẽ không có ly dị. Nếu Công ty Farrington có thể mua 80 mẫu đất của anh cùng với 100 mẫu của bố em, cuộc cãi vã của chúng ta coi như chấm dứt.”

Lần đầu tiên, và cũng là duy nhất trong cuộc hôn nhân sóng gió của chúng tôi, cô ta thực sự há hốc miệng ra. “Anh đang nói gì vậy? Có phải là điều tôi nghĩ anh đang nói không? Đừng đùa với tôi, Wilf!”

“Anh không đùa,” Kẻ Ma Quái nói. Hắn ta nói với vẻ chân thành đến nao lòng. “Henry và anh đã nói chuyện với nhau rất nhiều về chuyện này...”

“Đúng là hai bố con anh lúc nào cũng dính lấy nhau như hình với bóng vậy,” cô ta nói. Vợ tôi bỏ bàn tay đang che phía trên chiếc ly, và tôi tận dụng cơ hội rót đầy rượu vang vào đó. “Luôn ở trong nhà chứa cỏ khô hay ngồi trên đồng gỗ, hay ngã đầu vào nhau ngoài cánh đồng sau nhà. Tôi đoán tất cả chuyện này có liên quan tới Shannon Cotterie.” Thêm một lần khịt mũi và một cái lắc đầu. Nhưng tôi nghĩ lúc đó trông vợ tôi cũng có vẻ dăm chiêu nữa. Cô ta nhâm nhi ly rượu vang thứ hai. Hai ngụm từ chiếc ly thứ hai, như thế vợ tôi vẫn có thể đặt ly xuống và quay về giường. Nếu là bốn ngụm, sẽ đồng nghĩa với việc tôi có thể đưa cho cô ta cả chai. Đó là chưa nhắc đến hai chai nữa tôi đã để sẵn cạnh.

“Không,” tôi nói. “Hai bố con anh không hề nói về Shannon.” Mặc dù tôi từng thỉnh thoảng trông thấy Henry nắm tay cô bé khi hai đứa sánh bước trên quãng đường dài hai dặm tới trường Hemingford Home. “Hai bố con anh đã trò chuyện về Omaha. Thằng bé muốn tới đó sống, anh đoán vậy.” Sẽ không ổn nếu cố đi quá xa, không ổn khi chỉ mới sau có một ly rượu vang duy nhất kèm thêm hai ngụm từ ly thứ hai. Arlette của tôi, cô ta về bản chất là một người đa nghi, luôn xăm xoi tìm kiếm một nguyên nhân sâu xa hơn. “Ít nhất cũng là thử qua xem có phù hợp hay không. Và Omaha cũng không quá xa Hemingford...”

“Không. Không thể như thế. Như tôi đã nói với cả hai bố con anh cả nghìn lần rồi.” Vợ tôi nhấp rượu vang, và thay vì đặt cái ly xuống như lúc trước, cô ta giữ lại nó trên tay. Ánh sáng màu cam trên đường chân trời phía tay đã sẫm lại thành một thứ màu lục pha đỏ tía như thể đang bùng cháy lên trong cái ly.

“Nếu là St. Louis thì lại khác.”

“Tôi đã từ bỏ ý tưởng đó,” vợ tôi nói. Tất nhiên, điều đó có nghĩa là cô ta đã nghĩ qua khả năng đó và thấy nó không ổn thỏa. Sau lưng tôi, hiển nhiên rồi. Tất cả đều diễn ra sau lưng tôi ngoại trừ chuyện tay luật sư của công ty. Và hẳn vợ tôi cũng đã làm chuyện đó sau lưng tôi nốt, nếu cô ta không muốn dùng nó làm cây gậy để gây áp lực với tôi.

“Em nghĩ họ sẽ mua cả lô đất không?” tôi hỏi. “Toàn bộ 180 mẫu?”

“Làm thế nào tôi biết được?” Thêm một ngụm nữa. Ly thứ hai đã cạn. Bây giờ, nếu tôi nói với vợ tôi rằng cô ta đã uống đủ và tìm cách lấy cái ly khỏi tay cô ta, chắc chắn vợ tôi sẽ từ chối giao lại nó.

“Em biết, anh không nghi ngờ gì về chuyện đó,” tôi nói. “Vì 180 mẫu đất đó cũng giống như chuyện về St. Louis. Em *đã dò hỏi* rồi.”

Cô ta liếc mắt nhìn tôi... rồi bật cười gần thật khó nghe. “Có thể là thế.”

“Anh chắc chúng ta có thể lùng tìm một ngôi nhà ở ngoại ô thành phố,” tôi nói. “Nơi ít nhất cũng có một hai cánh đồng trong tầm mắt để ngắm nhìn.”

“Và tại đó anh sẽ ngồi dán mông xuống một chiếc ghế xích đu treo trước cửa cả ngày, để mặc cho vợ anh làm việc kiếm sống chứ gì? Nào, hãy rót đầy vào. Nếu chúng ta đang uống mừng, vậy hãy uống mừng thôi.”

Tôi rót đầy cả hai ly. Về phần ly của tôi, chỉ phải rót thêm tí chút, vì tôi cũng mới uống có một ngụm.

“Anh nghĩ anh có thể tìm việc làm dành cho thợ cơ khí. Sửa chữa ô tô, xe tải, nhưng chủ yếu là máy nông nghiệp. Nếu anh có thể giữ cho chiếc Farmall cũ kỹ kia hoạt động” - tôi cầm ly chỉ về phía cái bóng tối đen của chiếc máy kéo đang đậu sau nhà kho - “thì anh đoán rằng anh có thể làm cho bất cứ thứ gì hoạt động được.”

“Và Henry đã thuyết phục anh tới chỗ suy nghĩ như thế.”

“Thằng bé thuyết phục anh rằng sẽ tốt hơn nhiều với anh nếu nắm lấy cơ hội được sống hạnh phúc trong thành phố thay vì ở lại đây một mình, một viễn cảnh chắc chắn rất ảm đạm.”

“Cậu con trai bày tỏ lý lẽ và ông bố lắng nghe! Sau bấy nhiêu lâu! Tạ ơn Chúa!” Vợ tôi uống cạn ly và đưa ly ra yêu cầu thêm. Cô ta nắm lấy cánh tay tôi và cúi lại gần tới mức tôi có thể ngửi thấy mùi nho chua lờm phả ra từ hơi thở của cô ta. “Tối nay anh có thể sẽ có được thứ mà anh thích đó, Wilf.” Cô ta

thè cái lưỡi đỏ sậm ra áp lên giữa môi trên. “Cái thứ *xấu xa* đó.”

“Anh đang rất nóng lòng mong đợi nó đây,” tôi nói. Nếu tôi có thể toàn quyền làm theo ý mình, một chuyện thậm chí còn xấu xa hơn sắp sửa xảy ra trên chiếc giường chúng tôi đã cùng chia sẻ mười lăm năm qua.

“Hãy gọi Henry xuống đây,” vợ tôi nói. Giọng cô ta đã bắt đầu lú lại. “Tôi muốn chúc mừng nó vì cuối cùng cũng đã nhìn ra lẽ phải.” (Tôi đã đề cập tới chuyện động từ “cảm ơn” không hề tồn tại trong vốn từ vựng của vợ tôi chưa nhỉ? Có thể là chưa. Có thể cho tới tận lúc này tôi vẫn chưa cần phải làm điều đó). Đôi mắt vợ tôi chợt sáng lên khi một ý nghĩ lóe lên trong đầu cô ta. “Chúng ta sẽ rót cho nó một ly rượu vang! Nó đã đủ lớn rồi!” Cô ta thúc khuỷu tay vào tôi như một trong những ông già các vị vẫn thấy ngồi trên các băng ghế kê hai bên bậc cấp tòa án, huyền thuyên kể cho nhau nghe những câu chuyện đùa tục tĩu. “Nếu chúng ta có thể làm mềm lưỡi nó ra một chút, có khi tôi và anh còn biết liệu nó đã làm gì với Shannon Cotterie... cái con ranh con đó, nhưng quả là con bé có mái tóc thật đẹp, điều này thì tôi thừa nhận.”

“Trước hết hãy uống một ly nữa đã,” Kẻ Ma Quái nói.

Vợ tôi uống thêm hai ly nữa, và thế là vừa vặn cạn chai. (Chai thứ nhất.) Tới lúc ấy, cô ta đang hát bài “Avalon” bằng giọng hát rong khá nhất của mình, và đảo mắt lúng liếng cũng với bộ dạng khá nhất của một ả hát rong mà cô ta có thể thể hiện ra được. Một trải nghiệm thật kinh khủng khi phải chứng kiến, và còn kinh khủng hơn khi phải lắng nghe.

Tôi vào bếp lấy thêm một chai rượu vang nữa, và thầm tính rằng đã đến thời điểm thích hợp để gọi Henry. Mặc dù, như tôi đã nói ở trên, tôi không đặt nhiều hy vọng lắm vào thằng bé. Tôi chỉ có thể thực hiện được ý định của mình nếu con trai tôi đồng ý làm tòng phạm, và trong trái tim mình tôi tin thằng bé sẽ do dự trước việc phải làm khi thời gian cho việc nói suông đã hết và khoảnh khắc dành cho hành động thực sự tới. Nếu đúng thế, chúng tôi sẽ chỉ đơn thuần đưa vợ tôi về giường. Và đến sáng, tôi sẽ nói với cô ta rằng tôi đã đổi ý về chuyện bán trang trại bố tôi để lại.

Henry tới, và không có dấu hiệu nào trên khuôn mặt trắng bệch, thiếu não của nó cho thấy chút hy vọng thành công nào. “Bố, con không nghĩ con có thể,” con trai tôi thì thầm. “Đó là mẹ.”

“Nếu con không thể, thì có nghĩa là con không thể,” tôi nói, và trong những lời nói này không hề có chút gì của Kẻ Ma Quái. Tôi dành cam chịu; chuyện gì xảy ra thì cũng đã xảy ra. “Dù sao đi nữa, lần đầu tiên sau nhiều tháng mẹ con cũng được vui vẻ. Say mềm, nhưng vui vẻ.”

“Không chỉ hơi chệnh choáng thôi sao? Bà ấy say mềm ư?”

“Đừng ngạc nhiên; được tự do thoải mái theo ý thích của mình là điều duy nhất từng làm bà ấy vui vẻ. Tất nhiên 14 năm sống cùng mẹ con hẳn đã phải đủ dài để dạy cho con biết điều đó.”

Cau mày, con trai tôi áp một tai vào cửa trong lúc người phụ nữ đã sinh ra nó thể hiện bằng giọng hát

chối tai nhưng đúng từng chữ bài “McGee Bần Thỉu”. Henry cau mày khi nghe thấy bài hát thô tục của tửu quán đó, có lẽ vì phần điệp khúc (“Nàng sẵn sàng giúp hấn nhét nó vào/Vì đó lại là McGee Bần Thỉu”), mà nhiều khả năng hơn thế là do cách vợ tôi lè nhè nhả từng từ ra. Henry đã tuyên thệ trong một kỳ cắm trại của Hội Huynh đệ trẻ Giáo lý diễn ra vào kỳ cuối tuần của Ngày Lễ Lao Động năm trước. Tôi khoan khoái chứng kiến cú sốc của thằng bé. Khi những đứa trẻ tuổi vị thành niên không quay cuồng như chong chóng gió giữa cơn gió lốc, chúng sẽ cứng nhắc chẳng kém gì các vị Thanh giáo.

“Mẹ con muốn con cùng tới với bố mẹ và uống một ly rượu vang.”

“Bố, bố biết con đã hứa với Chúa là con sẽ không bao giờ uống rượu.”

“Với mẹ con, con sẽ phải chấp nhận làm như thế. Bà ấy muốn uống mừng. Chúng ta sẽ bán mọi thứ và chuyển tới sống ở Omaha.”

“*Không!*”

“À... chúng ta sẽ biết thôi. Chuyện này thực sự phụ thuộc vào con đây, con trai. Đi ra ngoài cửa đi.”

Bà mẹ chênh choáng đứng dậy khi cô ta nhìn thấy con trai, đưa hai cánh tay quàng lấy quanh hông thằng bé, áp sát người cô ta tới mức hơi quá chặt vào người nó, và phủ kín khuôn mặt nó với những cái hôn thái quá. Những cái hôn có mùi chẳng mấy dễ chịu, khiến con trai tôi nhăn mặt. Kẻ Ma Quái, trong lúc ấy, lại rót đầy rượu vang vào ly của cô ta, vốn lúc ấy đã lại cạn sạch.

“Cuối cùng tất cả chúng ta lại ở cùng nhau! Những người đàn ông của tôi đã nhìn ra lẽ phải!” Vợ tôi giơ cao ly lên ra dấu chúc mừng, rồi dốc một phần kha khá rượu trong đó lên ngực mình. Cô ta cười phá lên rồi nháy mắt với tôi. “Nếu anh tử tế, Wilf, lát nữa anh có thể mút chúng ra khỏi vải được.”

Henry nhìn mẹ nó với vẻ bối rối ghê sợ trong lúc cô ta lão đảo lùì trở lại ghé xích đu, vén váy lên, rồi ngồi lên ghế, thả hai chân sang hai bên. Vợ tôi nhìn thấy vẻ mặt của con trai và bật cười.

“Không cần phải ra vẻ khó tính thế. Tao đã thấy mày với Shannon Cotterie. Con nhóc ranh con, nhưng đúng là nó có mái tóc rất đẹp và khuôn mặt nhỏ nhắn dễ nhìn.” Cô ta uống nốt chỗ rượu vang còn lại rồi ợ lên. “Nếu mày vẫn chưa chạm tay được vào nó, mày quả là một thằng ngốc. Chỉ có điều tốt hơn mày nên cẩn thận. Mười bốn tuổi cũng không phải là quá trẻ để kết hôn đâu. Ngoài kia, ở vùng Trung Tâm, mười bốn tuổi không còn là quá trẻ để kết hôn với *em họ* của mày.” Cô ta tiếp tục cười phá lên một hồi, rồi lại chia ly ra. Tôi rót đầy ly từ chai vang thứ hai.

“Bố, mẹ uống đủ rồi đấy.” Henry lên tiếng, đầy vẻ phê phán không kém gì một ông mục sư. Trên đầu chúng tôi, những ngôi sao đầu tiên đã bắt đầu nhấp nháy trong tầm mắt trên khoảng không gian bao la trống rỗng mà tôi đã yêu quý suốt cả cuộc đời mình.

[5]
“Ồ, bố không biết nữa,” tôi nói. “*In vino veritas*”, đó là những gì Pliny Già [6] từng nói... ở một trong những cuốn sách mà mẹ con luôn dè bủ.”

“Tay cuộc ruộng cả ngày, mũi chúi vào sách cả đêm,” Arlette nói. “Ngoại trừ khi ông ấy có được thứ gì khác từ *tao*.”

“*Mẹ!*”

“*Mẹ!*” vợ tôi nhại lại giễu cợt, rồi giơ ly của cô ta lên hướng về phía trang trại của Harlan Cotterie, cho dù nó nằm ở quá xa để chúng tôi có thể trông thấy ánh đèn tại đó. Chúng tôi thậm chí cùng không thể nhìn thấy ánh đèn nhà họ cho dù nó có nằm lại gần hơn một dặm nữa, vì bây giờ ngô đã mọc lên khá cao. Khi mùa hè về với Nebraska, mỗi ngôi nhà ở vùng quê trông giống như một con tàu đang rẽ sóng giữa một đại dương mênh mông màu xanh lục. “Xin nâng ly vì Shannon Cotterie và anh chàng nhóc con của cô ta, và nếu cậu con trai của tôi vẫn chẳng biết đầu ti của cô nàng màu gì, thì đó là vì nó là một thằng bé chậm rề rề.”

Con trai tôi không đáp lại, nhưng những gì tôi có thể nhìn thấy trên khuôn mặt tối sầm của nó khiến Kẻ Ma Quái hân hoan.

Vợ tôi quay sang Henry, tóm lấy cánh tay thằng bé, rồi đổ rượu vang lên cổ tay nó. Tảng lờ những tiếng cầu nhàu bất bình khe khẽ của con trai mình, nhìn thẳng vào mặt nó với vẻ kiên quyết đột ngột, cô ta nói. “Có điều hãy đảm bảo chắc chắn rằng khi mày nằm xuống cùng với nó ngoài đồng ngô đằng sau chuồng gia súc, mày sẽ không phải là đứa lè mề.” Cô ta gập các ngón tay của bàn tay còn rảnh lại, rồi chĩa ngón tay giữa ra, rồi dùng nó vẽ một vòng trên váy của mình: từ đùi trái qua đùi phải, lên bên phải bụng, qua rốn, sang bụng trái, rồi quay trở lại đùi trái. “Khám phá tất cả những gì mày thích, rồi dùng cái của mày cọ xát quanh chỗ đó cho đến khi nó thấy thật khoái và xì ra, nhưng hãy cố tránh xa chỗ đó nếu không mày sẽ phát hiện ra bị khóa chặt bên trong nó cả đời đấy, giống như bố mẹ mày vậy.”

Con trai tôi đứng bật dậy và bỏ đi, vẫn không nói lấy một lời, và tôi cũng không trách thằng bé. Thậm chí cả với Arlette, đó quả là một màn trình diễn thô bỉ đến cùng cực. Chắc hẳn, con trai tôi đã thấy cô ta biến đổi trước mặt nó từ một người mẹ - một người đàn bà khó chịu nhưng thỉnh thoảng vẫn có những lúc đáng mến - trở thành một ả gái nhà thổ già đời đang dạy cách vào đời cho một khách hàng trẻ tuổi còn thiếu kinh nghiệm. Từng ấy đã đủ tệ hại, song thằng bé thực sự rất có tình cảm với cô bé nhà Cotterie, và chuyện này làm cho tình thế còn tệ hại hơn nữa. Những chàng trai còn quá trẻ không thể không đặt mối tình đầu của họ lên những cái bệ cao vời vợi, và nếu có kẻ nào đó dám cả gan điểu qua và nhổ vào tuyệt phẩm hoàn mỹ đó... cho dù người đó có là mẹ đẻ của anh ta đi chăng nữa...

Tôi thoáng nghe thấy tiếng cửa phòng con trai tôi đóng sầm lại. Cùng tiếng nước nở, rất khẽ thôi nhưng cũng đủ để nghe rõ.

“Em đã làm tổn thương cảm xúc của nó,” tôi nói.

Vợ tôi bày tỏ quan điểm rằng các *cảm xúc*, cũng như *sự công bằng*, cũng là chỗ bầu vú cuối cùng của những kẻ yếu đuối. Sau đó cô ta lại chia ly của mình ra. Tôi rót đầy rượu vang vào ly, biết rõ đến sáng mai cô ta sẽ chẳng còn nhớ gì về những điều đã nói ra (luôn với giả thiết cô ta vẫn còn sống vào lúc đó để đón chào buổi sáng), và sẽ phủ nhận - một cách dữ dội - nếu tôi kể lại cho cô ta biết. Tôi đã từng thấy vợ tôi ở trạng thái say mềm như thế này, nhưng chưa từng chứng kiến lại suốt nhiều năm qua.

Chúng tôi kết thúc chai thứ hai (đúng ra là *vợ tôi* kết thúc nó) cùng nửa chai thứ ba trước khi cầm cô ta gục xuống bộ ngực loang lổ rượu vang, và cô ta bắt đầu ngáy. Phát ra sau khi đi qua phần cổ họng đang co thắt lại của vợ tôi, những tiếng ngáy đó nghe tựa như tiếng gầm gừ của một con chó xấu tính đang cáu bần.

Tôi đưa một cánh tay vòng qua sau hai vai cô ta, luồn bàn tay vào nách vợ tôi, và đỡ cô ta đứng dậy. Vợ tôi làm bầm phản đối, vung một bàn tay sặc sụa mùi khó ngửi lên yếu ớt tát vào tôi. “Để tôi yên. Tôi muốn ngủ.”

“Em sẽ được ngủ,” tôi nói. “Nhưng trên giường của em, chứ không phải ngoài cửa thế này.”

Tôi dìu vợ tôi - loạng choạng và tiếp tục ngáy, một mắt nhắm nghiền, mắt kia mở ra với cái nhìn đờ đẫn - qua phòng khách. Cánh cửa phòng Henry bật mở. Con trai tôi đứng trên ngưỡng cửa, khuôn mặt vô cảm, trông già hơn nhiều so với tuổi của nó. Thằng bé gật đầu với tôi. Chỉ một cử chỉ cúi xuống duy nhất của cái đầu, nhưng nó đã nói cho tôi biết tất cả những gì tôi cần biết.

Tôi đưa vợ về giường, cởi giày cho cô ta, và để mặc cô ta nằm đó ngáy với hai chân giang rộng và một tay vất ra ngoài đệm. Tôi quay trở ra phòng khách và bắt gặp Henry đang đứng bên chiếc radio mà Arlette đã ép tôi phải mua năm trước.

“Bà ấy không thể nói như thế về Shannon,” thằng bé lầm bầm.

“Nhưng mẹ con sẽ nói,” tôi lên tiếng. “Bà ấy là như thế, Chúa đã tạo ra bà ấy như thế.”

“Và bà ấy không thể bắt con phải rời xa Shannon.”

“Cả điều đó nữa, mẹ con cũng sẽ làm,” tôi nói. “Nếu chúng ta để bà ấy tiếp tục.”

“Chẳng lẽ bố không thể... Bố, chẳng lẽ bố không thể thuê luật sư cho mình sao?”

“Theo con liệu bất cứ luật sư nào bố có thể thuê được với số tiền còm cõi bố có trong ngân hàng lại có thể chống lại được những luật sư Farrington sẽ tung ra để chống lại chúng ta không? Bọn họ có sức nặng ghê gớm tại hạt Hemingford; còn bố chẳng có gì để vung lên ngoài chiếc liềm mỗi khi cắt cỏ. Bọn họ muốn có 100 mẫu đất đó, và bà ấy muốn bọn họ có được chúng. Đây là cách duy nhất, nhưng con cần giúp bố. Con có giúp bố không?”

Suốt một hồi lâu con trai tôi không nói gì. Nó cúi gằm đầu xuống, và tôi có thể thấy nước mắt chảy nhỏ giọt từ mắt nó xuống tấm thảm trải sàn. Sau đó, thằng bé khẽ nói, “Có. Nhưng nếu con phải tận mắt chứng kiến nó... con không dám chắc con có thể...”

“Có một cách cho phép con vẫn giúp được bố mà không phải chứng kiến gì. Hãy đi ra nhà kho và lấy một cái bao tải.”

Thằng bé làm đúng như tôi yêu cầu. Tôi đi vào bếp và chọn lấy con dao chặt thịt sắc nhất của vợ tôi. Khi con trai tôi quay về với cái bao tải và nhìn thấy con dao, mặt nó tái nhợt đi. “Liệu nhất thiết có cần đến *nó* không? Chẳng lẽ bố không thể... với một cái gỏi...”

“Như thế sẽ quá lâu và đau đớn,” tôi nói. “Bà ấy sẽ chống cự.” Con trai tôi chấp nhận lời giải thích, như thể trước vợ mình tôi đã từng giết cả tá phụ nữ và biết rõ những gì cần phải làm. Nhưng tôi chẳng biết gì hết. Tất cả những gì tôi biết là trong tất cả những kế hoạch nửa vời của mình - hay nói cách khác là những giấc mơ ban ngày nhằm giữ bỏ cô ta - tôi luôn nhìn thấy con dao lúc này tôi đang cầm trong tay. Vậy nên sẽ là con dao đó. Hoặc con dao đó, hoặc không gì hết.

Hai bố con tôi đứng đó trước ánh sáng của những ngọn đèn dầu - ở khu Hemingford Home vẫn chưa có điện lưới, ngoại trừ dùng máy phát, cho tới tận năm 1928 - nhìn nhau, khối im lặng lớn lao của đêm tối tồn tại ngoài kia, giữa vạn vật, chỉ bị phá vỡ bởi tiếng ngáy của vợ tôi. Thế nhưng vẫn còn một sự hiện diện thứ ba nữa trong căn phòng đó: ý chí không thể tránh khỏi của cô ta, thứ tồn tại biệt lập bên ngoài bản thân con người người đàn bà này (tôi nghĩ vào lúc ấy tôi đã cảm nhận được nó; và sau tám năm vừa trải qua, tôi hoàn toàn tin chắc). Đây là một câu chuyện ma, nhưng bóng ma đã ở sẵn đó thậm chí trước khi người đàn bà nó thuộc về chết đi.

“Được thôi, bố. Chúng ta sẽ... chúng ta sẽ gửi bà ấy lên Thiên Đường.” Khuôn mặt Henry bừng sáng trước ý nghĩ này. Vào lúc này, với tôi dường như nó thật gớm ghiếc, nhất là khi tôi nghĩ tới cách mà thằng bé đã kết thúc cuộc đời nó.

“Sẽ nhanh thôi,” tôi nói. Từ khi còn là một cậu nhóc, tôi đã chọc tiết một trăm tám mươi con lợn thịt, và tôi nghĩ sẽ đúng là như thế. Nhưng tôi đã nhầm.

Cho phép tôi thuật lại thật nhanh. Vào những đêm tôi không thể nào ngủ được - và có rất nhiều đêm như thế - cảnh tượng đó lại hiện lên trở đi trở lại, từng nhát đâm, từng tiếng ho sặc, từng giọt máu, một cách chậm rãi đến tột độ, vậy nên hãy cho phép tôi kể lại thật nhanh.

Hai bố con tôi đi vào phòng ngủ, tôi đi trước, cầm trong tay con dao chặt thịt, con trai tôi theo sau với cái bao tải. Chúng tôi bước đi rón rén, nhưng thực ra chúng tôi hoàn toàn có thể vừa đi vừa đánh trống thổi kèn mà cũng không khiến vợ tôi tỉnh giấc. Tôi ra hiệu cho Henry tới đứng bên phải tôi, gần đầu cô ta. Lúc này, chúng tôi có thể nghe thấy tiếng chiếc đồng hồ báo thức hiệu Big Ben đang tích tắc đều đặn trên chiếc bàn đêm hòa vào tiếng ngáy của vợ tôi, và một ý nghĩ thật kỳ cục chợt xuất hiện trong đầu tôi: hai bố con tôi giống như các bác sĩ đang châu chực bên giường bệnh của một bệnh nhân quan trọng sắp qua đời. Nhưng tôi nghĩ về mặt nguyên tắc, các bác sĩ túc trực bên giường bệnh của người

sắp chết không có cảm giác tội lỗi và sợ hãi như thế.

Làm ơn hãy không để có quá nhiều máu, tôi thầm nghĩ. Làm ơn hãy để cái bao hứng được chúng. Thậm chí tốt hơn nữa, làm ơn hãy để thằng bé bỏ cuộc ngay bây giờ, vào phút cuối cùng.

Nhưng con trai tôi không làm thế. Có thể thằng bé nghĩ tôi sẽ ghét nó nếu nó làm điều đó; có thể nó đã phớt lờ mẹ nó cho Thiên Đường; mà cũng có thể con trai tôi lúc đó đang nhớ tới ngón tay giữa thô bỉ đó cùng vòng tròn nó vẽ ra trên váy của vợ tôi. Tôi không biết nữa. Tôi chỉ biết thằng bé đã thì thầm, “Tạm biệt mẹ,” rồi chụp cái bao tải xuống đầu mẹ nó.

Cô ta khịt mũi và cổ vùng ra. Tôi đã định luồn tay xuống dưới cái bao tải để hoàn tất phần việc của mình, song con trai tôi cần ghì cái bao thật chặt xuống để giữ vợ tôi lại, và tôi không thể làm gì được. Tôi thấy mũi cô ta nhô lên thành một hình trông giống như vây lưng cá mập phía dưới bao tải. Tôi cũng thấy vẻ hốt hoảng bắt đầu xuất hiện trên mặt con trai tôi, và biết thằng bé sẽ không thể giữ được bao lâu nữa.

Tôi tỳ một đầu gối xuống giường và ấn một bàn tay lên vai vợ tôi. Sau đó tôi rạch qua bao tải cắt xuống cái họng nằm bên dưới. Vợ tôi kêu thét lên và bắt đầu vùng vẫy dữ dội. Máu trào ra qua vết rạch trên cái bao tải. Hai bàn tay cô ta giơ lên quờ quạng trong không khí. Henry bật lùi ra xa giường trong tiếng kêu thất thanh. Tôi cố giữ lấy vợ tôi. Cô ta dùng hai bàn tay giằng lấy cái bao tải đang ngập dần trong máu, và tôi vùng dao chém vào chúng, chặt đứt ba ngón tay của cô ta tới tận xương. Cô ta lại thét lên - một tiếng kêu lạnh lạnh chói tai sắc nhọn như một mảnh băng - và bàn tay vùng đi nắm chặt lấy tấm ga trải giường. Tôi đâm thêm một đường đâm máu nữa qua cái bao tải, rồi thêm một nhát nữa, rồi một nhát nữa. Năm nhát cả thấy trước khi vợ tôi hất tôi ra bằng bàn tay còn nguyên vẹn của cô ta, sau đó giật cái bao tải ra khỏi mặt mình. Cô ta không thể lột được hảnh nó ra khỏi đầu - cái bao bị mắc kẹt trong mớ tóc của cô ta - vậy là vợ tôi mang nó trên đầu như một mớ bùng bùng.

Tôi đã cắt đứt họng cô ta bằng hai nhát dao đầu tiên, nhát thứ nhất đủ sâu để làm lòi ra cả sụn khí quản của cô ta ra. Hai nhát đâm cuối cùng của tôi đã chọc lên má và miệng vợ tôi, nhát cuối sâu đến nỗi miệng cô ta bị rạch ra thành bộ dạng giống như một gã hề đang nhếch mồm cười. Nhát dao chạy dài tới tận tai cô ta, làm phôi hết những chiếc răng ra. Vợ tôi bật ra một âm thanh giống như một tiếng rống tắc nghẹn, sặc sụa, tựa như âm thanh một con sư tử phát ra trong lúc giằng xé thức ăn. Máu từ cổ họng cô ta trào ra, phun tới tận mé ga trải ở phía cuối chân giường. Tôi vẫn còn nhớ lúc đó đã nghĩ trông nó giống như màu của rượu vang khi cô ta giơ ly lên trong những tia sáng cuối cùng của buổi chiều tà.

Vợ tôi cố vùng dậy khỏi giường. Thoạt tiên tôi ngó người ra đỡ đỡ, sau đó bực bội nổi giận. Cô ta luôn là một mối phiền toái rắc rối cho tôi trong suốt cuộc hôn nhân của chúng tôi, và thậm chí ngay cả tới lúc này vẫn là nỗi phiền toái, vào khoảnh khắc của cuộc ly hôn đẫm máu này. Nhưng tôi còn có thể trông đợi được gì khác đây?

“Ôi bố, hãy làm cho bà ấy dừng lại đi!” Henry thét lên. “Hãy làm bà ấy dừng lại, ôi bố, vì lòng kính Chúa, hãy làm bà ấy dừng lại!”

Tôi đè ập lên người cô ta như một người tình nồng nhiệt và vật cô ta nằm trở lại xuống cái gối ướt sũng máu của chính cô ta. Lại có thêm những tiếng gầm gừ dữ dội nữa vang lên từ sâu trong cổ họng bị cắt đứt của vợ tôi. Đôi mắt cô ta đảo tròn trong hốc mắt, nước mắt ứa ra. Tôi dùng một tay túm lấy tóc cô ta, ấn đầu cô ta ngửa ra sau, và lại cắt cổ vợ tôi lần nữa. Sau đó, tôi lột tấm ga trải ở phía mình ra khỏi đệm, rồi hất nó lên trùm lên đầu cô ta, hứng lấy toàn bộ máu phun ra từ tĩnh mạch cảnh, trừ tia đầu tiên. Mặt tôi đã hứng trọn tia máu đó, và lúc này những giọt máu nóng hổi đang nhỏ xuống từ cằm, mũi và hai bên lông mày của tôi.

Đằng sau tôi, những tiếng la hét của Henry đã ngừng lại. Tôi ngoảnh ra sau nhìn và nhận ra rốt cuộc Chúa cũng đã rủ lòng thương thằng bé (tôi đoán Người đã không ngoảnh mặt đi khi Người chứng kiến điều chúng tôi đang làm): nó đã ngất xỉu. Những phản xạ vùng vẫy của vợ tôi bắt đầu yếu dần. Cuối cùng, cô ta nằm im... nhưng tôi vẫn đè lên người cô ta, ấn tấm ga trải giường, lúc này ướt sũng máu của vợ tôi, xuống thật chặt. Tôi nhắc mình rằng vợ tôi chưa bao giờ chịu làm cho chuyện gì trở nên dễ dàng. Và tôi đã đúng. Sau ba mươi giây (chiếc đồng hồ nhỏ xíu đặt hàng qua bưu điện đã đếm rõ từng giây một), cô ta lại vùng lên lần nữa, lần này cong lưng lên mạnh đến nỗi thiếu chút nữa hất tôi văng ra. *Cười chúng đi, chàng cao bồi*, tôi nghĩ. Mà cũng có thể tôi đã nói to lên thành tiếng. Về chuyện này thì tôi không còn nhớ nữa, xin Chúa hãy giúp con. Mọi thứ khác, nhưng trừ chuyện đó ra.

Cô ta lắng xuống. Tôi đếm thêm ba mươi tiếng tích khe khẽ nữa, rồi thêm ba mươi tiếng nữa, để ước lượng chính xác thời gian. Dưới sàn nhà, Henry bắt đầu cựa quậy và rên rỉ. Thằng bé loay hoay định ngồi dậy, nhưng rồi lại đổi ý. Con trai tôi bò ra góc phòng xa nhất, cuộn tròn người lại như một quả bóng.

“Henry?” tôi gọi.

Không có âm thanh nào vang lên từ bóng người co ro trong góc phòng.

“Henry, bà ấy chết rồi. Bà ấy đã chết và bố cần con giúp.”

Vẫn không có gì.

“Henry, giờ đã quá muộn để quay lại rồi. Việc cần làm đã được làm xong. Nếu con không muốn vào tù - và phải thấy bố con lên ghế điện - thì hãy đứng lên và lại đây giúp bố.”

Thằng bé loạng choạng lê bước tới gần chiếc giường. Tóc nó xõa xuống tới tận đôi mắt; hai con mắt lấp lánh phía sau những lọn tóc dầy mỡ hôi bết lại, trông giống như mắt của một con thú hoang nấp sau những bụi cây. Con trai tôi không ngớt liếm môi.

“Đừng giẫm lên máu. Ở đây chúng ta đã có quá nhiều thứ phải lau dọn hơn so với bố muốn, nhưng chúng ta có thể lo được. Nếu chúng ta không làm máu giầy ra khắp nhà, ý bố là vậy.”

“Con có phải nhìn bà ấy không? Bố, con có phải nhìn không?”

“Không. Không ai trong chúng ta phải nhìn cả.”

Hai bố con tôi lật vợ tôi lại, biến tấm ga trải giường thành vải liệm cho cô ta. Sau khi đã làm xong việc này, tôi nhận ra hai bố con tôi không thể đưa cô ta ra khỏi nhà theo cách đó được; trong những kế hoạch nửa vời và những giấc mơ ban ngày của mình, tôi chưa từng thấy gì hơn ngoài một vệt máu nhỏ xíu giây bần trên ga trải giường ở dưới nơi cổ họng vợ tôi bị cắt (nơi cổ họng vợ tôi bị cắt *thật ngọt*). Tôi đã không hề lường trước hay thậm chí cân nhắc tới thực tế: cả tấm ga trải giường trắng muốt đã chuyển thành màu đỏ sẫm bầm đen trong căn phòng tranh tối tranh sáng, không ngừng nhỏ ra từng giọt máu như một miếng bọt biển ướt sũng sẽ nhỏ nước ra vậy.

Trong tủ quần áo có một chiếc mền bông. Tôi không thể dừng được một thoáng tự hỏi về những gì mẹ tôi sẽ nghĩ nếu bà chứng kiến tôi sử dụng món quà cưới được khâu rất đẹp đó vào một việc như thế này. Tôi trải nó xuống sàn. Hai bố con tôi ném Arlette lên nó. Sau đó, chúng tôi cuộn tròn cô ta lại.

“Nhanh lên,” tôi nói. “Trước khi cả thứ này cũng rỉ máu ra. Không... đợi đã... đi tìm một cái đèn.”

Con trai tôi chạy đi lâu đến mức tôi bắt đầu sợ không khéo thằng bé đã bỏ trốn. Thế rồi tôi nhìn thấy ánh sáng chập chờn hiện lên trên lối đi ngắn chạy ngang qua phòng ngủ của nó sang căn phòng nơi Arlette và tôi ngủ chung. *Từng* ngủ chung. Tôi có thể thấy nước mắt chảy rờn rờn trên khuôn mặt tái nhợt như nặn bằng sáp của thằng bé.

“Đặt nó lên bàn.”

Con trai tôi đặt cái đèn lên trên cuốn sách tôi từng đọc dở dang: *Đường phố chính* của Sinclair Lewis. Tôi chưa bao giờ đọc xong cuốn sách đó; tôi không bao giờ có đủ sức chịu đựng để đọc xong nó. Dưới ánh sáng của cây đèn, tôi chỉ ra những vệt máu trên sàn nhà, và vũng máu ở ngay bên cạnh giường.

“Vẫn còn nhiều nữa đang chảy ra khỏi mền,” con trai tôi nói. “Giá mà con biết bà ấy có bao nhiêu máu trong người...”

Tôi lật lấy chiếc vỏ gối của mình, và lòng nó ra ngoài phần cuối tấm mền như xỏ tất vào một căng đang chân chảy máu vậy. “Hãy cầm lấy chân bà ấy,” tôi nói. “Chúng ta cần làm việc này ngay bây giờ. Và đừng có ngất xỉu lần nữa đấy, Henry, vì bố không thể một mình làm tất cả đâu.”

“Con ước gì đây là một giấc mơ,” con trai tôi nói, nhưng thằng bé cũng cúi người xuống và luồn cánh tay ôm vòng quanh phần cuối tấm mền. “Giờ thì khấn trương lên. Trước khi cái vỏ gối hoặc phần còn lại của tấm mền bắt đầu rỉ máu ra.”

Hai bố con tôi khiêng vợ tôi xuống nhà dưới, đi qua phòng khách, rồi mang qua cửa trước như hai người đang khiêng một món đồ bọc trong vải bạt. Khi chúng tôi đã bắt đầu bước xuống bậc thềm, tôi hít thở dễ dàng hơn một chút; vết máu ngoài sân có thể dễ dàng che dấu đi được.

Henry vẫn ôn cả cho tới khi hai chúng tôi đi tới góc nhà kho chứa ngô và cái giếng cũ hiện lên trước mắt. Xung quanh giếng có những cọc rào gỗ để không ai vô tình lỡ chân bước lên cái nắp gỗ đầy giếng. Những chiếc cọc trông thật u ám và khủng khiếp dưới ánh sao, và khi nhìn thấy chúng, Henry bật kêu thất thanh.

“Đó không phải là một nấm mộ cho một người mẹ... mà...” Thằng bé cố gắng nói được đến đó, rồi ngất xỉu đổ vật xuống bụi cây dại mọc um tùm sau nhà kho. Đột nhiên, tôi phải một mình đỡ lấy tất cả sức nặng của người vợ vừa bị sát hại của mình. Tôi nghĩ tới chuyện đặt gánh nặng góm ghiếc này xuống - lớp vải quần bên ngoài đều đã bị xô lệch, và bàn tay bị chém thò ra ngoài - một lúc, đủ lâu để lay cho thằng bé hồi tỉnh lại. Rồi tôi quyết định sẽ nhân đạo hơn nếu tôi để cho nó được nằm yên đó. Tôi kéo vợ mình tới bên thành giếng, đặt cô ta xuống, và nhấc cái nắp gỗ lên. Trong lúc tôi đặt cái nắp tựa vào hai cọc rào, mùi của cái giếng bốc lên phả thẳng vào mặt tôi: mùi hôi nồng nặc của nước tù đọng và thực vật mục ruỗng. Tôi cố vật lộn với cảm giác buồn nôn và thua cuộc. Nắm lấy hai cọc rào để giữ thăng bằng, tôi cúi gập người xuống để nôn thốc nôn tháo ra toàn bộ bữa tối cũng như chút ít rượu vang tôi đã uống. Có tiếng lồm bồm âm vang vọng lên khi chúng rơi xuống mặt nước đen ngòm phía dưới. Tiếng lồm bồm đó, cũng như câu thầm nghĩ *Cười chúng đi, chàng cao bồi*, đã luôn hằn sâu trong hồi ức của tôi để sẵn sàng sống lại bất cứ lúc nào trong suốt tám năm vừa qua. Tôi sẽ bật dậy giữa đêm khuya với tiếng vọng đó âm vang trong đầu, và cảm thấy những dằm gỗ trên các cọc rào đâm vào lòng bàn tay tôi khi tôi nắm chặt lấy chúng, như thể bám chặt lấy cuộc sống quý giá.

Tôi lùi ra xa cái giếng, và vấp phải cái bọc đang gói lấy Arlette. Tôi ngã nhào. Bàn tay bị chém của cô ta chỉ nằm cách đôi mắt tôi có vài inch ^[7]. Tôi nhét nó trở lại vào trong tấm mền, rồi sau đó vỗ lên, như thể muốn an ủi cô ta. Henry vẫn nằm giữa bụi cây, đầu gối lên một cánh tay. Trông thằng bé giống như một đứa trẻ đang ngủ sau một ngày vất vả vào vụ gặt. Trên trời, các vì sao cùng tỏa ánh sáng xuống, hàng nghìn, thậm chí là hàng chục nghìn. Tôi có thể nhìn thấy các chòm sao - Thợ Săn, Thiên Hậu và Bắc Đẩu - mà bố tôi từng dạy cho tôi. Ở phía đằng xa, con chó Rex của gia đình Cotterie bỗng sủa lên một chặp rồi im bật. Tôi vẫn nhớ lúc đó đã nghĩ, *Đêm nay sẽ không bao giờ kết thúc*. Và đúng là như thế. Theo mọi cách nhìn nhận quan trọng, nó chưa bao giờ kết thúc.

Tôi vác gánh nặng lên hai cánh tay, và chiếc bọc cựa quậy.

Tôi lạnh toát người, hơi thở nín lại bất chấp tim đang đập như đánh trống. *Chắc chắn mình không cảm thấy nó*, tôi thầm nghĩ. Tôi đợi nó xuất hiện lần nữa. Hoặc có thể là đợi bàn tay cô ta thò ra khỏi cái mền lần nữa, tìm cách tóm lấy cổ tay tôi bằng những ngón tay bị chém gần gãy lìa.

Chẳng có gì cả. Tôi đã tưởng tượng ra mọi chuyện. Chắc chắn là thế rồi. Và vậy là tôi ném vợ tôi xuống giếng. Tôi thấy tấm mền xô tung ra ở phía đầu không được cái vỏ gối giữ lại, sau đó là âm thanh của cú rơi. Một tiếng bồm lớn hơn nhiều so với âm thanh tôi gây ra khi nôn mửa, nhưng bên cạnh đó cũng có cả một tiếng *thịch* nặng nề. Tôi biết lớp nước dưới đó không sâu lắm, nhưng đã hy vọng để che kín vợ tôi. Tiếng *thịch* đó cho tôi biết nước không đủ sâu.

Một tràng cười lạnh lạnh bắt đầu vang lên sau lưng tôi, một âm thanh gần với sự điên rồ tới mức khiến

khấp lung tôi nổi da gà tới tận sát cổ. Henry đã tỉnh lại và đứng lên. Không, còn hơn thế nữa. Thằng bé đang nhảy cẫng lên phía sau nhà kho, giơ hai cánh tay vung vẩy hướng lên bầu trời chi chít đầy sao, và bật cười.

“Mẹ ở dưới giếng và tôi mặc kệ!” thằng bé hát lên thành tiếng. “Mẹ ở dưới giếng và tôi mặc kệ, vì chủ nhân của tôi đã bỏ đi...i..i!”

Bằng ba sải bước, tôi đến bên nó và tát thằng bé mạnh hết sức có thể, để lại những vết ngón tay đỏ bầm trên gò má đầy lông tơ vẫn chưa từng biết mùi dao cạo. “Im miệng lại! Tiếng của con sẽ vang rất xa! Đồ... Thấy chưa, cậu bé ngốc nghếch, con đã đánh thức con chó chết tiệt đó lần nữa rồi.”

Rex sữa một tràng, rồi hai, rồi ba lần. Rồi im bật. Chúng tôi cùng đứng đó, tôi đang bầu chặt lấy hai vai Henry, đầu ngẩng lên lắng nghe. Mồ hôi ròng ròng chảy xuống sau gáy tôi. Rex sữa thêm lần nữa, rồi im hẳn. Nếu có ai đó trong gia đình Cotterie thức giấc, hẳn họ sẽ nghĩ rằng con chó vừa sữa theo một con gấu trúc Mỹ. Hoặc ít nhất đó là những gì tôi hy vọng.

“Đi vào nhà thôi,” tôi nói. “Điều tồi tệ nhất đã qua rồi.”

“Thật thế sao, bố?” thằng bé nghiêm nghị nhìn tôi. “Thật thế sao?”

“Phải. Con không sao chứ? Con sẽ không bị ngất nữa chứ?”

“Con ư?”

“Phải.”

“Con ổn cả. Con chỉ... con không biết tại sao con lại cười phá lên như thế. Con rất bối rối. Bởi vì con cảm thấy nhẹ nhõm, con đoán là vậy. Tất cả đã kết thúc!” Thằng bé bật cười khùng khục, rồi đưa hai bàn tay lên che miệng giống như một cậu nhóc vừa vô ý nói ra một từ không hay trước mặt bà nó.

“Phải,” tôi nói. “Tất cả đã xong rồi. Chúng ta sẽ ở lại đây. Mẹ con đã bỏ chạy tới St. Louis... mà cũng có thể là Chicago... nhưng chúng ta sẽ ở lại đây.”

“Bà ấy...?” Đôi mắt thằng bé liếc nhìn về phía cái giếng, và cái nắp giếng đang tựa vào ba trong số các cọc rào, hiện lên với vẻ gì đó thật dữ tợn dưới ánh sao.

“Phải, Hank, mẹ con đi rồi.” Mẹ thằng bé rất ghét mỗi khi nghe tôi gọi con trai là Hank, cô ta luôn nói gọi như thế thật què mùa, nhưng giờ thì cô ta chẳng thể can thiệp gì vào chuyện này được nữa. “Lên cao trên kia và lạnh lùng bỏ chúng ta lại. Và tất nhiên chúng ta rất buồn, nhưng cùng lúc đó, những công việc đồng áng sẽ không thể đợi được. Và trường học cũng không.”

“Và con vẫn có thể...làm bạn với Shannon.”

“Tất nhiên rồi,” tôi nói, và trong tâm trí mình tôi lại thấy ngón tay giữa của Arlette vẽ nên cái vòng dâm dật đó trên váy của cô ta. “Tất nhiên con có thể. Nhưng nếu có lúc nào đó con cảm thấy bị thúc bách phải *thú nhận* với Shannon...”

Vẻ kinh hoàng hiện lên trên khuôn mặt thẳng bé. “Không bao giờ!”

“Đó là những gì con nghĩ lúc này, và bố rất vui về điều đó. Nhưng nếu đến lúc nào đó sự thúc bách tới với con, hãy nhớ kỹ điều này: mẹ con đã bỏ chúng ta đi.”

“Chắc chắn là thế rồi,” con trai tôi lẩm bẩm.

“Giờ hãy vào trong nhà và lấy cả hai cái xô dùng để lau nhà ra. Tốt nhất hãy lấy thêm hai cái xô đựng sữa ở nhà kho nữa. Dùng bơm ở nhà bếp bơm đầy nước vào các xô và đổ vào trong đó thứ mà bà ấy cất dưới chậu rửa.”

“Con có cần đun nóng nước lên không?”

Tôi chợt nghe thấy tiếng mẹ tôi vang lên, *Nước lạnh cho máu, Wilf. Hãy nhớ điều đó.*

“Không cần,” tôi nói. “Bố sẽ vào nhà ngay sau khi đập nắp giếng trở lại chỗ cũ.”

Con trai tôi bắt đầu quay đi, nhưng rồi lại nắm lấy tay tôi. Hai bàn tay nó lạnh đến phát sợ. “Không bao giờ có ai được biết!” Thằng bé thì thầm với tôi bằng giọng khản đặc. “Không bao giờ có ai được biết việc chúng ta đã làm!”

“Sẽ không bao giờ có ai biết cả,” tôi nói, với giọng can đảm hơn nhiều so với những gì tôi thực sự cảm thấy. Mọi thứ đã bắt đầu trở nên bất ổn, và tôi cũng đã bắt đầu nhận ra một tội ác chẳng bao giờ giống như giấc mơ về một tội ác.

“Bà ấy sẽ không quay lại nữa chứ, phải không bố?”

“Gì cơ?”

“Bà ấy sẽ không *ám ảnh* ^[8] chúng ta, đúng không bố?” Chỉ có điều nó lại nói thành *haint*, kiểu phát âm nông thôn luôn khiến Arlette lắc đầu đảo mắt thất vọng. Chỉ tới lúc này, tám năm sau, tôi mới nhận ra *haint* đọc lên nghe giống *hate* ^[9] đến thế nào.

“Không,” tôi trả lời.

Nhưng tôi đã lằm.

Tôi nhìn xuống giếng, mặc dù cái giếng chỉ sâu có sáu mét, nhưng tối hôm đó trời không có trăng và tất cả những gì tôi nhìn thấy chỉ là đường nét mờ mờ của cái mền. Hoặc có thể đó là cái vỏ gối. Tôi ngả nắp giếng về chỗ cũ, chỉnh lại nó cho ngay ngắn, rồi đi trở vào trong nhà. Tôi cố đi theo đúng con đường hai bố con tôi đã mang cái bọc ghê rợn đó ra khỏi nhà, cố tình đi chân thật mạnh để hy vọng xóa sạch mọi vết máu. Đến sáng, tôi sẽ thu dọn cẩn thận hơn.

Tối hôm đó, tôi khám phá ra một điều mà phần lớn những người khác không bao giờ phải trải nghiệm qua: giết người là tội ác, giết người là sự nguyên rủa (tất nhiên là với tâm trí và tinh thần của con người ta, thậm chí dù những kẻ vô thần đúng và chẳng có thể giới bên kia nào hết), nhưng giết người cũng là vô số việc phải làm. Chúng tôi lau chùi cọ rửa trong phòng ngủ cho tới khi lưng đau ê ẩm, rồi chuyển sang lối đi bên ngoài, xuống phòng khách, và cuối cùng là ngoài cửa. Cứ mỗi lần chúng tôi nghĩ đã xong việc, một trong hai người lại phát hiện ra một vết máu nữa. Khi bình minh bắt đầu hé rạng ở phía đông, Henry đang quỳ gối xuống lau những kẽ hở giữa các tấm ván lát sàn phòng ngủ, và tôi cũng ở tư thế tương tự dưới phòng khách, kiểm tra lại tấm thảm trải sàn của Arlette từng ly từng tý một, tìm kiếm xem còn vết máu nào có thể làm chúng tôi bại lộ hay không. Ở trên tấm thảm không có vết máu nào - về chuyện này chúng tôi đã gặp may - nhưng ngay cạnh thảm có một vết máu bằng cỡ đồng xu. Tôi lau sạch nó, rồi quay lại phòng ngủ của tôi để xem Henry xoay xở ra sao. Con trai tôi lúc này dường như đã có vẻ khá hơn, và cả tôi cũng cảm thấy nhẹ nhõm hơn. Tôi nghĩ cảm giác đó có được nhờ ánh sáng ban ngày, vốn có vẻ luôn xua đi những cơn kinh hoàng khủng khiếp nhất của chúng ta. Nhưng khi George, con gà trống của chúng tôi, cất tiếng gáy đầu tiên của ngày hôm đó, Henry nhảy cẫng lên. Sau đó nó bật cười. Đó là một tiếng cười khế, và vẫn có gì đó không ổn trong tiếng cười đó, nhưng dù sao nó vẫn không khiến tôi rớt gai ốc như lúc thằng bé bật cười sau khi tỉnh lại sau nhà kho gần chỗ cái giếng.

“Bố, hôm nay con không thể đến trường được. Con mệt quá. Và... con nghĩ rất có thể người ta sẽ nhìn thấy gì đó trên mặt con. Nhất là Shannon.”

Thậm chí tôi đã chẳng hề nghĩ tới chuyện thằng bé phải đến trường học, thêm một dấu hiệu nữa của việc lên kế hoạch nửa vờ. Nửa vờ một cách chết tiệt. Đáng ra tôi phải hoãn thời điểm ra tay lại cho tới khi trường học của hạt nghỉ hè. Như thế cũng chỉ đồng nghĩa với hoãn lại có một tuần mà thôi. “Con có thể ở nhà tới thứ Hai, sau đó nói với thầy giáo con bị cúm và không muốn lây sang các bạn còn lại trong lớp.”

“Đó không phải là bệnh cúm, nhưng đúng là con *rất* mệt.”

Cả tôi cũng thế.

Chúng tôi trải một tấm ga sạch lấy ra từ tủ đựng chăn ga của vợ tôi (có quá nhiều thứ trong ngôi nhà này từng là *của cô ta*... nhưng không còn là thế nữa) và vớt toàn bộ chỗ chăn đệm thấm máu lên đó. Cái đệm, tất nhiên, cũng thấm đầy máu, và cũng phải biến mất. Còn một tấm đệm khác, không được tốt lắm, trong kho chứa đồ sau nhà. Tôi cuộn toàn bộ chăn ga lại, còn Henry mang cái đệm. Hai chúng tôi lại quay lại chỗ cái giếng ngay trước khi mặt trời ló rạng phía chân trời. Bầu trời phía trên hoàn toàn quang đãng. Sẽ là một ngày tốt cho ngô.

“Con không thể nhìn xuống dưới đó, bố ơi.”

“Con không cần phải nhìn,” tôi nói, và một lần nữa lại nhắc cái nắp giếng lên. Tôi đang nghĩ đáng ra ngay từ đầu tôi phải để nguyên cái nắp dựng lên - *ngĩ trước, đỡ công*, bố tôi vẫn thường hay nói vậy - và biết rằng tôi chẳng bao giờ có thể thực hiện được như thế. Sau khi đã cảm nhận (hay nghĩ rằng tôi cảm thấy) thấy cú co giật cuối cùng đó.

Giờ tôi có thể nhìn thấy tận đáy giếng, và những gì tôi nhìn thấy thật khủng khiếp. Vợ tôi đã rơi xuống ở tư thế ngồi, với hai chân gập lại dưới thân mình. Tấm vỏ gối đã rách tung ra và nằm trên lòng cô ta. Tấm mền và ga trải giường đều bị xô tung và trải ra quanh hai vai cô ta như tấm khăn choàng của một quý bà cầu kỳ. Cái bao tải, bị mắc kẹt quanh đầu vợ tôi và giữ mái tóc cô ta ngả ra sau như một cái lưới buộc tóc, hoàn tất nốt bức tranh: trông vợ tôi gần như thể cô ta đang thẳng bộ vào cho một buổi tối vào thành phố đi chơi.

Phải! Một buổi tối trong thành phố! Đó là lý do tại sao tôi hạnh phúc đến thế! Đó là lý do tại sao tôi cười hết cỡ tới tận hai bên tai như thế! Và anh có nhận ra thứ son tôi dùng đổ đến thế nào không, Wilf? Tôi chưa bao giờ mang màu son này tới nhà thờ, đúng không nào? Không, đây là thứ son môi một người phụ nữ dùng khi cô ta muốn làm chuyện xấu xa đó với người đàn ông của cô ta. Xuống dưới này đi nào, Wilf, sao anh không xuống? Đừng bận tâm tới thang làm gì, chỉ cần nhảy xuống thôi! Hãy cho tôi biết anh thèm muốn tôi dữ dội tới mức nào! Anh đã làm một chuyện xấu xa với tôi, giờ hãy để tôi làm một chuyện xấu xa với anh!

“Bố ơi?” Henry đang đứng quay mặt về phía nhà kho, hai vai rũ xuống, như một đứa trẻ đang chờ đợi bị đánh đòn. “Mọi thứ ổn cả chứ ạ?”

“Phải.” Tôi ném bọc chăn ga xuống, hy vọng nó sẽ rơi trùm lên trên vợ tôi và che đi khuôn mặt đang ngửa lên cười nhả một cách ghê rợn đó, nhưng trớ trêu thay nó lại rơi xuống lòng cô ta. Giờ đây, trông cô ta như thể đang ngồi giữa một đám mây kỳ quái nhuộm đầy máu.

“Bà ấy đã được che kín chưa? Bà ấy đã được che kín chưa, bố ơi?”

Tôi cầm lấy cái đệm và ném nó xuống giếng. Nó rơi thẳng đứng xuống mặt nước đục ngầu rồi đập vào thành giếng lát đá cuội, làm thành một tấm che nằm nghiêng bên trên vợ tôi, và cuối cùng cũng che khuất đi cái đầu đang ngửa ra sau và cái miệng cười đẫm máu của cô ta.

“Giờ thì bà ấy đã bị che đi rồi.” Tôi đẩy cái nắp bằng gỗ về chỗ cũ của nó, biết rằng vẫn còn nhiều công việc chờ đợi phía trước: cái giếng sẽ phải bị lấp đầy. À, dẫu sao thì đó là việc đằng nào cũng phải làm từ lâu rồi. Đó là một chỗ nguy hiểm, chính vì thế tôi đã cắm các cọc rào thành vòng xung quanh cái giếng. “Bố con mình hãy vào nhà ăn sáng đi.”

“Con không thể ăn được gì đâu!”

Nhưng rồi nó cũng ăn. Cả hai bố con tôi đều ăn. Tôi rán trứng, thịt muối và khoai tây, rồi hai chúng tôi ăn hết sạch. Làm việc vất vả làm cho con người ta đói ngấu. Ai cũng biết thế cả.

Henry ngủ cho tới tận cuối buổi chiều hôm đó. Tôi thức cả ngày. Một phần trong những giờ đó, tôi ngồi bên bàn ăn trong bếp, uống hết cốc này đến cốc khác cà phê đen. Trong thời gian còn lại, tôi đi lang thang ngoài cánh đồng ngô, từ luống này sang luống khác, lắng nghe tiếng những tàu lá ngô nhọn như những thanh kiếm va vào nhau lào xào trong một cơn gió nhẹ. Vào tháng Sáu, khi những cây ngô trở cò, dường như chúng có thể nói được. Điều đó khiến một số người bắn khoăn (và có những kẻ ngu ngốc nói rằng đó là âm thanh của những cây ngô đang vươn lên), nhưng tôi luôn thấy âm thanh lặng lẽ đó thật dễ chịu. Nó giúp đầu óc tôi tỉnh táo. Lúc này đây, trong lúc ngồi giữa căn phòng khách sạn ở thành phố này, tôi thấy nhớ âm thanh đó biết chừng nào. Với một con người của đồng quê, cuộc sống thành thị không còn là cuộc sống nữa; với một con người như thế, cuộc sống này bản thân nó đã là một sự nguyên rủa.

Tôi chợt nhận ra thú tội cũng là một việc thật nặng nề.

Tôi bước đi, lắng nghe tiếng lá ngô xào xạc, tôi cố sắp xếp một kế hoạch, và cuối cùng đúng là tôi đã vạch ra một kế hoạch *thật*. Tôi buộc phải làm thế, và không chỉ cho bản thân tôi.

Từng có một thời chỉ chưa đến 20 năm trước, khi một người ở vị thế của tôi chẳng cần gì phải lo lắng; vào những ngày đó, công việc làm ăn của một người là chuyện riêng của bản thân anh ta, nhất là khi anh ta tình cờ lại là một nông dân đáng tôn trọng: một người đóng thuế đảng hoàng, tới nhà thờ mỗi ngày Chủ nhật, cổ vũ cho đội bóng chày Hemingford Stars, và thắng thưởng bỏ phiếu cho Đảng Cộng hòa. Tôi nghĩ vào những ngày đó, từng có đủ loại biến cố xảy ra tại các trang trại ở nơi chúng tôi gọi là “ở giữa”. Những việc diễn ra mà không ai bận tâm đến, chứ đừng nói gì tới báo cáo lại. Vào thời đó, một người vợ được coi là chuyện riêng tư của người đàn ông, và nếu cô ta biến mất, thì mọi việc cũng kết thúc ở đó.

Nhưng những ngày đó đã trôi qua, và cho dù chúng chưa trôi qua... thì vẫn còn đó khu đất. Một trăm mẫu đất. Công ty Farrington muốn có được khu đất đó cho cái lò mổ lợn chết tiết của bọn họ, và Arlette đã làm bọn họ tin rằng họ sắp có được khu đất. Điều này cũng đồng nghĩa với nguy hiểm, và nguy hiểm có nghĩa là những giấc mơ ngày và các kế hoạch nửa chừng nửa vời không còn là đủ nữa.

Khi tôi quay trở lại nhà vào giữa buổi chiều, tôi mệt nhoài, nhưng đầu óc cuối cùng cũng trở nên sáng suốt và bình tĩnh lại. Mấy con bò sữa của chúng tôi đang rống lên, giờ vắt sữa buổi sáng của chúng qua đã quá lâu. Tôi bắt tay vào vắt sữa, rồi thả chúng ra bãi cỏ, để chúng lại đó tới tận lúc hoàng hôn thay vì lừa chúng về để vắt sữa lần thứ hai sau bữa chiều. Đám bò sữa chẳng mấy bận tâm đến chuyện đó; chúng chấp nhận những gì *xảy đến*. Nếu Arlette giống như một con bò sữa của chúng tôi, tôi thậm nghĩ, hẳn lúc này cô ta vẫn còn sống và đang làm tình làm tội tôi để có được chiếc máy giặt mới trong

[10]
ca ta lô của Monkey Ward. Và hẳn tôi đã phải mua cái máy giặt ấy cho cô ta. Vợ tôi luôn khuất phục được tôi bằng lời nói. Ngoại trừ khi liên quan tới đất đai. Về chuyện này đáng ra cô ta phải biết điều hơn. Đất đai là việc của đàn ông.

Henry vẫn còn đang ngủ. Trong những tuần sau đó, thằng bé ngủ rất nhiều, và tôi để mặc cho nó ngủ, mặc dù bình thường vào mùa hè tôi thường giao việc cho nó làm kín ngày sau khi trường học đã nghỉ hè. Và con trai tôi cũng bận rộn hết mọi buổi tối của nó, hoặc tới chơi nhà Cotterie, hoặc lang thang theo con đường đất đầy bụi của chúng tôi với Shannon, hai đứa cầm tay nhau cùng ngắm trăng lên. Nghĩa là khi chúng không hôn nhau. Tôi hy vọng việc hai bố con tôi làm đã không làm hỏng mất những khoảng thời gian riêng tư ngọt ngào đó của thằng bé, song buộc phải tin là thế. Rằng *tôi* đã gây ra hậu quả đó. Và tất nhiên tôi hoàn toàn đúng.

Tôi gạt bỏ những ý nghĩ như thế ra khỏi đầu, tự nhủ rằng lúc này thằng bé đang ngủ, và thế là đủ. Tôi cần tới xem lại tình hình ở chỗ cái giếng lần nữa, và tốt nhất nên làm việc này một mình. Cái giường đã lật hết chăn ga của vợ chồng tôi dường như đang âm thầm tố cáo hành động sát nhân. Tôi tới bên tủ quần áo và xem xét trang phục của vợ tôi. Phụ nữ luôn có quá nhiều quần áo, phải không nào? Nào váy liền, váy rời, áo cánh, áo len và các loại đồ lót - một số món đồ loại này trông phức tạp và lạ lùng tới mức một người đàn ông thậm chí không thể luận ra được đâu là đằng trước. Lấy hết đi sẽ là một sai

lầm, vì chiếc xe tải vẫn đậu bên nhà kho và chiếc Model T ^[11] dưới gốc cây du. Vợ tôi đã đi bộ rời khỏi nhà và chỉ lấy đi những gì cô ta có thể mang theo. Tại sao cô ta không lấy chiếc Model T? Vì nếu thế hẳn tôi đã nghe thấy tiếng động cơ nổ và ngăn không cho vợ mình bỏ đi. Nói như vậy cũng đủ đáng tin. Vậy thì... chỉ một chiếc va li duy nhất.

Tôi cho vào trong đó những gì tôi nghĩ một người phụ nữ sẽ cần cũng như những gì vợ tôi không thể cam chịu bỏ lại. Tôi cho vào va li mấy món nữ trang có giá trị của cô ta, cùng bức ảnh chụp bố mẹ cô ta có khung mạ vàng. Tôi bắn khóa trước các vật dụng vệ sinh cá nhân trong phòng tắm, rồi quyết định để lại tất cả, ngoài trừ lọ xịt nước hoa Florient cùng cái lược sừng của cô ta. Có một cuốn Kinh thánh trên bàn đêm của vợ tôi, do mục sư Hawkins tặng cho cô ta, song tôi chưa bao giờ thấy cô ta đọc nó, vậy là tôi để nguyên nó lại chỗ cũ. Nhưng tôi lấy đi lọ viên sắt mà vợ tôi vẫn dùng vào kỳ kinh nguyệt hàng tháng.

Henry vẫn đang ngủ, nhưng lúc này vật vã lăn qua lăn lại như thể bị những cơn ác mộng giày vò. Tôi hối hả thực hiện việc cần làm nhanh nhất có thể, hy vọng có thể kịp quay trở lại nhà khi thằng bé thức giấc. Tôi đi vòng qua nhà kho tới chỗ cái giếng, đặt chiếc va li xuống, rồi lật cái nắp giếng lên lần thứ ba. Tạ ơn Chúa Henry không đi cùng tôi. Tạ ơn Chúa vì thằng bé không trông thấy những gì tôi đã thấy. Tôi nghĩ cảnh tượng đó chắc sẽ khiến con trai tôi mất trí. Vì nó hầu như đã khiến tôi mất trí.

Cái đệm đã bị ngã sang bên. Ý nghĩ đầu tiên đến với tôi là cô ta đã đẩy nó ra trước khi cố leo lên khỏi giếng. Vì vợ tôi vẫn còn sống. Cô ta đang thở. Hay ít nhất ban đầu tôi có cảm giác dường như là vậy. Sau đó, đúng lúc những khả năng hợp lý bắt đầu lóe lên qua cú sốc ban đầu - đúng lúc tôi bắt đầu tự hỏi mình liệu có kiểu hô hấp nào lại có thể làm cho chiếc váy của một phụ nữ phồng lên xẹp xuống không chỉ trên ngực mà khắp từ cổ cho tới tận gấu váy - hàm cô ta bắt đầu cử động, như thể vợ tôi đang cố gắng nói gì đó. Tuy vậy, thứ chui ra khỏi cái miệng đã bị mở rộng quá cỡ của cô ta không phải là những lời nói, mà là con chuột vừa bận rộn nhâm nhi cái lưỡi mềm mại của cô ta. Cái đuôi của nó xuất hiện đầu tiên. Sau đó, hàm dưới của vợ tôi há ra rộng hơn khi con chuột lùi ra, các móng vuốt ở

hai chân sau của nó cắm sâu vào cắm cô ta để làm chỗ bám.

Con chuột rơi bịch xuống lòng vợ tôi, và khi nó làm vậy, một đàn đông nhung nhúc các anh chị em của nó ùa ra từ dưới váy cô ta. Một con có thứ gì đó màu trắng mắc vào giữa những cái ria của nó - một mảnh quần lót của vợ tôi, hay có lẽ là cái quần bó của cô ta. Tôi ném cái va li xuống chúng. Tôi không hề nghĩ ngợi gì về hành động đó - lúc ấy tâm trí tôi đang quay cuồng vì ghê tởm và kinh hoàng - mà chỉ vô thức làm như thế. Cái va li rơi xuống chân vợ tôi. Phần lớn đám gặm nhấm - có lẽ là tất cả - đều đủ nhanh nhẹn để né tránh được nó. Sau đó, chúng xô nhau chui vào trong một cái lỗ tròn đen ngòm mà cái đệm (hẳn đã bị chúng xô lệch sang bên do sức nặng của số lượng đông đảo) đã che khuất lúc trước, rồi biến mất chỉ trong khoảnh khắc. Tôi biết rõ cái lỗ đó là gì; nó là miệng của đường ống cung cấp nước tới các máng uống trong chuồng gia súc cho tới khi mực nước hạ xuống quá thấp và biến cái giếng trở thành vô dụng.

Cái váy của vợ tôi xệp xuống quanh người cô ta. Những cử động khiến tôi tưởng nhầm với các nhịp thở dừng lại. Nhưng cô ta đang nhìn *trùng trùng* vào tôi, và vẻ mặt trước đó dường như giống với nụ cười của một anh hề giờ đây giống như cái nhìn của một con quỷ cái. Tôi có thể nhìn thấy những vết chuột cắn trên hai má cô ta, và một bên vành tai vợ tôi đã biến mất.

“Lạy Chúa lòng lành,” tôi thì thầm. “Arlette, tôi rất xin lỗi.”

Lời xin lỗi của anh không được chấp nhận, vẻ mặt cô ta dường như đang nói. Và khi người ta tìm thấy tôi như thế này, với những vết chuột cắn trên mặt và quần lót dưới váy bị nhai nát, chắc chắn anh sẽ bị điện giật cho nhảy cẫng lên ở Lincoln. Và khuôn mặt của tôi sẽ là khuôn mặt cuối cùng anh trông thấy. Anh sẽ nhìn thấy tôi khi luồng điện rán chín gan anh, làm tim anh cháy rụi, và lúc đó tôi sẽ cười.

Tôi hạ nắp giếng xuống và loạng choạng đi vào chuồng gia súc. Tới đó, đôi chân bắt đầu phản bội tôi, và giá như tôi vẫn còn ở dưới ánh mặt trời, chắc chắn tôi đã ngất xỉu đi giống như Henry tối hôm trước. Nhưng tôi đang ở trong bóng râm, và sau khi ngồi xuống chừng năm phút, đầu cúi gập xuống gần như tới chạm đầu gối, tôi bắt đầu hồi lại. Đám chuột đã mò tới chỗ cô ta - vậy thì sao nào? Chẳng phải cuối cùng rồi chúng sẽ tìm tới tất cả chúng ta hay sao? Đám chuột và những con bọ thì sao? Sớm hay muộn, thậm chí cả những cỗ quan tài chắc nhất cũng mục nát và để cho cuộc sống kiếm ăn trên cái chết. Đó là quy luật của thế giới, và điều đó đâu có gì ghê gớm? Khi trái tim ngừng đập và bộ não ngừng hoạt động, linh hồn chúng ta hoặc đã bỏ đi đâu đó, hoặc chỉ đơn giản đã tắt lịm. Dù thế nào đi nữa, chúng ta cũng chẳng còn ở đó để phải cảm thấy da thịt mình đang bị gặm nhấm khỏi xương.

Tôi đứng dậy quay về ngôi nhà và tới bậc thềm trước cửa khi một ý nghĩ làm tôi đứng sững lại: thế còn cảm giác cựa quậy đó? Nếu vợ tôi vẫn còn sống khi tôi ném cô ta xuống giếng thì sao? Nếu cô ta vẫn còn sống, tê liệt, không thể động đậy dù chỉ một ngón tay đã bị chém của mình khi lũ chuột từ trong đường ống chui ra và bắt đầu cuộc cắn xé của chúng thì sao? Nếu vợ tôi đã cảm thấy con chuột đã chui vào cái miệng đã bị phanh rộng ra một cách thật tiện lợi của cô ta và bắt đầu...!

“Không,” tôi thì thầm. “Cô ta không cảm thấy gì hết vì cô ta không cựa quậy. Chưa bao giờ. Cô ta đã

chết khi mình ném cô ta xuống giếng.”

“Bố?” Henry gọi với giọng ngái ngủ. “Bố, có phải bố đấy không?”

“Phải.”

“Bố đang nói chuyện với ai vậy?”

“Không ai cả. Với chính bố thôi.”

Tôi bước vào trong nhà. Con trai tôi đang ngồi bên bàn ăn trong bếp, mặc áo may ô và quần đùi, trông đờ đẫn ủ dột. Mái tóc thẳng bé, dựng đứng lên thành từng túm, làm tôi nhớ tới lúc nó còn bé, vừa cười khanh khách vừa chạy đuổi theo lũ gà quanh sân với con chó săn Boo của nó (đã chết từ lâu vào mùa hè năm ấy) bám sát gót.

“Con ước gì chúng ta đã không làm như thế,” thằng bé nói khi tôi ngồi xuống trước mặt nó.

“Những gì xảy ra thì đã xảy ra rồi, và không thể đảo ngược lại được,” tôi nói. “Đã bao nhiêu lần bố nói với con điều đó rồi, con trai?”

“Chừng một triệu lần.” Thằng bé cúi đầu xuống một hồi, rồi ngược lên nhìn tôi. Đôi mắt nó thâm quầng, vằn lên những tia máu. “Có phải chúng ta sẽ bị bắt không? Có phải chúng ta sẽ phải vào tù không? Hay...”

“Không. Bố đã có một kế hoạch.”

“Bố từng có một kế hoạch sẽ không làm bà ấy đau! Bố hãy thử nhìn xem cuối cùng *nó* đã biến thành thế nào!”

Bàn tay tôi chỉ muốn tát cho thằng bé một cái vì những lời nói đó, vậy là tôi dùng bàn tay bên kia đè nó xuống. Đây không phải là lúc buộc tội lẫn nhau. Hơn nữa, con trai tôi nói đúng. Tất cả những việc bất ổn đã xảy ra đều là lỗi của tôi. *Ngoại trừ lũ chuột*, tôi thầm nghĩ. *Chúng không phải lỗi của tôi*. Nhưng có đấy. Tất nhiên là có rồi. Nếu không phải vì tôi, lúc này đáng lẽ vợ tôi đang ở bên bếp, bận rộn làm bữa chiều. Nhiều khả năng cũng đang nói đi nói lại về 100 mẫu đất, nhưng vẫn còn sống và khỏe mạnh thay vì ở dưới giếng.

Có lẽ lũ chuột đã quay trở lại rồi, một giọng nói ở sâu thẳm trong nội tâm tôi thì thầm. *Ăn cô ta. Chúng sẽ hoàn tất trước tiên những phần ngon lành, những phần thơm tho, những phần mềm mại, và sau đó...*

Henry vươn người qua bàn, chạm tay vào hai bàn tay đang nắm lấy nhau của tôi. Tôi giật mình.

“Con xin lỗi,” con trai tôi nói. “Chúng ta đã cùng nhau làm việc đó.”

Tôi yêu nó biết bao vì câu nói ấy.

“Chúng ta sẽ ổn cả thôi, Hank; nếu bố con mình giữ được bình tĩnh, chúng ta sẽ ổn cả. Giờ hãy nghe bố này.”

Con trai tôi lắng nghe. Sau một hồi, nó bắt đầu gật đầu. Khi tôi nói xong, thằng bé hỏi tôi một câu: khi nào chúng tôi sẽ lấp cái giếng đi?

“Chưa đâu,” tôi nói.

“Như thế chẳng phải rất nguy hiểm sao?”

“Phải,” tôi nói.

Hai ngày sau, trong lúc tôi đang sửa một đoạn hàng rào cách trang trại chừng một phần tư dặm, tôi thấy một đám bụi lớn bốc lên phía cuối con đường chạy lại từ xa lộ Omaha - Lincoln. Chúng tôi sắp sửa đón nhận một cuộc thăm hỏi từ thế giới Arlette đã khao khát muốn được trở thành một phần của nó đến thế. Tôi quay trở về nhà, búa gài vào một vòng đeo ở thắt lưng, chiếc tạp dề thợ mộc vẫn buộc quanh hông, trong cái túi dài của nó đựng đầy đinh đang va vào nhau lạch xạch. Tôi không thấy Henry đâu. Có lẽ thằng bé đã xuống dưới suối tắm; mà cũng có thể nó đang ngủ trên buồng của mình.

Khi tôi về tới sân nhà và ngồi xuống cái thớt bỏ củi, tôi nhận ra chiếc xe đang làm tung phía sau quãng bụi đất trông chẳng khác gì một cái đuôi gà trống: chiếc xe tải giao hàng Red Baby của Lars Olsen. Lars là thợ rèn kiêm người giao sữa trong làng tại Hemingford Home. Với một mức giá nhất định, anh ta cũng sẵn sàng làm lái xe, và đây là chức năng anh ta đang thi hành vào buổi chiều tháng Sáu này. Chiếc xe tải chạy vào trong sân, làm George, con gà trống xấu tính của chúng tôi, cùng đàn gà mái hợp thành hậu cung nho nhỏ của nó bay tán loạn, một người đàn ông phương phi mặc áo khoác màu xám bước xuống từ bên cửa dành cho khách. Ông ta tháo cặp kính chống cát ra, để lộ hai vòng tròn lớn (và trông thật hài hước) màu trắng quanh hai mắt.

“Ông là Wilfred James?”

“Chính là tôi,” tôi nói, rồi đứng dậy. Tôi cảm thấy khá bình thản. Có lẽ tôi sẽ cảm thấy ít bình tĩnh hơn nếu ông ta tới trên chiếc xe Ford của cảnh sát hạt với ngôi sao bên sườn. “Ông là...?”

“Andrew Lester,” ông ta nói. “Luật sư.”

Ông ta chìa bàn tay ra. Tôi đưa mắt nhìn nó.

“Trước khi tôi bắt bàn tay này, tốt hơn ông nên cho tôi biết ông là luật sư của ai, ông Lester.”

“Hiện tại tôi đang làm việc cho Công ty Súc sản Farrington tại Chicago, Omaha và Des Moines.”

Phải rồi, tôi thầm nghĩ, không nghi ngờ gì nữa. Nhưng tôi dám cược rằng tên của ông bạn còn chẳng được ghi trên cửa văn phòng. Những ông chủ lớn ở Omaha đâu cần phải hít bụi đồng quê để kiếm bánh mì, phải không nào? Các ông chủ lớn lúc nào chẳng gác chân lên bàn, uống cà phê và ngắm nghía đôi chân xinh đẹp của các cô thư ký.

Tôi nói, “Trong trường hợp đó, thưa ông, tại sao ông không vào việc luôn và cất bàn tay đó đi? Tôi không hề có ý xúc phạm.”

Ông ta làm theo, với một nụ cười của luật sư. Mồ hôi vạch thành từng nét trên trôi má nung núc của ông ta, còn mái tóc ông ta rối bù xơ xác sau chuyển đi. Tôi đi qua trước mặt tay luật sư tới chỗ Lars, người đang mở nắp máy lên và đang bận rộn mày mò gì đó bên trong. Anh ta đang huyết sáo, và có vẻ vui như tết. Tôi thầm ghen tỵ với anh ta về điều đó. Tôi nghĩ Henry và tôi có thể sẽ có một ngày hạnh phúc nữa - trong một thế giới đầy biến động như thế giới chúng ta đang sống, chuyện gì cũng có thể xảy ra - nhưng chắc chắn ngày đó sẽ không đến vào mùa hè năm 1922. Hoặc mùa thu.

Tôi bắt tay Lars và hỏi thăm sức khỏe anh ta.

“Cũng tạm ổn,” anh ta nói, “nhưng khát quá. Tôi sẵn sàng uống thứ gì đó.”

Tôi hất hàm về phía đông ngôi nhà. “Anh biết nó ở đâu mà.”

“Tôi biết,” anh ta nói, đóng sầm tấm nắp máy xuống với tiếng kim loại va chạm vào nhau khiến cho lũ gà mái, lúc này đang lò dò quay lại sân, nháo nhác bay vụt lên lần nữa. “Vẫn ngọt và mát lạnh như xưa, tôi đoán vậy đúng không?”

“Tôi cũng nghĩ thế,” tôi đồng ý, và nghĩ thầm: *Nhưng cho dù nếu anh bạn vẫn có thể bơm nước lên được từ cái giếng đó, Lars, tôi không nghĩ anh bạn bận tâm đến mùi vị đâu.* “Cứ thử đi rồi biết.”

Anh ta bắt đầu lượn vòng quanh phía ngôi nhà đang đổ bóng xuống đất, nơi chiếc bơm tay bên ngoài nhà nằm dưới cái mái che nhỏ của nó. Ông Lester nhìn anh ta bước đi, rồi quay lại phía tôi. Ông ta đã cởi cúc chiếc áo khoác ra. Bộ đồ mặc bên dưới hẳn sẽ cần phải ghé qua hiệu giặt khô khi ông ta quay lại Lincoln, Omaha, Deland, hay bất cứ nơi nào ông ta sống khi không làm chân chạy việc cho Cole Farrington.

“Tôi cũng muốn uống chút gì đó, ông James.”

“Tôi cũng vậy. Đóng hàng rào là công việc khiến người ta nóng bức.” Tôi nhìn ông ta từ đầu đến chân. “Cho dù tôi dám cược rằng cũng không nóng bằng ngồi hai mươi dặm trên cái xe tải của Lars.”

Ông ta gãi móng và lại trưng nụ cười luật sư của mình ra. Lần này trong đó có một chút ân hận. Tôi có thể thấy đôi mắt ông ta đã bắt đầu xăm xoi chỗ này rồi chỗ kia, khắp nơi. Không nên đánh giá thấp con người này chỉ vì ông ta đã được lệnh phải lang thang hai mươi dặm tới một xó quê mùa vào một ngày

mùa hè nóng nực. “Cái bàn tọa của tôi có lẽ sẽ chẳng bao giờ như cũ được nữa.”

Có một cái gầu được xích vào bên cạnh mái che. Lars bơm đầy nước vào nó, rồi uống ừng ực, trong khi cục yết hầu của anh ta không ngừng nâng lên rồi hạ xuống trên cần cổ gầy gò rám nắng, sau đó anh ta lại bơm đầy gầu và đưa cho Lester, ông ta nhìn gầu nước với vẻ ngỡ vực giống như khi tôi nhìn bàn tay đang chìa ra của ông ta. “Có lẽ chúng ta nên vào nhà uống, ông James. Như thế sẽ mát hơn một chút.”

“Chắc vậy rồi,” tôi tán thành, “song không có chuyện tôi mời ông vào nhà đâu, cũng như bắt tay vậy.”

Lars Olsen nhận ra gió đang thổi theo chiều nào và lập tức quay trở lại chiếc xe tải của anh ta, không để mất thêm một phút nào. Nhưng trước hết, anh ta vẫn đưa lại cái gầu cho Lester. Ông khách của tôi không uống ừng ực một hơi như Lars lúc trước mà nhấp từng hớp một cách cảnh vệ. Nói cách khác là đúng kiểu một tay luật sư - nhưng ông ta cũng không dừng lại cho tới khi cái gầu đã cạn sạch, và chuyện này cũng lại đúng kiểu một tay luật sư. Cánh cửa trước nhà bật mở, Henry bước ra khỏi nhà trong bộ áo liền quần, đi chân đất. Thằng bé đưa mắt nhìn hai chúng tôi với vẻ dửng dưng - một cậu bé thật ngoan! - rồi tới nơi mà bất cứ cậu nhóc nông thôn nào cũng tìm đến: xem Lars chăm sóc cho chiếc xe tải của anh ta, và nếu cậu nhóc may mắn, cậu ta sẽ học được chút gì đó.

Tôi ngồi xuống đồng gỗ chúng tôi tích trữ dưới một tấm vải bạt. “Tôi đoán ông tìm tới đây có công chuyện làm ăn. Với vợ tôi.”

“Đúng thế.”

“Được rồi, ông đã uống xong, vậy tốt hơn chúng ta nên bàn vào việc. Tôi vẫn còn cả một ngày đầy công việc chờ đợi, và bây giờ đã là ba giờ chiều rồi.”

“Từ sáng sớm đến tối mịt. Làm nông quả là một cuộc sống cực nhọc.” Ông ta thở dài như thể hiểu biết lắm.

“Đúng thế, và một cô vợ khó tính còn có thể làm cho nó cực nhọc hơn nữa. Vợ tôi cho mời ông đến đây, tôi đoán là vậy, dù tôi không biết lý do vì sao - nếu chỉ là chuyện về một vài giấy tờ pháp lý, tôi cho rằng một ông phó cảnh sát trưởng hoàn toàn có thể tới thực hiện mọi việc cần thiết với tôi.”

Tay luật sư nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên. “Vợ ông không hề mời tôi đến đây, ông James. Nói thực ra, tôi tới đây để tìm gặp *bà nhà*.”

Cuộc trò chuyện này giống như một màn kịch, và vai của tôi có nhiệm vụ tỏ ra bối rối. Rồi bật cười, vì bật cười là hành động tiếp theo được chỉ dẫn trong kịch bản. “Điều này chỉ càng chứng minh cho việc đó.”

“Chứng minh cho cái gì vậy?”

“Khi tôi còn là một cậu nhóc ở Fordyce, chúng tôi có một ông hàng xóm - một lão già phóng túng xấu xa có họ Bradlee. Tất cả mọi người đều gọi lão là Pop Bradlee.”

“Ông James...”

“Bố tôi thỉnh thoảng phải giải quyết chuyện làm ăn với lão, và đôi lần ông đưa tôi đi cùng. Cũng lâu rồi, từ thời cả thiên hạ còn đi xe ngựa kia. Ngô hạt hầu như luôn là chủ đề làm ăn của họ, ít nhất là vào mùa xuân, nhưng có khi hai người cũng trao đổi nông cụ. Thời ấy chưa có việc đặt hàng qua thư, và một món nông cụ tốt có khi sẽ chạy vòng khắp cả hạt trước khi về được nhà của nó.”

“Ông James, tôi không hề thấy có mối quan...”

“Và mỗi lần bố con tôi tới gặp lão, mẹ tôi lại bảo tôi bịt tai lại, vì mọi lời nói tuôn ra từ miệng Pop Bradlee đều là những câu chửi bậy hay thứ gì đó bần thiêu.” Một cách chua ngoa, tôi bắt đầu thấy thích trò này. “Vậy là đương nhiên tôi lại càng cố dỏng tai lên nghe cho rõ hơn. Tôi còn nhớ một trong những câu nói ưa thích của Pope là “Đừng bao giờ cười lên một con cái mà không thắt dây cương, vì ta chẳng bao giờ có thể nói chắc được một con đĩ sẽ chạy theo đường nào.”

“Tôi phải hiểu như thế nào đây?”

“Theo ý ông thì con đĩ của tôi đã chạy theo đường nào, ông Lester?”

“Không phải ông đang nói với tôi rằng vợ ông đã...?”

“Bỏ trốn rồi, ông Lester. Cuốn xéo. Từ biệt theo kiểu Pháp. Chuồn khỏi nhà giữa lúc nửa đêm. Là một người mê đọc sách và nghiên cứu về tiếng lóng của ngôn ngữ Mỹ, những cách diễn đạt đó hiện ra hoàn toàn tự nhiên với tôi. Tuy nhiên, Lars - và phần lớn đám cư dân thành phố - sẽ chỉ nói đơn giản là “Cô ta bỏ chạy, từ bỏ anh ta” khi tin tức lan ra. Hay anh ta và thằng bé, trong trường hợp này. Tất nhiên tôi nghĩ hẳn cô ta đã tìm tới với đám bạn mê thịt lợn của mình ở Công ty Farrington, và lần tiếp theo tôi nhận được tin tức từ cô ta sẽ là dưới dạng một thông báo cho biết cô ta đã bán khu đất của bố mình.”

“Như bà nhà vẫn muốn làm.”

“Chẳng lẽ cô ta đã ký giấy bán rồi sao? Vì tôi đoán rằng nếu cô ta đã làm thế, chắc tôi sẽ kiện ra tòa.”

“Thực tế ra thì chưa. Nhưng khi bà nhà làm điều đó, tôi khuyên ông nên tránh cho mình những phí tổn của một cuộc tranh chấp pháp lý mà chắc chắn ông sẽ thua cuộc.”

Tôi đứng bật dậy. Một trong hai dây đeo chiếc quần yếm tôi đang mặc đã tuột khỏi vai, và tôi dùng một ngón tay cái kéo nó về chỗ. “Được rồi, vì cô ta không có mặt ở đây, đó sẽ là thứ mà một người làm luật gọi là “một câu hỏi giả định”, có đúng không nhỉ? Nếu là ông, tôi sẽ tới Omaha tìm kiếm.” Tôi mỉm cười. “Hoặc tới St. Louis. Cô ta luôn nhắc tới St. Louis. Tôi có cảm tưởng dường như vợ tôi đã phát chán lên vì các vị không kém gì cô ta chán tôi và đưa con trai cô ta đã đẻ ra. Thật là nhẹ nợ.

Quý tha ma bắt cả hai người đi. Mà nhân thể nói để ông biết, đó toàn là lời của Shakespeare đây. *Romeo và Juliette*. Một vở kịch về tình yêu.”

“Mong ông thứ lỗi cho tôi phải nói ra điều này, song tất cả những gì ông vừa nói như tôi thấy dường như rất kỳ lạ, ông James.” Tay luật sư lấy từ trong túi áo vét ra một chiếc khăn tay lụa - tôi đoán những tay luật sư hay đi đây đi đó như ông ta chắc có vô khối những túi áo như thế - rồi bắt đầu dùng cái khăn để lau mặt. Hai má ông ta lúc này không chỉ hây hây mà đỏ phừng lên. Không phải cái nóng của ngày hôm đó đã làm khuôn mặt ông ta trở nên như thế. “Quả là rất lạ, nếu tính đến khoản tiền mà thân chủ của tôi sẵn sàng trả cho khu đất đó, vốn nằm cạnh suối Hemingford và gần tuyến đường sắt lớn Miền Tây.”

“Về phần mình, tôi cũng đã phải mất không ít thời gian để quen với chuyện này, song ít nhất tôi cũng có lợi thế hơn so với các vị.”

“Là gì vậy?”

“Tôi hiểu rõ cô ta. Tôi tin chắc ông và các thân chủ của ông nghĩ các vị đã nắm trong tay một thỏa thuận đã được thu xếp đầu vào đây, nhưng Arlette James... hãy nói đơn giản rằng muốn đóng đinh cô ta xuống thứ gì đó cũng chẳng khác gì cố đóng đinh một miếng thạch xuống sàn. Chúng ta cần nhớ tới câu Pop Bradlee từng nói, ông Lester. Sao chứ, lão ta quả là một thiên tài đầy chất thôn dã.”

“Tôi có thể nhìn qua một chút trong nhà không?”

Tôi lại bật cười, lần này không hề gượng gạo. Tay luật sư quả là bạo gan, tôi phải thừa nhận chuyện này, và việc ông ta không muốn tay trắng quay về là hoàn toàn có thể hiểu được. Ông ta đã lang thang hai mươi dặm trên một chiếc xe tải chẳng có cửa giả gì, và sẽ phải chịu đựng thêm hai mươi dặm nữa trước khi trở lại được thành phố Hemingford (và sau đó phải đáp thêm một chuyến tàu, không nghi ngờ gì nữa), ông ta có đôi bàn tọa đang ê ẩm, và những kẻ đã phái ông ta đến đây hiển nhiên sẽ không mấy vui vẻ với bản báo cáo về những gì ông ta thu được sau khi đã trải qua toàn bộ cuộc hành trình cực nhọc đó. Tay luật sư khôn khéo!

“Tôi sẽ hỏi lại ông một câu: ông có thể tụt quần xuống để tôi có thể chiêm ngưỡng của quý của ông không?”

“Tôi thấy đòi hỏi đó thật xúc phạm.”

“Tôi không trách ông. Hãy nghĩ về nó như một... không phải một sự so sánh, nói thế không đúng, mà như một cách ẩn dụ.”

“Tôi không hiểu ông muốn nói gì.”

“Được thôi, ông có cả một tiếng đồng hồ trên đường quay về thành phố để nghĩ về nó - cũng có thể là hai, nếu Red Baby của Lars xịt mất một lớp. Và tôi có thể cam đoan với ông, ông Lester, rằng nếu thực

sự tôi cho phép ông lượn lờ quanh nhà tôi - chốn riêng tư của tôi, lâu đài của tôi, của quý của tôi - ông sẽ không tìm thấy xác vợ tôi trong tủ quần áo hay...” Lúc đó có một khoảnh khắc khủng khiếp khi thiếu chút nữa tôi đã nói *hay dưới giăng*. Tôi cảm thấy mồ hôi đang túa ra trên trán mình. “Hay dưới gầm giường.”

“Tôi chưa bao giờ nói...”

“Henry!” tôi gọi. “Lại đây một phút nào!”

Henry bước tới, đầu cúi gầm, hai bàn chân kéo lê đi trong bụi đất. Trông thằng bé có vẻ lo lắng, thậm chí còn có chút tội lỗi, nhưng thế cũng ổn. “Vâng, bố gọi con ạ?”

“Nói cho ông đây biết mẹ mày đang ở đâu.”

“Con không biết. Khi bố gọi con dậy ăn sáng hôm thứ Sáu, mẹ đã đi rồi. Sắp xếp đồ đạc và bỏ đi.”

Lester nhìn chăm chăm vào con trai tôi. “Cậu bé, có thật thế không?”

“Vâng, thưa ông.”

“Toàn bộ sự thật và không gì ngoài sự thật, như đứng trước Chúa chứ?”

“Bố, con vào nhà được không? Con còn bài tập phải làm bù cho thời gian bị ốm.”

“Thế thì đi đi,” tôi nói, “nhưng đừng rề rà quá đấy. Hãy nhớ hôm nay đến lượt mày vắt sữa bò.”

“Vâng, con nhớ rồi.”

Thằng bé leo lên bậc thềm và đi vào trong nhà. Lester theo dõi con trai tôi quay đi, rồi trở lại với tôi. “Ở đây còn có nhiều thứ hơn những gì đập vào mắt.”

“Tôi thấy là ông không đeo nhẫn cưới, ông Lester. Nếu có lúc nào đó ông đã đeo nó lâu như tôi phải đeo, ông sẽ biết trong gia đình luôn có những chuyện như thế xảy ra. Và ông cũng sẽ biết cả một việc khác: ông sẽ chẳng bao giờ có thể nói chắc chắn một con điểm sẽ chạy theo hướng nào.”

Tay luật sư đứng dậy. “Chuyện này vẫn chưa xong đâu.”

“Xong rồi,” tôi nói. Và biết rõ không phải như vậy. Nhưng nếu mọi thứ xuôi chèo mát mái, chúng tôi sẽ tới gần đoạn kết hơn so với lúc trước. *Nếu.*

Ông ta bắt đầu đi qua sân, rồi lại quay trở lại. Ông ta lại lấy cái khăn tay lụa ra lau mặt, rồi nói, “Nếu ông nghĩ 100 mẫu đất kia giờ là của ông chỉ vì ông đã dọa vợ mình phát hải đến mức phải bỏ đi...gửi đồ của bà ấy tới chỗ cô bà ấy ở Des Moines hay tới chỗ một người chị ở Minnesota...”

“Hãy tìm ở Omaha,” tôi mỉm cười nói. “Hay St Louis. Cô ta chẳng bao giờ viện đến các mối quan hệ gia đình, nhưng vợ tôi luôn phát cuồng lên với ý tưởng được sống ở St Louis. Chỉ có Chúa mới biết tại sao.”

“Nếu ông nghĩ rằng ông sẽ gieo trồng và thu hoạch trên khu đất đó, tốt hơn ông nên nghĩ lại. Khu đất đó không phải là của ông. Nếu ông gieo dù chỉ một hạt giống xuống chỗ đó, ông sẽ phải gặp tôi ở tòa.”

Tôi nói, “Tôi chắc ông sẽ nhận được tin từ cô ta ngay khi cô ta hết nhẫn tiền.”

Những lời tôi muốn nói là, *Không, nó không phải là của tôi... nhưng cũng không phải là của các người. Nó chỉ đơn giản là ở đó thôi. Và thế là ổn cả, vì nó sẽ là của tôi sau bảy năm nữa, khi tôi ra tòa yêu cầu chính thức tuyên bố cô ta đã chết trước pháp luật. Tôi có thể đợi. Bảy năm không phải ngửi mùi phân lợn khi gió thổi từ phía tây tới. Bảy năm không phải nghe tiếng kêu của những con lợn sắp chết (thật giống với tiếng kêu của một người đàn bà sắp chết) và thấy bộ lòng của chúng nổi bông bênh trôi xuống một cái rãnh đỏ ngầu máu. Với tôi, xem chừng đó sẽ là bảy năm tuyệt vời.*

“Chúc ông một ngày tốt lành, ông Lester, và cẩn thận với mặt trời khi quay về. Nó thường trở nên rất khắc nghiệt vào cuối buổi chiều, và sẽ chiếu thẳng vào mặt ông đấy.”

Tay luật sư không trả lời, im lặng đi ra xe tải. Lars vẫy tay chào tôi, và Lester bực bội vặc anh ta. Lars ném trả lại tay luật sư một cái nhìn như muốn nói *Cứ việc quạu cọ thế nào tùy thích, vẫn sẽ là hai mươi dặm để quay trở lại thành phố Hemingford.*

Khi bọn họ đã khuất hẳn khỏi tầm nhìn, ngoại trừ quầng bụi trông giống như cái đuôi gà trống, Henry lại quay ra cửa. “Con làm có đúng không, bố?”

Tôi cầm lấy cổ tay thẳng bé, bóp nhẹ, và giả bộ như không cảm thấy bàn tay nó căng cứng lên trong khoảng khắc dưới bàn tay tôi, như thể con trai tôi đang phải cố gồng mình vượt qua cảm giác muốn giật bàn tay của nó ra. “Đúng như cần phải làm. Hoàn hảo.”

“Mai chúng ta sẽ lấp giếng chứ ạ?”

Tôi đã suy nghĩ cẩn thận về việc này, vì rất có thể tính mạng của hai bố con tôi sẽ phụ thuộc vào quyết định tôi đưa ra. Cảnh sát trưởng Jones đang dần già đi và phát tướng ra. Ông ta không lười biếng, nhưng khó lòng buộc ông ta cự quây nếu không có một lý do xác đáng. Lester cuối cùng thế nào cũng sẽ thuyết phục được Jones tìm tới đây, nhưng rất có thể chỉ sau khi Lester đã thuyết phục được một trong hai đứa con trai sẵn sàng nhảy xuống địa ngục vì da của Cole Farrington gọi điện tới nhắc ông cảnh sát trưởng nhớ rằng công ty nào chính là kẻ đóng thuế lớn nhất tại hạt Hemingford (chưa nói tới các hạt lân cận Clay, Fillmore, York và Seward). Tóm lại, tôi nghĩ chúng tôi có tối thiểu hai ngày.

“Không phải ngày mai,” tôi nói. “Mà là ngày kia.”

“Bố, nhưng *tại sao?*”

“Vì ông cảnh sát trưởng sẽ có mặt tại đây, và cảnh sát trưởng Jones tuy già nhưng không ngốc. Một cái giếng bị lấp rất có thể sẽ khiến ông ta nghi ngờ về chuyện tại sao nó bị lấp, và lại mới gần đây đến thế. Nhưng một cái giếng đang lấp dở... và vì một lý do xác đáng...”

“Lý do nào vậy bố? Nói cho con biết đi!”

“Sớm thôi,” tôi nói. “Sớm thôi.”

Cả ngày hôm sau chúng tôi đợi bụi tung lên trên con đường dẫn tới chỗ chúng tôi, không phải bị hất lên do chiếc xe tải của Lars, mà bởi cái xe của cảnh sát trưởng hạt. Nhưng nó không hề xuất hiện. Người xuất hiện là Shannon Cotterie, trông thật xinh xắn trong chiếc áo vải bông và váy kẻ sọc, cô bé tới hỏi thăm xem Henry có khỏe không, và nếu đã khỏe, liệu con trai tôi có vui lòng tới ăn tối cùng cô bé và bố mẹ cô hay không?

Henry nói nó đã hoàn toàn khỏe mạnh, và tôi nhìn theo hai đứa bước đi trên con đường, tay trong tay, mà lòng nặng trĩu lo âu. Thằng bé đang nắm giữ một bí mật khủng khiếp, và những bí mật khủng khiếp luôn đè nặng lên con người ta. Muốn tìm ai đó để chia sẻ gánh nặng ấy là điều tự nhiên nhất trên đời. Và con trai tôi yêu cô bé đó (hoặc nó nghĩ là thế, một điều hoàn toàn tương tự khi bạn mới bước sang tuổi mười lăm). Còn tôi tệ hơn nữa, thằng bé buộc phải nói dối, và cô bé có thể sẽ biết đó là một lời nói dối. Người ta vẫn hay nói đôi mắt đang yêu chẳng nhìn thấy gì cả, nhưng đó chỉ là câu châm ngôn dành cho những kẻ ngốc mà thôi. Đôi khi chúng nhìn thấy quá nhiều.

Tôi rẫy cỏ ngoài vườn (và làm bật lên nhiều cây đậu hơn là cỏ dại), sau đó ngồi xuống trước cửa, hút một tàu thuốc và đợi con trai tôi quay về. Thằng bé quay về ngay trước lúc trăng mọc. Đầu nó cúi gằm xuống, hai vai buông thõng, và con trai tôi trông như đang lê lét hơn là bước đi. Tôi ghét cay ghét đắng phải nhìn thấy nó trong bộ dạng đó, nhưng dầu sao tôi vẫn thấy nhẹ nhõm. Nếu thằng bé đã chia sẻ bí mật của nó - hay một phần bí mật đó - sẽ không bao giờ có chuyện nó bước đi như thế. Nếu con trai tôi đã chia sẻ bí mật nó đang phải mang, rất có thể nó đã không quay về nhà.

“Con nói đúng như cách hai bố con mình đã quyết định chứ?” tôi hỏi thằng bé khi nó ngồi xuống.

“Đúng như cách *bố* đã quyết định. Vâng.”

“Và cô bé hứa không nói cho gia đình nó biết?”

“Vâng.”

“Nhưng nó sẽ nói chứ?”

Con trai tôi thở dài. “Nhiều khả năng là thế. Bạn ấy yêu quý họ, và họ cũng yêu quý bạn ấy. Con cho là

rồi họ sẽ thấy điều gì đó trên khuôn mặt bạn ấy, và sẽ dò hỏi. Ngay cả nếu họ không làm thế, nhiều khả năng bạn ấy sẽ nói cho ông cảnh sát trưởng biết. Tất nhiên là nếu ông ấy cất công tìm tới nhà Cotterie.”

“Lester sẽ đảm bảo để ông ta làm thế. Tay luật sư sẽ sửa âm ỉ lên với cảnh sát trưởng Jones vì các ông chủ của hắn ở Omaha đang sửa âm ỉ lên với hắn. Chuyện đó sẽ cứ thế chạy vòng quanh, và nó kết thúc ở đâu thì chẳng ai biết được.”

“Đáng ra chúng ta không bao giờ nên làm việc đó.” Con trai tôi trầm ngâm suy nghĩ, rồi thì thầm thật gay gắt.

Tôi không nói gì. Và trong một hồi lâu, con trai tôi cũng không nói gì. Hai bố con tôi cùng ngắm nhìn mặt trăng nhô lên khỏi cánh đồng ngô, đỏ quạch, nặng nề.

“Bố này? Con có thể uống một cốc bia chứ?”

Tôi đưa mắt nhìn thằng bé, vừa ngạc nhiên lại vừa không; Sau đó, tôi đi vào trong nhà, rót cho hai bố con mỗi người một cốc bia. Tôi đưa một cốc cho nó và nói, “Không cốc nào trong ngày mai và ngày kia, nhớ đấy.”

“Không cốc nào.” Thằng bé nhấp một ngụm, nhắm mắt, rồi lại uống một ngụm nữa. “Con ghét phải nói dối Shan, bố biết đấy. Mọi thứ liên quan tới chuyện này thật bẩn thỉu.”

“Mọi thứ bụi bặm đều có thể rửa trôi đi được.”

“Thứ này thì không,” con trai tôi nói, rồi uống thêm một ngụm. Lần này nó không nhắm mắt nữa.

Một lúc sau, sau khi mặt trăng đã chuyển sang màu trắng bạc, tôi đứng dậy đi vòng ra sau nhà đi vệ sinh, và lắng nghe cánh đồng ngô cùng những làn gió đêm kể cho nhau nghe những bí mật xưa cũ của đất. Khi tôi quay trở lại trước cửa, Henry đã đi đâu mất. Cốc bia uống dở một nửa của nó đặt trên lan can bên các bậc thềm. Rồi tôi nghe thấy thằng bé đang ở trong chuồng gia súc, nói “Nào, ngoan. Nào.”

Tôi tới đó xem có chuyện gì xảy ra. Con trai tôi đang đưa hai cánh tay ôm lấy cổ Elphin và vuốt ve con vật. Tôi tin thằng bé đang khóc. Tôi đứng nhìn hồi lâu, nhưng cuối cùng vẫn không nói gì. Tôi quay trở vào nhà, cởi quần áo ngoài ra, nằm xuống chiếc giường nơi tôi đã cắt cổ vợ mình. Phải một lúc lâu trôi qua trước khi tôi ngủ thiếp đi. Và nếu các vị không hiểu tại sao - tất cả các lý do tại sao - thì đọc những dòng này sẽ chẳng ích gì cho các vị.

Tôi đã đặt tên tất cả những con bò sữa của chúng tôi theo các nữ thần Hy Lạp, nhưng Elphis hóa ra lại là một lựa chọn tồi tệ hay một trò đùa thật mỉa mai. Trong trường hợp các vị không còn nhớ câu chuyện cái ác đã đến với thế giới đáng buồn của chúng ta như thế nào, cho phép tôi nhắc lại để các vị nhớ: mọi thứ xấu xa thoát ra khi Pandora chiều theo sự tò mò của cô ta và mở chiếc vò đã được giao cho cô ta trông giữ ra. Thứ duy nhất còn lại khi cô ta lấy lại được đủ khôn ngoan để đậy nắp vò như cũ là Elphis, nữ thần của hy vọng. Nhưng vào mùa hè năm 1922 đó, không còn chút hy vọng nào cho

Elphis của chúng tôi. Nó đã già và ốm yếu, không còn cho nhiều sữa, và chúng tôi đã gần như phải từ bỏ cố gắng vắt lấy những gì ít ỏi nó còn lại nữa; ngay khi có ai ngồi xuống cạnh cái xô hứng, con bò lập tức tìm cách đá người đó. Đáng ra chúng tôi nên chuyển nó thành bò thịt từ một năm trước, song tôi đã chần chừ trước cái giá phải trả cho Harlan Cotterie để giết thịt nó, trong khi tôi chẳng mấy khéo léo trong việc giết mổ khi quy mô vượt quá những con lợn... một đánh giá về bản thân mà các vị giờ đây hẳn cũng đồng ý.

“Và nó sẽ dai lắm,” Arlette (vốn tỏ ra thâm có cảm tình với Elphis, có thể vì cô ta chẳng bao giờ phải vắt sữa từ con bò này) nói. “Tốt hơn cứ để nó yên.” Nhưng giờ đây chúng tôi đã có cách để sử dụng Elphis - chính xác là dưới giếng - và cái chết của con bò già có thể trở nên hữu ích hơn nhiều so với việc cung cấp vài tảng thịt dai ngoách.

Hai ngày sau khi Lester ghé thăm, con trai tôi và tôi chẳng rọ mõm vào nó và dắt nó đi vòng ra sau chuồng. Khi đi được nửa quãng đường tới giếng, Henry dừng phắt lại. Đôi mắt thẳng bé lóe sáng như thể đang sợ hết hồn. “Bố! Con *ngửi thấy* bà ấy!”

“Vậy hãy vào trong nhà, và lấy ít bông vo viên lại bịt mũi. Bông ở trong ngăn kéo của bà ấy.”

Mặc dù thẳng bé cúi mặt xuống, tôi vẫn thấy nó liếc mắt về phía tôi trong lúc lầm lũi quay đi. *Đây là lỗi của ông, cái nhìn đó nói. Tất cả là lỗi của ông vì ông không chịu buông đám đất.*

Thế nhưng tôi vẫn không nghi ngờ việc con trai tôi sẽ giúp tôi thực hiện công việc đang chờ đợi phía trước. Cho dù lúc này nó có nghĩ gì về tôi đi nữa, trong bức tranh toàn cảnh vẫn còn bóng dáng của một cô bé, và nó không muốn con bé biết những gì nó đã làm. Tôi đã ép buộc thẳng bé phải tham gia vào việc đó, nhưng bạn gái nó sẽ không bao giờ hiểu.

Chúng tôi dẫn Elphis tới chỗ nắp giếng, đến đó con bò tỏ ra ngần ngại một cách hoàn toàn có lý. Chúng tôi đi vòng ra phía đối diện, giữ lấy dây dắt buộc vào rọ mõm như thể đang chơi trò nhảy quanh

[\[12\]](#) cây nêu, và ra sức kéo con bò đi lên trên mặt gỗ đã mục. Cái nắp kêu răng rắc dưới sức nặng của con bò... lún xuống... nhưng vẫn đứng vững. Con bò cái già đứng lên trên cái nắp, đầu cúi gằm xuống, trông vẫn ngu ngốc và buồn bã như mọi khi, nhe những cái răng mòn trơ gốc màu vàng xỉn ngả xanh lục của nó.

“Giờ phải làm gì?” Henry hỏi.

Tôi đang định nói tôi cũng không biết nữa, thế rồi đúng lúc ấy cái nắp giếng vỡ làm đôi với một tiếng gãy răng rắc và tiếng rơi thật lớn. Hai bố con tôi giữ chặt lấy đầu dây, cho dù trong một khoảnh khắc tôi từng cảm thấy mình sắp bị lôi tuột xuống cái giếng đáng nguyên rủa đó với hai cánh tay trật khớp. Sau đó, cái rọ mõm cũng đứt tung ra và bị kéo văng trở lên. Nó bị đứt toạc ra cả hai bên. Phía dưới, Elphis bắt đầu rống lên đau đớn và đập móng guốc của nó lên thành giếng lát đá.

“*Bố!*” Henry kêu thét lên. Hai bàn tay thẳng bé siết chặt lại áp chặt vào miệng, và các khớp đốt ngón

tay ép sâu vào môi trên. “*Hãy làm cho nó ngừng lại đi!*”

Elphis rống lên một tràng rên rỉ thật dài, vang vọng. Các móng guốc của nó tiếp tục gõ lên đá.

Tôi cầm lấy cánh tay Henry và lôi thằng bé đang run rẩy quay trở vào nhà. Tôi đẩy nó ngồi xuống chiếc trường kỷ được Arlette đặt mua qua bưu điện và ra lệnh cho con trai tôi ngồi lại đó cho tới khi tôi quay trở lại. “Và hãy nhớ, sắp kết thúc rồi.”

“Chuyện này sẽ chẳng bao giờ kết thúc,” thằng bé nói, và quay người nằm úp mặt xuống trường kỷ. Nó đưa hai bàn tay lên bịt tai, mặc dù ở trong nhà không thể nghe thấy tiếng Elphis nữa. Ngoại trừ việc Henry *vẫn nghe thấy* tiếng rên rỉ của con bò, và cả tôi cũng vậy.

Tôi lấy khẩu súng săn vẫn cất trên chiếc giá cao trong kho chứa đồ xuống. Nó chỉ là một khẩu súng cỡ

^[13]
nòng .22, nhưng hoàn toàn đủ cho mục đích sắp được sử dụng. Và nếu Harlan nghe thấy tiếng súng vang lên từ bên kia các cánh đồng ngăn cách giữa nhà anh ta và nhà tôi thì sao? Điều đó cũng sẽ khớp với câu chuyện của chúng tôi. Nghĩa là nếu Henry có thể giữ được sự tỉnh táo của nó đủ lâu để kể nó ra.

Dưới đây là một điều tôi đã nghiệm ra vào năm 1922: luôn có những thứ tồi tệ hơn chờ đợi phía trước. Bạn nghĩ bạn đã nhìn thấy điều kinh khủng nhất, điều đã hợp nhất mọi cơn ác mộng của bạn thành một nỗi kinh hoàng quái đản thực sự tồn tại, và chỉ có điều an ủi duy nhất là sẽ không thể có gì tồi tệ hơn được nữa. Thậm chí cho dù có đi nữa, tâm trí bạn sẽ tắt phụt khi nhìn thấy nó, và bạn sẽ không biết gì thêm nữa. Nhưng còn có thể tồi tệ hơn thế, khi tâm trí bạn không tắt phụt đi, và bằng cách nào đó bạn tiếp tục tỉnh táo. Bạn có thể sẽ hiểu mọi niềm vui đã biến mất khỏi thế giới của bạn, rằng những gì bạn đã làm đã đẩy tất cả hy vọng bạn muốn đạt tới ra ngoài tầm tay với, bạn có thể sẽ ước gì chính mình là kẻ đã chết - nhưng bạn vẫn tiếp tục sống. Bạn nhận ra bạn đang ở trong một địa ngục do chính tay mình tạo nên, nhưng dẫu vậy bạn vẫn tiếp tục sống. Bởi vì chẳng thể làm gì khác được.

Elphis đã rơi xuống phía trên người vợ tôi, song khuôn mặt đang cười nhăn nhó của Arlette vẫn có thể nhìn thấy rõ, vẫn tiếp tục ngược lên thế giới tràn ngập ánh mặt trời ở phía trên, vẫn dường như nhìn chăm chăm vào tôi. Và lũ chuột cũng đã quay trở lại. Con bò cái đột nhiên rơi xuống thế giới của chúng hiển nhiên đã làm chúng rút lui vào đường ống mà rốt cuộc tôi sẽ đi tới chỗ nghĩ về nó như Đại Lộ Chuột; nhưng rồi sau đó chúng đánh hơi thấy mùi thịt tươi, và hồi hả bò ra để điều tra. Lũ chuột đã bắt đầu cắn xé con bò già Elphis tội nghiệp trong lúc nó rống lên và quẫy đạp (lúc này đã yếu hơn nhiều), và có một con ngồi chễm chệ lên đầu cô vợ đã chết của tôi như một chiếc vương miện ma quái xấu xí. Nó đã khoét một lỗ qua cái bao tải và lôi một mớ tóc của cô ta ra bằng các móng vuốt khôn ngoan của mình. Hai gò má của Arlette, đã từng có lúc thật tròn trịa xinh đẹp, giờ đây rách nát là thành từng dải.

Không thứ gì có thể tồi tệ hơn chuyện này, tôi thầm nghĩ. Hiển nhiên mình đã tới tận cùng của sự ghê rợn.

Nhưng có đây, luôn có những điều tồi tệ hơn chờ đợi phía trước. Trong lúc tôi cúi xuống, cứng người như hóa đá vì choáng váng và kinh tởm, Elphis lại vùng chân đập lần nữa, và một móng guốc của con bò chạm vào những gì còn lại của khuôn mặt Arlette. Một tiếng răng rắc vang lên khi hàm vợ tôi vỡ ra, và mọi thứ nằm bên dưới mũi cô ta giờ đây bị xô lệch sang bên trái, như thể nằm trên một thứ bản lề. Nhưng nụ cười ngoạc ra từ tai bên này sang tai bên kia vẫn còn nguyên đó. Việc giờ đây nó không còn nằm thẳng hàng với đôi mắt của cô ta càng làm cho nó thêm ghê rợn. Như thể lúc này vợ tôi đang sở hữu hai khuôn mặt để ám ảnh tôi thay vì chỉ một. Cơ thể cô ta dịch chuyển chạm vào tấm đệm, làm nó trượt sang bên. Con chuột đang ngồi trên đầu cô ta chui xuống bên dưới cái đệm. Elphis lại rống lên lần nữa. Tôi thầm nghĩ, nếu lúc này Henry quay lại đây và nhìn xuống dưới giếng, rất có thể thằng bé sẽ giết tôi vì đã biến nó thành một phần của chuyện này. Có lẽ tôi cũng đáng bị giết. Nhưng như thế con trai tôi sẽ chỉ còn lại một mình, và khi một mình nó sẽ không thể tự vệ được.

Một phần cái nắp đã rơi xuống giếng; một phần vẫn đang nằm ở trên. Tôi nạp đạn vào khẩu súng săn, tỳ súng vào miệng giếng, và nhắm xuống Elphis, đang nằm với cái cổ gãy và đầu bị đập vào thành giếng lát đá. Tôi chờ đến khi hai bàn tay đã chắc chắn, rồi siết cò.

Một phát đạn là đủ.

Quay vào trong nhà, tôi thấy Henry đã ngủ tiếp đi trên trường kỷ. Bản thân tôi đang ở trong trạng thái quá sốc để có thể thấy việc này kỳ lạ. Vào lúc ấy, với tôi thằng bé dường như là nguồn hy vọng duy nhất trên thế gian này: đã nhuốm chàm, nhưng không bị hoen ố tới mức không thể bao giờ trở lại sạch sẽ được nữa. Tôi cúi xuống hôn lên má con trai mình. Thằng bé rên rỉ và quay đầu tránh đi. Tôi để nó nằm đấy và quay vào chuồng gia súc tìm các dụng cụ của mình. Khi nó đến tìm tôi ba giờ sau đó, tôi đã lôi hết những mảnh nắp giếng vỡ còn nằm lại trên miệng giếng ra ngoài và xúc đất lấp lòng giếng lại.

“Con sẽ giúp bố một tay,” con trai tôi nói với giọng ử ê rầu rĩ.

“Tốt. Hãy lấy chiếc xe tải và lái tới chỗ đồng đá phế thải ở West Fence...”

“Mình con sao?” Về không tin nổi trong giọng nói của thằng bé chỉ thoáng qua, nhưng tôi thấy phần chân hằn khi nghe thấy bất cứ cảm xúc nào trong đó.

“Con biết hết về các số tiền rồi, và con có thể tự tìm ra số lùi, phải không nào?”

“Vâng...”

“Vậy thì con sẽ ổn thôi. Bố sẽ có đủ thứ việc phải làm trong thời gian đó, và khi con quay trở về, việc kinh khủng nhất cũng sẽ xong rồi.”

Tôi chờ đợi thằng bé nói với tôi lần nữa rằng việc tồi tệ nhất sẽ chẳng bao giờ kết thúc, nhưng nó không nói gì. Tôi lại tiếp tục xúc đất. Tôi vẫn có thể nhìn thấy đỉnh đầu Arlette và cái bao tải với lọn tóc kinh khủng bị lôi ra bên trên nó. Có khi lúc này trong tổ ấm nằm giữa hai đùi cô vợ đã chết của tôi

đã lúc nhúc cả một bầy chuột sơ sinh mới đẻ.

Tôi nghe thấy máy chiếc xe tải nổ lọc xọc một lần, rồi hai. Tôi hy vọng cái tay quay không văng lại và đánh gãy tay Henry.

Lần thứ ba con trai tôi quay tay quay, và chiếc xe tải cũ kỹ của chúng tôi rùng rùng sống dậy. Nó vào số hơi chậm một chút, làm động cơ gằn lên một hay hai lần, rồi lái xe đi. Con trai tôi đi mất gần một giờ đồng hồ, nhưng khi nó quay về, thùng xe đã chở đầy đá vụn và đất. Thằng bé lái xe tới sát bờ giếng và tắt máy. Nó đã cởi áo sơ mi ra, và thân hình bóng nhẫy mồ hôi của con trai tôi trông có phần quá gầy; tôi có thể đếm được từng cái xương sườn của nó. Tôi cố nhớ lại xem lần cuối cùng tôi nhìn thấy nó ăn một bữa ra hồn là khi nào, và lúc đầu không thể nhớ nổi. Sau đó tôi nghĩ hẳn đó là bữa sáng hôm sau khi chúng tôi đã ra tay với vợ tôi.

Mình sẽ chú ý để thằng bé có một bữa ăn ra hồn vào tối nay, tôi thầm nghĩ. Mình sẽ chú ý để cả hai đều ăn uống tử tế. Không có thịt bò, nhưng vẫn còn thịt lợn trong hộp đá...

“Bố, nhìn đằng kia xem,” con trai tôi lên tiếng bằng giọng nói ử ê mới xuất hiện của nó, rồi chỉ tay ra phía xa.

Tôi nhìn thấy một quầng bụi hướng về phía chúng tôi. Tôi nhìn xuống giếng. Vẫn chưa ổn, chưa hề. Một nửa thân hình của Elphis vẫn còn đang gãy. Chuyện đó tất nhiên cũng chẳng hề hấn gì, song một góc của cái đệm thấm máu vẫn còn nhô ra ngoài đồng đất được hất xuống.

“Giúp bố một tay,” tôi nói.

“Liệu bố con mình có đủ thời gian không hả bố?” Giọng con trai tôi chỉ thoáng chút bận tâm.

“Bố không biết nữa. Có thể. Nhưng đừng đứng đực ra đó nữa, lại đây giúp bố nào.”

Cái xẻng thứ hai đang được để dựa vào tường chuồng gia súc, bên cạnh những mảnh vỡ của cái nắp giếng. Henry cầm lấy xẻng, và chúng tôi bắt đầu xúc đất và đá vụn từ thùng xe tải hất xuống giếng nhanh hết sức có thể.

Khi chiếc xe của cảnh sát trưởng hạt với ngôi sao vàng sơn trên cửa và đèn nháy gắn trên nóc dừng lại bên cái thớt bỏ củi (thêm một lần nữa làm George và đám gà mái nháo nhào bay loạn lên), Henry và tôi đang ngồi trên bậc cửa, cả hai bố con đều đã cởi áo sơ mi ra, và đang cùng nhau chia sẻ thứ cuối cùng Arlette James đã làm trên đời: một bình nước chanh. Cảnh sát trưởng James bước ra khỏi xe, xốc lại thắt lưng, bỏ cái mũ cao bồi hiệu Stetson đang đội trên đầu ra, vuốt mái tóc hoa râm của ông ta ra sau gáy, rồi lại đội mũ xuống, chỉnh trang lại nó dọc theo đường ranh giới nơi nước da trắng trên trán kết thúc và thay vào đó là nước da màu đồng hun. Ông ta chỉ có một mình. Tôi coi đây là một tín hiệu tốt.

“Chúc hai bố con một ngày tốt lành.” Ông cảnh sát trưởng quan sát khuôn ngực trần, những bàn tay

nhem nhuộm và khuôn mặt đầm mồ hôi của hai bố con tôi. “Công việc chiều nay có vẻ vất vả quá nhỉ?”

Tôi nhổ bọt. “Đó là do lỗi lầm đáng nguyên rủa của tôi.”

“Thật vậy sao?”

“Một con bò cái của nhà cháu ngã xuống cái giếng cũ dùng cấp nước cho gia súc,” Henry nói.

Jones lại hỏi, “Thật vậy sao?”

“Đúng thế,” tôi nói. “Ông có muốn uống một cốc nước chanh không, ông cảnh sát trưởng? Của Arlette đây.”

“Của Arlette sao? Vậy bà nhà đã quay về rồi phải không?”

“Không,” tôi nói. “Cô ta mang theo những món váy áo ưa thích của mình, song bỏ lại nước chanh. Ông uống một chút đi.”

“Tôi sẽ uống. Nhưng trước hết tôi cần dùng nhà vệ sinh của các vị một chút. Vì tôi đã năm mươi lăm tuổi rồi, nên dường như hễ gặp bụi cây nào là tôi phải dừng lại tưới vậy. Quả là một chuyện bất tiện đáng nguyên rủa.”

“Nó ở đằng sau nhà. Cứ men theo lối đi và tìm hình trăng lưỡi liềm trên cửa.”

Ông ta phá lên cười như thể đây là câu pha trò hài hước nhất ông ta được nghe cả năm vừa qua, rồi đi vòng ra sau nhà. Liệu trên đường ông ta có dừng lại để ngó vào qua các cửa sổ không? Ông ta sẽ làm thế nếu có chút năng lực với công việc của mình, và tôi cũng nghe nói ông ta từng làm thế thật. Ít nhất khi ông ta còn trẻ.

“Bố,” Henry nói. Giọng nó thật khế.

Tôi quay sang nhìn nó.

“Nếu ông ấy tìm ra, chúng ta không thể làm gì khác nữa. Con có thể nói dối, nhưng sẽ không có chuyện giết thêm ai nữa.”

“Được thôi,” tôi nói. Đó là một cuộc nói chuyện ngắn, nhưng tôi vẫn thường xuyên nghĩ về nó trong suốt tám năm vừa qua.

Cảnh sát trưởng Jones quay trở lại, vẫn đang cài dờ khuy quần.

“Đi vào rót cho ông cảnh sát trưởng một cốc,” tôi bảo Henry.

Henry đi vào trong nhà. Jones hoàn tất việc cài khuy quần, bỏ mũ ra, lại đưa tay lên vuốt tóc ra sau vài lần nữa, rồi đội mũ trở lại. Tấm phù hiệu của ông ta lấp lánh trong ánh nắng đầu giờ chiều. Khẩu súng ông ta mang bên hông trông rất to, và cho dù Jones quá già để có thể từng tham gia cuộc Đại Chiến ^[14], cái bao đeo súng trông giống như loại của AEF ^[15]. Có thể là của con trai ông ta. Con trai ông cảnh sát trưởng đã chết trong cuộc chiến đó.

“Nhà vệ sinh có mùi thật dễ chịu,” ông ta nói. “Luôn thật dễ chịu trong một ngày nóng nực.”

“Arlette vẫn thường xuyên cho vôi sống xuống đó,” tôi nói. “Tôi sẽ cố duy trì thói quen này nếu cô ta tiếp tục vắng nhà. Ông hãy lên thêm này ngồi cho mát.”

“Bóng mát nghe có vẻ hay đấy, nhưng tôi tin rằng tôi sẽ đứng. Tôi cần kéo dẫn cột sống của mình ra.”

Tôi ngồi xuống chiếc ghế xích đu có phủ đệm của mình. Ông cảnh sát trưởng đứng bên cạnh tôi, cúi mặt nhìn xuống. Tôi không thích phải ở trong vị trí này chút nào, song cũng cố kiên nhẫn chịu đựng. Henry quay ra mang theo một cái cốc. Cảnh sát trưởng Jones tự rót nước chanh cho mình, nếm thử, rồi ực một hơi gần cạn cốc và liếm môi.

“Ngon thật đấy, đúng không nào? Không chua quá, không ngọt quá, vừa đúng độ.” Ông ta bật cười.

“Tôi giống như Goldilocks ^[16] vậy, phải không nào?” Rồi uống nốt chỗ nước chanh còn lại, nhưng lắc đầu khi Henry định rót thêm vào cốc cho ông ta. “Câu muốn tôi đá vào tất cả các cọc rào trên đường quay lại Hemingford Home chắc? Rồi trên suốt quãng đường sau đó về thành phố Hemingford nữa?”

“Vậy là ông đã di chuyển văn phòng rồi sao?” tôi hỏi. “Tôi cứ nghĩ ông ở ngay Home kia.”

“Chẳng lẽ không phải thế sao? Cái ngày họ bắt tôi chuyển Văn phòng Cảnh sát trưởng về thủ phủ của hạt cũng sẽ là ngày tôi từ chức và chuyển lại nó cho Hap Birdwell đúng như anh ta muốn. Không, không, chỉ là một phiên tòa tôi phải tham dự trong thành phố thôi. Chỉ đơn thuần là việc giấy tờ, nhưng vậy đấy. Và anh biết ông thẩm phán Cripps là người thế nào rồi...mà cũng có thể là không, tôi đoán là anh không biết, vì anh vốn là kiểu người cố tránh xa phải dính dáng đến luật pháp. Ông ta là người nóng tính, và nếu có anh chàng nào có mặt không đúng giờ, tính tình ông ta còn trở nên tệ hại hơn nhiều. Vì thế cho dù chỉ là chuyện nói câu tuyên thệ trước Chúa rồi ký tên tôi lên một mớ giấy tờ pháp lý vớ vẩn, tôi cũng phải thu xếp thật khẩn trương công việc của tôi ở đây, phải không nào? Và hy vọng rằng cái xe mắc dịch của tôi không giở quẻ trên đường quay về.”

Tôi không nói gì sau khi lắng nghe tất cả. Ông ta nói năng *không giống* như một người đang vôi vãi, song có lẽ đó chỉ đơn giản là thói quen của ông ta.

Ông cảnh sát trưởng lại nhắc mũ lên, vuốt tóc vài cái nữa, nhưng lần này ông ta không đội mũ xuống. Ông ta chăm chú nhìn tôi, rồi chuyển sang Henry, rồi lại quay lại tôi. “Tôi đoán hai người cũng biết tôi

tự ý mò đến đây. Tôi tin rằng những gì xảy ra giữa một người đàn ông và vợ anh ta là chuyện riêng của họ. Nên như thế, phải không nào? Kinh Thánh nói người đàn ông là cái đầu của một người phụ nữ, và nếu một người phụ nữ cần học điều gì, điều đó nên do chồng cô ta dạy tại nhà. Sách Corinthian. Nếu Kinh Thánh là ông chủ duy nhất của tôi, tôi sẽ làm đúng như Kinh Thánh và cuộc đời hẳn sẽ đơn giản hơn nhiều.”

“Tôi lấy làm ngạc nhiên khi ông Lester không tới đây cùng ông,” tôi nói.

“Ồ, ông ta muốn đến lắm, nhưng tôi gặt phất đi. Ông ta cũng muốn tôi xin một trát khám nhà, nhưng tôi nói với ông ta rằng tôi không cần tới thứ đó. Tôi nói rằng hoặc anh sẽ cho phép tôi nhìn quanh một chút, hoặc có thể không.” Ông ta nhún vai. Khuôn mặt ông cảnh sát trưởng có vẻ bình thản, song đôi mắt ông ta thật sắc sảo, luôn luôn chuyển động: tìm kiếm và dò xét, dò xét và tìm kiếm.

Khi Henry hỏi tôi về cái giếng, tôi đã nói, *Chúng ta sẽ quan sát ông ta và quyết định xem ông ta sắc sảo đến mức nào. Nếu ông ta sắc sảo, chúng ta sẽ tự dẫn ông ta tới xem. Chúng ta không thể để mình trông có vẻ như đang có gì đó cần giấu diếm. Nếu con thấy bố gợn ngón tay cái lên, có nghĩa là bố nghĩ chúng ta buộc phải thử vận may. Nhưng chúng ta cần nhất trí với nhau, Hank. Nếu bố không thấy con gợn ngón cái lên đáp lại, bố sẽ im lặng không nói gì.*

Tôi gợn cốc của mình lên và uống nốt chỗ nước chanh còn lại. Khi tôi thấy Henry đang nhìn mình, tôi gợn ngón cái lên. Chỉ hơi nhích lên một chút. Hoàn toàn có thể coi như một cú co cơ.

“Cái ông Lester đó nghĩ gì vậy?” Henry hỏi, giọng có vẻ phẫn nộ. “Rằng bố con cháu trói mẹ cháu dưới hầm chắc?” Hai bàn tay thẳng bé vẫn nằm im hai bên sườn nó, không hề động đậy.

Cảnh sát trưởng Jones bật cười thực sự, cái bụng tròn trịa của ông ta rung lên sau chiếc thắt lưng. “Tôi đâu thể biết ông ta nghĩ gì, phải không nào? Mà thực lòng tôi cũng không mấy bận tâm về điều đó. Đám luật sư chính là những con bọ chét bám trên làn da của bản chất con người. Tôi có thể nói như vậy, vì tôi từng làm việc cho bọn họ - và chống lại bọn họ nữa - trong suốt quãng đời trưởng thành của tôi. Nhưng...” Đôi mắt sắc sảo dán chặt vào mắt tôi. “Tôi không quan tâm tới chuyện kiểm tra, chính vì ông đã không cho ông ta vào nhìn ngó. Ông ta rất bức bối về chuyện đó.”

Henry gãi lên cánh tay nó. Ngón cái của thằng bé gợn lên hai lần trong lúc nó làm như thế.

“Tôi không cho phép ông ta vào nhà vì tôi không thích ông ta,” tôi nói. “Mặc dù nói một cách công bằng, tôi đoán chắc tôi cũng sẽ chống lại cả thánh Tông đồ John nếu ông ấy tìm đến đây vì quyền lợi của nhà Cole Farrington.”

Nghe đến đây, cảnh sát trưởng Jones bật cười to: *Ha, ha, ha!* Nhưng đôi mắt ông ta lại chẳng hề cười.

Tôi đứng dậy. Thật nhẹ nhõm khi đứng trên hai chân của mình. Khi đứng lên, tôi cao hơn Jones ba hay bốn inch. “Ông có thể nhìn vào trái tim mình.”

“Tôi đánh giá cao chuyện đó. Như thế cuộc sống của tôi sẽ dễ dàng hơn nhiều, phải không nào? Tôi đã có thẩm phán Cripps để đối phó khi quay về rồi, như thế cũng là quá đủ. Không cần phải nghe thêm một trong những gã chó săn luật sư của Farrington ngoác mồm ra sủa vào mặt tôi, nếu tôi có thể tránh được chuyện đó.”

Chúng tôi cùng đi vào trong nhà, tôi dẫn đầu, và Henry đi sau cùng. Sau vài lời khen ngợi vị khách dành cho sự sạch sẽ của phòng khách và ngăn nắp của nhà bếp, chúng tôi đi xuống cuối lối đi. Cảnh sát trưởng Jones liếc mắt nhìn chiếu lệ vào phòng Henry, sau đó chúng tôi tới nơi quan trọng nhất. Tôi đẩy mở cánh cửa dẫn vào phòng ngủ của mình với một cảm giác chắc chắn thật lạ lùng: tất cả máu sẽ quay trở lại. Sẽ lênh láng dưới sàn, bắn lên tường, ướm sũng tấm đệm mới. Cảnh sát trưởng Jones sẽ nhìn thấy. Sau đó ông ta sẽ quay sang tôi, lấy cái còng tay đang treo lủng lẳng bên phía đối diện với khẩu súng ổ quay trên vòng hông mập mạp của mình, và nói: *Tôi sẽ bắt giữ ông vì tội sát hại Arlette James, được chứ?*

Không còn vết máu hay chút mùi máu nào trong đó, vì căn phòng đã được thông khí suốt nhiều ngày qua. Giường đã được sắp lại, cho dù không phải theo cách Arlette vẫn làm; cách sắp giường của tôi giống theo kiểu quân đội hơn, cho dù hai bàn chân của tôi đã giữ tôi đứng ngoài cuộc chiến đã cướp đi con trai của ông cảnh sát trưởng. Không thể đi giết bọn Kraut ^[17] khi anh có hai bàn chân bết. Những gã đàn ông có bàn chân bết chỉ có thể giết vợ.

“Phòng đẹp lắm,” Cảnh sát trưởng Jones nhận xét. “Cho phép đón ánh sáng buổi sớm, phải không?”

“Phải,” tôi nói. “Và mát mẻ gần hết buổi chiều, thậm chí cả vào mùa hè, vì mặt trời đã ngả về phía bên kia.” Tôi đi lại tú quần áo và mở nó ra. Cảm giác chắc chắn lúc trước lại quay trở lại, mạnh hơn bao giờ hết. *Tám mền đâu rồi?* ông ta sẽ hỏi. *Cái mền vốn để ở giữa tầng giá trên cùng ấy?*

Tất nhiên, ông ta không hề hỏi vậy, song ông cảnh sát trưởng bước tới khá hăng hái khi tôi mời ông ta. Đôi mắt sắc sảo của ông - màu xanh lục rất sáng, gần như mắt mèo - quan sát chỗ này, chỗ kia, mọi chỗ. “Nhiều đồ quá,” ông ta nói.

“Phải,” tôi thừa nhận. “Arlette thích váy áo và cô ta cũng thích những cuốn ca ta lô đặt hàng qua bưu điện. Nhưng vì cô ta chỉ mang theo có một cái va li - chúng tôi có hai cái, và chiếc còn lại vẫn ở kia, ông có thấy nó trong góc đằng sau không? - tôi buộc phải nói rằng cô ta đã chỉ mang theo những món cô ta thích nhất. Và những món thực sự hữu dụng, tôi đoán vậy. Cô ta có hai cái quần ống rộng và một cái quần bò màu xanh, và tất cả đều biến mất rồi, cho dù cô ta không quan tâm đến mấy cái quần vải.”

“Tuy thế, quần vải rất tiện lợi khi đi đường, phải không nào? Cho dù là đàn ông hay đàn bà, quần vải cũng rất tiện lợi khi đi đường. Và một phụ nữ hoàn toàn có thể lựa chọn chúng. Ý tôi là khi cô ta vội.”

“Tôi đoán là thế.”

“Mẹ cháu đã mang theo những món trang sức đắt giá của mẹ cùng bức ảnh mẹ chụp chung với ông bà

ngoại,” Henry lên tiếng sau lưng chúng tôi. Tôi hơi giật mình; tôi hầu như đã quên khuấy mất thằng bé cũng đang có mặt.

“Thật thế sao? Được lắm, ta đoán là bà ấy sẽ có thể làm vậy.”

Ông cảnh sát trưởng liếc qua lần nữa đóng quần áo, rồi đóng cửa tủ lại. “Căn phòng đẹp lắm,” ông ta nói, quay trở ra lối đi, chiếc mũ cao bồi hiệu Stetson vẫn cầm trên tay. “Ngôi nhà đẹp lắm. Một người phụ nữ hẳn phải điên mới rời khỏi một căn phòng và một ngôi nhà đẹp thế này.”

“Mẹ cháu nói rất nhiều về thành phố,” Henry nói, rồi thở dài. “Mẹ cháu từng có ý định mở một cửa hiệu gì đó.”

“Thật vậy sao?” Cảnh sát trưởng Jones chăm chú nhìn thằng bé với đôi mắt mèo xanh lục của ông ta. “Được lắm! Nhưng một việc như thế sẽ cần đến tiền, phải không nào?”

“Cô ta có khu đất được thừa kế từ bố mình,” tôi nói.

“Phải rồi, phải rồi.” Ông ta mỉm cười rụt rè, như thể đã quên mất khu đất đó. “Và có thể như thế lại tốt hơn. “Thà rằng sống ở một vùng đất hoang còn hơn sống với một người đàn bà cay nghiệt luôn cáu bẳn”. Sách Cách ngôn. Cháu có thấy vui vì mẹ cháu đã bỏ đi không, chàng trai?”

“Không,” Henry nói, và nước mắt trào ra từ đôi mắt thằng bé. Tôi thầm tạ ơn từng giọt.

Cảnh sát trưởng Jones nói, “Thôi nào, thôi nào”. Sau khi đã an ủi qua loa như thế, ông ta cúi xuống, chống hai bàn tay lên hai bên đầu gối mập mạp, và nhìn vào dưới gầm giường. “Xem ra dưới này có một đôi giày nữ. Giày đế bằng. Loại phù hợp cho đi bộ. Ông không nghĩ rằng bà nhà đi chân đất bỏ đi đấy chứ?”

“Cô ta đi đôi giày vải,” tôi nói. “Đôi đó đã biến mất.”

Đúng thế. Đôi giày màu xanh lá cây đã bạc màu mà vợ tôi hay gọi là đôi giày làm vườn của cô ta. Tôi nhớ rõ đã thấy chúng trước khi bắt đầu lấp đất xuống giếng.

“À!” ông ta thốt lên. “Thêm một bí ẩn nữa được sáng tỏ.” Ông cảnh sát trưởng lấy từ trong túi áo vét ra một cái đồng hồ vỏ bạc và xem giờ. “Được rồi, tốt hơn tôi nên quay về. Thời gian trôi đi nhanh quá.”

Chúng tôi lại quay trở ra qua trong nhà, Henry đi sau cùng, có lẽ để nó có thể lau khô mắt một cách riêng tư. Chúng tôi đi cùng ông cảnh sát trưởng tới chỗ chiếc sedan Maxwell có ngôi sao trên cánh cửa của ông ta. Tôi đang định hỏi ông ta có muốn xem qua cái giếng hay không - thậm chí tôi còn biết chắc mình sẽ gọi nó bằng cái tên nào - thì ông ta dừng lại và dành cho con trai tôi một cái nhìn tử tế khùng khiếp.

“Ta đã ghé qua chỗ nhà Cotterie,” ông ta nói.

“VẬY Ừ?” Henry hỏi. “Ông đã ghé qua đó thực sao?”

“Ta đã nói với hai người là dạo này qua bụi cây nào ta cũng phải dừng lại để xả nước rồi còn gì, nhưng ta sẽ dùng nhà vệ sinh bất cứ khi nào có trong tầm tay, luôn với điều kiện là chủ nhân của chúng giữ chúng sạch sẽ và ta không phải lo ngại ong bắp cày trong lúc chờ cái vòi của ta thả nốt những giọt cuối cùng xuống. Và gia đình Cotterie là những con người sạch sẽ. Cô con gái cũng rất xinh nữa. Cô bé cũng trạc tuổi cháu, đúng không?”

“Vâng, thưa ông,” Henry nói, hơi lên giọng một chút khi nói đến *thưa ông*.

“Ta đoán là cháu cũng có cảm tình với cô bé, phải không? Và cô bé cũng có cảm tình với cháu, theo như những gì mẹ cô bé nói.”

“Cô ấy nói vậy thật sao ạ?” Henry hỏi. Giọng nói của thằng bé có vẻ ngạc nhiên, nhưng cũng rất vui sướng.

“Đúng vậy. Bà Cotterie nói cháu rất buồn phiền về mẹ cháu, và Shannon đã kể cho bà ấy nghe chuyện gì đó cháu đã nói về việc này. Ta đã hỏi bà ấy chuyện đó là gì, và bà ấy nói đó là chuyện bà ấy không tiện nói ra, nhưng ta có thể hỏi Shannon. Và ta đã làm thế.”

Henry nhìn chằm chằm xuống dưới chân nó. “Cháu đã bảo bạn ấy không kể lại với ai khác.”

“Cháu sẽ không phiền lòng với cô bé chứ, phải không nào?” Cảnh sát trưởng Jones hỏi. “Ý ta là, khi một người to con như ta với một ngôi sao trên ngực ông ta hỏi một cô bé những gì cô ta biết, cô bé thật khó lòng mà giữ mồm giữ miệng được, phải không nào? Cô bé đành phải kể ra thôi, phải không?”

“Cháu không biết,” Henry nói, vẫn cúi gầm mặt xuống. “Có thể lắm.” Thằng bé không chỉ đơn thuần *tỏ vẻ* bất hạnh; nó đang *thực sự* bất hạnh. Cho dù đó đúng là bộ dạng chúng tôi đã hy vọng thể hiện ra được.

“Shannon nói mẹ cháu và bố cháu đã cãi cọ nhau dữ dội về việc bán khu đất trăm mẫu đó, và khi cháu đứng về phía bố cháu, mẹ đã tát cháu rất mạnh.”

“Vâng,” Henry nói một cách vô cảm. “Mẹ cháu đã uống quá nhiều.”

Cảnh sát trưởng Jones quay sang tôi. “Bà nhà uống say khướt hay chỉ chệnh choáng thôi?”

“Ở đâu đó giữa hai mức độ đó,” tôi nói. “Nếu cô ta đã say mềm hẳn, thì chắc cô ta sẽ ngủ yên cả đêm thay vì bò dậy, xếp đồ vào vali và lén lút bỏ đi như kẻ trộm vậy.”

“Ông có nghĩ bà nhà sẽ quay về khi tỉnh rượu không?”

“Tôi đã nghĩ thế. Chỗ này cách đường nhựa chừng hơn bốn dặm. Tôi đã nghĩ chắc chắn cô ta sẽ quay về. Chắc hẳn phải có ai đó đi ngang qua và cho cô ta đi nhờ xe trước khi đầu óc cô ta tỉnh hẳn. Theo tôi đoán thì đó là một tay tài xế xe tải chạy tuyến Lincoln - Omaha.”

“Hẳn rồi, hẳn rồi, tôi cũng đoán thế. Tôi tin chắc thế nào ông cũng được biết tin của bà nhà khi bà ấy liên lạc với ông Lester. Nếu bà nhà muốn tách ra sống riêng, nếu vợ ông đã có ý tưởng đó trong đầu, bà nhà sẽ cần đến tiền để thực hiện việc này.”

Vậy là ông ta cũng biết cả việc đó nữa.

Đôi mắt ông cảnh sát trưởng bỗng trở nên sắc lạnh. “Ông có biết liệu bà nhà có tiền không, ông James?”

“À...”

“Đừng xấu hổ. Xung tội là điều tốt cho linh hồn. Những người Công giáo cần bám lấy thứ gì đó ngoài kia, phải không nào?”

“Tôi có cất một cái hộp trong ngăn kéo. Trong đó có 200 đô la, dùng để trả tiền cho những người thu hoạch thuê khi họ bắt đầu làm việc vào tháng tới.”

“Và trả cho ông Cotterie nữa,” Henry nhắc cho tôi nhớ. Quay sang cảnh sát trưởng Jones, thằng bé nói: “Ông Cotterie có một máy thu hoạch ngô. Một cái máy hiệu Harris Giant. Gần như còn mới tinh. Một cái máy rất tuyệt.”

“Phải rồi, phải rồi, ta đã thấy nó ở ngoài sân nhà ông ấy. Quả là một cái máy bự con, phải không nào? Thứ lỗi cho giọng Ba Lan của tôi. Tiền đã biến mất hết khỏi cái hộp rồi, phải không?”

Tôi mỉm cười chua chát - chỉ có điều không thực sự là tôi chường ra nụ cười đó; Kẻ Ma Quái đã ra tay đảm nhiệm mọi sự kể từ lúc cảnh sát trưởng Jones dừng xe bên cái thớt bỏ củi. “Cô ta để lại hai mươi đô la. Quả là rộng rãi. Nhưng hai mươi là số tiền tối đa Harlan Cotterie sẽ lấy để cho thuê cái máy thu hoạch ngô của ông ấy, vậy nên cũng ổn thôi. Và khi cần tiền thuê người thu hoạch, tôi đoán Stoppenhauser tại nhà băng sẽ ứng cho tôi một khoản vay. Trừ khi ông ta có nợ nần gì đó với Công ty Farrington, tất nhiên rồi. Dù thế nào đi nữa, tôi cũng có tay nhà nông giỏi nhất của mình ở đây rồi.”

Tôi cố làm bộ xoa đầu Henry. Thằng bé bối rối lảng ra.

“Được rồi, tôi đã có đủ tin tức để báo lại cho ông Lester rồi, phải không nào? Ông ta sẽ chẳng thích thú gì với bất cứ tin nào trong số này, nhưng nếu ông ta khôn ngoan đúng như ông ta tự nghĩ về mình, tôi đoán ông ta sẽ biết phải chờ đợi bà nhà tại văn phòng của mình, và sớm thôi chứ không lâu nữa. Con người ta thường có xu hướng chường mặt ra sớm khi thiếu những tờ xanh gấp trong ví, phải không nào?”

“Đó là kinh nghiệm của chính tôi,” tôi nói. “Nếu chúng ta đã xong rồi, thưa cảnh sát trưởng, tốt hơn con trai tôi và tôi nên quay lại làm việc. Đáng ra cái giếng vô dụng đó phải được lấp đi từ ba năm trước rồi. Một con bò cái già của tôi...”

“Elphis,” Henry nói như một cậu nhóc đang nằm mơ. “Tên nó là Elphis.”

“Elphis,” tôi đồng ý. “Nó mò ra khỏi chuồng và quyết định thử leo lên nắp giếng, và cái nắp sụp xuống. Mà con bò già đó còn chẳng chịu tự chết đi nữa. Tôi đã phải bắn nó. Mời ông đi ra đằng sau chuồng gia súc, tôi sẽ chỉ cho ông thấy con vật lười nhác đó với những cái chân chết tiệt của nó cựa cả lên trời. Chúng tôi sẽ chôn nó luôn ở đúng chỗ nó đang nằm, và từ giờ trở đi tôi sẽ gọi cái giếng cũ đó là Cơn Điên của Wilfred.”

“À, liệu tôi có nên đi xem không nhỉ? Cũng là một thứ đáng ngó qua đấy. Nhưng tôi còn phải làm hài lòng ông thẩm phán già khó tính kia nữa. Để lúc khác vậy.” Ông ta ị ạch chui vào trong xe, vừa chui vào vừa lầm bầm. “Cảm ơn ông vì nước chanh, và vì cuộc đón tiếp chu đáo. Ông hoàn toàn có thể tỏ ra ít mền khách hơn thế nhiều, nếu tính đến người đã đưa tôi tới đây.”

“Không sao đâu,” tôi nói. “Chúng ta ai cũng có công việc của mình mà.”

“Và gánh nặng phải mang nữa.” Đôi mắt sắc sảo của ông cảnh sát trưởng lại dừng lại ở Henry. “Con trai, ông Lester nói với ta rằng cháu đang giấu diếm điều gì đó. Ông ta tin chắc về chuyện đó. Và có đúng vậy không?”

“Đúng thế, thưa ông,” Henry nói với giọng nói vô cảm và có phần khó chịu. Như thể mọi cảm xúc của thằng bé đã bay biến hết cả, như những thứ ở trong chiếc vỏ của Pandora khi cô ta mở nó ra. Nhưng không còn Elphis nào cho Henry và tôi; Elphis của chúng tôi đã chết ở dưới giếng.

“Nếu ông ấy hỏi ta, ta sẽ nói với ông ấy rằng ông ấy đã nhầm,” cảnh sát trưởng Jones nói. “Một luật sư của công ty không cần phải biết mẹ của một cậu bé đã đánh nó khi bà ta đang say.” Ông ta lục lọi dưới gầm ghế ngồi của mình, rồi lôi ra một món đồ hình chữ S dài mà tôi biết quá rõ, rồi đưa nó cho Henry. “Cháu có thể giúp một chút cho cái lưng và đôi vai của một lão già không, con trai?”

“Có chứ, thưa ông, rất sẵn lòng.” Henry cầm lấy cần khởi động và đi ra phía trước chiếc Maxwell.

“Cẩn thận cổ tay cháu đấy!” Jones lớn tiếng. “Nó quật lại như một con bò tốt đấy!” Rồi ông ta quay sang tôi. Tia dò hỏi đã biến mất khỏi đôi mắt ông ta. Cả màu xanh lục cũng thế. Đôi mắt giờ đây trở nên mờ đục, ngả màu xám và thật cứng rắn, giống như mặt nước hồ vào một ngày đầy mây. Đó là khuôn mặt của một người đàn ông có thể lao vút qua đường ray chỉ cách đoàn tàu một inch và chẳng bao giờ mất ngủ dù chỉ một phút vì chuyện đó. “Ông James,” ông ta nói. “Tôi cần hỏi ông một điều. Như hai người đàn ông với nhau.”

“Được thôi,” tôi nói. Tôi cố trấn tĩnh lại để đón nhận câu hỏi mà tôi cảm thấy chắc chắn sẽ tới tiếp

theo: *Có phải còn một con bò cái nữa dưới giếng không? Một con bò cái có tên Arlette?* Nhưng tôi đã lầm.

“Tôi có thể chuyển họ tên và bản mô tả đặc điểm cá nhân của bà nhà đi theo đường điện tín, nếu ông muốn. Chắc chắn bà nhà sẽ không đi xa hơn Omaha, phải không nào? Không thể, với chỉ một trăm tám mươi đô trong túi. Và một người phụ nữ đã trải qua phần lớn cuộc đời làm việc nội trợ trong nhà hiển nhiên không thể biết cách lẩn trốn. Có lẽ bà nhà đang ở trong một nhà trọ tại khu đông, nơi giá phòng rẻ. Tôi có thể đưa cô ta về nhà. *Túm tóc* lòi về, nếu ông muốn.”

“Đúng là một lời đề nghị hào phóng, nhưng...”

Đôi mắt xám đờ đẫn chăm chú nhìn tôi. “Hãy nghĩ cho kỹ trước khi ông trả lời có hay không. Đôi khi cần nói chuyện với một người đàn bà bằng tay chân, nếu ông hiểu ý tôi muốn nói gì? và sau đó họ sẽ ổn cả. Một trận đòn ra trò đôi khi lại làm một số người đàn bà trở nên dịu dàng hơn. Hãy thử cân nhắc đi.”

“Tôi sẽ làm thế.”

Động cơ chiếc Maxwell nổ giòn. Tôi chìa bàn tay ra - chính bàn tay đã cắt cổ vợ tôi - nhưng cảnh sát trưởng Jones không để ý đến. Ông ta đang bận rộn với việc vào sổ và chỉnh chân ga của chiếc Maxwell.

Hai phút sau, ông ta chỉ còn là một đám bụi bốc lên trên con đường chạy từ trang trại ra.

“Ông ấy thậm chí còn chẳng hề muốn nhìn qua,” Henry ngỡ ngàng.

“Không.”

Và hóa ra đó lại là chuyện tốt.

Chúng tôi đã xúc đất rất lấp giếng rất nhanh khi thấy ông cảnh sát trưởng tới, và giờ đây không còn gì thò lên ngoài một bên chân sau của Elphis. Móng guốc của cái chân đó nằm cách miệng giếng chừng một mét hai. Ruồi bu đầy xung quanh nó như một đám mây. Vậy đấy, ông cảnh sát trưởng đã hoàn toàn có thể bận tâm xem qua, và thậm chí còn bận tâm hơn nữa khi đám đất phía trước cái móng guốc còn nhô lên đó bắt đầu phập phồng nhô lên hạ xuống.

Henry đánh rơi cái xẻng của nó và bám chặt lấy tay tôi. Chiều hôm đó rất nóng, nhưng bàn tay thẳng bé lại lạnh toát. “Là bà ấy!” nó thì thầm. Dường như trên khuôn mặt nó chỉ còn lại đôi mắt đang mở to hết cỡ. “Bà ấy đang cố thoát ra!”

“Thôi ngay trò ngu ngốc đáng nguyên rủa đó đi,” tôi nói? nhưng tôi cũng không thể rời mắt khỏi khoảng đất hình tròn đang phập phồng đó. Như thể cái giếng đang sống dậy; và chúng tôi đang trông thấy trái tim bị vùi kín của nó đập.

Sau đó, đất và đá vụn bắn tung ra xung quanh và một con chuột nhô lên. Đôi mắt của nó, đen nhán như hai giọt dầu, lấp lánh dưới ánh mặt trời. Con chuột phải to gần bằng một con mèo trưởng thành. Mắc vào bộ ria của nó là một mảnh bao tải màu nâu dính máu.

“Ôi, chết tiệt!” Henry gào lên.

Có thứ gì đó rít lên lao qua sát bên tai tôi, rồi lưỡi chiếc xẻng của Henry chém vỡ đôi đầu con chuột trong lúc nó ngược mắt nhìn lên bầu trời nắng chói chang.

“Bà ấy gửi nó tới,” Henry nói. Thằng bé đang cười hết cỡ. “Giờ những con chuột đã trở thành của bà ấy.”

“Không thể có chuyện như thế. Chỉ là con quá kích động thôi.”

Con trai tôi buông rơi cái xẻng xuống và bước tới chỗ đóng đá chúng tôi định dùng để hoàn tất công việc khi cái giếng đã được lấp gần đầy. Thằng bé ngồi xuống đó và bắt đầu nhìn tôi chăm chú. “Bố có chắc vậy không? Bố có chắc chắn không phải bà ấy đang ám ảnh chúng ta không? Người ta nói một người bị sát hại sẽ quay trở lại để ám ảnh bất cứ ai...”

“Người ta nói nhiều thứ lắm. Sét không bao giờ đánh hai lần xuống cùng một chỗ, một cái gương vỡ mang tới bảy năm đen đủi, một con chim đớp muỗi hót lúc nửa đêm có nghĩa là ai đó trong gia đình sắp qua đời.” Tôi nói với vẻ đầy lý trí, song tôi vẫn không rời mắt được khỏi con chuột đã chết. Và vết máu trên mảnh bao tải đó. Từ cái bao tải chụp trên đầu vợ tôi. Cô ta vẫn còn đeo nó trên đầu khi bị ném xuống giếng, chỉ có điều giờ đây trên chiếc bao tải đã có một lỗ thủng với tóc của cô ta dựng lên thò qua đó. *Về mặt đó thật hay gặp ở những người đàn bà đã chết vào mùa hè này, tôi thầm nghĩ.*

“Khi con còn bé, con đã thực sự tin rằng nếu con giẫm lên một đốt sừng lung, con sẽ làm gãy lưng mẹ,” Henry trầm ngâm nói.

“Đằng kia - bố thấy không?”

Thằng bé phúi bụi đá khỏi đùi quần, và đứng dậy bên cạnh tôi. “Con nghĩ con đã giết được nó - con đã giết được con chuột khốn kiếp đó rồi, đúng không?”

“Đúng rồi!” Và vì tôi không hề thích cách thằng bé nói - không, không hề - tôi vỗ lên lưng nó.

Henry vẫn đang cười. “Nếu ông cảnh sát trưởng quay lại đây để nhìn qua như bố đã mời ông ấy và thấy con chuột đó đào đất chui lên, có khi ông ấy đã lại có thêm vài câu hỏi nữa, bố có nghĩ thế không?”

Có điều gì đó trong ý tưởng này làm Henry phá lên cười sảng sặc đầy kích động. Phải mất bốn hay năm phút để thằng bé cười xong, và nó khiến lũ quạ trên hàng rào sợ chết khiếp đến mức không dám

bén mảng lại gần đồng ngô, nhưng cuối cùng con trai tôi cũng bình tâm lại. Khi hai bố con tôi hoàn tất việc lấp giếng, mặt trời đã lặn từ lâu, và chúng tôi có thể nghe thấy tiếng những con cú so giọng với nhau trong khi bắt đầu những chuyến săn đêm trước lúc trăng mọc từ nóc chuồng gia súc. Những tảng đá đổ lên trên cái giếng đã biến mất được đầm chặt vào nhau, và tôi không nghĩ còn có con chuột nào sẽ có thể thò được lên bề mặt. Hai bố con tôi cũng chẳng buồn thay cái nắp giếng cũ đã vỡ; chẳng cần thiết phải làm thế. Henry dường như đã trở lại bình thường, và tôi nghĩ có lẽ cả hai chúng tôi sẽ được hưởng một giấc ngủ ngon ban đêm.

“Con nói sao về xúc xích, đậu hạt và bánh ngô?” tôi hỏi thằng bé.

“Con có thể bật máy phát điện và mở bài Hayride Party trên radio không ạ?”

“Tất nhiên, thưa quý ông, ông có thể.”

Nghe thấy câu trả lời, thằng bé mỉm cười, nụ cười đáng yêu thuở trước. “Cảm ơn bố.”

Tôi nấu đủ đồ ăn cho bốn người, và hai bố con tôi ăn hết nhẵn.

Hai giờ sau, trong lúc tôi đang ngồi trên chiếc ghế tựa trong phòng khách gật gù đọc *Silas Marner* ^[18], Henry từ phòng nó đi vào, chỉ mặc độc có đồ lót mùa hè. Nó nhìn tôi hoàn toàn tỉnh táo. “Mẹ luôn khẳng khái buộc con phải cầu nguyện, bố có biết chuyện đó không?”

Tôi ngạc nhiên nháy mắt với thằng bé. “Vẫn chưa ngủ sao? Không. Bố không biết.”

“Đúng thế đấy. Ngay cả sau khi mẹ chỉ nhìn con khi con đã mặc quần tử tế, bởi vì bà ấy nói con đã quá lớn và sẽ không phải nếu không làm thế. Nhưng bây giờ con không thể cầu nguyện, hay sau này cũng thế. Nếu con quỳ xuống, con nghĩ Chúa sẽ đánh chết con.”

“Nếu như có Chúa thật,” tôi nói.

“Con hy vọng là không có. Nghe thật cô độc, nhưng con hy vọng là không có. Con nghĩ tất cả những kẻ sát nhân đều hy vọng như thế. Bởi vì nếu không có Thiên Đường, cũng sẽ chẳng có Địa Ngục.”

“Con trai, bố mới là người giết bà ấy.”

“Không - chúng ta đã cùng nhau làm việc đó.”

Không đúng thế - con trai tôi mới chỉ là một đứa trẻ, và tôi đã ép buộc nó - nhưng với nó đúng là như thế, và tôi nghĩ sẽ luôn là như thế.

“Nhưng bố sẽ không phải lo về con đâu. Con biết bố nghĩ con sẽ làm lộ chuyện - nhiều khả năng là với Shannon. Hoặc có thể con sẽ cảm thấy tội lỗi đến mức đi tới Hemingford và thú tội với ông cảnh sát

trưởng.”

Tất nhiên những ý nghĩ đó đã thoáng qua đầu tôi.

Henry chậm rãi lắc đầu đầy thông cảm. “Ông cảnh sát trưởng đó - bố có thấy ông ta nhìn mọi thứ như thế nào không? Bố có thấy đôi mắt của ông ta không?”

“Có.”

“Ông ta cố đẩy cả hai chúng ta lên ghế điện, con nghĩ thế, và không hề bận tâm tới chuyện con chưa đủ mười lăm tuổi cho tới tận tháng Tám. Ông ta rồi cũng sẽ có mặt ở đó, nhìn chăm chăm vào chúng ta với đôi mắt khắc nghiệt của mình khi người ta chằng dây điện vào chúng ta và...”

“Thôi đi, Hank. Đủ rồi đấy.”

Song như thế với thằng bé vẫn là chưa đủ. “... và sập cầu giao. Con sẽ không bao giờ để chuyện đó xảy ra, nếu con có thể làm gì đó. Những con mắt ấy sẽ không bao giờ là thứ cuối cùng con nhìn thấy.” Thằng bé nghĩ lại những gì nó vừa nói. “*Không bao giờ, ý con là vậy đấy. Không bao giờ.*”

“Lên giường đi ngủ đi, Henry.”

“Hank.”

“Hank. Đi ngủ đi con. Bố yêu con.”

Thằng bé mỉm cười. “Con biết, nhưng con không mấy xứng đáng với nó.” Rồi bỏ đi trước khi tôi kịp trả lời.

[19]

Vậy là đi ngủ, như ông Pepys nói. Chúng tôi ngủ thiếp đi trong lúc những con cú săn mồi và Arlette ngồi dưới bóng tối sâu thẳm của cô ta với nửa dưới khuôn mặt bị móng guốc của con bò cái đá lệch sang một bên. Ngày hôm sau mặt trời xuất hiện, một ngày tốt cho những cây ngô, và chúng tôi cùng bắt tay vào làm việc.

Khi tôi quay vào nhà, nóng bức, mệt nhoài, để chuẩn bị cho hai bố con một bữa trưa, có một cái xoong đầy nắp đặt trên ngưỡng cửa. Một tờ giấy ghi lời nhắn bay phấp phới được kê vào dưới một bên cái xoong. Trên đó viết: *Wilf - Chúng tôi rất lấy làm tiếc vì những rắc rối anh gặp phải và sẵn sàng giúp đỡ anh theo mọi cách có thể. Harlan nói anh đừng lo về việc trả tiền thuê máy thu hoạch ngô vụ hè năm nay. Nếu anh biết được tin tức gì từ vợ anh, làm ơn hãy cho chúng tôi biết. Chào anh, Sallie Cotterie.*

Tái bút: Nếu Henry tới thăm Shan, tôi sẽ gửi cho hai bố con một cái bánh quả việt quất.

Tôi nhét tờ giấy vào trong túi trên chiếc quần yếm tôi đang mặc và mỉm cười. Cuộc sống của chúng tôi không còn Arlette đã bắt đầu.

Nếu Chúa tưởng thưởng cho chúng ta trên thế gian này vì những việc tốt - Kinh Cựu Ước cho là như thế, và chắc chắn những người Thanh Giáo cũng tin vào điều này - thì rất có thể Satan tưởng thưởng cho chúng tôi vì những việc xấu. Tôi không thể nói chắc chắn, nhưng tôi có thể nói rằng mùa hè năm đó thật tuyệt, với rất nhiều nắng ấm và mặt trời cho cánh đồng ngô và vừa đủ mưa để giữ cho những mẩu ruộng rau của chúng tôi xanh tốt. Cũng có sấm chớp xảy ra vào một vài buổi chiều, song không hề xuất hiện lần nào những cơn gió lốc làm xóa sổ hết mùa màng mà nông dân vùng Trung Tây vẫn e sợ. Harlan Cotterie đến cùng chiếc máy Harris Giant, và cái máy đã không bị trục trặc lần nào. Tôi có được khoản vay từ ngân hàng mà không gặp bất cứ rắc rối nào, và trả lại đầy đủ vào tháng Mười, vì năm đó giá ngô đột nhiên cao vọt lên tới khó tin và phí vận chuyển của công ty đường sắt Miền Tây lại hạ thấp kỷ lục. Nếu các vị nhớ rõ môn lịch sử, các vị hẳn còn nhớ rằng hai thứ đó - giá của sản phẩm và chi phí vận chuyển - đã đảo chỗ cho nhau từ năm 1923 và vẫn giữ nguyên như thế kể từ đó. Với những người nông dân của vùng Trung Tây, cuộc Đại Suy Thoái bắt đầu khi Thị trường Hàng hóa Nông nghiệp Chicago sụp đổ vào mùa hè tiếp theo. Nhưng mùa hè năm 1922 quả là hoàn hảo như mơ ước của bất cứ người nông dân nào. Chỉ một biến cố duy nhất phủ bóng đen lên nó, và lại liên quan tới một con bò cái khác của chúng tôi, và tôi sẽ kể ngay cho quý vị biết về biến cố này.

Ông Lester có tìm đến hai lần nữa. Ông ta cố quấy rầy chúng tôi, nhưng ông ta chẳng có gì đưa ra làm

có thể quấy rầy, và hẳn là tay luật sư cũng biết thế, vì trong ông ta rất vội vã vào tháng Bảy năm ấy. Tôi hình dung ra các ông chủ của tay luật sư cũng đang quấy quả ông ta quyết liệt, và ông ta chỉ đơn giản là chuyển tải lại chúng tới chúng tôi. Hay cố gắng làm như thế.

Lần thứ nhất, ông ta hỏi rất nhiều những câu hỏi mà kỳ thực cũng chẳng phải là câu hỏi, mà là những câu ám chỉ bóng gió. Tôi có cho rằng vợ tôi đã gặp phải một tai nạn hay không? Chắc chắn phải là như thế, tôi có đồng ý vậy không, vì nếu không vợ tôi hoặc đã phải liên lạc ông ta nhằm thu xếp việc thanh toán bằng tiền mặt cho lô đất 100 mẫu kia hoặc chỉ đơn giản là cúp đuôi, theo nghĩa bóng, quay trở về trang trại. Hoặc tôi có nghĩ vợ tôi đã mắc bẫy một kẻ lừa đảo nào đó trên đường không? Những chuyện như thế thỉnh thoảng vẫn hay xảy ra, phải không nào? Và như thế chắc chắn sẽ rất tiện lợi cho tôi, chẳng đúng vậy sao?

Lần thứ hai tay luật sư chường mặt đến, ông ta trông cũng tuyệt vọng ngang với mức độ hồi hảm của mình, và thẳng thừng hỏi tuốt ra luôn: có phải vợ tôi đã bị tai nạn ngay tại trang trại hay không? Có phải đó là những gì đã xảy ra không? Có phải đó là lý do tại sao không ai phát hiện ra cô ta dù còn sống hay đã chết hay không?

“Ông Lester, nếu như ông đang muốn hỏi liệu có phải tôi đã sát hại vợ tôi hay không, thì câu trả lời là không.”

“À, tất nhiên ông sẽ nói thế rồi, phải không nào?”

“Đó là câu hỏi cuối cùng của ông dành cho tôi, thưa ông. Hãy trèo lên cái xe tải kia, biến đi, và đừng có vác mặt trở lại đây nữa. Nếu ông còn quay lại, tôi sẽ dành cho ông một cái cán rìu vào mặt.”

“Ông sẽ phải vào tù vì tội hành hung người khác!” Hôm đó, tay luật sư mặc một chiếc áo có cổ cồng hồ bột, và cái cổ cồng lúc ấy đã hoàn toàn xộc xệch xiên xẹo. Gần như có thể cảm thấy cảm cảnh cho ông ta khi ông ta đứng đó với cái cổ cồng chọc vào dưới cằm và mồ hôi vạch thành từng dòng trên khuôn mặt phì nộn bê bết bụi, đôi môi méo mó và đôi mắt lồi ra.

“Không thể có chuyện đó. Tôi đã cảnh cáo ông tránh xa tư gia của tôi, vì đó là quyền hợp pháp tôi được phép, và tôi dự định sẽ gửi một lá thư bảo đảm tới tận văn phòng của ông nêu rõ điều này. Cứ thử quay lại lần nữa đi, hành động đó sẽ là phạm pháp và tôi sẽ nện cho ông một trận. Hãy nhớ lấy, thưa ông.” Lars Olsen, người vẫn tiếp tục chờ Lester tới trên cái xe tải Red Baby của anh ta, chỉ còn thiếu nước giơ hai tay lên trên vành tai để hóng hót được rõ hơn.

Khi Lester đến bên ghé dành cho hành khách không có cánh cửa của chiếc xe tải, ông ta quay ngoắt lại, duỗi thẳng một cánh tay ra với một ngón tay chỉ ra trước, giống như một luật sư trước tòa ưa thích những cử chỉ mang chất sân khấu. “Tôi nghĩ ông đã giết bà ấy! Và sớm hay muộn, một vụ án mạng cũng sẽ bị phát giác!”

Henry - hay Hank, như thằng bé giờ đây ưa được gọi - từ trong chuồng gia súc đi ra. Con trai tôi đang bận rộn xúc cỏ khô và nó cầm cây chĩa ba xúc cỏ ngang trước ngực như một khẩu súng trường. “Tôi

nghe tốt hơn ông nên biến khỏi đây trước khi bị chảy máu,” nó nói. Cậu bé hiền lành và có phần nhút nhát tôi từng biết cho tới mùa hè năm 1922 hẳn sẽ không bao giờ nói ra những lời như thế, nhưng đứa trẻ này thì có, và Lester thấy rõ thằng bé không đùa. Ông ta chui tọt lên xe. Không có cánh cửa nào để đóng sập vào, tay luật sư chỉ còn biết khoanh hai tay trước ngực.

“Cứ việc quay lại bất cứ lúc nào, Lars,” tôi vui vẻ nói, “nhưng đừng mang ông ta theo, cho dù ông ta có trả cho anh bao nhiêu để tha đôi móng vô dụng của ông ta đến đây đi nữa.”

“Không bao giờ, ông James,” Lars nói, và bọn họ quay đi.

Tôi quay sang Henry. “Con định dùng cây chĩa ba đó đâm ông ta thật sao?”

“Vâng, bố. Để ông ta kêu ré lên.” Rồi thằng bé quay vào trong chuồng gia súc, không hề mỉm cười.

Nhưng không phải nụ cười lúc nào cũng vắng bóng trên khuôn mặt con trai tôi mùa hè đó, và nguyên nhân chính là Shannon Cotterie. Nó gặp cô bé rất thường xuyên (quá thường xuyên để tốt cho bất cứ ai trong hai đứa; tôi đã phát hiện ra điều đó vào mùa thu). Cô bé bắt đầu tới nhà chúng tôi chơi vào các buổi chiều thứ Ba và thứ Năm, mặc váy dài, đội một cái mũ sạch tinh tươm, và đeo một cái túi đựng những món đồ ăn ngon lành. Cô bé nói nó biết “đàn ông nấu ăn như thế nào” - như thể nó đã 30 tuổi chứ không phải 15 - và nói cô bé định sẽ quan tâm để hai bố con tôi ít nhất cũng có được hai bữa chiều tử tế mỗi tuần. Và cho dù tôi chỉ có duy nhất một món ăn do mẹ cô bé làm để so sánh, tôi phải nói rằng cho dù ở tuổi 15 cô con gái đã là một đầu bếp xuất sắc hơn. Henry và tôi chỉ đơn thuần ném những tảng bơ tét vào một cái chảo đặt trên bếp; cô bé có một cách nêm gia vị khiến cho món thịt quen thuộc nhạt nhẽo đó trở nên thật ngon lành. Cô bé mang theo rau tươi trong cái túi đeo bên hông - không chỉ cà rốt và đậu mà cả những thứ thật mới lạ (với chúng tôi) như măng tây và món đậu xanh béo ngậy cô bé nấu với hành tây và thịt muối. Thậm chí còn có cả món tráng miệng. Trong căn phòng khách sạn tồi tàn này, tôi có thể nhắm mắt lại và ngửi thấy mùi món bánh ngọt của cô bé. Tôi có thể hình dung ra cô bé đứng bên bàn bếp, hông không ngừng đưa qua đưa lại trong lúc đánh trứng hay trộn kem.

Rộng rãi là từ thích hợp để dành cho Shannon: phần hông, khuôn ngực, trái tim. Cô bé thật dịu dàng với Henry, và chăm lo cho thằng bé. Điều đó khiến tôi để tâm chăm lo đến cô bé... chỉ có điều sự chăm lo đó quá mong manh, các vị biết đấy. Tôi yêu cô bé, và cả hai chúng tôi đều yêu Henry. Sau những bữa ăn cho chiều thứ Ba và thứ Năm đó, tôi luôn khẳng khẳng dành phần rửa bát và đuổi cả hai đứa ra ngoài cửa. Đôi lúc tôi nghe thấy hai đứa thì thầm nói chuyện với nhau, và ngó đầu ra để trông thấy chúng ngồi bên nhau trên chiếc ghế xích đu, nhìn ra cánh đồng phía tây, nắm tay nhau như một cặp vợ chồng đã cưới lâu năm. Có những lần khác tôi bắt gặp hai đứa hôn nhau, và trong những nụ hôn đó chẳng có chút gì của một cặp vợ chồng đã cưới lâu năm. Trong những cái hôn ấy có sự gấp gáp ngọt ngào chỉ thuộc về những con người còn rất trẻ, và tôi lén nhìn với trái tim nhói đau.

Vào một chiều thứ Ba nóng bức, cô bé đến sớm hơn bình thường. Bố cô bé đang có mặt ngoài cánh đồng phía bắc của chúng tôi cùng cái máy thu hoạch ngô của ông ta, Henry cũng đi theo ông hàng xóm của chúng tôi, theo sau là một nhóm nhỏ những người Indian tới từ Khu Định cư dành cho người Indian

Shoshone ở Lyme Biska... và đằng sau họ, Đậu Già lái chiếc xe tải dùng để chuyên chở ngô. Shannon hỏi xin một gàu nước mát, và tôi vui vẻ cung cấp. Cô bé ngồi đó, bên phía ngôi nhà có bóng mát, trông dễ thương đến khó tin trong một chiếc váy phồng che kín người từ cổ tới tận ống chân và từ vai tới cổ tay - gần như một chiếc váy của người Quaker. Trông cô bé có vẻ nghiêm trọng, thậm chí là sợ sệt, và trong khoảnh khắc chính tôi cũng thầm run sợ. *Thằng bé đã nói hết với nó*, tôi thầm nghĩ. Nhưng hóa ra không đúng như vậy. Ngoại trừ, theo một cách khác, đúng là thế.

“Ông James, có phải Henry bị ốm không?”

“Ồm ư? Sao lại có thể thế chứ, không đâu. Nó khỏe như một con ngựa vậy, chú dám nói như thế. Và ăn cũng không khác gì. Chính cháu cũng thấy rồi đấy. Mặc dù chú nghĩ thậm chí cả một anh chàng đang ốm cũng khó lòng từ chối được những món ăn do cháu nấu, Shannon.”

Câu nói giúp tôi nhận được một nụ cười, nhưng là một nụ cười thật lơ đãng. “Hè năm nay anh ấy khác lắm. Trước đây cháu luôn biết anh ấy đang nghĩ gì, nhưng bây giờ thì không. Anh ấy *lúc nào cũng ỉu rĩ*.”

“Thật thế sao?” tôi hỏi (một cách quá chân thật)

“Chẳng lẽ chú không thấy sao?”

“Không, thưa tiểu thư.” (tôi có thấy). “Với chú, dường như trông nó vẫn như trước. Nhưng nó quan tâm đến cháu nhiều lắm, Shan. Có thể cái mà cháu cảm thấy là ỉu rĩ với nó chẳng qua chỉ là si tình thôi.”

Tôi đã cho rằng câu pha trò ấy sẽ giúp tôi có được một nụ cười thực sự từ cô bé, nhưng không. Cô bé đưa bàn tay đặt lên cánh tay tôi. Bàn tay cô bé mát lạnh sau khi vừa cầm lấy cái gàu. “Cháu đã nghĩ về chuyện đó, nhưng...” Rồi buột miệng nói ra một thôi. “Ông James, nếu anh ấy đang có cảm tình với ai khác - một trong những cô gái ở trường - ông sẽ nói cho cháu biết chứ? Ông sẽ không cố tìm cách... cách tránh cho cháu khỏi xúc động chứ?”

Nghe đến đó, tôi bật cười, và có thể thấy khuôn mặt xinh xắn của cô bé sáng lên nhẹ nhõm. “Shan, nghe chú nói này. Vì chú là bạn cháu. Mùa hè luôn là thời khắc người ta phải làm việc vất vả, và bây giờ khi Arlette không còn ở nhà nữa, Hank và chú sẽ còn phải bận rộn hơn nữa. Khi hai bố con chú quay về nhà buổi tối, chúng ta cùng ăn bữa tối - một bữa ăn thật ngon, nếu tình cờ hôm đó có cháu sang - rồi đọc sách trong một giờ. Sau đó, bố con chú lên giường đi ngủ, và hôm sau chúng ta thức dậy, lặp lại tất cả các hoạt động của ngày hôm trước. Thậm chí con trai chú còn chẳng có lúc nào để tán tỉnh *cháu*, chứ nói gì tới một cô gái khác.”

“Được rồi, anh ấy đã tán tỉnh cháu,” cô bé nói, và đưa mắt nhìn về phía chiếc máy thu hoạch ngô của bố mình đang di chuyển theo đường chân trời trong tiếng động cơ nổ bình bịch.

“À... chuyện đó cũng thú vị đấy chứ, phải không nào?”

“Cháu chỉ nghĩ là... bây giờ anh ấy im lặng quá... ủ rũ quá... đôi khi anh ấy nhìn ra phía xa, và cháu phải gọi tên anh ấy hai ba lần trước khi anh ấy nghe thấy cháu và đáp lại.” Cô bé đỏ bừng mặt. “Thậm chí cả những cái hôn của anh ấy dường như cũng khác. Cháu không biết phải diễn tả như thế nào, nhưng đúng vậy đấy. Và nếu ông kể lại cho anh ấy biết cháu đã nói như thế, cháu sẽ chết mất. Cháu sẽ *chết mất*.”

“Chú sẽ không bao giờ làm thế,” tôi nói. “Bạn bè không mách lẻo về nhau.”

“Cháu đoán cháu là một con bé ngốc nghếch. Và tất nhiên anh ấy thấy thiếu vắng mẹ anh ấy, cháu biết chắc là thế. Nhưng ở trường có rất nhiều cô gái xinh đẹp hơn cháu... xinh đẹp hơn cháu...”

Tôi đưa tay nâng cằm cô bé lên, vậy là lúc này cô bé nhìn thẳng vào mắt tôi. “Shannon Cotterie, khi con trai chú nhìn cháu, nó nhìn thấy cô gái xinh đẹp nhất trên thế giới này. Và nó hoàn toàn đúng. Sao chứ, nếu chú còn ở độ tuổi của nó, chú cũng sẽ tá nĩnh cháu.”

“Cảm ơn ông,” cô bé nói. Những giọt nước mắt giống như những hạt kim cương nhỏ đọng lại trên khóe mắt nó.

“Điều duy nhất cháu cần lo lắng là đưa nó về đúng chỗ khi nó chệch ra ngoài. Các cậu bé có thể trở nên rất bốc đồng, cháu biết đấy. Và nếu chú lâm vào tình trạng đó, cháu cứ việc nói thẳng với chú điều đó. Còn nếu ỏn cả thì lại là chuyện khác, nếu đó là giữa những người bạn.”

Cô bé ôm hôn tôi, và tôi cũng ôm hôn lại cô bé. Một cái ôm hôn mạnh mẽ đem lại cảm giác thật dễ chịu, nhưng có lẽ cho Shannon hơn là cho tôi. Vì có Arlette ở giữa chúng tôi. Cô ta luôn ở giữa tôi và bất cứ ai khác vào mùa hè năm 1922, và với Henry cũng vậy. Shannon vừa cho tôi biết điều đó.

Vào một buổi tối tháng Tám, việc thu hoạch ngô đã xong và những người làm thuê trong toán của Đậu Già được trả công đầy đủ để quay về khu định cư, tôi bừng tỉnh vì tiếng một con bò cái đang rống lên. *Mình đã ngủ quên mất giờ vắt sữa*, tôi nghĩ, nhưng khi tôi vội lấy cái đồng hồ đeo tay của bố tôi để trên mặt cái bàn kê cạnh giường và xem giờ trên đó, tôi thấy đồng hồ chỉ ba giờ mười lăm phút sáng. Tôi đưa cái đồng hồ lên ghé sát tai để xem nó còn chạy không, nhưng chỉ cần đưa mắt nhìn qua cửa sổ vào màn đêm tối mịt của một đêm không trăng là đủ biết. Những âm thanh đó thực ra cũng không phải là tiếng kêu chỉ hơi khiến người ta bức bối khó chịu một chút của một con bò cái đang cần được giải thoát khỏi chỗ sữa của nó. Đó là tiếng kêu của một con vật đang đau đớn. Những con bò cái đôi lúc vẫn kêu như thế khi chúng đẻ, nhưng những vị nữ thần của chúng tôi đã qua giai đoạn đó của cuộc đời từ lâu.

Tôi nhồm dấy, định đi ra cửa, rồi lại quay trở vào tới chỗ tủ quần áo để lấy khẩu súng săn cỡ .22 của mình. Tôi nghe thấy tiếng Henry đang ngáy như kéo gỗ sau cánh cửa đóng kín của phòng nó trong khi hối hả băng qua, một tay cầm súng, tay kia cầm đôi ủng. Tôi hy vọng thằng bé không bị thức giấc và muốn đi cùng tôi trong một chuyến ra ngoài rất có thể sẽ nguy hiểm. Vào thời đó chỉ còn lại vài con

sói ít ỏi lảng vảng ngoài thảo nguyên, nhưng Đậu Già từng kể với tôi đã có dịch ốm mùa hè xuất hiện trên một số con cáo dọc khe núi Platte và Medicine. Đó là cách những người Shoshone gọi bệnh dại, và một con vật mắc bệnh dại trong chuồng gia súc có nhiều khả năng nhất là nguyên nhân đã gây ra những tiếng kêu đó.

Khi tôi ra ngoài nhà, tiếng kêu khô sở đó vang lên thật to, và có vẻ gì đó trống rỗng. Như một tiếng vọng. *Như một con bò dưới giếng*, tôi thầm nghĩ. Ý nghĩ làm cả hai cánh tay tôi lạnh ngắt và siết chặt hơn nữa lấy khẩu súng săn.

Khi tôi tới trước cửa chuồng gia súc và dùng vai huých mở cánh cửa bên phải, tôi có thể nghe thấy những con bò còn lại bắt đầu rống lên như thể thông cảm, nhưng những tiếng kêu này chỉ là tiếng hỏi han bình thản nếu so sánh với những tiếng kêu la não ruột đã làm tôi thức giấc... và hẳn sẽ đánh thức cả Henry nếu tôi không chấm dứt được nguyên nhân đã gây ra nó. Có một ngọn đèn hồ quang sợi than treo trên móc bên phải cửa vào - chúng tôi không dùng lửa mở trong chuồng gia súc trừ khi nhất thiết chúng tôi phải cần đến, nhất là vào mùa hè, khi tầng áp mái chất đầy cỏ khô và thân cây ngô cho tới tận sát mái nhà.

Tôi sờ tìm nút bật đèn và bấm vào nó. Một quãng sáng chói lọi màu trắng xanh bùng lên. Thoạt đầu, hai mắt tôi bị chói tới mức chẳng nhìn ra gì cả; tôi chỉ có thể nghe thấy những tiếng kêu đau đớn và tiếng móng guốc giậm thành thịch khi một trong số các nữ thần của chúng tôi cố vùng vẫy thoát khỏi nguyên nhân đang làm nó bị đau. Đó là Achelois. Khi mắt tôi đã quen một chút, tôi thấy con bò đang liên tục lắc đầu sang hai bên, không ngừng lùi lại cho tới khi hai chân sau của nó chạm vào cửa ngăn chuồng - ngăn thứ ba bên phải, khi đi dọc từ đầu lối đi vào - rồi lại lao về phía trước. Những con khác cũng đang ở vào trạng thái hoảng hốt cao độ.

Tôi nhấc chân lên, rồi bước về phía ngăn chuồng, khẩu súng săn cấp dưới cánh tay trái. Tôi đẩy mở cửa, rồi lùi lại. Achelois có nghĩa là “người xua đuổi nỗi đau”, nhưng vị nữ thần Achelois này đang chìm trong đau đớn. Khi nó loạng choạng mò ra ngoài lối đi, tôi nhìn thấy hai chân sau của nó đỏ lôm mầu. Con bò cái nhảy dựng hai chân sau lên như một con ngựa (một việc trước đó tôi chưa bao giờ thấy ở một con bò), và khi nó làm vậy, tôi thấy một con chuột to tướng đang bám lưng lẳng vào một núm vú của nó. Sức nặng của con chuột đã kéo đầu vú màu hồng dài ra thành một đoạn dài ngoằng. Lạnh cóng người lại vì sửng sò (và kinh hoàng), tôi chợt nhớ tới chuyện hồi còn bé, Henry thỉnh thoảng vẫn kéo một chiếc kẹo cao su màu hồng thành một dải dài dài ra khỏi mồm. *Đừng có làm như thế*, Arlette khi đó thế nào cũng sẽ quát thẳng bé. *Không ai muốn nhìn thấy những thứ mày đã nhai qua.*

Tôi giơ súng lên, rồi lại hạ xuống. Làm sao tôi có thể bắn được khi con chuột cứ liên tục đung đưa qua lại như một quả lắc đồng hồ vậy?

Đứng trên lối đi, Achelois cúi gầm đầu xuống, lắc qua lắc lại, như thể làm như thế sẽ ít nhiều có ích. Khi nó đặt cả bốn chân xuống đất trở lại, con chuột có thể đứng xuống trên sàn chuồng rải đầy cỏ khô. Trông nó giống như một con chó con quái dị kỳ lạ với những giọt sữa loang mầu dính trên các sợi ria. Tôi nhìn quanh tìm thứ gì đó có thể dùng để đánh nó, nhưng trước khi tôi kịp chớp lấy cái chổi Henry để lại dựa vào ngăn chuồng của Phemonoe, Achelois lại nhảy dựng hai chân sau lên và con chuột rơi

bịch xuống sàn. Thoạt đầu, tôi nghĩ nó đã thoát khỏi con chuột, nhưng rồi tôi nhìn thấy đầu vú màu hồng nhần nheo thò ra khỏi mõm con chuột, trông tựa như một miếng xì gà bằng thịt. Con chuột khốn kiếp đã rút đứt một đầu vú của Achelois tội nghiệp. Con bò tựa đầu vào một chiếc cột chống trong chuồng và nhìn tôi ậm ừ một cách mệt mỏi, như thể muốn nói: *Tôi đã cho ông sữa suốt những năm qua và không gây ra bất cứ rắc rối nào, không giống như một số kẻ mà tôi có thể kể tên ra được, vậy tại sao ông lại để chuyện này xảy đến với tôi?* Máu đang chảy xuống thành vũng dưới bầu vú của nó. Thậm chí cả trong cơn sốc và cảm giác ghê tởm, tôi cũng không nghĩ nó có thể chết vì vết thương, nhưng bộ dạng của nó - cũng như của con chuột, với đầu vú của con bò ngậm trong mõm - làm tôi giận sôi lên.

Tôi vẫn không bắn vào nó, một phần vì sợ gây ra hỏa hoạn, nhưng phần lớn là vì, trong khi một tay đang phải cầm cái đèn, tôi sợ mình sẽ bắn trượt. Thay vì bắn, tôi lật báng súng xuống dưới, hy vọng sẽ giết chết kẻ xâm nhập này giống như Henry đã giết chết kẻ sống sót dưới giếng bằng cái xẻng của thằng bé. Nhưng Henry là một đứa trẻ với phản ứng nhanh nhẹn, còn tôi là một người đàn ông trung niên vừa tỉnh dậy khỏi một giấc ngủ say. Con chuột dễ dàng né tránh được tôi và nghênh ngang chạy đi theo lối đi giữa chuồng. Mảnh đầu vú bị rút đứt không ngừng vẫy lên xuống trong miệng nó, và tôi hiểu ra con chuột đang ăn mảnh thịt này - vẫn nóng hổi, và không nghi ngờ gì nữa vẫn đầy ắp sữa - ngay trong lúc đang chạy. Tôi đuổi theo, đập nó thêm hai lần nữa, và trượt cả hai lần. Sau đó tôi nhìn ra nó đang chạy đi đâu: đường ống dẫn vào cái giếng đã bị lắp kín. Tất nhiên rồi! Đại lộ Chuột! Một khi cái giếng đã bị lắp kín, đây là lối ra duy nhất của chúng. Không có nó, hẳn chúng đã bị chôn sống. Chôn sống cùng với *cô ta*.

Nhưng chắc chắn, tôi thầm nghĩ, con vật kia quá to để có thể chui vừa qua đường ống. Chắc chắn nó phải ở ngoài vào - có lẽ là từ một cái ổ trong đồng phân.

Con chuột nhảy tới bên miệng đường ống, và trong lúc nó làm thế, con chuột kéo dài thân hình của nó ra một cách thật đáng kinh ngạc. Tôi vung báng khẩu súng sẵn lên một lần cuối cùng và nện trúng vào miệng đường ống. Tôi đã đánh trượt hoàn toàn con chuột. Khi tôi hạ cây đèn xuống sát miệng ống, tôi thoáng nhìn thấy ánh sáng phản chiếu trên cái đuôi trơn tru không lông của nó đang trườn dần vào bóng tối, và nghe thấy tiếng những chiếc móng vuốt nhỏ bé của nó cạo lên thành kim loại đã bị ăn mòn. Rồi im hẳn. Tim tôi đập thình thịch mạnh đến mức khiến hai mắt tôi hoa lên. Tôi hít một hơi thật sâu, nhưng cùng với làn hô hấp đó, một thứ mùi thối rữa mục ruỗng xộc vào mũi tôi mạnh đến mức khiến tôi phải bịt mũi bật lùi lại. Nhu cầu muốn hét lên thật to bị bóp nghẹt bởi nhu cầu muốn nôn ọe. Với thứ mùi khủng khiếp do đậm đặc trong khoang mũi, tôi gần như có thể hình dung ra rõ mòn một Arlette ở đầu kia của đường ống, da thịt cô ta giờ đây tràn ngập giòi bọ, đang dần dần tan rữa chảy nước; khuôn mặt cô ta bắt đầu bị bong rời ra khỏi xương sọ, nụ cười trên đôi môi cô ta dần nhường chỗ cho nụ cười sẽ lưu lại lâu hơn trên bộ xương hàm nằm phía dưới.

Tôi cuống cuống bò lùi trên bốn chân rời xa khỏi cái ống ghê rợn đó, nôn tung tóe ra, đầu tiên là sang bên trái, rồi bên phải, và khi toàn bộ bữa tối đã ra hết sạch, tôi bắt đầu nôn ra từng bãi mật dài. Qua đôi mắt ướt nhoe, tôi thấy Achelois đã quay trở lại gần chuồng của nó. Thật tốt. Ít nhất tôi sẽ không phải đuổi theo nó qua khắp cánh đồng ngô và choàng dây ách để lôi nó trở về.

Điều đầu tiên tôi muốn làm là trám kín đường ống đó lại - tôi muốn làm việc này trước bất cứ việc gì khác - nhưng khi cơn nôn mửa ngừng lại, ý nghĩ của tôi cũng trở nên bình tĩnh hơn. Achelois là ưu tiên hàng đầu. Nó là một con bò sữa tốt. Hơn nữa, nó thuộc phần trách nhiệm của tôi. Tôi có một chiếc rương nhỏ đựng thuốc trong gian phòng nhỏ ở chuồng gia súc nơi tôi hay ngồi tính toán sổ sách. Trong rương, tôi tìm thấy một can lớn thuốc sát trùng Rawleigh Antiseptic Salve. Có một cuộn vải sạch để trong góc. Tôi lấy ra một nửa và quay lại ngăn chuồng của Achelois. Tôi đóng cửa ngăn chuồng của nó lại để giảm thiểu nguy cơ bị đá, rồi ngồi xuống ghế dùng để ngồi vắt sữa. Tôi nghĩ một phần của chính tôi lúc đó cảm thấy tôi xứng đáng bị ăn đá. Nhưng cô nàng Achelois già cả đáng mến đứng im khi tôi vỗ vào hông nó và thì thầm, “Im nào, im nào, sẽ tốt thôi,” và cho dù con bò rùng mình khi tôi bôi thuốc sát trùng lên vết thương của nó, nó vẫn đứng yên.

Khi tôi đã làm xong những bước cần thiết để ngăn nguy cơ nhiễm trùng, tôi dùng giẻ lau sạch những bãi nôn của mình đi. Cần dọn dẹp cho sạch sẽ, vì bất cứ người nông dân nào cũng có thể nói cho bạn biết những bãi nôn mửa của con người thu hút những con thú hoang săn mồi chẳng kém gì một hố rác không được che đậy cẩn thận. Tất nhiên cũng không thiếu mặt gấu trúc và chuột chũi, nhưng chủ yếu là chuột. Lũ chuột đặc biệt mê những gì do con người thải ra.

Tôi còn lại một ít giẻ nữa, nhưng chúng là đồ thải ra từ nhà bếp của Arlette và quá mỏng cho công việc tiếp theo của tôi. Tôi với lấy cái liềm treo trên móc, cầm đèn đi ra chỗ đồng gỗ của chúng tôi, và cắt một miếng vuông từ tấm vải bạt đang dùng để phủ lên gỗ. Quay vào trong chuồng, tôi cúi xuống, kê cây đèn vào sát miệng đường ống, vì tôi muốn đảm bảo chắc chắn rằng con chuột lúc này (hay một con khác; nơi nào có một con chuột, chắc chắn cũng sẽ còn nhiều hơn) không còn nắp đó, sẵn sàng bảo vệ lãnh địa của nó, song bên trong lòng ống trống rỗng, ít nhất là xa hết tầm tôi có thể nhìn thấy, nghĩa là chừng một mét hai. Không có phân chuột bên trong, và chuyện này không hề khiến tôi ngạc nhiên. Đường ống này là một lối ra vào được sử dụng thường xuyên - lúc này chính là lối ra vào duy nhất của chúng - và lũ chuột sẽ không làm bẩn nó chừng nào chúng có thể giải quyết nhu cầu cá nhân ở bên ngoài.

Tôi nhét miếng vải bạt vào trong ống. Miếng vải cứng đơ, kèn càng, và cuối cùng tôi buộc phải dùng một cái cán chổi để nhét nó sâu vào trong ống, nhưng tôi đã xoay sở được. “Hay lắm,” tôi nói. “Xem chúng mày sẽ thích nó thế nào. Hãy chết ngạt đi.”

Tôi quay trở lại và quan sát Achelois. Nó đứng im lặng, và quay đầu lại nhìn tôi bình thản khi tôi vỗ về nó. Lúc đó tôi đã biết và bây giờ vẫn biết nó chỉ là một con bò cái - rồi các vị sẽ thấy những người nông dân không có nhiều ý tưởng lãng mạn về thế giới tự nhiên - nhưng cái nhìn đó vẫn khiến tôi trào nước mắt, và tôi đã phải cố kìm mình để không nấc lên. *Tôi biết ông đã làm hết sức có thể, cái nhìn đó nói. Tôi biết không phải lỗi của ông.*

Nhưng đó đúng là lỗi của tôi.

Tôi nghĩ chắc hẳn mình sẽ nằm thao thức rất lâu, và khi ngủ được tôi sẽ mơ thấy con chuột đang chạy trên sàn chuồng bò đầy cỏ khô hướng về phía lối thoát của nó với miếng đầu vú ngậm chặt trong mồm, nhưng kỳ thực tôi ngủ thiếp đi ngay lập tức, và giấc ngủ của tôi vừa chẳng có chút mộng mị nào vừa

thật sâu và ngon giấc. Tôi thức dậy khi ánh sáng ban ngày đã tràn ngập trong phòng, còn mùi hôi thối từ cơ thể đang phân hủy của người vợ đã chết của tôi đặc quánh trên hai bàn tay tôi, trên chân, ga trải giường và vỏ gối. Tôi ngồi bật dậy, há hốc miệng ra thở nhưng rồi nhận ra thứ mùi đó chỉ là một ảo giác. Thứ mùi đó chính là giấc mơ tồi tệ của tôi. Tôi không hề bị nó ám ảnh trong đêm mà lại trong luồng ánh sáng đầu tiên, tinh tảo nhất của ban ngày, với hai mắt đã mở to.

Tôi đã lo con bò bị nhiễm trùng từ vết thương do chuột cắn bắt chấp thuốc sát trùng, song không có chuyện gì xảy ra. Achelois sau đó cũng chết cùng vào năm này, nhưng không phải vì vết thương đó. Tuy vậy, nó không bao giờ cho sữa nữa; không một giọt. Đáng ra tôi nên giết thịt nó, nhưng tôi không nhẫn tâm làm thế. Con bò khôn khổ đã phải chịu đựng quá nhiều vì tôi.

Ngày hôm sau, tôi đưa cho Henry một danh sách những món cần mua và bảo thằng bé lái chiếc xe tải tới Hemingford Home mua chúng. Một nụ cười hết cỡ ngờ ngàng bùng nổ trên khuôn mặt nó.

“Cái xe tải ư? Con? Chỉ mình con?”

“Con vẫn nhớ cách vào các số tiền đấy chứ? Và vẫn tìm được số lùi đúng không?”

“Chúa ơi, tất nhiên rồi ạ!”

“Vậy thì bố nghĩ con sẵn sàng rồi. Có thể là chưa để đi tới Omaha - hay thậm chí tới Lincoln - nhưng nếu con đi thật từ tốn, chắc chắn con sẽ không gặp khó khăn gì khi đi tới Hemingford Home.”

“Cảm ơn bố!” Con trai tôi đưa hai cánh tay ôm lấy tôi và hôn lên má tôi. Trong chốc lát, dường như chúng tôi đã trở lại là những người bạn. Thậm chí tôi còn tự cho phép mình ít nhiều tin vào chuyện đó, cho dù trái tim tôi hiểu rõ hơn. Bằng chứng có thể đã bị lấp kín dưới lòng đất, nhưng sự thật vẫn nằm giữa hai chúng tôi, và sẽ luôn như thế.

Tôi đưa cho thằng bé một cái ví da có tiền bên trong. “Đây là ví của ông nội con. Con có thể cứ giữ lại cũng được; đằng nào bố cũng định sẽ tặng nó cho con vào dịp sinh nhật mùa thu năm nay. Trong đó có tiền rồi. Con có thể giữ lại tiền thừa, nếu còn thừa ít nhiều.” Tôi thiếu chút nữa đã nói thêm, *Và đừng có mang về con chó lạc nào đấy*, nhưng đã kịp kìm lại đúng lúc. Đó từng là câu châm chọc quen thuộc của mẹ thằng bé.

Thằng bé cố gắng cảm ơn tôi lần nữa, nhưng không thể. Như thế chỉ đơn giản là quá nhiều.

“Hãy dừng lại chỗ cây xăng của Lars Olsen trên đường về và đổ thêm xăng vào xe. Nhớ lấy, nếu không con sẽ phải đi bộ thay vì ngồi sau tay lái khi về đến nhà đấy.”

“Con không quên đâu. Con muốn xin phép bố một chuyện được không?”

“Được.”

Thằng bé di di bàn chân, rồi rụt rè nhìn tôi. “Con có thể ghé qua chỗ nhà Cotterievà mời Shan tới chơi nhà mình không?”

“Không,” tôi nói, và con trai tôi xịu mặt xuống trước khi tôi nói thêm: “Con hãy hỏi Sallie hay Harlan xem Shan có thể tới nhà mình được không. Và hãy đảm bảo rằng con nói với họ trước đó con chưa bao giờ lái xe vào thành phố. Bố đặt niềm tin vào danh dự của con, con trai.”

Cứ như thể ai đó trong hai chúng tôi vẫn còn lại chút ít vậy.

Tôi đứng bên cổng nhìn theo cho tới khi chiếc xe tải cũ của chúng tôi biến mất trong đám bụi mù mịt do chính nó tạo ra. Có thứ gì đó vương vương trong cổ họng mà tôi không thể nuốt vào được. Tôi có một dự cảm ngu ngốc nhưng rất mạnh mẽ rằng tôi sẽ không bao giờ gặp lại con trai mình nữa. Tôi cho rằng đó là những gì hầu hết các ông bố bà mẹ cảm thấy khi lần đầu tiên họ chứng kiến con cái một mình rời khỏi nhà và đối diện với việc ý thức ra rằng nếu một đứa con đã đủ lớn để có thể sai đi lo việc mà không cần ai trông nom, đứa con đó không còn là trẻ con nữa. Nhưng tôi không thể dành quá nhiều thời gian cho việc đắm chìm trong cảm xúc của mình; tôi có một việc quan trọng phải làm, và tôi đã sai Henry đi khỏi nhà để tôi có thể tự mình thực hiện việc đó. Rồi đây có thể thằng bé sẽ biết được chuyện gì đã xảy ra với con bò cái, tất nhiên rồi, và nhiều khả năng nó sẽ đoán ra điều gì là nguyên do gây ra chuyện đó, nhưng tôi nghĩ tôi vẫn có thể giảm nhẹ đi một chút gánh nặng cho thằng bé khi nó biết việc đã xảy ra.

Đầu tiên, tôi kiểm tra lại tình hình Achelois, con bò dường như có vẻ bất an, nhưng ngoài ra vẫn ổn cả. Sau đó tôi kiểm tra đường ống. Nó vẫn bị nút chặt, song tôi không hề có chút ảo tưởng nào; có thể việc này sẽ tốn nhiều thời gian, nhưng cuối cùng kiểu gì lũ chuột cũng sẽ gặm thủng lớp vải bạt. Tôi cần làm tốt hơn thế. Tôi mang một túi xi măng hiệu Portland tới chỗ cái giếng cạnh nhà và trộn thành vữa trong một cái xô cũ. Quay trở lại chuồng bò, trong lúc đợi vữa đặc lại, tôi đẩy cho cái nút vải bạt chui sâu hơn nữa vào trong đường ống. Tôi nhét nó vào sâu ít nhất sáu mươi phân, và khoảng sáu mươi phân cuối cùng này được tôi trám đầy xi măng vào. Khi Henry quay trở về (và với tinh thần rất phấn chấn; đúng là thằng bé đã đón được Shannon, và hai đứa đã chia sẻ cùng nhau một cái kem sô đa mua bằng tiền thừa còn lại sau khi đi mua đồ), lớp xi măng đã cứng lại. Tôi đoán hẳn có một vài con chuột đã mò ra ngoài kiếm ăn, song tôi tin chắc đã nhốt kín được phần lớn chúng - trong đó có cả con chuột đã làm Achelois khốn khổ bị tàn phế - ở dưới kia trong bóng tối. Và dưới kia, trong bóng tối, chúng sẽ chết. Nếu không phải chết ngạt thì sẽ là chết đói, một khi chỗ thực phẩm không thể mô tả thành lời của chúng cạn kiệt.

Ít nhất đó là những gì tôi đã nghĩ khi ấy.

Vào những năm từ 1916 đến 1922, thậm chí cả những nông dân nghèo nhất tại Nebraska cũng phát to. Harlan Cotterie, còn xa mới là người nghèo, đã phát tài hơn nhiều so với hầu hết những người khác. Trang trại của ông ta đã thể hiện rõ điều đó. Ông ta xây thêm một khu trại nhốt gia súc và một si lô chứa ngũ cốc vào năm 1919, và đến năm 1920 khoan một cái giếng sâu có thể cho phép bơm lên

[21]

lượng nước khó tin tới sáu gallon mỗi phút. Một năm sau đó, ông ta lắp hệ thống ống nước vào

tận trong nhà (cho dù vẫn tế nhị giữ nhà vệ sinh ngoài sân sau). Sau đó, ba lần mỗi tuần, anh ta và những người phụ nữ trong gia đình mình có thể tận hưởng điều vốn là một thú vui xa xỉ không thể tin nổi ở vùng đồng quê xa xôi này: tắm nước nóng trong bồn và vòi hoa sen, được cung cấp không phải nhờ những siêu nước được đun nóng trên bếp mà từ những đường ống thoát tiên lấy nước từ dưới giếng lên, sau đó mang nước đi tới hồ hứng nước thải. Chính việc tắm vòi hoa sen đó đã làm lộ ra bí mật Shannon Cotterie đã giữ kín, mặc dù tôi cho rằng tôi đã biết từ trước, từ cái ngày cô bé nói, *Được thôi, anh ấy đã tán tỉnh cháu* - với một giọng nói vô cảm, khô khan hoàn toàn không giống cô bé chút nào, và nói ra mà không nhìn tôi mà đưa mắt nhìn về phía cái máy thu hoạch ngô của bố cô bé và những người đi thu nhặt ngô đang lần bước đằng sau nó.

Lúc ấy đã gần cuối tháng Chín, tất cả các cánh đồng trồng ngô đã được cày cho một năm nữa nhưng vẫn còn vô số công việc thu hoạch trong vườn cần phải làm. Một buổi chiều thứ Bảy, trong lúc Shannon đang khoan khoái tắm vòi hoa sen, mẹ cô bé đi qua lối vào sau nhà, mang theo một đồng quần áo bà vừa kéo sớm ngoài dây phơi vào, vì có vẻ như trời sắp mưa. Shannon hẳn nghĩ rằng mình đã đóng kín cửa buồng tắm - phần lớn phụ nữ luôn kín đáo trong khi tắm rửa, và Shannon Cotterie có một lý do đặc biệt để cảm thấy như thế khi mùa hè năm 1922 nhường chỗ cho mùa thu - nhưng có thể cánh cửa đã bị tuột then cài và mở hé ra. Mẹ cô bé tình cờ liếc mắt nhìn vào trong, và mặc dù tấm ga trải giường cũ được dùng làm màn che khi tắm vòi hoa sen đã được kéo kín quanh chiếc giá hình chữ U của nó, những tia nước bắn ra đã làm nó trở nên trong mờ. Sallie không cần phải nhìn thấy chính cô bé; bà mẹ đã nhìn thấy hình dáng của cô con gái, lần này không còn được chiếc váy phồng kiểu Quaker che dấu. Và chỉ cần có thế. Cô bé đã có thai chừng năm tháng, hoặc gần như thế; trong bất cứ trường hợp nào, chắc chắn cô bé cũng không thể giấu diếm bí mật của mình lâu hơn nữa.

Hai ngày sau, Henry từ trường trở về nhà (giờ đây thằng bé lái chiếc xe tải đi học) với vẻ hoảng sợ và đầy tội lỗi. “Hai hôm vừa rồi Shan không đi học,” con trai tôi nói, “vậy là con ghé qua nhà Cotterie hỏi xem bạn ấy có khỏe không. Con nghĩ có thể bạn ấy đã bị mắc phải bệnh cúm Tây Ban Nha. Họ không cho con vào nhà. Bà Cotterie chỉ bảo con hãy về đi, và nói tối nay chồng bà ấy sẽ tới nói chuyện với bố, sau khi ông ấy đã xong việc. Con hỏi liệu con có thể làm gì được không, và bà ấy nói, ‘Cậu đã làm quá đủ rồi, Henry.’”

Thế rồi tôi nhớ lại những gì Shan đã nói. Henry úp mặt vào hai lòng bàn tay và nói, “Bạn ấy có thai, bố ơi, và họ phát hiện ra. Con biết là thế. Chúng con muốn cưới nhau, nhưng con sợ là họ sẽ không cho phép.”

“Đừng bận tâm đến họ”, tôi nói, “bố sẽ không cho phép con.”

Thằng bé nhìn tôi với đôi mắt ướt nhoe, đau khổ. “Tại sao lại không?”

Tôi thầm nghĩ: *Con đã thấy điều gì đã xảy đến giữa mẹ con và bố, vậy mà con còn cần phải hỏi sao?* Nhưng những gì tôi nói lại là, “Cô bé mới 15 tuổi, còn con thậm chí còn chưa tới từng ấy tuổi trong hai tuần nữa.”

“Nhưng bọn con yêu nhau!”

Ồi, cái tiếng kêu giống như của một con chim lặn đó. Tiếng la hét nhu nhược đó. Hai bàn tay tôi đang siết chặt lại túm chặt lấy hai bên ông chiếc quần yếm, và tôi phải lấy hết sức buộc chúng xòe thẳng ra. Nổi giận sẽ chẳng giải quyết được việc gì. Một cậu bé cần đến người mẹ của nó để cùng nó trao đổi một chuyện như thế này, song mẹ của nó đang ngồi dưới đáy một cái giếng bị lấp kín, và không nghĩ ngờ gì nữa, được làm bạn với một bầy chuột chết.

“Bố biết là thế, Henry...”

“*Hank!* Và có những người khác đã kết hôn khi cũng còn trẻ như thế!”

Đã từng có thời người ta làm như thế; nhưng chuyện đó không còn xảy ra nhiều nữa kể từ khi thế kỷ sang trang và các tuyến biên giới khép lại. Nhưng tôi không nói về những chuyện này. Những gì tôi nói là tôi không có tiền để giúp hai đứa khởi đầu cuộc sống. Có thể đến năm 25, nếu các vụ mùa và giá cả tiếp tục tốt, nhưng lúc này thì chẳng có gì hết. Và với một đứa trẻ chuẩn bị ra đời...

“*Đáng ra* sẽ có đủ!” thằng bé nói. “Nếu bố không gây ra trở ngại nhiều đến thế với trăm mẫu đất kia, hẳn đã có vô khối tiền! Mẹ chắc hẳn đã cho con ít nhiều trong số tiền ấy! Và mẹ hẳn sẽ không nói với con theo cách như thế này!”

Thoạt đầu, tôi choáng váng đến mức không thể nói được gì. Đã sáu tuần hay hơn thế trôi qua kể từ lần cuối tên của Arlette - hay thậm chí cách ám chỉ mơ hồ *bà ấy* - được nhắc đến giữa hai bố con tôi.

Thằng bé đang nhìn tôi đầy thách thức. Rồi sau đó, phía cuối con đường dẫn vào nhà chúng tôi, tôi nhìn thấy Harlan Cotterie đang tới. Tôi luôn coi ông ta như một người bạn, nhưng một cô con gái bị phát hiện mang thai có thể làm những chuyện như thế thay đổi.

“Không, bà ấy hẳn sẽ không nói với con theo cách như thế này”, tôi đồng ý, và nhìn thẳng vào mắt thằng bé. “Bà ấy sẽ nói với con còn tồi tệ hơn. Và cười, mà cũng có thể không. Nếu con tự hỏi trái tim mình, con trai, con sẽ biết ngay thôi.”

“Không!”

“Mẹ con gọi Shannon là con ranh, và sau đó khuyên con nên giữ của quý của con ở trong quần. Đó là lời khuyên cuối cùng của bà ấy, và cho dù nó cũng thô kệch và làm người nghe bị tổn thương như hầu hết những gì bà ấy từng nói, đáng ra con nên làm theo lời khuyên ấy.”

Con bực bội của Henry xẹp xuống. “Chỉ sau...sau buổi tối đó...mà bọn con...Shan không muốn, nhưng con thuyết phục bạn ấy làm việc đó. Và khi bọn con đã bắt đầu, bạn ấy cũng thích nó chẳng kém gì con. Khi bọn con đã bắt đầu, bạn ấy đòi hỏi chuyện đó.” Con trai tôi kể ra tất cả với một vẻ tự hào lạ lùng, nửa như ân hận, rồi uể oải lắc đầu. “Giờ thì trăm mẫu đất chỉ nằm đó cho cỏ mọc, còn con gặp rắc rối to. Nếu mẹ còn ở đây, mẹ sẽ giúp con thu xếp. Tiền có thể thu xếp mọi thứ, đó là những gì *ông ấy* nói.” Henry hất đầu về phía đám bụi đang lại gần.

“Nếu con không nhớ mẹ con chặt chẽ đến thế nào với một đô la, vậy thì quả là con đã lãng quên quá nhanh cho lợi ích của chính con,” tôi nói. “Và nếu con đã quên bà ấy tát vào mặt con thế nào lần đó...”

“Con không quên,” thằng bé lằm lì nói. Rồi tiếp tục với giọng điệu còn cau có hơn: “Con đã nghĩ bố sẽ giúp con cơ đấy.”

“Bố rất muốn thử. Ngay lúc này, bố muốn con lánh mặt đi chỗ khác. Sự có mặt của con ở đây khi bố Shannon tới sẽ chẳng khác gì vấy một miếng vãi đỏ trước mặt bố tốt. Hãy để bố tìm hiểu xem chúng ta đang ở đâu - và thái độ của ông ấy ra sao - và có thể bố sẽ gọi con ra ngoài cửa.” Tôi nắm lấy cổ tay thằng bé. “Bố sẽ làm tốt nhất có thể vì con, con trai.”

Nó giật cổ tay khỏi bàn tay tôi. “Tốt hơn bố nên làm thế.”

Con trai tôi đi vào trong nhà, và ngay trước khi Harlan xuất hiện trong chiếc xe hơi mới của ông ta (một chiếc Nash với nước sơn dưới lớp bụi phủ bên trên cũng xanh lục và bóng loáng như lưng một con ruồi xanh), tôi nghe thấy tiếng cánh cửa trước đóng sầm lại.

Chiếc Nash dừng lại, tắt máy, rồi nằm im lặng. Harlan ra khỏi xe, cởi áo khoác, gấp lại để trên ghế. Ông ta mặc áo khoác vì đã ăn bận tươm tất cho chuyến tới thăm: sơ mi trắng, cà vạt, quần đẹp chuyên dành để mặc ngày Chủ nhật với chiếc thắt lưng có khóa bạc. Ông ta kéo mạnh thắt lưng lên, thu xếp để cái quần được chỉnh về đúng tư thế ông muốn, ngay dưới cái bụng nhỏ gọn gàng của mình. Ông ta vẫn luôn tử tế với tôi, và tôi cũng luôn coi hai chúng tôi không chỉ là bạn mà còn là bạn tốt, ấy vậy mà vào khoảnh khắc đó tôi thấy căm ghét ông ta. Không phải vì ông ta tới trách cứ tôi vì con trai tôi; Chúa biết rõ hẳn tôi cũng sẽ làm điều tương tự, nếu vị thế của hai chúng tôi đảo ngược lại. Không, nguyên nhân là chiếc Nash mới tinh màu xanh lục bóng loáng kia. Là cái khóa thắt lưng bạc hình một con cá heo. Là cái si lô mới sơn màu đỏ tươi, là hệ thống ống nước trong nhà. Và hơn tất cả là bà vợ có khuôn mặt tẻ nhạt nhưng vâng lời ông ta để lại trang trại của mình, hẳn lúc này đang làm bữa chiều bất chấp nỗi lo âu bà ta đang cảm thấy. Một người vợ luôn dịu dàng đưa ra câu trả lời mỗi khi đối diện với bất cứ khó khăn nào, *Những gì anh nghĩ là tốt nhất, anh yêu*. Hỡi các phụ nữ, hãy ghi nhớ: một người vợ như thế không bao giờ cần lo sợ sẽ phải ú ớ những âm thanh cuối cùng của đời mình qua một cái cổ họng bị cắt đứt lìa.

Ông ta bước tới bậc thềm. Tôi đứng lên, chìa tay ra, chờ đợi được chứng kiến xem liệu ông ta sẽ bắt lấy nó hay bỏ qua. Có một thoáng do dự trong khi ông hàng xóm của tôi cân nhắc giữa được và mất, nhưng cuối cùng ông ta vẫn nắm lấy tay tôi trong giây lát trước khi buông ra. “Chúng ta có một rắc rối đáng kể ở đây, Wilf,” ông ta nói.

“Tôi biết rồi. Henry vừa kể cho tôi nghe. Thà rằng muộn còn hơn không bao giờ.”

“Thà rằng không bao giờ còn hơn,” ông ta lằm lì nói.

“Mời anh ngồi.”

Trước lời mời này, ông ta cũng lại cân nhắc trước khi ngồi xuống chiếc ghế xích đu trước đây luôn thuộc về Arlette. Tôi biết ông ta không muốn ngồi - một người đàn ông đang phát điên lên vì bức bối không bao giờ cảm thấy dễ chịu khi ngồi - nhưng dẫu sao ông ta cũng vẫn ngồi.

“Anh muốn uống chút trà đá không? Không có nước chanh, Arlette là chuyên gia trong việc pha nước chanh, nhưng...”

Ông ta ra hiệu đề nghị tôi im lặng bằng cách giơ một bàn tay mập mạp ngăn ngùn lên. Mập mạp ngăn ngùn nhưng cứng rắn. Harlan là một trong những chủ trại giàu có nhất trong hạt Hemingford, nhưng ông ta không phải một ông chủ chỉ biết ngồi nhà; khi đến thời điểm phơi cỏ khô hay thu hoạch nông sản, ông ta luôn có mặt ngoài đồng cùng các nhân công được thuê. “Tôi muốn quay về trước khi mặt trời lặn. Tôi không thấy mấy cái đèn pha đó có chút ích lợi quái nào cả. Con gái tôi đang có thai, và tôi đoán anh biết ai là tác giả.”

“Có ích gì nếu tôi nói tôi rất xin lỗi không?”

“Không.” Đôi môi ông ta mím lại chặt hơn nữa, và tôi có thể trông thấy mạch máu nổi lên giật giật hai bên cổ ông ta. “Tôi còn điên hơn một con ong bắp cày, và điều làm cho sự tình tôi tệ hơn là tôi chẳng có ai để trút cơn điên lên. Tôi không thể nổi điên với lũ trẻ vì chúng chỉ là những đứa trẻ, mặc dù nếu không phải con bé đang có thai, chắc tôi sẽ bắt Shannon nằm úp lên đầu gối tôi và nện cho nó một trận vì đã không biết cư xử cho tốt hơn trong khi nó hiểu biết hơn. Nó cũng đã được nuôi dạy tốt hơn, được chịu lễ nhà thờ tử tế hơn.”

Tôi những muốn hỏi liệu có phải ông ta đang nói Henry đã được nuôi dạy không ra gì hay không. Nhưng thay vì thế tôi giữ im lặng, cho phép ông ta nói ra bằng hết những gì đã khiến ông ta sôi sùng sục trong suốt chặng lái xe tới đây. Hẳn ông ta đã nghĩ ra cả một bài diễn thuyết, và sau khi ông ta đã nói xong, rất có thể sẽ dễ nói lý với ông hàng xóm của tôi hơn.

“Tôi muốn trách cứ Sallie vì không phát hiện ra tình trạng của con bé sớm hơn, nhưng những người phụ nữ mang thai lần đầu luôn có bụng rất gọn, ai cũng biết thế... và lạy Chúa, anh cũng biết những cái váy Shan vẫn mặc đấy. Đó cũng chẳng phải chuyện gì mới mẻ. Con bé vẫn mặc những chiếc váy của các bà già đó từ khi nó mới 12 tuổi và bắt đầu có...”

Ông ta giơ bàn tay mập mạp ngăn ngùn của mình ra trước ngực. Tôi gật đầu.

“Và tôi cũng muốn trách cứ *anh*, vì dường như anh đã sao nhãng những cuộc trò chuyện mà các ông bố thường có với những cậu con trai của họ.” *Cứ như thể anh biết gì về chuyện nuôi dạy những đứa con trai vậy*, tôi thầm nghĩ. “Cuộc trò chuyện về việc nó có một khẩu súng ngắn trong quần và nên trông coi nó cho an toàn.” Ông ta nắc lên nghèn nghẹn trong cổ họng rồi hét lên, “Con gái... bé bỏng... của tôi còn quá trẻ để làm mẹ!”

Tất nhiên còn một lời trách cứ dành cho tôi mà Harlan không hề biết. Nếu tôi không đẩy Henry vào

tình trạng thiếu vắng tình yêu thương của một người phụ nữ, Shannon rất có thể đã không lâm vào tình thế như hiện tại. Tôi cũng có thể hỏi liệu Harlan có nên dành lại một chút sự trách cứ cho chính ông ta trong lúc bận rộn phân phát nó ra khắp nơi xung quanh hay không. Nhưng tôi chỉ im lặng. Sự im lặng không bao giờ đến với tôi một cách tự nhiên, nhưng sống chung với Arlette đã cho tôi vô số cơ hội để thực hành.

“Chỉ có điều tôi cũng không thể trách cứ cả anh nữa, vì vợ anh đã bỏ đi hồi mùa xuân, và cũng tự nhiên khi sự chú ý của anh bị sao nhãng đi vào một thời điểm như thế. Vậy là tôi đã ra sau nhà và chờ hết gần nửa cord ^[22] củi trước khi tới đây để cố gắng giải tỏa một phần cơn điên loạn đó ra ngoài, và hẳn cách này đã có tác dụng. Vì tôi đã bắt tay anh, phải không nào?”

Về tự chúc mừng tôi bắt gặp trong giọng nói của ông ta làm tôi ngửa ngáy muốn nói, *Trừ khi đó là một vụ hiếp dâm, tôi nghĩ muốn tạo ra một cái thai kiểu gì vẫn cần đến hai người*. Nhưng rồi tôi chỉ nói, “Phải, anh đã làm thế,” rồi dừng lời ở đó.

“Được, điều đó dẫn chúng ta tới việc mà anh sẽ làm trong chuyện này. Anh và thằng nhóc từng ngồi bên bàn ăn nhà tôi, từng ăn thức ăn do vợ tôi nấu đó.”

Một con quỷ nào đó - tôi đoán đó là tạo vật vẫn len lỏi vào trong con người một gã đàn ông khi Kẻ Ma Quái rời đi - khiến tôi nói, “Henry muốn cưới con bé và cho đứa trẻ một cái tên.”

“Thực là một chuyện lố bịch quái đản đến mức tôi không muốn nghe. Tôi sẽ không nói rằng Henry thậm chí chẳng có một miếng đất để tè xuống hay một khung cửa sổ để nhảy qua - tôi biết anh đã làm đúng, Wilf, hay đúng hết mức anh có thể, nhưng đó cũng là điều tốt nhất tôi có thể nói. Những năm gần đây đều rất thuận lợi, vậy mà anh vẫn đang bị nợ ngân hàng đuổi sát gót. Anh sẽ đi đến đâu khi tình hình mùa màng trở nên khó khăn? Sẽ luôn có lúc như thế. Nếu anh có được tiền mặt từ việc bán chỗ trăm mẫu đất kia đi, thì tình hình có thể đã khác - tiền mặt cho phép vượt qua thời buổi khó khăn, ai cũng biết thế cả - nhưng cùng với việc Arlette biến mất, chúng nằm đó vô dụng, chẳng khác gì một bà già tảo hôn ở tít trong nhà cầu vậy.”

Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, một phần trong con người tôi cố gắng hình dung xem mọi thứ sẽ ra sao nếu tôi chiều theo ý Arlette về những mẫu đất mắc dịch đó, như tôi từng chiều ý cô ta trong vô số những chuyện khác. *Mình sẽ phải sống trong mùi hôi thối, đó là những gì sẽ xảy ra. Mình có thể đã phải đào giếng lấy nước cho bò, vì lũ bò sẽ không đời nào chịu uống nước từ nguồn có lẫn máu với những bộ lông lợn nổi lên bệnh trên đó*.

Đúng thế. Nhưng khi đó tôi sẽ được sống thay vì chỉ tồn tại, Arlette sẽ vẫn còn sống cùng với tôi, và Henry hẳn sẽ không phải là thằng bé làm lì, khổ sở, khó tính nó đã trở thành. Thằng bé đã khiến cô bạn thân từ hồi nhỏ của nó lâm vào cảnh rắc rối nghiêm trọng.

“Được thôi, vậy anh muốn làm gì?” tôi hỏi. “Tôi sợ rằng anh đã đánh xe tới đây mà chưa có ý tưởng nào trong đầu.”

Ông ta có vẻ chẳng nghe thấy những gì tôi nói. Ông hàng xóm của tôi đang nhìn qua cánh đồng về nơi cái si lô mới của ông ta hiện lên trên đường chân trời. Khuôn mặt ông ta rất nặng nề và buồn bã, nhưng tôi đã đi quá xa và viết ra quá nhiều để có thể nói dối; về mặt ấy chẳng hề làm tôi xúc động bao nhiêu. Năm 1922 là năm tồi tệ nhất trong cuộc đời tôi, năm tôi biến thành một người đàn ông mà tôi không còn nhận ra nữa, và Harlan Cotterie chỉ như một vết xói lở nữa trên một tảng đá và một quãng đường khốn khổ mà thôi.

“Con bé rất thông minh,” Harlan nói. “Cô McReady ở trường nói Shan là học sinh xuất sắc nhất cô ấy từng dạy trong cả đời mình, có nghĩa là từ gần 40 năm qua. Con bé giỏi môn tiếng Anh, và còn giỏi hơn trong môn toán, một điều cô McReady nói rất hiếm ở học sinh nữ. Thậm chí nó có thể làm được cả môn *nượng dắc* ^[23], Wilf. Anh có biết môn đó không? Cả cô McReady cũng không biết môn nượng dắc.”

Không, tôi không biết, nhưng tôi biết từ đó nói thế nào. Nhưng tôi cảm thấy đây có lẽ không phải là lúc để chỉnh sửa cách phát âm cho ông hàng xóm của tôi.

“Sallie muốn gửi con bé tới trường sư phạm ở Omaha. Họ đã nhận học sinh nữ vào học bên cạnh học sinh nam từ năm 1918, mặc dù tới giờ vẫn chưa có nữ sinh nào tốt nghiệp.” Ông ta dành cho tôi một cái nhìn thật khó chịu đựng nổi: trong đó có cả sự ghê tởm lẫn thù địch. “Phụ nữ lúc nào cũng muốn kết hôn, anh thấy đấy. Và có con. Gia nhập Ngôi sao Miền đông ^[24], rồi lúi húi lau chùi những cái sàn nhà chết dẫm.”

Ông ta thở dài.

“Shan có thể là đứa đầu tiên. Nó có năng khiếu và có đầu óc. Anh không thể biết điều đó, phải không nào?”

Không, thực ra tôi không hề biết. Tôi đã chỉ đơn thuần đưa ra một phỏng đoán - một trong rất nhiều phỏng đoán mà lúc này tôi biết rõ là sai - rằng cô bé có thể làm một bà vợ nông thôn tốt, và không hơn.

“Thậm chí nó có thể dạy ở trường cao đẳng. Chúng tôi đã lên kế hoạch gửi con bé tới học tại ngôi trường đó ngay khi nó 17 tuổi.”

Sallie lên kế hoạch, ý anh là vậy, tôi thầm nghĩ. Nếu để mặc cho anh, một ý tưởng điên rồ như thế sẽ chẳng bao giờ hiện lên trong đầu óc nông dân của anh.

“Shan cũng đồng ý, và tiền đã được để dành ra. Tất cả đã được thu xếp.” Ông ta quay sang nhìn tôi, và tôi nghe thấy cổ ông ta kêu răng rắc. “Và tất cả vẫn đang được thu xếp. Nhưng trước hết - gần như ngay lập tức - con bé sẽ tới Ngôi nhà Công giáo St. Eusebia dành cho nữ sinh ở Omaha. Nó vẫn chưa biết

chuyện này đâu, nhưng việc đó sẽ được tiến hành. Sallie đã nói tới việc gửi con bé tới Deland - chị của Sal sống ở đó - hay tới chỗ cô chú tôi ở Lyme Biska, song tôi không thể đặt niềm tin vào bất cứ ai trong số họ trong việc thực hiện những gì chúng tôi đã quyết định. Và một đứa con gái đã gây ra thứ rắc rối kiểu này cũng không xứng đáng được tới chỗ những người nó biết và yêu quý.”

“Vậy ra đó là những gì anh đã quyết định sao, Harl? Bên cạnh việc gửi con gái anh tới một thứ... tôi không biết nữa... trại mồ côi?”

Ông ta nổi cáu. “Đó không phải là một trại mồ côi. Đó là một cơ sở sạch sẽ, lành mạnh, và bận rộn. Người ta đã nói với tôi như thế. Tôi đã trao đổi tìm hiểu, và mọi thông tin tôi có được đều tốt. Con bé sẽ có việc làm, được học hành, và sau bốn tháng nữa nó sẽ sinh con. Khi việc sinh nở đã xong, đứa trẻ sẽ được cho làm con nuôi. Các nữ tu ở St. Eusebia sẽ lo chuyện đó. Sau đó con bé có thể quay về nhà, và sau một năm rưỡi nữa nó có thể đăng ký vào học trường sư phạm đúng như Sallie mong muốn. Và cả tôi nữa, tất nhiên rồi. Sallie và tôi.”

“Thế còn vai trò của tôi trong chuyện này? Tôi đoán hẳn tôi phải đóng một vai nào đó.”

“Có phải anh đang bõn cợt tôi không vậy, Wilf? Tôi biết anh vừa trải qua một năm khó khăn, nhưng tôi vẫn không thể chấp nhận được việc anh bõn cợt tôi.”

“Không phải tôi đang bõn cợt anh, nhưng anh cần phải biết anh không phải là người duy nhất đang phát điên và cảm thấy xấu hổ ê chề. Hãy nói cho tôi biết anh muốn gì, và có thể chúng ta sẽ còn tiếp tục là bạn.”

Nụ cười mỉm lạnh lùng hiếm có ông ta dùng để đón nhận câu nói của tôi - chỉ một cử động uốn cong nho nhỏ của đôi môi và một thoáng xuất hiện ngắn ngủi của những nếp nhăn trên khóe miệng - đã nói lên rất nhiều về chuyện ông ta nuôi dưỡng ít hy vọng đến thế nào về *chuyện đó*.

“Tôi biết anh không giàu, nhưng anh vẫn cần phải ghé vai vào gánh phần trách nhiệm của mình. Thời gian con bé lưu lại nơi đó - các nữ tu gọi là chăm sóc trước sinh - sẽ tốn mất 300 đô la. Xơ Camilla gọi đó là một khoản đóng góp khi tôi nói chuyện với bà ta qua điện thoại, nhưng tôi biết đâu là một khoản lệ phí khi nghe người ta nhắc đến chúng.”

“Nếu anh định yêu cầu tôi chia sẻ nó cùng anh...”

“Tôi biết anh không thể kiếm được 150 đô la, nhưng tốt hơn anh nên có thể xoay sở được 75 đô la, vì đó là khoản tiền sẽ phải tiêu tốn cho người gia sư. Người sẽ giúp con bé theo kịp các bài học.”

“Tôi không thể làm được. Arlette đã vét sạch tiền mặt của tôi khi cô ta bỏ đi.” Nhưng đó là lần đầu tiên tôi nhận ra mình đang tự hỏi liệu có thể vợ tôi đã giấu điếm đi một số tiền hay không. Câu chuyện về 200 đô la mà cô ta mang theo khi trốn khỏi nhà chỉ là một lời nói dối trắng trợn, nhưng vào tình thế như lúc này thậm chí vài khoản tiền nho nhỏ cất giấu đâu đó cũng rất hữu ích. Tôi thầm hình dung trong đầu các ngăn tủ bát và những chiếc hộp trong bếp.

“Hãy vay một khoản nữa từ ngân hàng,” ông ta nói. “Anh đã trả xong khoản vay cuối cùng rồi, tôi nghe nói thế.”

Tất nhiên ông ta đã nghe được chuyện đó. Những việc như thế đáng ra phải được coi là chuyện riêng tư, nhưng những người như Harlan Cotterie có tai mắt ở khắp nơi. Tôi lại cảm thấy bùng lên cảm giác khó chịu với ông ta. Ông ta đã cho tôi thuê cái máy thu hoạch ngô của mình và chỉ lấy có 20 đô la tiền thuê ư? Thế thì sao? Ông ta đang đòi tiền tôi và hơn nữa, với thái độ như thể cô con gái quý hóa của ông ta chưa từng bao giờ dặng chân ra và nói *nào, tiến vào và sơn tường đi*.

“Tôi đã dùng tiền thu được từ vụ thu hoạch để trang trải món vay đó,” tôi nói. “Giờ tôi không còn tiền nữa. Tôi có đất đai và ngôi nhà của mình để chăm lo, và như thế cũng tốn khá nhiều.”

“Anh phải tìm ra cách,” ông ta nói. “Hãy đem thế chấp ngôi nhà, nếu cần phải làm thế. 75 đô la là phần của anh, và nếu so sánh với việc con trai anh phải đi thay tã ở tuổi 15, tôi nghĩ anh đã thoát nạn với giá quá rẻ rồi đấy.”

Ông ta đứng dậy. Cả tôi cũng thế. “Thế nếu tôi không tìm ra cách? Khi đó thì sao, Harl? Anh sẽ gọi cảnh sát trưởng chẳng?”

Đôi môi ông ta cong lên đầy khinh bỉ, khiến cảm giác khó chịu tôi dành cho ông ta trở thành căm ghét. Chuyện đó xảy ra trong khoảnh khắc, và tới tận hôm nay tôi vẫn cảm nhận được sự căm ghét ấy, khi đã có rất nhiều cảm xúc khác tất lịm trong trái tim tôi. “Tôi sẽ không bao giờ tìm tới pháp luật với một việc như chuyện này. Nhưng nếu anh không chịu gánh vác phần trách nhiệm của mình, quan hệ giữa anh và tôi coi như chấm dứt.” Ông ta liếc mắt nhìn ra bầu trời đang dần tắt nắng bên ngoài. “Tôi về đây. Phải vậy thôi, nếu tôi muốn về tới nhà trước khi trời tối. Tôi chưa cần đến chỗ 75 đô la đó trong vài tuần tới, vì vậy anh còn chùng ấy thời gian. Và tôi sẽ không đến thúc giục anh vì khoản tiền đó đâu. Nếu anh không chịu bỏ tiền ra, thì cứ làm thế. Có điều đừng có nói là anh không thể, vì tôi biết rõ hơn thế. Đáng ra anh nên để cho vợ anh bán khu đất đó cho Farrington, Wilf. Nếu anh làm thế, cô ấy hẳn vẫn còn ở đây và anh hẳn đã có ít tiền trong tay. Và rất có thể con gái tôi đã không dính dáng gì đến gia đình anh.”

Trong tâm trí mình, tôi đẩy ông ta lộn nhào qua cửa và nhảy bổ lên cái bụng tròn xoe của ông ta bằng cả hai chân khi ông hàng xóm của tôi tìm cách bỏ chạy. Rồi tôi lấy cái liềm ra khỏi chuồng gia súc và đâm xuyên nó qua một bên mắt ông ta. Còn trên thực tế, tôi đứng chống một tay lên lan can và nhìn ông ta bước xuống các bậc thềm.

“Anh có muốn nói chuyện với Henry không?” tôi hỏi. “Tôi có thể gọi nó ra. Về chuyện này nó cũng khổ tâm chẳng kém gì tôi.”

Harlan vẫn không dừng bước. “Con gái tôi là đứa trong sạch và con trai anh đã làm vấy bẩn nó. Nếu anh lôi nó ra đây, có khi tôi sẽ nện nó như tử. Rất có thể tôi sẽ không thể kiềm chế được bản thân.”

Tôi thầm suy nghĩ về chuyện đó. Henry đã lớn, thằng bé rất khỏe, và có lẽ quan trọng nhất nó đã biết thế nào là giết người. Còn Harl Cotterie thì chưa.

Ông ta không cần phải quay cần khởi động để nổ máy chiếc Nash mà chỉ cần bấm vào một cái nút. Giàu có quả là tuyệt đủ đường. “75 đô là những gì tôi cần để khép chuyện này lại,” ông ta gọi với lại qua tiếng động cơ nổ. Sau đó, ông hàng xóm của tôi lái xe lượn vòng quanh cái thớt gỗ củi, làm George và đám gà mái của nó quính quáng bay loạn lên, rồi quay trở về trang trại của ông ta; với cái máy phát điện to tướng và hệ thống ống nước trong nhà của nó.

Khi tôi quay lại, Henry đang đứng cạnh tôi, mặt tái xám đầy phần nộ. “Bọn họ không thể gửi cô ấy đi như thế.”

Vậy là thằng bé đã nghe tất cả. Tôi không thể nói rằng tôi cảm thấy ngạc nhiên.

“Có thể và sẽ,” tôi nói. “Và nếu con thử làm gì đó ngu ngốc và cứng đầu, con sẽ chỉ làm tồi tệ thêm một tình thế vốn đã chẳng hay ho gì.”

“Bọn con có thể bỏ trốn. Chúng con sẽ không để bị bắt lại. Nếu chúng ta đã có thể trót lọt với... với việc chúng ta đã làm... thì con đoán con có thể thực hiện suôn sẻ việc bỏ trốn tới Colorado cùng cô gái của con.”

“Con không thể,” tôi nói, “vì con không có tiền. Tiền thu xếp mọi thứ, ông ta nói vậy. Được lắm, còn đây là những gì bố nói: không tiền làm hỏng mọi thứ. Bố biết vậy, và Shannon cũng sẽ biết thế. Lúc này cô ấy phải bận tâm tới đứa con của mình...”

“Không đâu, nếu họ ép cô ấy cho đứa bé đi.”

“Điều đó cũng không làm thay đổi những gì một phụ nữ cảm nhận khi cô ta có một đứa con trong bụng. Một đứa con sẽ làm họ trở nên khôn ngoan theo cách mà những người đàn ông không thể hiểu nổi. Bố không hề mất đi chút tôn trọng nào với con hay với cô bé chỉ vì nó sắp có một đứa con - hai đứa bọn con không phải là trường hợp đầu tiên, và cũng sẽ không phải là cuối cùng, cho dù nếu Quý ông Cao cả và Toàn năng đã nảy ra ý tưởng là cô ta sẽ chỉ được sử dụng thứ nằm giữa hai chân mình để đi tiểu. Nhưng nếu con yêu cầu một cô gái đang mang thai năm tháng bỏ trốn cùng con... và cô ấy đồng ý... khi đó bố sẽ không còn sự tôn trọng dành cho cả hai đứa nữa.”

“Bố thì biết gì?” thằng bé hỏi với giọng vô cùng coi thường. “Bố thậm chí còn chẳng thể cắt một cái cỏ mà không gây ra đủ thứ lỗi thôi.”

Tôi cứng họng không biết nói sao. Thằng bé thấy rõ như thế, và bỏ mặc tôi ở đó.

Con trai tôi tới trường ngày hôm sau không chút cự nự, cho dù người yêu của nó không còn tới trường nữa. Có thể vì tôi để cho nó dùng chiếc xe tải. Một thằng bé sẽ chấp nhận bất cứ cơ nào để được lái một chiếc xe tải, khi chuyện lái xe còn là mới mẻ. Nhưng tất nhiên, sự mới mẻ rồi cũng qua đi. Sự mới

mẽ luôn dần biến mất khỏi mọi thứ, và thường không mất nhiều thời gian. Những gì nằm bên dưới luôn xám xịt, tàn tạ, thường như vậy nhiều hơn là không. Giống như một cái ổ chuột.

Khi thằng bé đã đi học, tôi vào trong bếp. Tôi trút đường, bột và muối ra khỏi các hộp đựng bằng thiếc, rồi bới tìm cả trong những thứ bị đổ ra. Chẳng có gì. Tôi quay vào phòng ngủ, lục tìm trong quần áo của vợ tôi. Chẳng có gì. Tôi tìm trong các đôi giày của cô ta và cũng không thấy gì. Nhưng mỗi lần tôi không tìm thấy gì, tôi lại trở nên chắc chắn hơn là nhất định phải có gì đó.

Tôi còn việc cần làm ngoài vườn, nhưng thay vì đi làm những việc đó, tôi ra đằng sau chuồng gia súc, nơi từng là chỗ của cái giếng cũ. Giờ đây cỏ dại đã mọc lên trên: cỏ phù thủy và những cây bụi hoa vàng mọc thừa thớt. Elphis đang nằm ở dưới đó, và Arlette cũng vậy. Arlette với khuôn mặt bị xô lệch sang bên. Arlette với nụ cười như một gã hề của cô ta. Arlette với cái bao tải chụp lên đầu.

“Nó ở đâu, hả đồ điếm cứng đầu?” tôi hỏi cô ta. “Cô đã giấu nó ở đâu rồi?”

Tôi cố gắng dọn quang đống đầu óc mình, đó là điều bố tôi vẫn khuyên tôi làm khi tôi dễ quên đầu đó một công cụ hay một trong những cuốn sách quý báu của tôi. Sau một lát, tôi quay trở vào trong nhà, lên buồng ngủ, rồi tới chỗ tủ quần áo. Có hai cái hộp đựng mũ đặt trên tầng giá cao nhất. Trong cái hộp thứ nhất tôi không tìm thấy gì ngoài một cái mũ - cái mũ trắng vợ tôi vẫn đội đi nhà thờ (khi cô ta chịu khó cất công làm điều đó, thường mỗi tháng một lần). Cái mũ trong hộp thứ hai màu đỏ, và tôi chưa bao giờ thấy vợ tôi đội nó. Với tôi trông nó giống như cái mũ của một ả điếm. Lồng vào trong lớp vải satin lót trong mũ, được gấp lại thành hình vuông chỉ không to hơn viên thuốc là mấy, là hai tờ 20 đô la. Lúc này đây, khi ngồi trong căn phòng khách sạn rẻ tiền này và lắng nghe lũ chuột rúc rích bò đi trong tường (phải, các bạn cũ của tôi đang ở đây), tôi có thể nói với các vị rằng hai tờ 20 đô la đó chính là dấu triện quyết định kết án nguyên rửa tôi.

Bởi vì chúng không đủ. Các vị đã nhận ra rồi, phải không nào? Tất nhiên các vị đã nhận ra. Người ta chẳng cần phải là chuyên gia trong môn *nợng dác* để biết rằng cần phải thêm 35 đô la vào 40 để có được 75 đô la. Nghe cũng chẳng nhiều nhận gì cho lắm, phải không nào? Nhưng vào thời đó các vị có thể mua được lượng lương thực đủ ăn trong hai tháng với 35 đô la, hay một bộ nông cụ tốt đã qua sử dụng tại xưởng rèn của Lars Olsen. Các vị có thể mua một vé tàu tới tận Sacramento... điều mà đôi lúc tôi ước gì mình đã làm.

Ba mươi lăm.

Và đôi lúc khi tôi nằm trên giường buổi tối, tôi có thể thực sự nhìn thấy con số đó. Nó lóe lên ánh sáng màu đỏ, giống như đèn báo hiệu không được băng qua đường khi có một đoàn tàu sắp tới. Nếu mỗi chúng ta đều có một Kẻ Ma Quái bên trong mình, thì mỗi chúng ta cũng có một Kẻ Điên Rồ. Và vào những buổi tối như thế, khi tôi không thể ngủ được vì con số nhấp nháy đó không cho tôi ngủ, Kẻ Điên Rồ của tôi nói đó là một âm mưu: rằng Cotterie, Stoppenhauser, và gã luật sư dê tiện của nhà Farrington đều can dự vào trong đó. Tất nhiên, tôi ý thức được khá hơn thế nhiều (ít nhất là vào ban ngày). Cotterie và ông luật sư Lester rất có thể sau này đã có một cuộc trao đổi cùng Stoppenhauser - sau khi tôi đã làm những gì tôi đã làm - nhưng chắc chắn ban đầu bọn họ chẳng có can hệ gì;

Stoppenhauser thực ra đã cố giúp đỡ tôi... và thực hiện một vụ làm ăn nhỏ cho Home Bank & Trust, tất nhiên rồi. Nhưng khi Harlan hay Lester - hoặc cả hai người bọn họ - nhìn thấy một cơ hội, bọn họ đã nắm lấy nó. Kẻ Ma Quái cũng đồng lõa vào: các vị có thấy thích chuyện này không? Đến lúc đó hầu như tôi chẳng còn bận tâm nữa, vì đến lúc đó tôi đã mất đi con trai tôi, nhưng các vị có biết ai là kẻ tôi thực sự buộc tội không?

Arlette.

Phải.

Bởi vì chính cô ta là kẻ đã để lại hai tờ giấy bạc đó trong cái mũ đỏ dĩ thỏa của cô ta để tôi tìm thấy. Và các vị có thấy vợ tôi khôn ngoan một cách ma quái đến mức nào không? Vì không phải món 40 đô la đó đã làm hại tôi; chính là món tiền còn thiếu giữ nó và những gì Cotterie đòi hỏi để thuê gia sư cho cô con gái chữa hoang của ông ta; những gì ông ta muốn để con bé có thể học tiếng Latinh và theo kịp môn *nurong dác* của nó.

35, 35, 35.

Tôi nghĩ về số tiền ông ta muốn để trả cho gia sư trong suốt phần còn lại của tuần đó? và trong suốt dịp cuối tuần nữa. Đôi lúc tôi lấy hai tờ bạc ra - tôi đã gỡ phẳng chúng ra song các nếp gấp vẫn còn hằn lại - và ngắm nghía chúng. Đến tối Chủ nhật tôi đã đi tới quyết định. Tôi nói với Henry rằng nó sẽ phải dùng chiếc Model T đi học vào sáng thứ Hai; tôi cần tới Hemingford Home gặp ông Stoppenhauser tại ngân hàng để thu xếp một khoản vay. Một khoản vay nhỏ. Chỉ 35 đô la.

“Để làm gì?” Henry đang ngồi trên cửa sổ, trầm ngâm nhìn về phía cánh đồng phía tây đang chìm dần vào bóng tối.

Tôi cho nó biết nguyên nhân. Tôi nghĩ việc này sẽ thổi bùng lên một cuộc cãi cọ nữa về Shannon, và theo một cách nào đó, đây chính là thứ tôi muốn. Thằng bé không nói gì về cô bạn gái của nó trong suốt cả tuần, mặc dù tôi biết Shan đã đi khỏi nhà. Mert Donovan đã kể cho tôi biết khi ông ta tới mua ngô hạt. “Tới một trường học kỳ quặc nào đó ở tận Omaha,” ông ta kể. “Tốt thôi, càng thêm sức mạnh cho cô bé, đó là những gì tôi nghĩ. Nếu bọn họ rời đây sẽ bỏ phiếu, tốt hơn họ nên học hành tử tế. Mặc dù,” ông ta nói thêm sau một khoảnh khắc cân nhắc suy nghĩ, “con gái tôi luôn làm những gì tôi bảo nó. Sẽ tốt hơn cho nó nếu nó biết điều gì là có lợi cho mình.”

Nếu tôi biết cô bé đã rời khỏi nhà, chắc chắn Henry cũng biết, thậm chí có lẽ còn trước cả tôi - những đứa trẻ ở trường học đều là những kẻ buôn chuyện hăng hái. Nhưng thằng bé không nói gì. Tôi cho rằng tôi đang cố cung cấp cho nó một lý do để nói ra hết mọi cảm xúc đau khổ và những lời buộc tội của nó. Hẳn sẽ chẳng vui vẻ gì, song về lâu về dài rất có thể như vậy lại có ích. Như thế, sẽ không còn cơn đau nào trên trán hoặc trong bộ óc đằng sau vầng trán còn cơ hội tiếp tục mưng mủ. Nếu chúng tiếp tục tụ lại trong đó, căn bệnh truyền nhiễm nhiều khả năng sẽ lan rộng.

Nhưng thằng bé chỉ cười gằn trước tin này, vậy là tôi quyết định chọc tức nó mạnh hơn chút nữa.

“Con và bố sẽ chia đôi gánh nặng,” tôi nói. “Có lẽ sẽ không lên đến quá 38 đô la nếu chúng ta hoàn lại khoản vay vào Giáng sinh. Có nghĩa là 19 đô mỗi người. Bố sẽ lấy phần của con từ tiền công lao động con được hưởng.”

Tất nhiên, tôi nghĩ, việc này sẽ dẫn tới một cơn giận dữ... nhưng nó chỉ đem lại thêm một tiếng cười gần khó chịu nữa. Thậm chí con trai tôi còn không cãi cò về chuyện phải lái chiếc Model T tới trường, mặc dù thằng bé từng nói những đứa trẻ khác lôi chuyện này ra làm trò đùa, gọi cái xe là “máy đập mông của Hank”.

“Con trai?”

“Gì cơ ạ.”

“Con không sao chứ?”

Thằng bé quay sang tôi và mỉm cười - hay ít nhất môi nó cũng cong lên. “Con ổn cả. Chúc bố may mắn ở ngân hàng ngày mai. Con đi ngủ đây.”

Khi nó đứng dậy, tôi nói: “Con có thể hôn bố một cái không?”

Nó hôn lên má tôi. Đó là cái hôn cuối cùng.

Con trai tôi lấy chiếc T tới trường, còn tôi lái chiếc xe tải tới Hemingford Home, tại đây ông Stoppenhauser dẫn tôi vào văn phòng của ông ta chỉ sau năm phút chờ đợi. Tôi trình bày những gì tôi cần, nhưng từ chối không nói rõ tôi cần nó để làm gì, mà chỉ nói chung chung là lý do cá nhân. Tôi nghĩ với một khoản tiền còn con như thế hẳn tôi sẽ không cần phải giải thích cụ thể hơn, và tôi đã đúng. Nhưng khi tôi khai xong thủ tục, ông ta đan hai bàn tay vào nhau áp lên cái thẩm mực đặt trên mặt bàn và nhìn tôi với cái nhìn nghiêm khắc gần như của một ông bố. Trong góc, chiếc đồng hồ hiệu Regulator tích tắc đếm từng thời khắc đang lặng lẽ trôi qua. Ngoài phố - to hơn đáng kể - vang lên tiếng nổ của một động cơ. Nó dừng lại, tất cả trở nên im lặng, rồi sau đó lại một động cơ khác khởi động. Liệu có phải đó là con trai tôi, thoát đầu tới trên chiếc Model T, sau đó xoay chiếc xe tải của tôi hay không? Tôi không tài nào biết chắc được, song tôi nghĩ là vậy.

“Wilf,” ông Stoppenhauser nói, “cậu đã có chút thời gian để vượt qua chuyện vợ cậu bỏ đi như thế - thứ lỗi cho tôi vì đã gợi lại một chủ đề có thể khiến cậu đau khổ, nhưng dường như lúc này là thời điểm thích hợp, và bên cạnh đó, văn phòng của một chủ ngân hàng cũng ít nhiều giống như chỗ nghe xưng tội của một mục sư vậy - vì thế tôi sẽ nói chuyện với cậu như một người chân thành thẳng thắn”

[25]. Một vai trò hoàn toàn thích hợp, vì bố mẹ tôi vốn cũng từ Hà Lan tới đây.”

Tôi đã nghe những lời này trước đây - và tôi đoán hầu hết những người từng ghé qua nơi này cũng vậy - và để đáp lại, tôi nở một nụ cười ngoan ngoãn, có nghĩa là mời chào ông chủ nhà tiếp tục diễn thuyết.

“Liệu Home Bank & Trust có cho cậu vay 35 đô la không? Tất nhiên rồi. Thậm chí tôi còn muốn xử lý vụ này như giữa hai người đàn ông với nhau và cho cậu vay ngay từ ví của tôi, chỉ có điều tôi chẳng bao giờ mang theo trong người nhiều hơn số tiền cần thiết cho bữa trưa của tôi ở quán Splendid Diner và cho việc đánh bóng đôi giày. Quá nhiều tiền là một sự cám dỗ thường trực, thậm chí cả với một lão già khôn ngoan như tôi, và bên cạnh đó, công việc là công việc. *Nhưng!*” Ông ta giơ một ngón tay lên. “Anh *không cần* 35 đô la.”

“Rất buồn phải thú nhận, nhưng đúng là tôi có cần.” Tôi bắn khoản tự hỏi liệu có phải ông ta đã biết lý do tôi đi vay tiền hay không. Có thể lắm; ông ta quả thực là một con cáo già. Nhưng Harl Cotterie cũng thế, và Harl cũng là một con cáo già đáng xấu hổ vào mùa thu năm đó.

“Không; cậu không cần chừng đó. Cậu cần 750 đô, đó là thứ cậu cần, và cậu có thể có nó ngay hôm nay. Hoặc cậu gửi luôn vào ngân hàng, hoặc đi ra ngoài mang theo nó trong túi, với tôi thế nào cũng được. Cậu đã thanh toán hết khoản vay thế chấp bằng trang trại của cậu 3 năm trước. Bây giờ nó đã hoàn toàn tự do và sạch sẽ. Vì thế hoàn toàn không có bất cứ lý do nào ngăn cản cậu quay vòng lại và vay một khoản thế chấp nữa. Chuyện này luôn xảy ra, chàng trai trẻ, và thậm chí cả với những người khá giả nhất. Cậu sẽ rất ngạc nhiên nếu được thấy vài món giấy tờ chúng tôi đang giữ ở đây. Toàn là của những người khá giả hạng nhất. Phải đấy, thưa quý ông.”

“Tôi cảm ơn ông rất nhiều, ông Stoppenhauser, nhưng tôi không nghĩ thế. Khoản vay thế chấp đó chẳng khác gì một đám mây xám xịt luôn lơ lửng trên đầu tôi trong suốt thời gian nó còn hiệu lực, và...”

“Wilf, điểm đáng nói chính là chỗ này đấy!” Cái ngón tay lại giơ lên lần nữa. Lần này nó không ngừng đảo qua đảo lại, giống như cần quả lắc của chiếc đồng hồ Regulator. “Đó chính là điểm quan trọng nhất! Chính những anh chàng cảm về một khoản vay thế chấp rồi sau đó cảm thấy như thể lúc nào họ cũng đang nhờn nhờ chơi bời là những kẻ cuối cùng luôn lỡ kỳ hạn và mất trắng món tài sản giá trị của mình! Còn những anh chàng như cậu, những kẻ coi tờ giấy vay ngân hàng đó như một bao đá phải mang trên lưng vào một ngày u ám, lại luôn thanh toán đúng kỳ hạn! Và chẳng lẽ cậu muốn nói với tôi rằng cậu không thể cải thiện được bất cứ cái gì sao? Một mái nhà cần chữa lại? Thêm ít đầu gia súc nữa?” Ông ta ném về phía tôi một cái nhìn ranh mãnh tinh quái. “Thậm chí có thể là hệ thống ống dẫn nước trong nhà, giống như nhà hàng xóm phía dưới đường của cậu ấy chẳng hạn? Những thứ như thế rồi sẽ tự trang trải cho chúng, cậu biết mà. Cuối cùng cậu sẽ có được những cải thiện vượt xa giá trị khoản vay thế chấp. Giá trị cho tiền bạc, Wilf! Giá trị cho tiền bạc!”

Tôi suy nghĩ một hồi. Và cuối cùng tôi nói, “Tôi cũng rất muốn, thưa ông. Tôi sẽ không nói dối về điều đó...”

“Đâu cần phải thế. Văn phòng của chủ ngân hàng, nơi nghe xưng tội của mục sư - sự khác biệt là rất nhỏ. Những người khá giả hạng nhất ở vùng này cũng từng ngồi vào cái ghế cậu đang ngồi, Wilf. Những người khá giả hạng nhất.”

“Nhưng tôi chỉ tới để vay một khoản nhỏ - và được ông vui lòng chấp nhận - mà đề nghị mới này cần

được cân nhắc thêm chút nữa. Một ý tưởng mới vừa lóe lên trong đầu tôi, một ý tưởng thú vị đến mức đáng ngạc nhiên. “Và tôi nhất thiết phải trao đổi với con trai tôi, Henry - Hank, như bây giờ nó thích được gọi. Thằng bé đã đến tuổi cần được hỏi ý kiến, bởi vì những gì tôi có đến một ngày nào đó sẽ là của nó.”

“Tôi hiểu, hoàn toàn hiểu. Nhưng đó là việc đúng đắn nên làm, tin tôi đi.” Ông ta đứng dậy và chìa bàn tay ra. Tôi cũng đứng dậy và bắt tay ông ta. “Cậu tới đây để mua một con cá, Wilf. Tôi đề nghị bán cho cậu một cái cần câu. Một vụ làm ăn tốt hơn nhiều.”

“Cảm ơn ông.” Và trước khi rời khỏi ngân hàng, tôi thầm nghĩ: *Mình sẽ trao đổi chuyện này với con trai mình.* Một ý nghĩ thật tuyệt. Một ý nghĩ làm ấm lên trái tim đã lạnh giá suốt nhiều tháng vừa qua.

Đầu óc con người ta quả là một thứ thật buồn cười, phải không nào? Vì mãi mê bận rộn với lời đề nghị tự nguyện từ ông Stoppenhauser về một khoản cho vay thế chấp, tôi đã chẳng hề nhận ra chiếc xe tôi dùng để đi tới ngân hàng đã bị thay thế bằng chiếc xe Henry đã lái đến trường. Tôi cũng không chắc liệu mình có nhận ra chuyện đó ngay lập tức không, thậm chí cho dù trong tâm trí tôi lúc ấy chỉ có những mối bận tâm ít quan trọng hơn. Nói gì thì nói, cả hai chiếc xe đều quá quen thuộc với tôi; chúng đều là của tôi. Tôi chỉ nhận ra sự thay đổi khi cúi người vào trong xe lấy cần khởi động và nhìn thấy một tờ giấy được gấp lại, đặt trên ghế lái xe và có một hòn đá chặn đè lên.

Tôi chờ người ra trong khoảnh khắc ở tư thế đó, nửa người ở trong, nửa người ở ngoài chiếc T, một bàn tay áp lên thành xe, bàn tay kia đang thò xuống dưới gầm ghế, nơi chúng tôi vẫn để cần khởi động. Tôi cho rằng tôi đã biết tại sao Henry lại rời khỏi trường vòng tới đây từ trước khi tôi lấy tờ giấy nó để lại ra từ dưới hòn đá và mở ra. Chiếc xe tải đáng tin cậy hơn cho một chuyến đi dài. Như một chuyến đi tới Omaha chẳng hạn.

Bố,

Con đã lấy xe tải. Con đoán bố biết con sẽ đi đâu. Hãy để con yên. Con biết bố có thể yêu cầu cảnh sát trưởng Jones đuổi theo con để bắt con về, nhưng nếu bố làm thế con sẽ kể ra tất cả. Có thể bố nghĩ rồi con sẽ đổi ý vì con “chỉ là một thằng nhóc”, NHƯNG CON SẼ KHÔNG ĐỔI Ý. Không có Shan, con chẳng còn quan tâm tới gì khác nữa. Con yêu bố dù con không biết tại sao, vì mọi thứ chúng ta làm đã khiến con rất đau khổ.

Con trai yêu quý của bố,

Henry “Hank” James

Tôi lái xe về trang trại trong trạng thái thờ ơ dẫn dụ. Tôi nghĩ đã có vài người vẫy tay chào cho tôi - tôi nghĩ thậm chí cả Sallie Cotterie, người đang chăm chút cho vườn rau ven đường của nhà Cotterie, cũng vẫy tay chào tôi - và rất có thể tôi đã vẫy tay chào lại, nhưng tôi không còn nhớ gì về việc có làm thế hay không. Lần đầu tiên kể từ khi cảnh sát trưởng Jones tìm tới trang trại, đưa ra những câu hỏi vui vẻ, không cần đến câu trả lời của ông ta, và nhìn ngó qua mọi thứ với đôi mắt lạnh lùng soi mói, chiếc

ghế điện đường như lại trở thành một khả năng có thật với tôi, thật đến mức gần như tôi có thể cảm nhận thấy những cái khóa sắt áp lên da tôi khi những dây đai da được siết chặt lên hai bên cổ tay và phía trên khuỷu tay tôi.

Thằng bé có thể bị bắt cho dù tôi có giữ mồm giữ miệng hay không đi chăng nữa. Với tôi, khả năng đó dường như là không thể tránh khỏi. Thằng bé không có tiền, thậm chí chẳng có đủ sáu đồng xu để đổ đầy bình xăng của chiếc xe tải, vì thế nó sẽ buộc phải cuốc bộ thậm chí từ rất lâu trước khi tới được Elkhorn. Nếu nó tìm cách ăn trộm được xăng, con trai tôi rồi sẽ bị bắt khi nó mò tới nơi con bé đang sống (Henry đoán như một tù nhân; trong đầu óc chưa đủ chín chắn của mình, thằng bé không bao giờ nghĩ có thể bạn gái nó là một vị khách tự nguyện). Tất nhiên Harlan đã cung cấp cho người phụ trách ở đó - xơ Camilla - mô tả đặc điểm ngoại hình của Henry. Thậm chí cho dù ông ta có không cân nhắc tới khả năng anh chàng bạn trai đang bắt bình sẽ xuất hiện ở nơi người đẹp trong mộng của cậu ta bị cầm tù, thì xơ Camilla chắc chắn cũng sẽ tính đến khả năng này. Trong nghề của mình, trước đây bà ta hiển nhiên đã từng phải đối phó với những anh chàng bạn trai đang bắt bình.

Hy vọng duy nhất của tôi là khi bị nhà chức trách bắt giữ, Henry sẽ giữ được im lặng đủ lâu để hiểu ra nó đã rơi vào bẫy vì chính những suy nghĩ lãng mạn ngu ngốc của chính mình chứ không phải vì sự can thiệp của tôi. Hy vọng một thằng bé vị thành niên suy nghĩ một cách chín chắn cũng chẳng khác gì nhắm mắt đặt cược bừa vào một cuộc đua ngựa, nhưng tôi còn có lựa chọn nào khác đây?

Khi tôi lái xe vào trong sân, một ý nghĩ điên rồ chợt lóe lên trong đầu tôi: để nguyên chiếc T nổ máy, chạy vào nhà gói ghém hành lý, rồi lái xe trốn tới Colorado. Ý nghĩ đó tồn tại trong không quá hai giây. Tôi có tiền - trên thực tế là 75 đô la - nhưng chiếc Model T hẳn đã hỏng từ lâu trước khi tôi kịp vượt qua biên giới tiểu bang ở Julesburg. Và đó cũng chưa phải là điều quan trọng; nếu chỉ có vậy, tôi luôn có thể lái xe tới Lincoln, rồi dùng chiếc T kèm thêm 60 đô la nữa đổi lấy một chiếc xe đáng tin cậy. Không, điều quan trọng chính là nơi này. Là ngôi nhà này. Ngôi nhà *của tôi*. Tôi đã sát hại vợ mình để giữ lấy nó, và giờ đây sẽ không có chuyện tôi bỏ nó đi chỉ vì kẻ đồng lõa ngu ngốc và non nớt của tôi đâm đầu vào một cuộc phiêu lưu lãng mạn. Nếu tôi rời khỏi trang trại, thì sẽ không phải để tới Colorado; khi đó điểm đến sẽ là nhà tù tiểu bang. Và tôi sẽ bị xích lại giải tới đó.

Hôm ấy là thứ Hai. Không có tin tức gì trong suốt ngày thứ Ba và thứ Tư. Cảnh sát trưởng Jones không hề xuất hiện để báo cho tôi biết Henry đã bị bắt trong lúc đi nhờ xe trên xa lộ Lincoln - Omaha, và Harl Cotterie cũng không chường mặt tới để nói với tôi (với vẻ hài lòng đặc chất Thanh giáo, không nghi ngờ gì nữa) rằng cảnh sát Omaha đã bắt giữ Henry theo yêu cầu của xơ Camilla, và lúc này thằng bé đang ngồi trong đồn cảnh sát, lái nhải đủ thứ chuyện kỳ quái về những con dao, cái giềng và bao tải. Mọi thứ đều tĩnh lặng ở trang trại. Tôi ở ngoài vườn thu hoạch rau, tôi sửa hàng rào, vắt sữa bò, cho gà ăn - và làm tất cả như thể trong một cơn mộng du. Một phần của tôi, và là một phần không hề nhỏ, tin rằng tất cả những điều đã xảy ra là một cơn ác mộng dài khủng khiếp rồi rằm mà rồi tôi sẽ tỉnh dậy khỏi nó với Arlette nằm ngáy bên cạnh cùng tiếng Henry chẻ củi để nhóm lửa buổi sáng.

Thế rồi, vào thứ Năm, cô McReady - bà góa bệ vệ đáng mến dạy các môn khoa học tại trường Hemingford - lái chiếc Model T của bà tới hỏi tôi liệu có phải Henry vẫn ổn cả hay không. “Có một... một *căn bệnh* đường ruột đang xảy ra quanh vùng,” bà nói. “Tôi không biết cậu bé có mắc phải không.

Con trai ông đã rời trường rất đột ngột.”

“Đúng là nó mắc bệnh,” tôi nói, “nhưng là bệnh yêu đương chứ không phải đường ruột. Nó bỏ nhà đi rồi, cô McReady.” Những giọt nước mắt không hề lường trước, nhói buốt và nóng hổi, dâng lên mắt tôi. Tôi lấy khăn tay từ trong túi trước cái quần yếm đang mặc ra, nhưng vài giọt nước mắt đã lăn xuống má tôi trước khi tôi kịp lau đi.

Khi tầm nhìn của tôi đã rõ ràng trở lại, tôi thấy cô McReady, người luôn yêu quý tất cả bọn trẻ, kể cả những đứa khó tính, cũng sắp bật khóc. Hẳn bà đã biết từ đầu Henry đang bị chứng bệnh nào hành hạ.

“Cậu bé sẽ trở về, ông James. Đừng lo. Tôi đã từng chứng kiến chuyện tương tự trước đây, và tôi trông đợi sẽ còn phải chứng kiến thêm một hay hai lần nữa trước khi nghỉ hưu, cho dù thời điểm đó không còn cách xa như trước nữa.” Bà giáo hạ giọng xuống, như thể bà sợ con gà trống George hay một thành viên nào đó trong hậu cung lông vũ của nó có thể là kẻ nghe trộm. “Người ông cần phải dè chừng là bố cô bé. Ông ta là một người khắc nghiệt và cứng rắn. Không phải là người xấu, nhưng khắc nghiệt.”

“Tôi biết,” tôi nói. “Và tôi đoán cô cũng biết con gái ông ấy đang ở đâu.”

Bà giáo cúi mắt xuống né tránh. Như thế là quá đủ cho một câu trả lời.

“Cảm ơn cô vì đã tới đây, cô McReady. Tôi có thể đề nghị cô giữ kín chuyện này được không?”

“Tất nhiên rồi... nhưng bọn trẻ đã bắt đầu xì xào rồi.”

Phải. Chắc chắn rồi.

“Ông có điện thoại không, ông James?” Bà nhìn quanh tìm kiếm đường dây điện thoại. “Tôi thấy là không. Đừng bận tâm. Nếu tôi biết được gì, tôi sẽ tới báo với ông.”

“Ý cô là nếu cô nghe ngóng được gì đó trước Harlan Cotterie hay cảnh sát trưởng Jones.”

“Chúa sẽ che chở cho con trai ông. Cả Shannon nữa. Ông biết đấy, hai đứa thực sự đã là một đôi đáng yêu; ai cũng từng nói thế. Đôi khi quả ngọt chín quá sớm, và một cơn sương mù làm hỏng mất nó. Thật đáng xấu hổ. Thật đáng buồn.”

Bà giáo bắt tay tôi - cái bắt tay mạnh mẽ của một người đàn ông - rồi lái chiếc xe rẽ tiền của mình đi. Tôi không nghĩ bà nhận ra rằng, về cuối, bà đã nói về Shannon và con trai tôi ở thì quá khứ.

Đến thứ Sáu, cảnh sát trưởng Jones xuất hiện, trên chiếc xe có ngôi sao vàng sơn trên cửa. Và ông ta không chỉ có một mình. Theo sau cách một quãng là chiếc xe tải của tôi. Tim tôi đập rộn khi nhìn thấy nó, rồi lại nặng nề chìm xuống khi tôi nhìn thấy người ngồi sau tay lái: Lars Olsen.

Tôi cố bình thần chờ đợi trong lúc Jones thực hiện Nghi lễ Xuất hiện của ông ta: xốc lại thắt lưng, lau trán (cho dù hôm đó trời se lạnh và âm u), rồi vuốt tóc. Tôi không thể. “Thằng bé vẫn ổn chứ? Ông đã tìm thấy nó chưa?”

“Không, chưa, không thể nói là chúng tôi đã tìm ra.” Ông cảnh sát trưởng leo lên bậc thềm. “Lái xe theo tuyến ở phía đông Lyme Biska đã tìm thấy cái xe tải, nhưng không thấy tăm hơi nào của cậu bé. Chúng tôi có thể biết rõ hơn về tình trạng sức khỏe của con trai ông nếu ông báo cho chúng tôi biết chuyện ngay khi nó vừa xảy ra. Phải không nào?”

“Tôi đã hy vọng nó sẽ tự quay về nhà,” tôi ừ ừ nói. “Thằng bé đi tới Omaha. Tôi không biết cần nói với ông nhiều tới mức nào, cảnh sát trưởng...”

Lars Olsen đã tiến vào trong tầm tai nghe, và hai tai anh ta chỉ còn thiếu vươn lên ve vẩy. “Quay trở ra xe của tôi, Olsen,” Jones nói. “Đây là một cuộc trao đổi riêng tư.”

Lars, một tâm hồn nhu mì dễ bảo, lập tức rút lui không chút chần chừ. Jones quay sang tôi. Ông ta trông ít tươi cười hơn nhiều so với lần ghé thăm trước, và cũng đã dẹp bộ dạng vụng về sang một bên.

“Chẳng phải tôi đã biết đủ nhiều rồi sao? Rằng con trai ông chơi trò vợ chồng với con gái Harl Cotterie và nhiều khả năng đã bỏ nhà để lang thang đến Omaha. Thằng bé đã lái chiếc xe khỏi đường rẽ vào một cánh đồng có cỏ mọc cao khi nó biết bình xăng gần cạn. Thông minh lắm. Nó có được sự thông minh đó từ ông phải không? Hay từ Arlette?”

Tôi không nói gì, nhưng ông ta cung cấp cho tôi một ý tưởng. Chỉ là một ý tưởng nhỏ, nhưng rất có thể sẽ hữu ích.

“Tôi sẽ cho ông biết một việc con trai ông đã làm mà chúng ta sẽ cảm ơn nó về việc đó,” Jones nói. “Thậm chí việc này còn có thể giúp thằng bé tránh được nhà tù nữa. Nó đã dọn sạch cỏ dưới gầm chiếc xe tải trước khi tung tăng bỏ đi. Như thế hơi nóng sẽ không làm cỏ bắt lửa, ông biết đấy. Gây ra một vụ cháy lớn trên thảo nguyên làm cháy trụi vài nghìn mẫu, chuyện đó có thể sẽ khiến bồi thẩm đoàn có phần bức bối, ông có nghĩ vậy không? Cho dù kẻ phạm tội mới chỉ 15 tuổi đi chăng nữa?”

“Thế đấy, việc đó đã không xảy ra, thưa cảnh sát trưởng - thằng bé đã làm đúng - vậy tại sao ông còn bận tâm đến chuyện này làm gì?” Tất nhiên tôi biết câu trả lời. Cảnh sát trưởng Jones có thể sẽ chẳng buồn vất vả nhọc công vì những kẻ như Andrew Lester, một luật sư, nhưng ông ta là bạn thân của Harl. Cả hai đều là thành viên của hội Elks Lodge mới được thành lập, và Harl hiển nhiên chẳng ưa gì con trai tôi.

“Có vẻ ông hơi thấy khó chịu, phải không nào?” Ông cảnh sát trưởng lại lau trán, sau đó đội cái mũ Stetson của ông ta lại như cũ. “Phải, có thể tôi cũng thấy khó chịu, nếu đây là con trai tôi. Và ông biết gì không? Nếu thằng bé là con trai tôi và Harl Cotterie là láng giềng của tôi - láng giềng *tốt* của tôi - có thể tôi đã chạy sang nhà ông ấy và nói, “Harl? Anh biết chưa? Tôi nghĩ có khi con trai tôi đang tìm cách tới gặp con gái anh. Anh có muốn báo cho ai đó để chặn đón nó không?” Nhưng ông chẳng hề

làm thế, phải không nào?”

Ý tưởng mà ông ta gợi ý cho tôi ngày càng có vẻ triển vọng hơn, và gần như đã đến lúc tung nó ra.

“Thằng bé vẫn chưa ló mặt ra ở chỗ cô gái đang sống, cho dù là chỗ nào đi nữa, phải không?”

“Chưa, không, có thể nó vẫn đang tìm địa chỉ.”

“Tôi không nghĩ nó bỏ nhà đi tìm Shannon,” tôi nói.

“Thế ư, thế thì để làm gì? Chẳng lẽ ở Omaha người ta có một loại kem ngon hơn chắc? Bởi vì con trai ông đi theo hướng đó, cũng chắc như ông đang ở trước mặt tôi vậy.”

“Tôi nghĩ nó đi tìm gặp mẹ nó. Tôi nghĩ có thể cô ta đã liên lạc với thằng bé.”

Câu trả lời khiến ông ta ngừng bật trong suốt mười giây, đủ lâu cho một lượt lau trán và vuốt tóc nữa. Rồi ông ta hỏi, “Bà nhà có thể làm việc đó bằng cách nào?”

“Theo như phán đoán tốt nhất của tôi thì chắc là qua một lá thư.” Cửa hàng tạp hóa ở Hemingford Home cũng đồng thời là bưu trạm, nơi mọi thư tín đều dồn tới. “Có thể người ta đã chuyển thư cho thằng bé khi nó tới đó mua kẹo hay lạc rang, như nó vẫn thường làm trên đường từ trường về. Tôi không biết chắc, cảnh sát trưởng, cũng như tôi không biết chắc tại sao ông tới đây làm như thể tôi vừa gây ra tội ác nào vậy. Tôi không phải là người làm cô bé kia phẫn bực.”

“Ông cần tránh cách nói năng như thế khi nhắc tới một cô bé tử tế!”

“Có thể là có mà cũng có thể là không, nhưng chuyện này với tôi cũng đáng ngạc nhiên chẳng kém gì so với nhà Cotterie, và giờ thì con trai tôi bỏ nhà đi. Ít ra họ còn biết rõ con gái họ đang ở đâu.”

Thêm lần nữa ông ta lại giậm chân. Rồi ông ta lấy một cuốn sổ nhỏ từ túi sau quần ra rồi ghi chép gì đó vào sổ. Ông ta cất sổ về chỗ cũ và hỏi, “Nhưng ông không biết chắc liệu vợ ông có liên lạc với cậu bé hay không - đó là những gì ông vừa cho tôi biết phải không? Hay chỉ là một phỏng đoán?”

“Tôi biết thằng bé đã nói rất nhiều về mẹ nó sau khi cô ta bỏ đi, nhưng sau đó nó lại thôi không nhắc gì nữa. Và tôi biết nó không xuất hiện ở chỗ Harlan và vợ ông ta gửi Shannon.” Và về chuyện này tôi cũng ngạc nhiên chẳng kém gì cảnh sát trưởng Jones... nhưng lại lấy làm mừng. “Ghép hai việc đó lại với nhau, ông sẽ có cái gì nhỉ?”

“Tôi không biết,” Jones cau mặt nói. “Thực sự tôi không biết. Tôi từng nghĩ mình đã luận ra tất cả trong vụ này, nhưng trước đây tôi đã nhầm lẫn rồi, phải không nào? Phải, và sẽ còn lầm lẫn nữa. “Chúng ta ai cũng phạm phải sai lầm”, đó là những gì Kinh Thánh nói. Nhưng có Chúa chứng giám, lũ trẻ quả là khiến cuộc sống của tôi trở nên thật khó khăn. Nếu ông nghe ngóng được gì từ con trai ông, Wilfred, bảo với nó tôi khuyên nó hãy yên vị đôi mông xương xẩu của nó ở nhà và tránh cho xa

Shannon Cotterie, nếu nó biết con bé đang ở đâu. Con bé không hề muốn gặp nó, về chuyện này tôi có thể đảm bảo. Tin tốt lành là không có vụ hỏa hoạn nào trên thảo nguyên, và chúng tôi không thể bắt giữ thằng bé vì lấy cắp xe tải của bố nó.”

“Không,” tôi cau có nói, “ông sẽ không bao giờ ép được tôi đưa ra lời buộc tội đó đâu.”

“Nhưng.” Ông cảnh sát trưởng giơ ngón tay lên, cử chỉ làm tôi nhớ tới ông Stoppenhauser ở ngân hàng. “Ba ngày trước, ở Lyme Biska - không xa nơi người ta tìm thấy cái xe tải của ông cho lắm - có ai đó đã đột nhập vào hiệu tạp hóa kiêm cây xăng nằm bên rìa thị trấn. Cửa hiệu có hình Cô Gái Mũ Xanh trên nóc, phải không nhỉ? Lấy đi 23 đô la. Bản tường trình đang nằm trên bàn tôi. Đó là một anh chàng trẻ tuổi mặc đồ cao bồi cũ rích, buộc một cái khăn che kín miệng và đội mũ phớt rộng vành kéo sụp xuống che khuất đôi mắt. Bà mẹ ông chủ hiệu đang đứng quầy thu ngân, và gã kia đã đe dọa bà ta bằng một món dụng cụ nào đó. Bà lão cho rằng đó có thể là một cái xà beng hay một thứ gì đại loại như thế, nhưng ai dám chắc được? Bà lão đã hơn 80 tuổi và mắt đã mù dờ rồi.”

Lần này đến lượt tôi im lặng. Lặng đi vì sững sờ. Cuối cùng tôi lên tiếng, “Henry từ trường bỏ đi, ông cảnh sát trưởng, và như những gì đến bây giờ tôi còn nhớ được, lúc đó nó đang mặc một chiếc áo sơ mi vải flannel và quần nhung kẻ. Thằng bé không hề cầm theo món quần áo nào của nó, và dù thế nào đi nữa nó cũng không hề có quần áo cao bồi, nếu ông muốn nói tới ủng và những thứ khác. Và nó cũng chẳng có cái mũ phớt rộng vành nào.”

“Có thể con trai ông cũng đã ăn cắp cả những món đó lắm chứ, phải không nào?”

“Nếu ông không biết gì hơn ngoài những gì ông vừa nói, ông nên dừng lại là hơn. Tôi biết ông là bạn của Harlan...”

“Nào, nào, chuyện này không có gì liên quan tới điều đó cả.”

Chắc chắn là có, và cả hai chúng tôi đều biết thế, nhưng chẳng có lý do gì để bàn cãi thêm nữa về nó. Có thể 80 mẫu đất của tôi không được bẽ thế lắm khi so sánh với 400 mẫu của Harlan Cotterie, nhưng nói gì thì nói tôi vẫn là một chủ đất, một người đóng thuế, và tôi sẽ không để bị ai dọa dẫm. Đó là điều tôi đang muốn nói, và cảnh sát trưởng Jones đã hiểu được.

“Con trai tôi không phải là kẻ cướp, và nó không đe dọa phụ nữ. Đó không phải là cách nó cư xử, và nó cũng không được nuôi dạy như thế.”

Không cho tới tận gần đây, đúng ra là vậy, một giọng nói bên trong tôi thì thầm.

“Có thể chỉ là một kẻ lang thang muốn kiếm tiền tiêu theo cách nhanh chóng,” Jones nói. “Nhưng tôi cảm thấy mình cần điều tra, và tôi đã làm như thế. Và chúng ta không thể biết được dân tình sẽ nói gì, phải không nào? Những câu chuyện bàn tán luôn xuất hiện. Ai mà chẳng nói, phải vậy không? Nói chẳng mất gì. Chủ đề này coi như kết thúc ở đây, nếu nói tới phần liên quan của tôi - hãy để cảnh sát trưởng hạt Lyme lo lắng về những gì diễn ra tại Lym Biska, đó là tôn chỉ của tôi - nhưng ông cần biết

cảnh sát Omaha đang để mắt theo dõi chặt chẽ nơi Shannon Cotterie sống. Nói vậy để phòng trường hợp con trai ông liên lạc với ông, ông biết đấy.”

Ông ta vuốt tóc ra sau, rồi đội mũ lại lần cuối cùng.

“Có thể thằng bé sẽ tự quay về nhà, không gây ra chuyện gì rắc rối, và chúng ta có thể nói về tất cả chuyện này, tôi không biết gọi vậy có đúng không nữa, như một món nợ xấu.”

“Được thôi. Chỉ cần đừng gọi con trai tôi là một đứa con trai hư hỏng, trừ khi ông cũng sẵn sàng gọi Shannon Cotterie là một đứa con gái hư hỏng.”

Cái cách hai cánh mũi ông ta phập phồng cho biết ông cảnh sát trưởng không khoái những gì vừa được nghe cho lắm, nhưng ông ta cũng không đáp lại. Những gì ông ta nói là, “Nếu con trai ông quay về và nói nó đã gặp mẹ, hãy cho tôi biết, được chứ? Chúng tôi đang ghi nhận bà nhà trong sổ như người mất tích. Thật ngớ ngẩn, tôi biết thế, nhưng luật là luật.”

“Tôi sẽ làm thế, tất nhiên rồi.”

Ông ta gạt đầu và đi ra xe. Lars đã ngồi vào sau tay lái. Jones đẩy anh ta ra - ông cảnh sát trưởng là loại người luôn tự lái lấy xe. Tôi nghĩ tới người thanh niên trẻ đã cướp hiệu tạp hóa, và cố trấn an mình rằng Henry của tôi không bao giờ lại làm một việc như thế, và thậm chí nó bị lâm vào tình cảnh phải làm việc đó, thằng bé cũng không thể đủ khôn ngoan để mặc lên người những món quần áo nó đã lấy cắp trong chuồng gia súc hay nhà lán của ai đó. Nhưng Henry giờ đã khác, những kẻ sát nhân luôn *học được* sự khôn ngoan, phải không nào? Đó là một kỹ năng sống sót. Tôi nghĩ rất có thể...

Nhưng không. Tôi sẽ không nói như thế. Như thế quá yếu đuối. Đây là lời thú tội của tôi, là những lời cuối cùng của tôi về mọi chuyện, và nếu tôi không thể nói ra sự thật, toàn bộ sự thật, không gì ngoài sự thật, thì đâu còn có ích gì nữa? Thì còn gì có ích nữa?

Đó chính là nó. Đó là Henry. Tôi đã thấy trong mắt cảnh sát trưởng Jones rằng ông ta chỉ nói tới vụ cướp bên đường đó vì tôi đã không chịu quy lụy ông ta theo cách mà ông ta nghĩ chắc chắn tôi phải làm, song tôi tin là vậy. Bởi vì tôi biết nhiều hơn cảnh sát trưởng Jones. Sau khi bạn đã giúp bố mình giết mẹ mình, thì việc đánh cắp một vài món quần áo hay gì xà beng vào mặt một bà già có là gì nữa? Chẳng mấy đáng bận tâm. Và nếu thằng bé đã thử một lần, rồi nó sẽ thử lần nữa, một khi 23 đô la kia đã hết sạch. Nhiều khả năng là ở Omaha. Nơi người ta chắc sẽ bắt được nó. Và đến khi đó tất cả mọi chuyện có thể sẽ bại lộ. Gần như chắc chắn sẽ bại lộ.

Tôi leo lên trước cửa nhà, ngồi xuống, gục mặt vào hai bàn tay.

Ngày lại ngày trôi qua. Tôi không biết là bao nhiêu nữa, chỉ nhớ là ngày nào trời cũng mưa. Khi trời mưa vào mùa thu, mọi công việc ngoài trời đành phải để lại, và tôi lại không có đủ gia súc hay nhà kho để trám đầy thời gian bằng công việc trong nhà. Tôi cố thử đọc, nhưng dường như các từ ngữ không còn nối liền với nhau thành mạch nữa, cho dù thỉnh thoảng lại có một vài từ đơn độc nhảy bật ra

khởi trang sách và gào lên. Sát nhân. Tội lỗi. Phản phúc. Những từ đại loại như thế.

Ban ngày tôi ngồi trước cửa với một cuốn sách trong lòng, thu mình lại trong chiếc áo khoác lông cừu để chống lại hơi ẩm và cái lạnh, dõi theo nước mưa nhỏ xuống từ rìa mái nhà. Tối đến, tôi nằm thức trắng cho tới gần sáng bạch, lắng nghe tiếng mưa gõ xuống mái nhà phía trên đầu. Nghe nó giống như tiếng những ngón tay rụt rè đang gõ cửa muốn vào nhà. Tôi dành quá nhiều thời gian để nghĩ về Arlette ở dưới giếng cùng Elphis. Tôi bắt đầu tưởng tượng ra cô ta vẫn...không phải còn sống (tôi đang ở trong trạng thái căng thẳng nhưng không hề điên), nhưng *còn ý thức* theo cách nào đó. Bằng cách nào đó cô ta đang dõi theo những biến cố diễn ra từ dưới nắm mồ tạm bợ của mình, và một cách đầy khoan khoái.

Anh có thích cách mọi thứ đã diễn ra không, Wilf? cô ta sẽ hỏi vậy nếu có thể (và trong tưởng tượng của tôi thì có). *Có đáng không? Anh nói gì đây?*

Một buổi tối, chừng một tuần sau lần ghé thăm của cảnh sát trưởng Jones, trong lúc tôi đang cố đọc *Ngôi nhà có bảy đầu hồi*, Arlette bò tới sau lưng tôi, vòng tay qua quanh đầu tôi, và dùng một ngón tay lạnh cóng, ướm sững gõ lên sống mũi tôi.

Tôi đánh rơi cuốn sách xuống tấm thảm trải sàn trong phòng khách, kêu thét lên, và đứng bật dậy. Khi tôi làm thế, đầu ngón tay lạnh ngắt kia chạy xuống khoe miệng tôi. Khi nó chạm vào tôi lần nữa, ngay trên đỉnh đầu, nơi tóc bắt đầu thưa dần. Lần này tôi phá lên cười - một tiếng cười run rẩy, cắn giận - và cúi xuống nhặt cuốn sách của tôi lên. Khi tôi làm thế, ngón tay lại gõ vào tôi lần thứ ba, lần này vào sau gáy, như thể cô vợ đã chết của tôi đang nói, *Tôi đã có được sự chú ý của anh chưa vậy, Wilf?* Tôi bước ra xa - để lần chạm thứ tư không phải trúng vào mắt - và nhìn lên. Trần nhà phía trên đã phai màu và thấm nước. Lốp vữa vẫn chưa bục ra, nhưng nếu trời cứ tiếp tục mưa, thì chắc chắn chuyện đó sẽ xảy ra. Thậm chí nó có thể mún ra và rơi xuống thành từng mảng. Chỗ thấm nước ở ngay trên nơi đọc sách ưa thích của tôi. Tất nhiên rồi. Phần còn lại của trần nhà trông có vẻ vẫn ổn, ít nhất là vào lúc này.

Tôi chợt nhớ tới những lời nói của Stoppenhauser, *Và chẳng lẽ cậu muốn nói với tôi rằng cậu không thể cải thiện được bất cứ cái gì sao? Một mái nhà cần chữa lại?* Rồi cả cái nhìn ma mẫn đó. Như thể ông ta đã *biết*. Như thể ông ta và Arlette đã cùng nhau dàn xếp chuyện này.

Đừng để những suy nghĩ kiểu đó chui vào đầu anh bạn, tôi tự nói với chính mình. Nguyên chuyện anh bạn cứ tiếp tục nghĩ mãi đến cô ta ở dưới giếng cũng đủ tệ hại rồi. Tôi tự hỏi không biết lũ giun đã chén hết hai mắt cô ta chưa? Liệu lũ bọ đã gặm hết cái lưỡi sắc lẹm của cô ta, hay ít nhất cũng làm cùn bớt nó đi chưa nhỉ?

Tôi tới bên cái bàn kê trong góc phòng xa nhất, cầm lấy chai rượu đang đặt trên đó, và rót cho mình một cốc kha khá whisky nâu. Bàn tay tôi run run, nhưng cũng chỉ một chút. Tôi uống hết sạch chỗ rượu sau hai lần. Tôi biết biến việc uống rượu như thế thành thói quen là việc chẳng hay ho gì, nhưng không phải tới nào một người đàn ông cũng cảm thấy cô vợ đã chết của mình đang gõ lên mũi anh ta. Và rượu khiến tôi thấy dễ chịu hơn. Kiểm soát được bản thân tốt hơn. Tôi không cần một khoản vay thế chấp tới 750 đô la để sửa lại mái nhà, tôi có thể chữa lại bằng ván gỗ khi mưa ngừng. Nhưng như thế sẽ là một

miếng vá víu thật xấu xí, nó sẽ làm ngôi nhà có bộ dạng mà hẳn mẹ tôi sẽ gọi là nghèo kiết xác. Song đó cũng không phải là điều quan trọng. Chữa chỗ thấm nước đó sẽ chỉ mất một hai ngày. Tôi cần có công việc giúp tôi bận rộn qua cả mùa đông. Bận bịu với công việc sẽ tổng khứ ra khỏi đầu tôi ý nghĩ về Arlette ngồi trên cái ngai bụi đất bần thủ của cô ta, Arlette với cái bao tải trùm trên đầu. Tôi cần những dự định cải tạo nhà cửa sẽ khiến tôi leo lên giường mệt lử tới mức tôi sẽ ngủ thiếp đi ngay lập tức, không phải nằm đó chong mắt lắng nghe tiếng mưa rơi và tự hỏi liệu Henry có đang ngoài kia dưới cơn mưa đó, có thể đang ho sù sụ vì bị cúm. Đôi lúc lao động là lối thoát duy nhất, câu trả lời duy nhất.

Ngày hôm sau, tôi lái xe tải vào thành phố và làm điều hẳn tôi sẽ không bao giờ nghĩ tới chuyện thực hiện nếu tôi không cần phải đi vay 35 đô la: tôi vay một khoản thế chấp 750 đô la. Cuối cùng tất cả chúng ta đều sa chân vào bẫy do chính mình đào. Tôi tin như vậy. Cuối cùng tất cả chúng ta đều lâm vào cảnh đó.

Ở Omaha, cũng vào tuần ấy, một thanh niên trẻ đội mũ phớt rộng vành bước vào một hiệu cầm đồ trên phố Dodge và mua một khẩu súng ngắn cỡ nòng 8 mm. Người thanh niên trả tiền mua súng bằng 5 đô la không nghi ngờ gì nữa đã được một bà lão mù dờ đang ngồi thu ngân dưới biển hiệu Cô Gái Mũ Xanh đưa cho cậu ta trong hoàn cảnh bị đe dọa. Ngày hôm sau, một thanh niên trẻ đội mũ lưỡi trai trên đầu và buộc khăn che kín mũi miệng bước vào chi nhánh Omaha của ngân hàng First Agricultural Bank, chĩa súng ngắn vào một nhân viên giao dịch trẻ xinh đẹp có tên Rhoda Penmark, yêu cầu cô này giao lại toàn bộ tiền có trong ngăn kéo của mình. Cô gái đưa cho cậu ta chừng 200 đô la, phần lớn là tờ một và năm đô - những tờ giấy bạc các nông dân thường cuộn tròn lại mang theo trong túi quần yếm của họ.

Khi cậu thanh niên rời khỏi ngân hàng, vừa đi vừa dùng một tay nhét tiền vào túi quần (rõ ràng là có phần hồi hộp, cậu ta để rơi vài tờ bạc xuống sàn), người bảo vệ béo phịch - một nhân viên cảnh sát về hưu - lên tiếng: “Con trai, cậu không muốn làm chuyện này đâu.”

Cậu thanh niên giơ súng bắn lên trời. Vài người kêu ầm lên. “Tôi cũng không muốn bắn ông,” cậu ta nói từ sau tấm khăn bịt mặt, “nhưng tôi sẽ bắn nếu buộc phải thế. Hãy lùi lại chỗ của ông, thưa ông, và ở yên tại đó nếu ông biết điều gì tốt cho mình. Tôi có một người bạn đang ở ngoài không chế cửa ra vào.”

Cậu thanh niên chạy ra ngoài, vừa chạy vừa giật khăn bịt mặt. Người bảo vệ đợi thêm chừng một phút, sau đó đi ra với hai tay giơ lên cao (ông ta cũng không hề có súng ngắn), đề phòng trường hợp đúng là có một kẻ tòng phạm. Nhưng tất nhiên chẳng có ai hết. Hank James không có bạn bè nào tại Omaha trừ cô bạn gái với đứa con của cậu ta đang lớn lên trong bụng.

Tôi rút 200 đô la từ khoản vay thế chấp của mình dưới dạng tiền mặt, và để phần còn lại tại ngân hàng của ông Stoppenhauser. Tôi đi mua các vật liệu cần thiết ở cửa hàng bán dụng cụ, cửa hàng gỗ, và cửa hàng tạp hóa, nơi rất có thể Henry đã nhận được một lá thư của mẹ nó... nếu cô ta vẫn còn sống để viết một lá thư. Tôi rời thành phố trong một cơn mưa phùn sau đó chuyển thành mưa nặng hạt khi tôi về đến nhà. Tôi khuôn chỗ gỗ súc và ván lợp mới mua, cho bò và gà ăn, vắt sữa bò, rồi cất chỗ đồ tạp hóa -

phần lớn là đồ khô và nhu yếu phẩm đã gần cạn khi không còn Arlette lo chuyện bếp núc. Sau khi làm xong việc đó, tôi đun nước trên bếp để chuẩn bị tắm và cởi những món quần áo đã ẩm ướt trên người ra. Tôi lấy cục tiền ra khỏi túi trước bên phải của cái quần yếm nhàu nhĩ, đếm lại, và nhận ra mình vẫn còn đến 160 đô la tiền mặt. Tại sao tôi lại rút ra nhiều tiền mặt đến thế? Bởi vì đầu óc tôi đã để cả vào chỗ khác. Ở đâu mới được cơ chứ? Vào Arlette và Henry, tất nhiên rồi. Chưa kể tới Henry và Arlette. Hầu như họ là tất cả những gì tôi nghĩ đến trong những ngày mưa gió ấy.

Tôi biết giữ bên mình nhiều tiền mặt đến thế không phải là ý kiến hay. Món tiền này cần phải quay trở lại ngân hàng, khi nó có thể đem lại ít nhiều lợi tức (cho dù còn xa mới đủ bù vào lãi suất phải trả cho khoản vay thế chấp) trong khi tôi còn bận cân nhắc xem tốt nhất nên sử dụng nó như thế nào. Nhưng cho tới lúc ấy, tôi cần cất số tiền vào chỗ nào đó an toàn.

Cái hộp đựng chiếc mũ màu đỏ lại hiện lên trong tâm trí. Đó chính là nơi cô ta cất giấu tiền riêng của mình, và có Chúa mới biết món tiền ấy đã an toàn nằm đó trong bao lâu rồi. Cục tiền trong tay tôi quá nhiều để có thể nhét vừa vào dải vải lót, vậy là tôi nghĩ có lẽ tôi sẽ giấu nó vào trong chính cái mũ. Món tiền sẽ chỉ nằm đó tới khi tôi tìm ra một cái cớ để quay vào thành phố.

Tôi đi vào phòng ngủ, cởi hết quần áo ra, và mở cửa tủ quần áo. Tôi gạt sang bên cái hộp đựng chiếc mũ trắng dùng đội đi nhà thờ của cô ta, rồi vội lấy cái hộp kia. Tôi đã đẩy nó sâu tít vào trong cùng chiếc giá, và bây giờ buộc phải kiễng chân lên để có thể với tới cái hộp. Có một sợi dây chun buộc quanh hộp. Tôi móc ngón tay vào trong sợi dây để kéo hộp ra, và ngay lập tức cảm thấy có vẻ cái hộp trở nên nặng hơn nhiều - dường như bên trong đó có một viên gạch chứ không phải một cái mũ - và rồi tôi có cảm giác lạnh buốt thật kỳ quái, như thể bàn tay tôi vừa nhúng vào nước đá. Một khoảnh khắc sau, cảm giác lạnh buốt chuyển thành nóng bỏng. Đó là một cơn đau khủng khiếp đến nỗi làm tắt cả những sợi cơ trên cánh tay tôi tê liệt. Tôi nhảy bật lại sau, kêu thét lên vì kinh ngạc và đau đớn, làm tiền rơi tung tóe khắp nơi. Ngón tay tôi vẫn móc vào sợi dây chun, và cái hộp đựng mũ bung ra. Nằm thù lù trên nóc hộp là một con chuột trông cực kỳ quen thuộc.

Các vị có thể nói với tôi, “Wilf, con chuột nào trông chẳng giống những con khác,” và thường ra chắc hẳn các vị có lý, song tôi biết rõ con chuột này; chẳng phải tôi từng tận mắt thấy nó bỏ chạy khỏi mình với mẩu nùm vú của con bò cái thò ra khỏi miệng như một miếng xì gà hay sao?

Cái hộp đựng mũ rời khỏi bàn tay đang chảy máu của tôi, và con chuột rơi xuống sàn nhà. Nếu tôi có thời gian để suy nghĩ, hẳn nó đã lại bỏ đi lần nữa, nhưng mọi suy nghĩ tinh táo đã bị xóa bỏ hoàn toàn bởi cảm giác đau đớn, sự bất ngờ và nỗi kinh hoàng mà tôi chắc gần như bất cứ ai cũng cảm thấy khi chứng kiến máu chảy ròng ròng ra từ một phần cơ thể của mình vốn chỉ vài giây trước còn nguyên vẹn. Thậm chí tôi còn không nhớ mình đang trần trụi như ngày mới chào đời, chỉ điên cuồng dậm mạnh chân phải xuống con chuột. Tôi nghe thấy tiếng xương nó gãy răng rắc và cảm thấy lòng ruột nó lầy nhầy. Máu và ruột ướt lép nhép phọt ra phía dưới đuôi nó, bắn lên mắt cá chân bên trái của tôi nóng hổi. Con chuột cố quay người lại cắn tôi lần nữa; tôi có thể thấy những cái răng cửa to tướng của nó nghiến kèn kẹt, nhưng không thể với tới tôi được. Có nghĩa là không thể chừng nào tôi còn giẫm chân lên nó. Và tôi đã làm thế. Tôi ấn xuống mạnh hơn, ép bàn tay bị thương vào ngực, cảm thấy máu nóng bết lên mảng máu khô dày bắt đầu bết lại ở đó. Con chuột vùng vẫy vằn vẹo qua lại. Đuôi của nó thoát đầu

đập vào bắp chân tôi, rồi quán xung quanh nó như một con rắn cỏ. Máu ứa ra từ miệng nó. Đôi mắt đen của nó lồi ra như hai viên đá cẩm thạch.

Tôi đứng đó, chân dậm lên con chuột đang chết dần thêm một lúc lâu. Dưới bàn chân đó, con chuột đã nát bét, nội tạng biến thành một mớ lầy nhầy như cháo, ấy vậy mà nó vẫn vùng vẫy và tìm cách cắn. Cuối cùng con chuột thôi không cựa quậy nữa. Tôi dẫm lên nó thêm một lúc nữa, muốn đảm bảo không phải nó đang giả vờ chết (một con chuột giả vờ chết - thật hay ho làm sao!), và khi thấy chắc nó đã chết hẳn, tôi tập tễnh đi vào bếp, để lại sau một dãy vết chân dẫm máu và trong lúc quay cuồng loáng thoáng nhớ tới lời tiên tri cảnh báo Pelias hãy đề phòng một người đàn ông chỉ có một chiếc răng đan dưới chân. Nhưng tôi không phải là Jason; tôi chỉ là một nông dân sắp phát điên vì đau đớn và kinh hoàng, một người nông dân dường như bị kết án phải làm chỗ ngủ của anh ta ngập ngụa trong máu.

Trong lúc giờ bàn tay dưới vòi bơm để làm dịu nó bằng nước lạnh, tôi có thể nghe thấy ai đó đang nói, “Không thêm nữa, không thêm nữa, không thêm nữa.” Người ấy chính là tôi, tôi biết thế, nhưng nghe tiếng nói ấy như của một ông già. Một con người đã bị đẩy vào cảnh xác xơ như ăn mày.

Tôi có thể nhớ rõ phần còn lại của tối hôm ấy, nhưng hồi ức về nó cũng giống như nhìn vào những bức ảnh cũ trong một cuốn album đã ố vàng. Con chuột đã cắn thủng màng thịt giữa ngón cái và ngón trỏ bên tay trái của tôi - một nhát cắn thật khủng khiếp, nhưng nhìn nhận lại vẫn có thể coi là may mắn. Nếu nó đớp vào ngón tay tôi đang luồn vào móc lấy dây chun, có thể nó đã cắn đứt lìa ngón tay này ra. Tôi ý thức được điều này khi quay vào phòng ngủ và cầm lấy đuôi đôi thủ của tôi nhắc lên (dùng bàn tay phải; bàn tay trái của tôi đang quá tê cứng và đau đớn để có thể cử động được). Con chuột ít nhất cũng phải dài đến hai foot ^[26], và nặng sáu cân Anh ^[27].

Vậy thì đây không phải là con chuột đã chui vào đường ống trốn thoát, tôi có thể nghe thấy các vị đang nói. Không thể là nó. Nhưng đúng là con chuột đó, tôi khẳng định với các vị. Không có dấu hiệu nào để nhận dạng - chẳng có bất cứ vật lông trắng hay cái tai sứt dễ dàng nhận ra nào - nhưng tôi biết đây chắc chắn là con chuột đã tấn công Achelois. Cũng như tôi biết không phải tình cờ nó lại nằm thù lù trên đó.

Tôi cầm đuôi mang xác con chuột vào bếp và ném vào xô đựng tro. Rồi tôi xách cái xô ra hố rác. Tôi đang trần như nhộng dưới trời mưa xối xả, nhưng hầu như chẳng để ý tới tình trạng này. Điều tôi cảm nhận được rõ nhất là bàn tay trái của mình, giần giật với cảm giác đau đớn dữ dội đến mức đe dọa làm tôi quên sạch đi mọi thứ.

Tôi lấy chiếc áo khoác treo trên móc trong phòng ngoài (đó là tất cả những gì tôi cố gắng làm được), mặc nó lên người, rồi lại ra ngoài lần nữa, lần này tới chỗ chuồng gia súc. Tôi dùng thuốc sát trùng Rawleigh Salve bôi lên bàn tay bị thương. Nó đã giúp vú Achelois không bị nhiễm trùng, và có thể sẽ làm được điều tương tự với bàn tay của tôi. Tôi bắt đầu đứng dậy để quay vào nhà, nhưng rồi lại nhớ ra con chuột đã chạy thoát khỏi tay tôi lần trước. Đường ống! Tôi tới chỗ đó, cúi xuống, chờ đợi sẽ thấy chỗ xi măng trám vào đã bị nhai nát thành từng mảnh hay hoàn toàn biến mất, nhưng nó vẫn còn nguyên vẹn. Tất nhiên là vậy rồi. Thậm chí cả những con chuột nặng sáu cân Anh với hàm răng quá

khổ cũng không thể găm qua bê tông. Việc một ý nghĩ như thế có thể xuất hiện trong đầu óc tôi cũng đủ để thấy tôi đang lâm vào tình trạng như thế nào. Trong khoảnh khắc dường như tôi thấy mình từ bên ngoài: một gã đàn ông trần truồng, ngoại trừ một cái áo khoác chưa cài khuy, lông trên người bết lại dính với máu xuống tận hông, bàn tay trái rách nát lấp lánh dưới một lớp dày thuốc sát trùng dùng cho bò, hai mắt lồi ra khỏi đầu. Giống như đôi mắt của con chuột, khi tôi giẫm lên nó.

Không phải là cùng một con chuột, tôi tự nhủ. Con chuột đã cắn Achelois hoặc đã nằm chết trong ống nước hay trên lòng Arlette.

Nhưng tôi biết chính là nó. Lúc đó tôi biết và bây giờ cũng vẫn biết.

Chính là nó.

Quay trở lại phòng ngủ, tôi quỳ xuống nhặt những tờ bạc dính máu lên. Một công việc thật chậm chạp khi phải làm chỉ với một bàn tay. Một lần, tôi đụng bàn tay bị thương vào thành giường và kêu thét lên vì đau. Tôi có thể thấy máu tươi lại trào ra nhuộm vào lớp thuốc sát trùng, biến nó thành màu hồng. Tôi cho tiền vào ngăn kéo, thậm chí còn không buồn che đậy lên trên bằng một cuốn sách hay một cái đĩa trang trí chết tiệt của Arlette. Tôi cũng không thể nhớ ra tại sao ban đầu việc cất dấu số tiền đi lại quan trọng đến thế. Cái hộp đựng chiếc mũ đỏ tôi lại đá vào trong tủ quần áo, rồi đóng sầm cửa lại. Nó có thể nằm ở đó cho tới ngày tận thế, ít nhất là với tôi.

Bất cứ ai từng sở hữu hay làm việc ở một trang trại cũng sẽ nói với các vị rằng các tai nạn là chuyện thường xuyên xảy ra, và cần phải đề phòng cẩn thận. Tôi có một cuộn băng lớn để trong thùng bên cạnh bơm tay trong bếp - cái thùng Arlette vẫn luôn gọi là “hòm giam nổi đau”. Tôi bắt tay vào lấy cuộn băng ra, nhưng rồi mắt tôi chú ý tới cái nồi to đang bốc hơi trên bếp. Đó là nồi nước tôi đã đun để chuẩn bị đi tắm khi còn lành lặn, khi mà cảm giác đau đớn như tôi đang bị hành hạ lúc này dường như chỉ là chuyện trong sách vở. Tôi chợt nghĩ có thể nước xà phòng nóng là thứ cần thiết cho bàn tay của tôi. Vết thương không thể đau đớn hơn nữa được, tôi lý luận, và nhúng vào nước xà phòng sẽ giúp làm sạch nó. Tôi đã sai lầm trong cả hai chuyện, nhưng làm sao tôi biết trước được? Trong suốt những năm vừa qua sau đó, điều đó dường như vẫn là một suy nghĩ hợp lý. Tôi nghĩ thậm chí nó có thể còn có hiệu quả là đáng khác, nếu tôi chỉ bị một con chuột thông thường cắn.

Tôi dùng bàn tay phải còn lành lặn múc nước nóng vào một cái chậu (không thể có chuyện bê chiếc nồi lên để đổ nước ra), sau đó thêm vào một miếng thứ xà phòng giặt màu nâu lộn nhon của Arlette. Đúng ra thì đó là miếng cuối cùng; có quá nhiều thứ đồ gia dụng một người đàn ông quên mua sắm khi anh ta không quen thuộc với việc sử dụng chúng. Tôi một cái khăn vào chậu, sau đó đi vào phòng ngủ, quỳ gối xuống lần nữa, và bắt đầu lau máu và đóng lòng ruột. Và trong suốt thời gian đó không ngừng nhớ tới (tất nhiên rồi) lần cuối cùng tôi lau máu trên sàn trong căn phòng ngủ đáng nguyên rủa đó. Ít nhất lần đó Henry còn có mặt cạnh tôi để cùng chia sẻ sự ghê rợn. Phải làm việc đó một mình, và trong cơn đau đớn hành hạ, quả là một màn tra tấn khủng khiếp. Bóng của tôi nhấp nhô lom khom trên bức tường, làm tôi không khỏi nhớ tới Quasimodo trong *Nhà thờ Đức Bà Paris* của Hugo.

Khi việc lau dọn đã gần xong hẳn, tôi dừng tay, ngẩng đầu lên, nín thở, mắt mở to, tim dường như đang

đập thình thịch ở trong bàn tay trái bị cắn rách tướp. Tôi nghe thấy tiếng động của bước chân chạy ào ào rất nhanh, dường như vang lên từ khắp nơi. Tiếng động của những con chuột đang chạy. Chỉ trong khoảnh khắc đó tôi lập tức thấy chắc chắn về điều đó. Những con chuột từ dưới giếng. Những triều thần trung thành của cô ta. Chúng đã tìm được một con đường khác để thoát ra ngoài. Con chuột đã ngồi chồm hổm trên nắp cái hộp đựng chiếc mũ đỏ chỉ đơn thuần là con đầu tiên và táo tợn nhất. Chúng đã chui vào trong nhà, chúng đang ở trong tường, và chẳng mấy lúc nữa chúng sẽ mò ra và áp đảo tôi. Vợ tôi sẽ có được sự báo thù cô ta muốn. Tôi sẽ nghe thấy tiếng cô ta phá lên cười khi chúng xé tôi ra từng mảnh.

Gió giật từng cơn mạnh đến mức làm ngôi nhà lay động và có một lúc ngắn rít lên chói tai qua các kẽ mái. Tiếng bước chân chạy ào ào vang lên mạnh hơn, rồi lắng xuống một chút khi gió lặng. Cảm giác nhẹ nhõm tràn ngập trong tôi mãnh liệt đến mức khóa lấp cả cơn đau (ít nhất là trong vài giây). Đó không phải là những con chuột; đó chỉ là những hạt mưa đá. Khi trời tối, nhiệt độ hạ xuống và những hạt mưa trở nên cứng lại một phần. Tôi trở lại với việc lau dọn nốt vết tích con chuột.

Khi xong việc, tôi đổ chỗ nước lau đỏ ngẫu máu qua lan can trước cửa, rồi quay trở lại chuồng gia súc để bôi một lớp thuốc sát trùng mới lên vết thương trên bàn tay. Lúc này, khi vết thương đã được làm sạch hoàn toàn, tôi có thể thấy dải màng thịt giữa ngón cái và ngón trỏ của tôi bị cắn thủng thành ba vết trông giống như quân hiệu của một viên thượng sĩ. Ngón tay cái bên trái của tôi nằm lệch đi, như thể những chiếc răng chuột đã cắn đứt một dây chằng quan trọng nào đó néo giữ nó với phần còn lại bàn tay trái của tôi. Tôi bôi thuốc sát trùng rồi quay trở vào trong nhà, thầm nghĩ. *Nó đau nhưng ít nhất đã sạch. Achelois đã không sao; rồi mình cũng sẽ ổn thôi. Mọi chuyện đều ổn cả.* Tôi cố hình dung ra cảnh lực lượng phòng thủ của mình đang tập hợp lại và tìm đến chỗ những vết cắn giống như những người lính cứu hỏa tí hon đội mũ đỏ và mặc áo khoác dài bằng vải dầu.

Ở dưới đáy thùng đựng thuốc, được quấn trong một mảnh lụa bị xé ra, rất có thể từng có thời là một phần của một cái quần lót nữ, tôi tìm thấy một cái lọ đựng thuốc viên của hiệu thuốc tại Hemingford Home. Trên nhãn lọ là dòng chữ viết hoa rõ nét bằng bút máy **ARLETTE JAMES Uống 1 hay 2 viên trước khi đi ngủ để điều trị đau kinh kỳ.** Tôi uống ba viên, chiêu bằng một ngụm lớn whisky. Tôi không biết trong những viên thuốc đó là thứ gì - morphin, tôi đoán vậy - nhưng chúng có hiệu quả. Cơn đau vẫn còn đó, nhưng dường như nó thuộc về một anh chàng Wilfred James lúc này đang tồn tại ở một tầng cấp khác của thực tế. Đầu tôi bồng bênh như đang bơi; trần nhà bắt đầu nhẹ nhàng chuyển động phía trên đầu tôi; hình ảnh của những người lính cứu hỏa tí hon tới nơi để dập tắt những lưỡi lửa của nhiễm trùng trước khi chúng lan rộng trở nên rõ nét hơn. Gió thổi càng lúc càng mạnh thêm, và trong đầu óc nửa mơ nửa tỉnh của tôi, những tiếng ào ào trầm trầm không ngừng vang lên khi những đợt mưa đá đập vào ngôi nhà nghe càng giống tiếng chân chuột chạy hơn bao giờ hết, nhưng tôi đã biết rõ những âm thanh ấy là gì. Tôi nghĩ thậm chí mình còn nói to lên thành tiếng: “Tôi biết rồi, Arlette, cô không lừa được tôi đâu.”

Khi sự tỉnh táo dần tan biến và tôi bắt đầu thiếp đi, tôi hiểu ra rất có thể tôi sẽ thiếp đi mãi mãi: sự kết hợp giữa cơn sốc, cảm giác say sưa chệnh choáng và morphin có thể sẽ chấm dứt cuộc sống của tôi. Tôi có lẽ sẽ được tìm thấy trong một căn nhà đông què lạnh lẽo với nước da xanh xám, bàn tay bị thương đặt trên bụng. Ý tưởng ấy chẳng hề khiến tôi sợ hãi; ngược lại, nó còn giúp tôi thấy dễ chịu

hơn.

Trong lúc tôi ngủ, cơn mưa đã biến thành tuyết.

Khi tôi tỉnh giấc lúc rạng sáng hôm sau, ngôi nhà lạnh cóng như một nắm mồ, và bàn tay của tôi đã sưng phồng lên to gấp đôi kích thước bình thường của nó. Phần da thịt xung quanh vết cắn ngả màu xám tro, nhưng ba ngón tay đầu tiên của bàn tay đã chuyển sang sắc hồng đung đục sau đó sẽ biến thành màu đỏ vào cuối ngày. Chạm vào bất cứ chỗ nào trên bàn tay đó trừ những chỗ màu hồng đều gây nên cảm giác đau đớn khủng khiếp. Dầu vậy, tôi vẫn băng nó lại chặt hết mức có thể, và như thế cảm giác giằn giật dịu đi. Tôi nhóm lửa trên bếp - với một tay đó quả là một việc mất thời gian, nhưng tôi cũng xoay xở được - rồi đứng sát vào, cố sưởi ấm người lên. Nghĩa là phần còn lại của cơ thể tôi, trừ bàn tay bị cắn; riêng phần đó của tôi vốn đã ấm sẵn rồi. Ấm và giằn giật không ngừng chẳng khác gì một chiếc găng tay có một con chuột chui bên trong vậy.

Đến giữa buổi chiều tôi lên cơn sốt, và bàn tay của tôi sưng phồng lên ép chặt vào lớp băng bó đến mức tôi phải nói chúng ra. Chỉ nguyên làm vậy thôi cũng khiến tôi đau đến kêu thét lên. Tôi cần đi khám bác sĩ, nhưng lúc này ngoài trời tuyết rơi còn nặng hơn lúc nào hết, và tôi sẽ chẳng thể thậm chí tới được chỗ nhà Cotterie, chứ đừng nói tới chuyện đi cả quãng đường dẫn đến Hemingford Home. Thậm chí nếu ngày hôm đó có quang đăng, đẹp trời và khô ráo đi chăng nữa, làm sao tôi có thể lái được cái xe tải hay chiếc T đi với chỉ một bàn tay? Tôi ngồi trong bếp, không ngừng tay cho củi vào bếp tới khi ngọn lửa bùng lên gầm rít như một con rồng, hết toát mồ hôi lại run lên bần bật vì lạnh, giữ bàn tay quấn băng bó cứng đờ như một cây gậy áp lên ngực, và nhớ lại cách cô McReady tốt bụng nhìn quanh khoảng sân trước cửa lộn xộn và không có vẻ gì sung túc của tôi. *Ông có điện thoại không, ông James? Tôi thấy là không.*

Không. Tôi không có điện thoại. Tôi chỉ có một mình ở cái trang trại mà vì nó tôi đã giết người, không có bất cứ phương cách nào để gọi người giúp đỡ. Tôi có thể thấy thịt bắt đầu chuyển sang màu đỏ ở phía trên chỗ những vòng băng bó dừng lại: ở cổ tay, nơi đầy rẫy những mạch máu sẽ dẫn chất độc đi khắp cơ thể tôi. Những người lính cứu hỏa đã thất bại. Tôi nghĩ đến việc dùng dây cao su buộc chặt cổ tay lại - giết chết bàn tay trái của tôi trong một nỗ lực để cứu lấy phần còn lại - và thậm chí tới việc cắt cụt nó đi bằng cái rìu chúng tôi vẫn dùng để chẻ củi và thỉnh thoảng chặt đầu một con gà. Cả hai ý tưởng dường như đều hợp lý một cách hoàn hảo, nhưng chúng dường như cũng đồng nghĩa với quá nhiều việc phải làm. Cuối cùng, tôi chẳng làm gì hết ngoài tập tễnh quay lại thùng đựng thuốc để uống thêm những viên thuốc giảm đau của Arlette. Tôi uống ba viên nữa, lần này với nước lạnh - cổ họng tôi như đang có lửa - rồi quay lại ngồi trước bếp lửa. Tôi sẽ chết vì vết cắn ấy. Tôi biết chắc và buông xuôi cam chịu. Chết vì những vết cắn và nhiễm trùng cũng là chuyện rất hay gặp ở vùng đồng quê. Nếu cơn đau trở nên khủng khiếp hơn mức tôi có thể chịu đựng, tôi sẽ uống hết sạch chỗ thuốc giảm đau còn lại cùng một lúc. Điều ngăn cản tôi không làm như thế ngay lập tức - ngoại trừ nỗi sợ chết, điều tôi nghĩ ám ảnh tất cả chúng ta, dù ít hay nhiều - là khả năng có thể ai đó sẽ tới: Harlan, hay cảnh sát trưởng Jones, hay cô McReady tốt bụng. Hoặc thậm chí luật sư Lester cũng có thể xuất hiện để ám quẻ tôi thêm lần nữa vì 100 mẫu đất chết tiệt kia.

Nhưng điều tôi hy vọng trên tất cả là có thể Henry quay trở về. Nhưng thằng bé đã không về.

Người đến với tôi rồi cuộc lại là Arlette.

Các vị có lẽ đã bắn khoản bằng cách nào tôi biết về khẩu súng Henry mua ở hiệu cầm đồ trên phố Dodge, cũng như vụ cướp ngân hàng ở quảng trường Jefferson. Nếu đúng là vậy thật, hẳn các vị cũng đã tự nói với chính mình, *À, từ năm 1922 đến 1930 là cả một quãng thời gian dài, đủ để thu thập vô khối chi tiết trong một thư viện đầy ắp những số cũ của tờ World-Herald phát hành tại Omaha.*

Tôi có tìm đến những tờ báo, tất nhiên rồi. Và tôi viết cho những người từng gặp con trai tôi và cô bạn gái đang mang thai của nó trong cuộc hành trình ngăn ngừa tai họa của hai đứa từ Nebraska tới Nevada. Phần lớn những người đó đều viết thư hồi đáp, sẵn sàng cung cấp những chi tiết. Những kiểu công việc điều tra như thế nghe sẽ có lý, và hẳn là khiến các vị hài lòng. Nhưng tất cả những việc điều tra tìm hiểu đó đều diễn ra nhiều năm sau, sau khi tôi đã rời khỏi trang trại, và chỉ khẳng định những gì tôi đã biết trước.

Đã biết trước ư? các vị hẳn sẽ hỏi, và tôi xin trả lời thật đơn giản: *Phải. Đã biết trước. Và tôi không chỉ biết điều đó khi nó xảy ra, mà ít nhất còn biết một phần trước khi nó xảy ra. Phần cuối cùng.*

Bằng cách nào? Câu trả lời rất đơn giản. Cô vợ đã chết nói cho tôi biết.

Các vị không tin, tất nhiên rồi. Tôi hiểu. Bất cứ người tỉnh táo nào cũng thế thôi. Tất cả những gì tôi có thể làm là thuật lại lời thú tội của mình, những lời cuối cùng của tôi trên thế gian này, và trong đó tôi không hề đưa vào bất cứ điều gì tôi không biết là đúng.

Tôi tỉnh dậy sau một giấc ngủ mơ màng trước bếp vào tối ngày hôm sau (hay hôm sau nữa; vì khi cơn sốt bắt đầu, tôi đã mất đi ý niệm về thời gian) và lại nghe thấy âm thanh sột soạt, lạo xạo. Thoạt đầu tôi đoán mưa đá lại bắt đầu rơi, nhưng khi tôi đứng dậy bước tới bẻ một miếng bánh mì từ ổ bánh cứng đơ trên bàn bếp, tôi nhìn thấy một dải bình minh màu cam trải dọc đường chân trời và sao Kim lấp lánh trên bầu trời. Cơn dông đã chấm dứt, song những âm thanh lạo xạo vẫn vang lên to hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, chúng không vọng lại từ trong tường, mà từ phía cửa sau.

Cái chốt cửa bắt đầu lay động. Thoạt tiên nó chỉ rung lên, như thể bàn tay đang cố mở nó ra quá yếu để có thể nhấc nó hoàn toàn ra khỏi khe cài. Chuyển động đó ngừng lại, và khi tôi vừa đi tới kết luận tôi không hề nhìn thấy nó - rằng đó chẳng qua chỉ là một ảo giác do cơn sốt gây nên - khi chốt cửa bật tung lên trên với một tiếng *cách* khe khẽ, và cánh cửa bị một cơn gió lạnh buốt thổi mở tung. Đứng trên ngưỡng cửa là vợ tôi. Cô ta vẫn đội trên đầu cái bao tải, lúc này đã vương đầy tuyết; hẳn đó phải là một cuộc hành trình chậm chạp, đau đớn từ nơi an nghỉ cuối cùng của cô ta. Khuôn mặt vợ tôi nhăn nhoeo trong tình trạng thối rữa, nửa dưới treo sang một bên, nụ cười ma quái của cô ta càng rộng hoác ra hơn bao giờ hết. Đó là nụ cười của kẻ biết tất cả, và tại sao không? Người chết hiểu mọi thứ.

Vây quanh cô ta là đám triều thần trung thành. Chính bọn chúng, bằng cách nào đó, đã đưa cô ta lên

khỏi giếng. Và cũng chính bọn chúng đang giữ cho cô ta đứng lên. Không có chúng, cô ta hẳn sẽ chỉ đơn thuần là một bóng ma, đầy ác ý nhưng bất lực. Nhưng chúng đã làm cô ta sống dậy. Cô ta là nữ hoàng của chúng; đồng thời cũng là con rối của chúng. Cô ta đi vào bếp, di chuyển với một dáng bộ lả lướt eo uột ghê rợn như không xương, chẳng có chút gì giống với bước đi. Những con chuột chen chúc nhau chạy khắp quanh cô ta, vài con ngược lên nhìn cô ta đầy tình cảm, một số nhìn tôi chăm chăm với vẻ hận thù. Cô ta lắc lư vòng quanh căn bếp, dạo một vòng nơi từng là lãnh địa của mình trong lúc những mảnh đất vụn rơi từ trên váy cô ta xuống (không còn bất cứ dấu vết nào của tấm mền hay ga phủ giường) và đầu cô ta lắc lư quay tròn trên cần cổ bị cắt ngang. Có lần nó nghiêng ra tận sau hai vai cô ta trước khi bật thẳng lại ra phía trước với tiếng xương thịt kêu răng rắc vang lên khe khẽ.

Khi cuối cùng cô ta hướng đôi mắt mờ đục nhìn vào tôi, tôi đã lùi vào góc nơi có thùng đựng củi, lúc này gần như đã trống trơn. “Để tôi yên,” tôi thì thầm. “Cô thậm chí còn không ở đây. Cô đang ở dưới cái giếng và không thể thoát ra ngoài được cho dù cô có chưa chết đi chẳng nữa.”

Vợ tôi phát ra một âm thanh lọc xọc - nghe như thể một người bị sốc vì nước sôi đặc - và tiếp tục lại gần, thật đến mức có thể đổ bóng xuống sàn. Và tôi có thể ngửi thấy mùi da thịt thối rữa của cô ta, người đàn bà từng đôi lúc luồn cái lưỡi của cô ta vào trong miệng tôi trong những cơn khoái cảm. Cô ta đã ở đó. Cô ta có thật. Cả đoàn tùy tùng vương giả của cô ta nữa. Tôi có thể cảm thấy chúng chạy qua chạy lại giẫm lên trên hai bàn chân tôi, cảm thấy ria chúng cọ vào hai bên mắt cá tôi khi chúng ngھn cổ lên ngửi ngửi cái quần dài tôi đang mặc.

Hai gót chân tôi đụng vào thùng đựng củi, và khi tôi cố ngả người ra sau để tránh xa khỏi cái xác đang tới gần, tôi mất thăng bằng và ngồi thụp vào bên trong thùng. Bàn tay đang nhiễm trùng sưng phồng của tôi đập vào thùng, nhưng hầu như tôi không cảm thấy đau. Cô ta đang cúi xuống trên người tôi, và khuôn mặt cô ta... *đung đưa*. Da thịt đã bong ra khỏi xương, cả khuôn mặt cô ta thông xuống như một khuôn mặt được vẽ trên bóng bay cho trẻ con chơi. Một con chuột leo lên thành thùng, nhảy xuống bụng tôi, chạy lên ngực tôi, ghéch mõm lên ngửi ngửi vào cằm tôi. Tôi có thể cảm thấy những con khác đang bò quanh hai bên đầu gối đang gập lại của mình. Nhưng chúng không cắn tôi. Nhiệm vụ đó đã được hoàn thành rồi.

Cô ta cúi xuống gần hơn. Mùi tỏa ra từ cô ta nồng nặc đến mức không chịu nổi., và nụ cười quái gở nhếch đến tận hai tai của cô ta... tôi có thể hình dung ra nó rõ mồn một vào lúc này, khi tôi đang viết. Tôi ra lệnh cho mình hãy chết đi, nhưng tim tôi vẫn tiếp tục đập. Khuôn mặt treo thông xuống của vợ tôi trườn xuống cạnh mặt tôi. Tôi có thể cảm thấy những sợi râu mọc lởm chởm của tôi đang rút ra từng mảnh da nhỏ của cô ta; có thể nghe thấy xương hàm vỡ của cô ta kêu răng rắc như một cành cây có băng giá phủ lên. Rồi đôi môi lạnh ngắt của cô ta áp vào vành tai đang nóng bỏng trong cơn sốt bừng bừng của tôi, và bắt đầu thì thầm những bí mật mà chỉ một người đàn bà đã chết có thể biết. Tôi co rúm lại; Tôi hứa sẽ tự giết chết chính mình và đổi chỗ cho cô ta dưới Địa Ngục nếu cô ta chịu dừng lại. Nhưng cô ta không dừng lại. Cô ta không thể. Người chết không biết dừng lại.

Và đó là những gì lúc này tôi biết.

Sau khi chạy khỏi First Agricultural Bank với 200 đô la nhét trong túi (hay nhiều khả năng hơn là 150

đồ la; một phần số tiền bị rơi xuống đất, chắc các vị còn nhớ), Henry biến mất trong một thời gian ngắn. Thằng bé “nằm im”, như cách nói của đám tội phạm. Tôi nói ra chuyện này với ít nhiều tự hào. Tôi đã nghĩ thằng bé chắc sẽ bị bắt gần như ngay lập tức sau khi nó tìm đến thành phố, nhưng con trai tôi chứng minh rằng tôi đã lầm. Thằng bé đang yêu, nó tuyệt vọng, nhưng nó vẫn bị thiêu đốt bởi cảm giác tội lỗi và nỗi ghê sợ trước tội ác mà nó và tôi đã gây ra... nhưng bất chấp những yếu tố gây phân tâm đó (những *xâm nhiễm* đó), con trai tôi đã thể hiện mình một cách can đảm và khôn ngoan, thậm chí cả với một mức độ cao cả đáng buồn nhất định. Suy nghĩ về phần tính cách này của thằng bé luôn là lúc tệ hại nhất. Cho tới lúc này, ý nghĩ đó vẫn làm tôi chìm đắm trong phiền muộn vì cuộc đời bị lãng phí của nó (ba cuộc đời bị lãng phí; tôi không thể quên cô bé Shannon Cotterie tội nghiệp đang mang thai) và cảm giác hổ thẹn về sự hủy hoại tôi đã dẫn nó vào, chẳng khác gì một con cừ non bị tròng dây lên cổ.

Arlette chỉ cho tôi thấy ngôi lán nơi thằng bé lẩn trốn, và cái xe đạp giấu đằng sau lán - cái xe đạp này là thứ đầu tiên con trai tôi mua với số tiền mặt cướp được. Tôi không thể nói chính xác với các vị nơi lẩn trốn của nó ở đâu vào lúc ấy, nhưng trong những năm sau đó, tôi đã xác định được vị trí của nơi này, thậm chí từng tới đó thăm qua; chỉ là một chái nhà nằm bên đường với biển quảng cáo Royal Crown Cola sơn trên vách tường đã phai màu. Căn nhà nằm quá khu ngoại ô phía tây Omaha vài dặm và có thể nhìn thấy Boys Town, nơi mới đi vào hoạt động năm trước. Có một căn phòng, một khung cửa sổ duy nhất không lắp kính, và không có bếp. Thằng bé che kín chiếc xe đạp bằng rom khô và cỏ dại rồi bắt tay vào lên kế hoạch. Sau đó, chừng một tuần sau vụ cướp tại First Agricultural Bank - khi mà mỗi bận tâm cảnh sát dành cho một vụ cướp rất nhỏ hăn đã lắng xuống - con trai tôi bắt đầu đạp xe tới Omaha. Một cậu nhóc hấp tấp hăn sẽ lao thẳng tới Ngôi nhà Công giáo St. Eusebia và rơi vào bẫy của đám cớm tại Omaha (như cảnh sát trưởng Jones, không nghi ngờ gì nữa, đã trông đợi con trai tôi xử sự), nhưng Henry Freeman James khôn ngoan hơn thế nhiều. Thằng bé tìm ra địa điểm của khu nhà, nhưng không lại gần. Thay vì thế, con trai tôi tìm kiếm cửa hàng bán đồ ngọt và nước sô đa nằm gần nơi đó nhất. Nó suy đoán rất đúng đắn rằng các cô gái sẽ ghé qua đó bất cứ lúc nào có cơ hội (có nghĩa là bất cứ lúc nào cách cư xử của họ xứng đáng được thưởng một buổi chiều tự do, đồng thời họ có ít tiền trong túi), và mặc dù các cô gái tại St. Eusebia không bị yêu cầu phải mặc đồng phục, vẫn có thể dễ dàng nhận ra họ qua những bộ váy tồi tàn, đôi mắt luôn dán xuống đất, và cách xử sự của họ - thích được tán tỉnh và lãng lơ. Những cô nàng mang bụng bầu và không có nhẫn cưới trên tay lại càng dễ gây chú ý.

Một gã trai vụng về hăn sẽ tìm cách bắt chuyện với một trong số những cô con gái không may của Eva ngay tại chỗ bán nước sô đa, và như thế gây nên sự chú ý. Henry đợi bên ngoài, ở đầu một con hẻm chạy qua giữa cửa hàng bán đồ ngọt và cửa hàng bán đồ tạp hóa nằm ngay bên cạnh nó, ngồi trên một cái vỏ thùng và đọc báo, trong khi cái xe đạp của nó được dựng vào bức tường gạch ngay cạnh thằng bé. Con trai tôi chờ đợi một cô gái thích phiêu lưu hơn một chút so với những cô nàng chỉ hài lòng với việc uống sô đa có đá rồi quay trở lại với các bà xơ. Có nghĩa là một cô gái hút thuốc. Vào buổi chiều thứ ba thằng bé chờ đợi trong con hẻm, một cô gái như thế xuất hiện.

Sau này, tôi đã tìm thấy cô gái đó, và trò chuyện với cô ta. Cũng chẳng có mấy dính dáng tới chuyện điều tra hay thám tử. Tôi tin chắc Omaha dường như là một thành phố lớn với Henry và Shannon, song vào năm 1922 kỳ thực nó mới chỉ là một đô thị lớn hơn chút ít so với một thị trấn cỡ trung bình ở miền

Trung Tây với hơi hướng của một thành phố thực thụ. Victoria Harlett giờ đây là một phụ nữ đứng đắn đã lập gia đình với ba đứa con, nhưng vào mùa thu năm 1922, cô ta là Victoria Stevenson: trẻ trung, tò mò, nổi loạn, có thai sáu tháng, và rất kết những điều Sweet Caporals ^[28]. Cô ta hoàn toàn vui vẻ nhận một điều từ Henry khi thằng bé chĩa một bao thuốc ra.

“Lấy thêm vài điều để dành đi,” thằng bé mời mọc.

Cô gái bật cười. “Tôi phải là một con ngốc mới làm thế! Các bà xơ lục soát túi của bọn tôi và lộn trái hết túi áo túi váy ra khi bọn tôi quay vào trại. Tôi sẽ phải nhai ba thanh Black Jack ^[29] để tống khứ mùi của điều thuốc này khỏi hơi thở của tôi đấy.” Cô gái vỗ lên cái bụng lùm lùm của mình với vẻ thú vị và thách thức. “Tôi đang gặp rắc rối, như tôi đoán cậu có thể thấy. Một cô gái hư! Và anh chàng bạn trai của tôi chạy mất tăm. Một *cậu trai* hư, nhưng thế gian đâu quan tâm gì tới chuyện đó! Vậy là sau đó đồ bẩn thỉu tống tôi vào một trại giam với đám chim cánh cụt canh giữ...”

“Tôi không hiểu cô nói gì.”

“Giờ ạ! Đồ bẩn thỉu là ông bố tôi! Và đám chim cánh cụt là cách bọn tôi gọi các bà xơ!” Cô ta bật cười. “Cậu là một anh chàng ngổ từ dưới quê lên, được rồi! Và thế nào chứ! Nói tóm lại, trại giam nơi tôi ngồi cho qua thời gian được gọi là...”

“St. Eusebia.”

“Giờ thì cậu đang đùa với lửa đấy, chàng khờ.” Cô gái rút thuốc lá, nheo mắt lại. “Xem nào, tôi cược tôi biết cậu là ai - bạn trai của Shannon Cotterie.”

“Để mang một con búp bê đến cho cô ấy,” Hank nói.

“Được lắm, nếu là cậu, tôi sẽ không bén mảng tới trong vòng hai khối nhà quanh trại của chúng tôi, đó là lời khuyên của tôi đấy. Đám cớm đã có bản mô tả nhân dạng của cậu rồi.” Cô ta phá lên cười vui vẻ. “Của cậu và chừng nửa tá người tình cô đơn khác, nhưng chẳng ai trong bọn họ là một anh chàng mắt xanh lục quê một cục như cậu, và cũng chẳng ai có một cô nàng xinh như Shannon. Cô ấy quả là một nữ hoàng Sheba! Chao ôi!”

“Theo cô thì tại sao tôi lại ở đây thay vì ở đó?”

“Được rồi, tôi nghe đây - tại sao cậu lại ở đây?”

“Tôi muốn liên lạc với cô ấy, nhưng tôi không muốn bị bắt khi đang làm chuyện ấy. Tôi sẽ cho cô 2 đô để cô chuyển một lời nhắn tới cô ấy.”

Hai mắt Victoria mở to. “Chàng trai, với 2 đô, tôi sẵn sàng kẹp kèn hiệu dưới tay và chuyển lời tới

Garcia - tôi là vậy đây. Đưa nó cho tôi!”

“Và 2 đô nữa nếu cô giữ mồm giữ miệng về chuyện này. Bây giờ và sau này.”

“Về chuyện đó thì cậu không cần trả thêm,” cô gái nói. “Tôi thích chọc phá mấy con điếm già lúc nào cũng lên mặt dạy đời đó. Sao chứ, bọn họ sẵn sàng nện vào bàn tay tôi nếu tôi xếp hàng lấy bữa tối

thêm một vòng nữa! Cứ như *Gulliver Twist* vậy!”

Con trai tôi đưa cho cô gái tờ giấy ghi lời nhắn, và Victoria đưa nó cho Shannon. Nó vẫn nằm trong cái túi nhỏ đựng đồ lật vạt của cô gái khi cuối cùng cảnh sát bắt kịp nó và Henry ở Elko, Nevada, và tôi đã xem qua một bức ảnh của cảnh sát chụp lại tờ giấy. Nhưng Arlette đã cho tôi biết trên đó viết những gì từ trước đó rất lâu, và những gì cô ta nói đúng từng từ một với những gì thực sự được viết.

Anh sẽ đợi từ lúc nửa đêm đến tảng sáng đằng sau nơi em đang sống vào mỗi buổi tối trong vòng 2 tuần, lời nhắn trên tờ giấy viết. Nếu em không tới, anh sẽ biết tất cả đã kết thúc giữa chúng mình và quay trở về Hemingford, và sẽ không bao giờ làm phiền em nữa cho dù anh sẽ yêu em mãi mãi. Chúng mình còn trẻ nhưng chúng mình có thể nói dối về tuổi và bắt đầu một cuộc sống tốt đẹp tại một nơi khác (California). Anh có một ít tiền và biết cách để kiếm được nhiều hơn. Victoria biết cần làm thế nào để tìm anh, nếu em muốn gửi lời nhắn tới anh, nhưng chỉ một lần thôi. Nhiều hơn sẽ không an toàn.

Tôi đoán Harlan và Sallie Cotterie có thể đang giữ tờ giấy này. Nếu đúng thế, hẳn họ đã thấy con trai tôi ký tên nó trong một trái tim. Tôi tự hỏi liệu có phải đó là điều đã thuyết phục Shannon hay không. Tôi tự hỏi liệu thậm chí cô gái có cần phải bị thuyết phục hay không. Có thể tất cả những gì cô bé muốn trên đời là giữ lại (và hợp pháp hóa) một đứa con mà cô bé đã bắt đầu yêu thương. Đó là một câu hỏi mà giọng nói thì thầm ghê tởm của Arlette không bao giờ nhắc đến. Có lẽ cô ta chẳng hề bận tâm tới chuyện đó.

Henry quay trở lại đầu con hẻm hàng ngày sau cuộc gặp đó. Tôi tin chắc thằng bé biết rất có thể có sẽ tới thay vì Victoria, nhưng cảm thấy nó không còn lựa chọn nào khác. Đến ngày châu chực thứ ba của nó, cô gái tìm đến. “Shan viết trả lời ngay lập tức, nhưng tôi không thể mang ra sớm hơn được,” cô gái nói. “Một thằng ngốc nào đó đã chường mặt ra trong cái hố thối tha mà bọn họ dám gọi là một phòng âm nhạc, và đám chim cánh cụt đã ở trong tình trạng chiến tranh suốt từ hôm đó.”

Henry chìa tay ra để đón nhận lời nhắn, được Victoria đưa cho nó để đổi lấy một điệu Sweet Caporal. Trên đó chỉ ghi vắn vện mấy từ: *Sáng mai. 2 giờ.*

Henry giang tay ôm lấy Victoria và hôn cô gái. Cô phá lên cười đầy phấn khích, mắt sáng ngời. “Chúa ơi! Có những cô gái nhận được tất cả may mắn.”

Không nghi ngờ gì nữa, đúng là thế. Song khi các vị nghĩ đến việc cuối cùng Victoria có được một

người chồng, ba đứa con và một ngôi nhà đẹp đẽ trên phố Maple ở khu đẹp nhất của Omaha, còn Shannon Cotterie không thể sống sót qua được cái năm đáng nguyên rủa ấy... các vị sẽ nói ai trong số hai cô gái là người được vận may mỉm cười?

Anh có một ít tiền và biết cách để kiếm được nhiều hơn, Henry đã viết như thế, và đúng là vậy. Chỉ vài giờ sau khi ôm hôn cô nàng Victoria vui nhộn (người mang lời nhắn *Cậu ấy nói cậu ấy sẽ có mặt tại đó khi chuông báo giờ điểm* trở lại cho Shannon), một thanh niên trẻ đội mũ lưỡi trai kéo sụp xuống trên trán và một cái khăn buộc che kín mũi miệng xông vào cướp ngân hàng First Agricultural Bank ở Omaha. Lần này kẻ đột nhập cướp đi 800 đô la, một khoản thu hoạch rất tuyệt. Nhưng người bảo vệ ở đây còn trẻ hơn và tận tụy với trách nhiệm của anh ta hơn, một điều không tuyệt lắm. Tên cướp đã phải bắn vào đùi anh ta để tẩu thoát, và cho dù Charles Griner sống sót, nhưng bị nhiễm trùng (tôi có thể thông cảm với anh ta), và anh ta bị mất đi cái chân. Khi tôi gặp anh ta tại nhà bố mẹ vào mùa xuân năm 1925, Griner tỏ ra đầy triết lý về chuyện đó.

“Tôi thật may mắn khi vẫn còn sống,” anh ta nói. “Khi người ta buộc được ga rô lên chân tôi, tôi đã nằm trong một vũng máu dày đến cả inch ^[32]. Tôi cược rằng bọn họ phải mất cả một hộp Dreyfus ^[33] để dọn sạch chỗ máu ấy đi.”

Khi tôi cố tìm cách xin lỗi thay con trai mình, anh ta gạt đi.

“Đáng ra tôi không bao giờ nên lại gần cậu ta. Cái mũ được kéo sụp xuống và cái khăn bịt che lên khá cao, nhưng tôi vẫn nhìn thấy đôi mắt cậu ta. Đáng ra tôi phải biết cậu ta sẽ không ngừng lại trừ khi bị bắn hạ, và tôi không bao giờ có cơ hội rút súng ra. Điều đó hiện lên rõ ràng trong mắt cậu ta, ông biết đấy. Nhưng lúc đó tôi cũng còn trẻ. Giờ tôi đã trưởng thành hơn. Trưởng thành hơn là một điều con trai ông không bao giờ có cơ hội có được. Tôi lấy làm tiếc về mất mát của ông.”

Sau vụ đó, Henry đã có nhiều tiền hơn cần thiết để mua một chiếc ô tô - một chiếc xe đẹp, một chiếc ^[34]tourer - nhưng nó biết làm tốt hơn thế (Viết đến đây, tôi lại cảm nhận thấy sự tự hào đó: rất trầm lắng nhưng không thể chối cãi được). Một cậu trai trông có vẻ như vừa mới bắt đầu cạo râu một hai tuần trước, lại lượn lờ với trong tay đủ tiền để mua một chiếc xe hơi gần như còn mới tinh ư? Làm thế chắc chắn sẽ làm lực lượng thực thi pháp luật nhảy bổ vào nó.

Vậy là thay vì mua xe, thằng bé đánh cắp một chiếc. Không phải là xe mui trần; nó chọn mục tiêu là một chiếc Ford coupe đáng tin cậy và không có đặc điểm nhận dạng nào rõ rệt. Đó chính là chiếc xe con trai tôi lái tới đậu đằng sau khu nhà của St. Eusebia, cũng là chiếc xe Shannon leo lên sau khi lén trốn ra khỏi phòng, rón rén bước xuống cầu thang với chiếc túi đi đường trên tay, rồi leo qua cửa sổ phòng giặt nằm cạnh nhà bếp. Hai đứa trẻ có đủ thời gian trao cho nhau một cái hôn - Arlette không nói vậy, song tôi vẫn còn trí tưởng tượng của mình - rồi Henry lái chiếc Ford về hướng tây. Đến lúc bình minh, hai đứa đã ở trên xa lộ Omaha - Lincoln. Hẳn chúng đã đi ngang qua ngôi nhà cũ của thằng bé - và cả con bé - vào chừng 3 giờ chiều hôm ấy. Có thể chúng đã ngược mắt nhìn về hướng đó, nhưng tôi không rõ Henry có lái xe chậm lại hay không; hẳn thằng bé không muốn dừng lại qua đêm ở

một khu vực nơi hai đứa có thể bị nhận ra.

Cuộc sống lẫn trốn của chúng bắt đầu.

Arlette thì thậm về cuộc sống đó còn nhiều hơn những gì tôi muốn biết, và tôi không có tâm trí đâu để viết lại dưới đây nhiều hơn vài chi tiết chính yếu. Nếu các vị muốn biết nhiều hơn, hãy viết cho Thư viện Công cộng Omaha. Với một khoản phí, họ sẽ gửi cho các vị bản sao những câu chuyện có liên quan tới Đồi Tình Nhân Du Đãng, cái tên được dùng để gọi hai đứa (và cũng là cái tên chúng dùng để gọi chính mình). Các vị thậm chí có thể tìm thấy những câu chuyện có liên quan từ báo chí ở chính nơi các vị sống, nếu các vị không sống tại Omaha; đoạn kết của câu chuyện này được coi là đủ thương tâm để đảm bảo có chỗ trên mặt báo khắp toàn quốc.

Hank Đẹp Trai và Shannon Dịu Dàng, từ *World Herald* đã gọi hai đứa như thế. Trong các bức ảnh, trông chúng trẻ đến mức khó lòng tin nổi (Và tất nhiên thực tế đúng là như vậy.) Tôi không muốn nhìn vào những bức ảnh đó, nhưng tôi đã nhìn. Luôn có nhiều hơn một cách để bị chuột cắn, phải không nào?

Chiếc xe ăn cắp bị nổ lốp ở một vùng đồi cát tại Nebraska. Hai gã đàn ông đi bộ tới gần trong lúc Henry đang thay lốp dự phòng. Một trong hai gã rút một khẩu súng ngắn ra từ trong bao đựng hấn dẫu dưới áo khoác - thứ vẫn được gọi là “búa đinh của du đảng” vào những ngày của thời Viễn Tây Hoang Dã - và chĩa thẳng vào đôi tình nhân đang chạy trốn. Henry không có bất cứ cơ hội nào để rút súng của thằng bé ra; khẩu súng đang nằm trong túi áo khoác, và nếu nó tìm cách lấy súng, hầu như chắc chắn con trai tôi đã bị giết chết. Vậy là kẻ cướp lại bị cướp. Henry và Shannon bước đi tay trong tay tới ngôi nhà của một gia đình nông dân gần đó dưới trời mùa thu lạnh lẽo, và khi người nông dân ra cửa hỏi ông ta có thể giúp được gì, Henry chĩa súng vào ngực người đàn ông này và nói nó muốn chiếc ô tô và toàn bộ tiền mặt của ông ta.

Cô gái đi cùng thằng bé, người nông dân kể lại với một phóng viên, đứng ngoài cửa đưa mắt nhìn đi chỗ khác. Ông ta nói ông nghĩ rằng cô bé lúc đó đang khóc. Người nông dân nói ông thấy ái ngại cho cô gái, vì trông cô vẫn còn bé nhỏ như một cô bé con, nhưng lại bụng mang dạ chửa như một người phụ nữ trưởng thành, và lại lang thang cùng một kẻ liều mạng trẻ tuổi đang hướng tới một kết cục chẳng tốt đẹp gì.

Cô gái có tìm cách ngăn cậu con trai lại không? người phóng viên hỏi. Có cố gắng thuyết phục cậu ta từ bỏ ý định không?

Không, người nông dân trả lời. Cô gái chỉ đứng đó, quay lưng lại, như thể nghĩ rằng nếu cô không nhìn thấy gì, thì việc đó coi như không hề xảy ra. Chiếc xe hiệu Reo cũ kỹ xộc xệch của người nông dân được tìm thấy bị bỏ lại gần trạm xe lửa McCook, với một lời nhắn để lại trên ghế: *Xin trả lại ông chiếc xe, chúng tôi sẽ gửi lại số tiền đã cướp khi chúng tôi có thể. Chúng tôi chỉ lấy của ông vì chúng tôi đang lâm vào cảnh khốn cùng. Rất xin lỗi ông, “Đồi Tình Nhân Du Đãng.”* Cái tên đó là ý tưởng của ai vậy? Nhiều khả năng là của Shannon; lời nhắn do cô bé viết. Hai đứa chỉ dùng biệt danh đó vì chúng không muốn để lộ tên thật, nhưng các huyền thoại được tạo ra từ những chi tiết nhỏ

nhặt như vậy đó.

Một hay hai ngày sau, một vụ cướp xảy ra tại ngân hàng nhỏ Frontier Bank ở Arapahoe, Colorado. Kẻ cướp - đội mũ lưỡi trai kéo sụp xuống thấp và một chiếc khăn bịt kín mũi miệng - chỉ có một mình. Hắn cướp được chưa tới 100 đô la và tẩu thoát trên một chiếc Hupmobile đã được báo bị đánh cắp tại McCook. Ngày hôm sau, tại The First Bank of Cheyenne Wells (cũng là ngân hàng duy nhất tại Cheyenne Wells), người thanh niên trẻ đi cùng một cô gái trẻ. Cô gái cũng buộc khăn che mặt, nhưng không thể dấu được việc mình đang có thai. Hai người tẩu thoát mang theo 400 đô la và lái xe hết tốc độ rời khỏi thị trấn, hướng về phía tây. Một chốt kiểm soát được thiết lập trên đường đi Denver, nhưng Henry đã khôn ngoan và tiếp tục gặp may. Hai đứa rẽ xuống phía nam không lâu sau khi rời khỏi Cheyenne Wells, băng qua các con đường đất và đường mòn dành cho gia súc.

Một tuần sau, một đôi trai gái trẻ xưng tên Harry và Susan Freeman lên tàu đi San Francisco tại Colorado Springs. Tại sao hai đứa lại đột ngột xuống tàu tại Grand Junction tôi không biết và Arlette cũng không nó - có lẽ chúng đã thấy điều gì đó khiến chúng cảnh giác, tôi đoán là vậy. Tất cả những gì tôi biết là chúng cướp một ngân hàng tại đó, rồi một ngân hàng nữa ở Ogden, Utah. Có lẽ đó là cách để chúng tích lũy tiền cho một cuộc sống mới. Và ở Ogden, khi một người đàn ông tìm cách chặn Henry lại ở ngoài ngân hàng, Henry đã bắn vào ngực anh ta. Người đàn ông tuy thế vẫn tóm được Henry, và Shannon đẩy anh ta ngã lộn xuống bậc thềm bằng đá granit. Hai đứa trốn thoát. Người đàn ông bị Henry bắn qua đờn hai ngày sau trong bệnh viện. Đôi Tình Nhân Du Đãng đã trở thành những kẻ sát nhân. Ở Utah, những kẻ bị buộc tội giết người sẽ bị treo cổ.

Khi đó là vào khoảng gần Lễ Tạ ơn, mặc dù tôi không rõ là trước hay sau. Cảnh sát ở phía tây dãy Rockies đã nhận được bản mô tả nhân dạng hai đứa và đang tiến hành truy nã. Lúc đó tôi đã bị con chuột nấp trong tủ quần áo cắn - tôi nghĩ là vậy - hoặc sắp bị. Arlette nói với tôi chúng đã chết, nhưng không phải thế; có nghĩa là hai đứa vẫn còn sống khi cô ta và đám tùy tùng vương giả của cô ta tới gặp tôi. Có thể cô ta đã nói dối hay tiên đoán. Với tôi, cả hai đều như nhau.

Điểm dừng cuối trước đoạn kết của chúng là Deeth, Nevada. Hôm ấy là một ngày lạnh cắt da cắt thịt cuối tháng Mười một hoặc đầu tháng Mười hai, bầu trời trắng xóa và bắt đầu có tuyết rơi. Hai đứa chỉ muốn gọi trứng và cà phê tại quán ăn duy nhất của thị trấn, song vận may của chúng đã gần cạn. Chủ cửa hàng vốn là người ở Elkhorn, Nebraska, và mặc dù anh ta không còn ở quê nhà từ nhiều năm qua, mẹ anh ta vẫn đều đặn gửi cho con trai các số báo *World Herald* theo từng tập dày cộm. Anh ta vừa mới nhận được một tập báo như thế vài ngày trước, và nhận ra Đôi Tình Nhân Du Đãng ở Omaha đang ngồi tại một bàn trong quán của mình.

Thay vì gọi điện cho cảnh sát (hay báo cho các bảo vệ ở khu mỏ đồng kế bên, một giải pháp chắc chắn sẽ nhanh chóng và hiệu quả hơn), anh ta quyết định vào vai công dân phụng sự công lý. Anh ta lấy một khẩu súng ngắn cao bồi cũ kỹ cục mịch từ dưới quầy bán hàng ra, chĩa vào hai đứa, và yêu cầu chúng - theo đúng truyền thống Viễn Tây nguyên chất nhất - giơ tay lên trời. Henry không làm theo. Thằng bé đứng dậy khỏi bàn, bước về phía tay chủ quán và nói: “Đừng làm thế, anh bạn, chúng tôi không hề có ý hại anh, chúng tôi sẽ trả tiền rồi đi.”

Anh chàng chủ quán bóp cò và khẩu súng cổ lỗ không nổ. Henry giật nó khỏi tay anh ta, đập vỡ, nhìn vào ổ đạn rồi phá lên cười. “Tin tốt đây!” nó nói với Shannon. “Những viên đạn này đã ở trong súng lâu đến mức xanh lè cả ra rồi.”

Con trai tôi để 2 đô la lên quầy - để trả tiền bữa ăn của hai đứa - rồi sau đó phạm phải một sai lầm khủng khiếp. Tới hôm nay, tôi tin mọi chuyện hẳn rồi sẽ kết thúc không hay cho chúng bất chấp chuyện gì đã xảy ra, vậy nhưng tôi vẫn ước gì tôi có thể gọi cho nó vọng qua những năm tháng đó: *Đừng để khẩu súng xuống trong khi vẫn còn đạn. Đừng làm thế, con trai! Xanh lè hay không, hãy cho những viên đạn ấy vào túi con!* Nhưng chỉ có những người chết mới có thể nói vọng qua thời gian; điều đó thì giờ đây tôi đã biết, và từ trải nghiệm của chính bản thân mình.

Khi hai đứa rời đi (*tay trong tay*, Arlette thì thâm vào vành tai đang nóng bỏng của tôi), tay chủ quán vồ lấy khẩu súng trên mặt quầy, giữ lấy nó bằng cả hai bàn tay, và siết cò lần nữa. Lần này súng nổ, và cho dù rất có thể anh ta nhắm vào Henry, viên đạn lại bắn trúng vào phần dưới lưng Shannon Cotterie. Cô bé kêu thét lên và nhào về phía trước qua cửa ra màn tuyết đang rơi bên ngoài. Henry đỡ kịp cô bé trước khi cô ngã và dìu bạn gái ra chiếc xe cuối cùng chúng đánh cắp, lại là một chiếc Ford khác. Anh chàng chủ quán cố tìm cách bắn thẳng bé qua cửa sổ, và lần này khẩu súng cổ lỗ nổ tung trên tay anh ta. Một mảnh kim loại chém văng đi mất bên trái của anh chàng. Tôi chẳng bao giờ thấy ái ngại về chuyện này. Tôi không phải là người dễ tha thứ như Charles Griner.

Bị thương nặng - có lẽ trên thực tế đã hấp hối - Shannon chuyển dạ trong khi Henry lái xe qua tuyết rơi dày về phía Elko, cách đó ba mươi dặm về phía tây nam, có lẽ vì nghĩ nó có thể tìm được một bác sĩ ở đó. Tôi không biết ở đó có bác sĩ hay không, nhưng chắc chắn tại đây có một đồn cảnh sát, và tay chủ quán gọi điện đến đó trong khi những gì còn lại từ nhãn cầu của anh ta vẫn đang khô dần trên má anh chàng. Hai cảnh sát địa phương cùng bốn người của Đội Tuần tra Tiểu Bang Nevada đợi sẵn Henry và Shannon ở ngoài rìa thị trấn, nhưng Henry và Shannon không bao giờ trông thấy họ. Giữa Deeth và Elko là 30 dặm đường, và Henry chỉ đi qua được 28 dặm.

Vừa vào tới địa giới thị trấn (nhưng vẫn còn cách xa bên rìa của nó), chút vận may cuối cùng của Henry cũng cạn kiệt. Với Shannon đang gào thét và ôm bụng trong lúc cô bé chảy máu đầm dề ra khắp ghế ngồi, chắc hẳn thằng bé đã lái xe rất nhanh - quá nhanh. Hoặc có thể nó đâm phải một ổ gà trên đường. Dù thế nào đi nữa, chiếc Ford bị trượt xuống rãnh và sa lầy. Hai đứa ngồi đó giữa chốn đồng không mông quạnh trống trơn trong khi cơn gió mỗi lúc một mạnh thêm thổi tuyết bay tung tóe khắp xung quanh chúng, và lúc đó Henry đã nghĩ gì? Rằng việc mà nó và tôi đã làm ở Nebraska đã dẫn nó và cô gái nó yêu tới nơi này ở Nevada. Arlette không nói với tôi điều này, nhưng cô ta cũng chẳng cần phải nói. Tôi biết.

Thằng bé thoáng thấy bóng dáng một ngôi nhà qua làn tuyết rơi dày, và đỡ Shannon ra khỏi xe. Cô bé gắng gượng đi được vài bước trong cơn gió, rồi không thể gắng thêm được nữa. Cô gái biết làm môn *nướng dác* và đáng ra đã có thể trở thành nữ sinh đầu tiên tốt nghiệp trường sư phạm Omaha ngả đầu lên vai người bạn trai trẻ tuổi của mình và nói, “Em không thể đi xa hơn nữa đâu, anh yêu, để em xuống đất đi.”

“Đứa bé thế nào rồi?” con trai tôi hỏi cô bé.

“Đứa bé đã chết, và em cũng muốn chết,” cô gái nói. “Em không chịu nổi đau đớn nữa. Thật khủng khiếp quá. Em yêu anh, anh yêu, nhưng hãy để em xuống đất đi.”

Thay vì làm thế, thằng bé mang bạn gái nó tới chỗ ngôi nhà vừa lờ mờ hiện ra như một bóng ma, hóa ra chỗ này cũng chỉ là một chái nhà chẳng khác là mấy ngôi lán gần Boys Town, nơi có hình một chai Royal Crown Cola vẽ lên tường đã phai màu. Trong nhà có lò sưởi, nhưng không có củi. Thằng bé ra ngoài vơ lấy ít gỗ vụn trước khi chúng bị tuyết vùi lấp, rồi quay vào trong nhà. Shannon đã bất tỉnh. Henry nhóm lò lên, rồi sau đó đặt đầu cô bé lên lòng mình. Shannon Cotterie đã chết trước khi đóng củi nhỏ thằng bé vừa nhóm kịp bắt lửa, và giờ chỉ còn lại mình Henry, ngồi trong một chái nhà tồi tàn, nơi trước nó từng có một tá cao bồi bắn thiêu ngả lưng, thường trong trạng thái say khướt hơn là tỉnh táo. Con trai tôi ngồi đó, vuốt ve mái tóc Shannon trong khi gió rít lên bên ngoài, và mái thiếc của chái nhà run rẩy.

Tất cả những việc này Arlette đã kể cho tôi nghe vào một ngày khi hai đứa trẻ bị sổ mệnh kết án đó vẫn còn sống. Cô ta kể cho tôi nghe tất cả trong lúc những con chuột bò lỏm ngòm xung quanh tôi, và mùi thối rữa ghê tởm của cô ta đặc quánh lại trong mũi tôi, còn bên cánh tay nhiễm trùng sưng phồng của tôi đau như có lửa thiêu.

Tôi cầu xin cô ta hãy giết tôi đi, hãy mở toang cuống họng tôi ra như tôi đã làm với cô ta, và cô ta không đồng ý.

Đó là sự báo thù của cô ta.

Có lẽ đã có thêm hai ngày nữa trôi qua khi có người tìm đến trang trại gặp tôi, thậm chí là ba, song tôi không tin thế. Tôi nghĩ chỉ là một ngày. Tôi không tin tôi có thể trụ thêm được hai hay ba ngày mà không được cứu giúp. Tôi đã ngừng ăn, và gần như không uống gì nữa. Dẫu vậy, tôi vẫn đủ sức rời khỏi giường và lê bước ra cửa khi tiếng đấm cửa vang lên. Một phần trong tôi nghĩ đó có thể là Henry, bởi vì một phần trong tôi vẫn dám hy vọng cuộc viếng thăm của Arlette chỉ là một ảo giác xuất hiện trong cơn mê sảng... và cho dù nếu nó đúng là có thật đi nữa, rằng cô ta đã nói dối.

Người đến là cảnh sát trưởng Jones. Hai đầu gối tôi khụy xuống khi tôi nhìn thấy ông ta, và tôi đổ vật ra trước. Nếu ông ta không đỡ tôi, hẳn tôi đã ngã sấp xuống trước cửa. Tôi cố nói cho ông ta biết về Henry và Shannon - rằng Shannon sắp bị bắn, rằng hai đứa sắp tới một chái nhà ở ngoại ô Elko, và rằng ông ta, cảnh sát trưởng Jones, cần gọi cho ai đó và ngăn cản bi kịch lại trước khi nó xảy ra. Tất cả được nói ra một cách lộn xộn, nhưng ông ta nghe được những cái tên.

“Con trai ông đã bỏ trốn với cô bé, được rồi,” Jones nói. “Nhưng nếu Harl tới và kể cho ông biết tất cả chuyện đó, tại sao ông ấy lại để ông lại trong tình trạng *thế này*? Cái gì đã cản ông?”

“Chuột,” tôi cố nói.

Ông ta đưa một cánh tay vòng quanh người tôi và nửa dịu nửa mang tôi xuống các bậc thêm ra phía chiếc xe của ông ta. Con gà trống George nằm cứng đờ dưới sân bên cạnh đồng củi, và những con bò đang rống lên. Lần cuối cùng tôi cho chúng ăn là khi nào nhỉ? Tôi chẳng còn nhớ nữa.

“Cảnh sát trưởng, ông cần phải...”

Nhưng ông ta ngăn tôi lại. Ông ta nghĩ tôi đang mê sảng, mà sao lại không chứ? Ông ta có thể cảm thấy cơn sốt nóng hầm hập đang phả ra từ người tôi, nhìn thấy nó đỏ lựng trên mặt tôi. Hẳn lúc đó ông ta có cảm giác như đang bê một cái lò. “Ông cần giữ sức. Và ông cũng cần biết ơn Arlette, bởi vì tôi sẽ chẳng bao giờ ghé qua chỗ này nếu không vì cô ta.”

“Chết rồi,” tôi lắp bắp.

“Phải. Cô ta đã chết, được rồi.”

Vậy là sau đó tôi nói với ông ta rằng tôi đã giết vợ, và ôi, nhẹ nhõm làm sao. Một đường ống tắc nghẽn bên trong đầu tôi đã được mở thông một cách thần kỳ, và con ma ám ảnh mắc kẹt trong đó cuối cùng cũng thoát đi.

Ông cảnh sát trưởng lắng tôi vào trong xe như một bao lúa mì. “Chúng ta sẽ nói chuyện về Arlette, nhưng bây giờ tôi phải đưa ông tới bệnh viện Thiên thần Nhân ái, và tôi sẽ rất cảm ơn nếu ông không nôn mửa ra trong xe của tôi.”

Trong khi ông ta lái xe rời khỏi sân, để lại đằng sau con gà trống đã chết và đám bò cái đang ậm ò (và cả lũ chuột nữa! đừng quên chúng! phải rồi!), tôi cố nói với ông ta lần nữa rằng rất có thể vẫn chưa quá muộn cho Henry và Shannon, rằng có thể vẫn kịp cứu hai đứa. Tôi nghe thấy mình đang nói *đây là những điều có thể xảy ra*, như thể tôi là Bóng Ma Đêm Giáng Sinh Sắp Tới trong chuyện của Dickens. Rồi tôi ngất đi. Khi tôi tỉnh lại, lúc ấy đã là ngày 2 tháng Mười hai, và báo chí miền Tây đang đăng tin “ĐÔI TÌNH NHÂN DU ĐẰNG THOÁT KHỎI TAY CẢNH SÁT ELKO, LẠI TÀU THOÁT. Hai đứa trẻ đã không thoát được, nhưng vẫn chưa ai biết. Ngoại trừ Arlette, tất nhiên rồi. Và tôi nữa.

Người bác sĩ cho rằng chứng hoại thư chưa lan tới phần cánh tay của tôi, và đánh cược mạng sống của tôi bằng cách chỉ cắt bỏ bàn tay trái. Một cuộc đánh cược ông ta đã dành phần thắng. Năm ngày sau khi được cảnh sát trưởng Jones đưa tới bệnh viện Thiên thần Nhân ái ở thành phố Hemingford, tôi nằm xanh xao hốc hác như một bóng ma trên giường bệnh, sút đi tới hai mươi lăm cân Anh và mất bàn tay trái, nhưng vẫn còn sống.

Jones tới thăm tôi, khuôn mặt ông ta đượm vẻ nghiêm trọng. Tôi đợi ông ta thông báo bắt tôi vì tội sát hại vợ, sau đó còng bàn tay còn lại của tôi vào cọc giường. Song chuyện đó chẳng bao giờ xảy ra. Thay vì làm thế, ông ta nói với tôi ông ta thông cảm tới mức nào trước mất mát của tôi. Mất mát của tôi! Gã ngốc đó thì biết gì về mất mát?

Tại sao tôi lại ngồi trong căn phòng khách sạn tồi tàn này (nhưng không chỉ có một mình!) thay vì nằm dưới huyệt mộ dành cho một kẻ sát nhân? Tôi sẽ trả lời cho các vị hay với hai từ: mẹ tôi.

Giống như cảnh sát trưởng Jones, bà có thói quen gia giảm cho những cuộc trò chuyện của mình bằng các câu hỏi tu từ. Với ông ta, đây là một công cụ giao tiếp ông ta đã thu thập được sau cả một đời làm việc trong lực lượng thực thi pháp luật - ông ta hỏi những câu hỏi băng quơ ngớ ngẩn, sau đó quan sát đối tượng ông ta đang đối thoại để tìm kiếm bất cứ phản ứng tội lỗi nào: một cái nhăn mặt, cau mày, một cái nhướn mắt thoáng qua. Với mẹ tôi, đó chỉ là một thói quen khi nói mà bà đã thừa hưởng từ chính mẫu thân của mình, một người Anh, rồi truyền lại cho tôi. Tôi đã mất hết bất cứ chút giọng Anh mơ hồ nào tôi từng có, nhưng chưa bao giờ để mất cách mẹ tôi chuyển những lời trình bày thành các câu hỏi. *Tốt hơn bây giờ con nên vào trong nhà, phải không nào?* bà sẽ nói như thế. Hoặc *Bố con lại quên mất bữa trưa của ông ấy rồi; con sẽ phải mang nó tới cho ông ấy, đúng không?* Thậm chí cả những gì quan sát được về thời tiết cũng được thể hiện ra thành câu hỏi: *Thêm một ngày mưa nữa, phải không nào?*

Mặc dù tôi đang sốt cao và rất yếu khi cảnh sát trưởng Jones tới trước cửa nhà tôi vào ngày cuối tháng Mười một ấy, tôi vẫn chưa mê sảng. Tôi còn nhớ rất rõ cuộc trò chuyện giữa hai chúng tôi, theo cách một người có thể nhớ lại những hình ảnh trong một cơn ác mộng đặc biệt sống động.

Ông cũng cần biết ơn Arlette, bởi vì tôi sẽ chẳng bao giờ ghé qua chỗ này nếu không vì cô ta, ông cảnh sát trưởng lúc ấy đã nói thế.

Chết rồi, tôi đáp.

Cảnh sát trưởng Jones: *Cô ta đã chết, được rồi.*

Và sau đó, tôi đã nói đúng như tôi học được khi còn ngồi trên đầu gối mẹ tôi: *Tôi đã giết cô ta, phải không?*

Cảnh sát trưởng Jones đã coi cách diễn đạt tu từ đó của mẹ tôi (và của chính ông ta nữa, đừng quên) là một câu hỏi thực sự. Nhiều năm sau đó - tại nhà máy nơi tôi tìm thấy việc làm sau khi mất trang trại - tôi nghe một quản đốc mắng nhiếc một nhân viên bàn giấy vì gửi một đơn hàng tới Des Moines thay vì Davenport trước khi anh này nhận được vận đơn từ văn phòng phía trước. *Nhưng chúng ta luôn gửi các đơn hàng ngày thứ Tư tới Des Moines*, anh chàng nhân viên sắp bị sa thải phản kháng lại. *Tôi chỉ đơn giản là cho rằng...*

Cho rằng đã biến cả cậu và tôi thành đồ ngốc, tay quản đốc đáp lại. Tôi đoán đó là một cách diễn đạt chẳng mới mẻ gì, nhưng đó là lần đầu tiên tôi nghe thấy nó. Và liệu có gì đáng ngạc nhiên nếu tôi nghĩ tới cảnh sát trưởng Jones khi nghe thấy những lời ấy? Thói quen biến những lời trình bày thành câu hỏi của mẹ tôi đã cứu tôi thoát khỏi ghế điện. Tôi đã không bao giờ bị một bồi thẩm đoàn kết án vì vụ sát hại vợ mình.

Nghĩa là cho tới lúc này.

Chúng đang ở đây cùng với tôi, nhiều hơn nhiều so với con số mười hai, xếp hàng dưới chân tường khắp quanh phòng, quan sát tôi với những con mắt bóng nhoáng như thoa dầu của chúng. Nếu một cô phục vụ phòng mang ga trải giường mới bước vào và thấy ban bồi thẩm lông lá này, chắc hẳn cô ta sẽ phải co rúm người lại bỏ chạy, nhưng sẽ chẳng có người phục vụ phòng nào tới; tôi đã treo tấm biển KHÔNG QUÁY RẦY ngoài cửa từ hai hôm trước, và nó vẫn nằm nguyên chỗ cũ từ lúc đó. Tôi đã không ra ngoài. Tôi có thể gọi đồ ăn từ dưới nhà hàng cuối phố, tôi đoán vậy, song tôi ngờ rằng thức ăn sẽ làm chúng chồm tới. Dù sao tôi cũng không đói, vậy nên đây cũng không phải là thiếu thốn gì lớn lắm. Cho tới lúc này, chúng, các bồi thẩm của tôi, đã tỏ ra nhẫn nại, nhưng tôi ngờ rằng chúng sẽ không còn như vậy được lâu nữa. Giống như bất cứ bồi thẩm đoàn nào, chúng đang bồn chồn chờ đợi lời chứng hoàn tất để có thể đưa ra lời tuyên án, nhận phần thù lao (mà trong trường hợp này sẽ được trả bằng thịt) và quay về nhà với gia đình chúng. Vậy nên tôi cần phải kết thúc. Sẽ không lâu nữa. Phần khó khăn nhất đã xong.

Những gì cảnh sát trưởng Jones nói khi ông ta ngồi bên giường tôi trong bệnh viện là, “Ông đã thấy điều đó trong mắt tôi, tôi đoán vậy. Có đúng không?”

Tôi vẫn còn rất yếu, nhưng đã đủ bình phục để biết thận trọng. “Thấy gì cơ, ông cảnh sát trưởng?”

“Điều tôi tới để báo cho ông biết. Ông không nhớ gì nữa, phải không nào? Được thôi, tôi cũng không ngạc nhiên. Ông lúc đó là một người Mỹ đang ốm, Wilf. Tôi đã tin chắc ông sắp chết, và còn nghĩ không khéo ông sẽ chết trước khi tôi kịp đưa ông vào thành phố. Tôi đoán Chúa vẫn chưa xong việc với ông, phải vậy không?”

Còn *một việc* vẫn chưa kết thúc với tôi, nhưng tôi không nghĩ nó có gì can dự tới Chúa.

“Có phải là Henry không? Có phải ông tới báo cho tôi biết gì đó về Henry không?”

“Không,” ông ta nói, “tôi đến để báo về Arlette. Một tin xấu, xấu nhất có thể, nhưng ông không thể trách bản thân. Hoàn toàn không giống như chuyện ông đánh đập đuổi cô ta ra khỏi nhà bằng một cây gậy.” Ông ta cúi người ra trước. “Ông có lẽ đã nghĩ tôi không thích ông, Wilf, nhưng không phải vậy. Có vài người trong vùng này không ưa gì ông - và chúng ta biết họ là ai, phải không? - nhưng đừng gộp tôi vào với những người đó chỉ vì tôi phải cân nhắc tới lợi ích của họ. Ông đã làm tôi bức mình một vài lần, và tôi tin ông đáng ra vẫn là bạn tốt với Harl Cotterrie nếu ông quản lý con trai mình nghiêm khắc hơn, song tôi vẫn luôn tôn trọng ông.”

Tôi nghi ngờ chuyện này, nhưng vẫn im lặng.

“Còn về những gì đã xảy đến với Arlette, tôi sẽ nhắc lại, vì đáng phải nhắc lại: ông không thể trách bản thân.”

Tôi không thể ư? Tôi nghĩ đó quả là một kết luận lạ đời có thể rút ra được, ngay cả với một nhân viên chấp pháp chưa bao giờ có thể làm người ta lẫn với Sherlock Holmes.

“Henry đang gặp rắc rối, nếu một vài thông báo tôi nhận được là đúng,” ông ta nói với giọng nặng nề, “và cậu ta đang lôi Shan Cotterie vào chỗ nước sôi lửa bỏng với mình. Rất có thể chúng sẽ bị bỏng. Như thế đã là quá đủ để lo lắng với ông, ngay cả khi không phải chịu trách nhiệm về cái chết của vợ mình đi nữa. Ông không cần phải...”

“Hãy kể cho tôi biết,” tôi nói.

Hai ngày trước khi ông ta ghé qua nhà tôi - có thể đúng là ngày con chuột cắn tôi, mà cũng có thể không phải, song vào khoảng đó - một nông dân đang trên đường tới Lyme Biska mang theo số nông sản cuối cùng của anh ta đã nhìn thấy ba con chó hoang dành giết nhau thứ gì đó cách con đường chừng hai mươi mét về phía bắc. Có lẽ anh ta đã đi tiếp nếu không đồng thời phát hiện thấy một chiếc giày da bóng của nữ giới và một đôi giày hở gót màu hồng nằm dưới rãnh. Anh ta dừng lại, lấy súng ra bắn để xua lũ chó hoang đi, rồi tiến vào trong cánh đồng để xem con mồi chúng vừa tranh nhau. Anh ta tìm thấy bộ xương của một phụ nữ với những mảnh trang phục rách nát và vài mẩu thịt còn dính vào. Những gì còn lại từ mái tóc của người phụ nữ có màu nâu nhạt, một sắc màu mà mái tóc nâu vàng của Arlette có thể biến thành sau nhiều tháng phơi ngoài trời.

“Hai trong số răng hàm đã bị mất,” Jones nói. “Arlette có bị mất hai răng hàm không?”

“Có,” tôi nói dối. “Bị mất sau một lần nhiễm trùng lợi.”

“Khi tôi tới ngay sau hôm cô ấy bỏ nhà đi, con trai ông có nói cô ấy mang theo mấy món nữ trang giá trị.”

“Phải.” Những món nữ trang ấy giờ đang ở dưới giếng.

“Khi tôi hỏi liệu cô ấy có mang theo tiền hay không, ông đã nhắc tới 200 đô la. Đúng vậy không?”

À, phải rồi. Món tiền tương tượng Arlette đã lấy đi từ ngăn kéo của tôi. “Đúng thế.”

Ông ta gật đầu. “Thế đấy, vậy là rõ rồi, vậy là rõ rồi. Vài món nữ trang và một ít tiền. Điều đó lý giải tất cả, ông có thấy thế không?”

“Tôi không thấy...”

“Bởi vì ông không nhìn nhận theo góc độ của một người thực thi pháp luật. Vợ ông đã bị cướp trên đường, có vậy thôi. Một kẻ lưu manh nào đó phát hiện ra một phụ nữ đang vẫy xe đi nhờ giữa Hemingford và Lyme Biska, cho cô ta lên xe, giết cô ta, cướp hết tiền và nữ trang, rồi mang xác vợ ông ra cánh đồng gần nhất ném đi đủ xa để không thể trông thấy được từ trên đường.” Từ khuôn mặt dài thượt của ông ta, tôi có thể thấy ông ta đang nghĩ nhiều khả năng người phụ nữ đã bị hiếp bên cạnh bị cướp, và có khi việc thi thể của cô ta không còn đủ để có thể nói chắc được việc này lại hóa hay.

“Vậy thì có lẽ là thế,” tôi nói, và bằng cách nào đó tôi đã có thể giữ được khuôn mặt nghiêm chỉnh cho tới khi ông ta ra về. Sau đó tôi lặn người úp xuống, và cho dù đã khiến phần tay cụt bị đau khi làm thế, tôi bắt đầu phá lên cười. Tôi úp mặt xuống gối, nhưng thậm chí như vậy cũng không thể làm im được hết tiếng cười. Khi bà y tá - một người đàn bà già nua xấu xí - tới và thấy nước mắt loang ra khắp trên mặt tôi, bà ta đoán (điều đã biến cả hai chúng ta thành đồ ngốc) rằng tôi vừa khóc. Bà ta đã mềm lòng, một điều tôi hẳn đã nghĩ không thể xảy ra, và cho tôi thêm một viên morphin nữa. Nói cho cùng, tôi là người chồng đang đau khổ và người cha phiền muộn. Tôi đáng được an ủi.

Và các vị có biết tại sao tôi lại cười không? Liệu có phải đó là thái độ cảm thông ngốc nghếch của Jones? Hay sự xuất hiện may mắn của một thi thể đàn bà rất có thể đã bị gã bạn đường nam giới của cô ta giết chết trong lúc cả hai đang say khướt? Là cả hai, nhưng chủ yếu là vì chiếc giày. Người nông dân nọ đã chỉ dừng lại kiểm tra xem đám chó hoang tranh nhau cái gì vì anh ta thấy một chiếc giày da bóng nữ giới dưới rãnh. Nhưng khi cảnh sát trưởng Jones hỏi về giày dép tại nhà tôi vào mùa hè trước đó, tôi đã nói với ông ta rằng *đôi giày vải* của Arlette là đôi đã biến mất. Gã ngốc đã quên khuấy mất.

Và ông ta đã chẳng bao giờ nhớ ra chi tiết này.

Khi tôi quay trở về trang trại, gần như toàn bộ gia súc gia cầm của tôi đã chết. Kẻ sống sót duy nhất là Achelois, nó nhìn tôi với đôi mắt đói ăn đầy oán trách và ậm ò phàn nàn. Tôi cho nó ăn một cách triu mến như thể các vị cho một con vật nuôi làm cảnh ăn vậy, mà quả thực con bò cái cũng chỉ còn là như thế. Các vị còn có thể gọi theo cách nào được nữa một con vật giờ đây không thể đóng góp gì cho nguồn sống của gia chủ?

Từng có thời khi Harlan, với sự giúp đỡ của vợ ông ta, hẳn sẽ chăm sóc cho lũ vật nuôi thay tôi khi tôi ở trong bệnh viện; đó là cách những người lảng giềng như chúng tôi cư xử với nhau ở vùng Trung Tây. Nhưng ngay cả khi tiếng kêu ai oán của những con bò cái sắp chết tôi nuôi bắt đầu vọng qua cánh đồng tới tai ông ta trong lúc ông ta ngồi vào bàn ăn bữa tối, ông ta vẫn tránh xa. Nếu tôi ở vào vị trí của ông ta, có lẽ tôi cũng đã hành động tương tự. Trong mắt Harl Cotterie (và của thiên hạ), con trai tôi đã không chỉ hài lòng với việc làm hại đời con gái ông ta; thằng bé đã lần mò theo cô gái tới tận nơi đáng ra là chốn ẩn thân của cô gái, bắt cóc cô bé đi, và ép buộc cô sống cuộc đời tội lỗi. Hoàn toàn có thể hình dung ra những câu chuyện về “Đôi Tình Nhân Du Đãng” đã gặm nhấm ông bố cô gái như thế nào! Như acid! Vậy đấy!

Tuần tiếp theo - vào quãng thời gian việc trang trí đón mừng Lễ Giáng sinh bắt đầu ở các khu trang trại và dọc theo phố chính của Hemingford Home - cảnh sát trưởng Jones lại tìm tới trang trại. Một cái liếc mắt nhìn qua khuôn mặt ông ta cho tôi biết ông ta đem đến tin gì, và tôi bắt đầu lắc đầu. “Không. Không thêm nữa. Tôi sẽ không nghe. Tôi không thể. Hãy đi đi.”

Tôi trở vào trong nhà, cố gắng đóng cửa chặn không cho ông ta vào, nhưng tôi vừa yếu hơn lại chỉ còn một bàn tay, và ông ta dễ dàng dùng sức mở được đường vào cho mình. “Bình tĩnh nào, Wilf,” ông ta nói. “Ông sẽ vượt qua được chuyện này.” Như thể ông ta biết mình đang nói về cái gì vậy.

Ông ta nhìn vào tủ bếp với cái cốc vại uống bia bằng sứ có vẽ hình trang trí đặt trên nóc, tìm thấy chai

whisky đã gần cạn đến mức đáng buồn của tôi, rồi đổ chỗ rượu còn lại vào cái cốc, sau đó đưa nó cho tôi. “Bác sĩ chắc sẽ không tán thành,” ông ta nói, “nhưng ông ấy không có ở đây và ông sắp cần tới thứ này.”

Đôi Tình Nhân Du Đãng đã được tìm thấy tại nơi ẩn náu cuối cùng của chúng, Shannon bị chết vì viên đạn của tay chủ quán, Henry vì một viên đạn nó tự bắn vào đầu mình. Các thi thể đã được chuyển tới nhà xác Elko để chờ chỉ dẫn. Harlan Cotterie sẽ thu xếp cho con gái ông ta, nhưng sẽ không muốn liên quan gì tới con trai tôi. Tất nhiên là không rồi. Tôi tự mình thu xếp việc đó. Henry tới Hemingford bằng tàu hỏa hôm mười tám tháng Mười hai, và tôi đã đợi sẵn ngoài ga, cùng một cỗ xe tang màu đen từ nhà đòn Anh em Casting. Tôi liên tiếp bị chụp ảnh. Tôi bị hỏi những câu hỏi mà thậm chí tôi không buồn cố trả lời. Những hàng tít trên tờ World-Herald và cả tờ Hemingford Weekly khiêm tốn hơn đều có mặt những từ NGƯỜI BỐ ĐAU KHỔ.

Tuy nhiên, nếu đám phóng viên thấy tôi ở nhà tang lễ, khi cái hòm gỗ thông rẻ tiền được mở ra, chắc hẳn họ đã được chứng kiến sự đau khổ thực sự; hẳn khi đó họ sẽ chuyển sang cụm từ NGƯỜI BỐ GÀO KHÓC. Viên đạn con trai tôi bắn vào thái dương nó khi nó ngồi ôm lấy đầu Shannon trong lòng đã tòe ra khi xuyên qua não và lấy đi một mảnh lớn xương sọ bên trái. Nhưng đó chưa phải là điều khủng khiếp nhất. Hai mắt thằng bé đã biến mất. Môi dưới của nó bị ăn hết, vậy là toàn bộ răng lộ ra hết thành một nụ cười gằn dữ tợn. Mũi thằng bé chỉ còn là một mẩu cụt đỏ lôm. Trước khi vài tay cớm hay người của văn phòng cảnh sát trưởng tìm thấy các thi thể, lũ chuột đã mở tiệc tung bừng bằng con trai tôi và người yêu của nó.

“Hãy chỉnh trang lại cho nó,” tôi nói với Herbert Casting khi tôi có thể bình tâm trở lại để nói thành lời.

“Ông James... thưa ông... những phần thương tổn là...”

“Tôi biết chúng thế nào. Hãy chỉnh trang lại cho thằng bé. Và đưa nó ra khỏi cái hòm khốn kiếp kia. Đặt nó vào chiếc quan tài đẹp nhất ông có. Tôi không quan tâm tốn kém hết bao nhiêu. Tôi có tiền.” Tôi cúi xuống, hôn lên gò má rách nát của thằng bé. Đáng ra không người bố nào phải hôn vĩnh biệt con trai mình lần cuối cùng, nhưng nếu có người bố nào đáng phải chịu số phận như thế, người đó là tôi.

Shannon và Henry đều được chôn cất bên ngoài nhà thờ Giám lý Vinh quang của Chúa tại Hemingford, Shannon hôm hai mươi hai, còn Henry vào hôm trước ngày Lễ Giáng Sinh. Nhà thờ đông nghịt người hôm đưa tang Shannon, và tiếng than khóc gần như đủ to để làm nhấc bổng mái nhà lên. Tôi biết, vì tôi đã có mặt ở đó, ít nhất là một chốc. Tôi đứng phía sau, không bị ai nhận ra, rồi quay ra ngoài ở giữa lời điều của mục sư Thursby. Mục sư Thursby cũng chủ trì tang lễ của Henry, nhưng chắc tôi cũng chẳng cần phải nói với các vị rằng số người tham dự ít hơn nhiều. Thursby chỉ thấy có một người, nhưng vẫn còn một người nữa. Arlette cũng có mặt tại đó, ngồi cạnh tôi, vô hình và tươi cười. Cô ta thì thầm vào tai tôi.

Anh có thích cái cách mọi thứ diễn ra không, Wilf? Liệu có đáng phải như thế không?

Nếu tính cả đến chi phí tang lễ, chi phí chôn cất, chi phí cho nhà xác, cũng như khoản tiền phải bỏ ra để đưa thi thể về nhà, việc an táng cho hình hài trần thế của con trai tôi tốn hết hơn 300 đô la. Tôi đã dùng tiền vay thế chấp để trả. Tôi còn có thể làm cách nào khác đây? Khi tang lễ kết thúc, tôi quay trở về một ngôi nhà trống rỗng. Nhưng trước hết tôi mua cho mình một chai whisky mới.

Năm 1922 vẫn còn một trò bốn cột nữa dành cho tôi. Ngay sau hôm Giáng sinh, một cơn bão tuyết lớn từ dãy Rockies ập tới, ụp xuống đầu chúng tôi một lớp tuyết dày và những cơn gió mạnh. Khi màn đêm buông xuống, tuyết thoát đầu chuyển thành mưa đá, sau đó thành một cơn mưa như thác đổ. Vào khoảng nửa đêm, trong lúc tôi ngồi trong phòng khách tối om, làm dịu đi bên tay cụt đang đau nhức nhối bằng những hộp nhỏ whisky, một âm thanh đồ vỡ rầm rầm vang lên từ phía sau nhà. Đó là mái nhà vừa sập xuống ở phía đó - chính là phần mái nhà tôi đã muốn dùng khoản vay thế chấp, hay ít nhất là một phần khoản này, để chữa lại. Tôi nâng ly chúc mừng nó, rồi uống thêm một hộp nữa. Khi gió lạnh bắt đầu thốc vào quanh hai vai tôi, tôi lấy áo khoác treo trên móc ở phòng ngoài mặc lên người, rồi ngồi xuống, uống thêm một chút whisky nữa. Sau đó tôi ngủ thiếp đi lúc nào không rõ. Một âm thanh đồ sập tương tự đánh thức tôi dậy lúc ba giờ sáng. Lần này đến lượt nửa trước chuồng gia súc sụp đổ. Tuy thế Achelois lại sống sót thêm lần nữa, và tối hôm sau tôi đưa nó vào trong nhà cùng với tôi. Tại sao? các vị có thể hỏi tôi như thế, và câu trả lời của tôi sẽ là, Tại sao không? Quý quái thật, tại sao lại không? Chúng tôi là những kẻ sống sót. Chúng tôi là những kẻ sống sót.

Vào sáng hôm Lễ Giáng sinh (mà tôi trải qua bằng cách ngồi uống whisky trong căn phòng khách lạnh ngắt của mình, với con bò cái còn sống sót làm bạn), tôi đếm lại những gì còn sót lại từ khoản vay thế chấp, và nhận ra nó bắt đầu không còn đủ để trang trải những thiệt hại cơn bão gây ra. Tôi chẳng mấy bận tâm, vì tôi đã mất hết hứng thú với cuộc sống nông trại, nhưng ý nghĩ Công ty Farrington dựng lên một lò sát sinh và làm ô nhiễm dòng suối vẫn làm tôi nghiến chặt răng lại vì phẫn nộ. Nhất là sau cái giá quá đắt tôi phải trả để ngăn không cho 100 mẫu đất ba lần đáng nguyên rửa kia không lọt vào tay bọn họ.

Tôi đột ngột nhận ra, với việc Arlette chính thức được coi là đã chết thay vì mất tích, những mẫu đất ấy giờ là của tôi. Vậy là hai ngày sau, tôi nuốt lòng tự hào xuống và tìm tới gặp Harlan Cotterie.

Người đàn ông ra mở cửa cho tôi có bộ dạng khá hơn tôi nhiều, song những cú sốc khủng khiếp của năm đó dấu vấy vẫn để lại dấu ấn của chúng. Ông ta đã sút cân, tóc đã thưa đi, và cái áo sơ mi ông ta mặc trông thật nhàu nhĩ - cho dù vẫn không nhàu nhĩ bằng khuôn mặt ông ta, và ít nhất với cái áo người ta vẫn có thể là được. Ông ta trông như một người sáu mươi lăm tuổi chứ không phải bốn mươi lăm.

“Đừng đánh tôi,” tôi nói khi thấy ông ta siết chặt hai nắm tay lại. “Hãy nghe tôi nói đã.”

“Tôi sẽ không đánh một người chỉ còn lại một bàn tay,” ông ta nói, “nhưng tôi sẽ rất cảm ơn nếu ông ngăn gọn cho. Và chúng ta sẽ phải nói chuyện ở đây, ở ngoài thềm, vì ông sẽ không bao giờ đặt chân vào trong nhà tôi nữa.”

“Được thôi,” tôi nói. Tôi cũng đã sút cân - rất nhiều - và tôi đang rét run, nhưng không khí lạnh ngắt

đem lại cảm giác thật dễ chịu cho cánh tay cụt của tôi, cũng như trên bàn tay vô hình dường như vẫn còn tồn tại bên dưới nó. “Tôi muốn bán cho ông 100 mẫu đất tốt, Harl. Khu đất Arlette đã rất muốn bán cho Công ty Farrington.”

Nghe tới đó, ông ta mỉm cười, và đôi mắt ông ta sáng lên trong hai hố mắt giờ đây trở nên sâu hoắm. “Rơi vào lúc khó khăn rồi, phải không nào? Nửa ngôi nhà và nửa chuồng gia súc của ông đã sập. Hermie Gordon nói ông đưa một con bò vào trong nhà sống với ông.” Hermie Gordon là người bưu tá của vùng này, và nổi tiếng là kẻ hay buôn chuyện.

Tôi đưa ra một cái giá thấp đến nỗi miệng Harl há hốc và hai bên lông mày ông ta nhướng lên cao. Đúng lúc ấy tôi ngửi thấy một thứ mùi bốc ra từ ngôi nhà sạch sẽ chũn chu của gia đình Cotterie, thứ mùi này dường như hoàn toàn xa lạ với nơi ấy: mùi thực phẩm khô bị cháy. Dường như không phải Sallie Cotterie đang nấu ăn. Từng có lúc một chi tiết như thế khiến tôi quan tâm, nhưng thời đó đã qua rồi. Tất cả những gì làm tôi bận tâm vào thời điểm đó là tổng khứ được 100 mẫu đất đi. Dường như cũng hợp lý khi bán rẻ chúng, vì chúng đã làm tôi phải trả giá đắt đến thế.

“Quả là dùng một xu đổi lấy một đô la,” ông ta nói. Rồi nói tiếp, với vẻ hài lòng rõ rệt: “Arlette hẳn sẽ phải lăn lộn trong mộ.”

Cô ta đã làm còn nhiều hơn chỉ lăn lộn trong đó, tôi nghĩ.

“Ông cười vì chuyện gì vậy, Wilf?”

“Không gì hết. Ngoại trừ vì một thứ, tôi không quan tâm đến khu đất đó nữa. Điều duy nhất tôi còn quan tâm là giữ cho cái lò sát sinh chết tiệt của Farrington tránh xa nó ra.”

“Thậm chí nếu ông phải mất cả trang trại của chính mình?” Ông ta gật gù như thể tôi vừa đưa ra một câu hỏi. “Tôi biết về khoản vay thế chấp ông đã thực hiện. Chẳng thể có gì bí mật trong một thị trấn nhỏ.”

“Thậm chí là vậy,” tôi đồng ý. “Hãy nhận lời đề nghị đi, Harl. Ông sẽ thật điên rồ nếu không làm thế. Dòng suối mà bọn họ sẽ làm ngập ngựa trong máu, lông và ruột lợn - nó cũng là dòng suối của ông nữa.”

“Không,” ông ta nói.

Tôi tròn mắt nhìn ông ta, quá ngạc nhiên để có thể nói được gì. Nhưng một lần nữa ông ta lại gật gù như thể tôi vừa đưa ra một câu hỏi.

“Ông nghĩ ông biết những gì ông đã gây ra cho tôi, nhưng ông chưa biết tất cả đâu. Sallie đã bỏ tôi. Cô ấy đã tới sống với bà con của mình ở McCook. Cô ấy nói có thể sẽ quay về, nói cô ấy sẽ suy nghĩ về mọi việc, nhưng tôi không nghĩ cô ấy sẽ làm thế. Vậy nên chuyện này sẽ đưa ông và tôi lên cùng một toa tàu vỡ, phải không nào? Chúng ta là hai gã đàn ông đã bắt đầu năm nay có vợ và đang kết thúc nó

không còn vợ. Chúng ta là hai gã đàn ông bắt đầu năm nay với những đứa con còn sống và đang kết thúc nó với những đứa con đã chết. Khác biệt duy nhất tôi có thể thấy là tôi đã không mất đi nửa ngôi nhà và phần lớn chuồng gia súc trong cơn bão.” Ông ta trầm ngâm suy nghĩ tiếp. “Và tôi vẫn còn cả hai bàn tay. Còn cả chuyện đó nữa, tôi chắc vậy. Khi cần phải lôi của quý của tôi ra khỏi quần - nếu tôi cảm thấy cần phải làm việc đó - tôi sẽ còn quyền lựa chọn sử dụng bàn tay nào.”

“Cái gì... tại sao bà nhà lại...”

“Ồ, hãy dùng cái đầu của ông đi. Cô ấy trách cứ tôi cũng như ông về cái chết của Shannon. Cô ấy nói nếu tôi không ương ngạnh gửi Shan khỏi nhà, bây giờ con bé vẫn còn sống và đang sống với Henry tại trang trại của ông chỉ ngay cuối đường, thay vì nằm lạnh cóng trong một cái hòm dưới đất. Cô ấy nói đáng ra cô ấy đã có cháu. Cô ấy gọi tôi là một gã ngốc tự phụ, và cô ấy có lý.”

Tôi chìa cho ông ta bàn tay còn lại của mình. Ông ta gạt nó đi.

“Đừng có động vào tôi, Wilf. Ông chỉ còn lần cảnh cáo cuối cùng này về chuyện đó nữa thôi.”

Tôi đưa tay trở lại bên sườn.

“Có một điều tôi biết chắc,” ông ta nói. “Nếu tôi nhận đề nghị của ông, cho dù nó hấp dẫn đến thế, rồi đây tôi sẽ phải hối hận. Vì khu đất đó đã bị nguyên rửa. Chúng ta có thể không nhất trí với nhau trong mọi chuyện, nhưng tôi dám cược trong chuyện này thì có. Nếu ông muốn bán đất, hãy bán cho ngân hàng. Ông sẽ lấy lại được giao kèo thế chấp, cộng thêm một ít tiền mặt nữa.”

“Bọn họ sẽ lại quay sang bán ngay cho Farrington!”

“Ông phải chịu thôi” là những lời cuối cùng của ông ta trước khi đóng sập cửa lại trước mặt tôi.

Vào ngày cuối cùng của năm ấy, tôi lái xe tới Hemingford Home gặp ông Stoppenhauser tại ngân hàng. Tôi nói với ông ta tôi đã quyết định sẽ không sống ở trang trại nữa. Tôi cho ông ta hay tôi muốn bán khu đất của Arlette cho ngân hàng và dùng số tiền thu được để rút lại giao kèo vay thế chấp về. Giống như Harlan Cotterie, ông ta trả lời không. Trong khoảnh khắc, tôi chỉ biết ngồi thừ ra trên chiếc ghế đối diện với ông ta, không thể tin nổi những gì vừa nghe được.

“Tại sao không? Đó là một khu đất tốt!”

Ông ta nói với tôi rằng ông ta làm việc cho một ngân hàng, và một ngân hàng không phải là công ty bất động sản. Ông ta gọi tôi là ông James. Những ngày tôi được gọi là Wilf trong văn phòng đó đã kết thúc.

“Chỉ là...” *Lố bịch* là từ xuất hiện trong đầu tôi, nhưng tôi không muốn mạo hiểm xúc phạm ông ta để rồi mất đi cơ hội có thể ông ta đổi ý. Sau khi đã đi tới quyết định bán đi khu đất (và con bò nữa, tôi cũng phải tìm một người mua Achelois, có lẽ là một người lạ mặt sẵn sàng đổi nó lấy một túi đậu

thần), ý tưởng đó đã trở thành nỗi ám ảnh thường trực của tôi. Vậy là tôi giữ giọng nói nhẹ nhàng và cố trình bày thật bình tĩnh.

“Không chính xác là thế, ông Stoppenhauser. Ngân hàng đã mua lại khu Rideout mùa hè năm ngoái khi nó được đưa ra đấu giá. Cả khu Ba chữ M nữa.”

“Những trường hợp đó đều ở vào tình huống khác. Chúng tôi giữ một giao kèo thế chấp trên 80 mẫu đất ban đầu của ông, và hài lòng với điều đó. Việc ông muốn làm gì với một trăm mẫu bãi cỏ không làm chúng tôi quan tâm.”

“Ai đã tới gặp ông vậy?” tôi hỏi, rồi hiểu ra mình không nên làm thế. Là Lester, phải không nào? Con chó săn của Cole Farrington.”

“Tôi không hiểu ông đang nói về cái gì,” Stoppenhauser nói, nhưng tôi thấy mắt ông ta lóe lửa. “Tôi nghĩ tâm trạng đau buồn và... và vết thương ông phải chịu đựng... đã nhất thời ảnh hưởng tới khả năng suy nghĩ sáng suốt của ông.”

“Ồ không,” tôi nói, và bắt đầu phá lên cười. Đó là một âm thanh mất cân đối đến mức nguy hiểm, ngay cả với đôi tai của tôi. “Tôi chưa bao giờ suy nghĩ sáng suốt hơn trong cả đời mình, thưa ông. Hắn ta tới đây gặp ông - hắn ta hoặc một kẻ khác, tôi tin chắc Cole Farrington có đủ tiền để thuê bất cứ gã đề tiện nào ông ta muốn - và các người đã thỏa thuận với nhau. Ông là... *kẻ thông đồng!*” Tôi cười phá lên dữ dội hơn lúc nào hết.

“Ông James, tôi sợ rằng tôi phải yêu cầu ông ra khỏi đây.”

“Có lẽ các người đã lên kế hoạch mọi chuyện từ trước,” tôi nói. “Có thể đó là lý do khiến ông lúc đầu lại bận tâm thuyết phục tôi thực hiện khoản vay thế chấp đáng nguyên rửa đó đến thế. Hoặc có thể khi Lester nghe được chuyện xảy đến với con trai tôi, hắn nhận ra một cơ hội vàng để tận dụng nỗi bất hạnh của tôi, và hối hả tìm đến gặp ông. Có thể hắn đã ngồi ngay trên chiếc ghế này và nói, “Chuyện này sẽ có lợi cho cả hai chúng ta, Stoppie - ông có được trang trại, thân chủ của tôi có được khu đất bên cạnh, và Wilf James có thể cuốn xéo xuống Địa Ngục.” Chẳng phải rất giống những gì đã xảy ra sao?”

Ông ta bấm vào một cái nút trên bàn, và lập tức cánh cửa mở ra. Đây chỉ là một ngân hàng nhỏ, quá nhỏ để thuê nhân viên bảo vệ, nhưng người thu ngân vừa cúi người vào là một anh chàng to con. Một thành viên của Nhà Rohrbacher, nếu suy ra từ ngoại hình; tôi đã đi học cùng bố anh chàng này, và Henry hắn từng học cùng với em gái cậu ta, Mandy.

“Có rắc rối gì sao, thưa ông Stoppenhauser?” cậu ta hỏi.

“Không có gì cả nếu ông James ra khỏi đây ngay,” ông ta nói. “Cậu có thể đưa ông ta ra chứ, Kevin?”

Kevin bước vào, và khi tôi chậm chạp không đứng dậy ngay, cậu ta đưa một bàn tay tóm vào ngay trên

khuyết tay trái của tôi. Cậu ta ăn mặc như một nhân viên ngân hàng, cho tới tận dây đeo quần và nơ bướm, nhưng bàn tay đó là một bàn tay nông dân, cứng rắn và chai sạn. Cánh tay cụt vẫn còn trong quá trình hồi phục của tôi lập tức giật giật cảnh báo.

“Đi thôi, thưa ông,” anh chàng thanh niên nói.

“Đừng kéo tôi,” tôi nói. “Chỗ nối với bàn tay trước đây của tôi vẫn còn đau.”

“VẬY ông hãy đi đi.”

“Tôi đã đến trường cùng bố cậu. Ông ấy ngồi cạnh tôi và thường chép bài của tôi vào Tuần Thi Mùa Xuân.”

Cậu ta lôi tôi ra khỏi chiếc ghế nơi tôi từng được xưng hô là Wilf. Anh chàng Wilf tốt bụng, một kẻ thật ngốc nếu không thực hiện một khoản vay thế chấp. Chiếc ghế gần như lật nghiêng.

“Chúc mừng năm mới, ông James,” Stoppenhauser nói.

“Ông cũng vậy, đồ đệ tiện khôn kiếp,” tôi đáp lại. Nhìn thấy vẻ choáng váng trên khuôn mặt ông ta có lẽ là điều hay ho cuối cùng đến với tôi trong đời mình. Tôi đã ngồi đây năm phút, nhai quản bút trong lúc cố nhớ ra một điều gì đó tích cực từng đến kể từ lúc ấy - một cuốn sách hay, một bữa ăn ngon, một buổi chiều khoan khoái trong công viên - nhưng không thể.

Kevin Rohrbacher đưa tôi ra qua phòng ngoài. Tôi đoán đó là động từ phù hợp; vì cách cậu ta làm không hẳn là lôi. Sàn nhà lát cẩm thạch, và tiếng bước chân của chúng tôi vang lên rõ mồn một. Các bức tường lát ván gỗ sồi sẫm màu. Ở các khung cửa sổ cao dành cho nhân viên giao dịch, hai phụ nữ đang phục vụ một nhóm nhỏ khách hàng cuối năm. Một khách hàng còn trẻ, và một người đã già, song vẻ tròn mắt kinh ngạc của cả hai thì giống hệt nhau. Nhưng không phải vẻ quan tâm chăm chú, gần như thèm khát của họ thu hút sự chú ý của hai mắt tôi; chúng bị hút vào một thứ hoàn toàn khác. Có một thanh ván gỗ sồi rộng chừng ba inch chạy ngang bên trên các cửa sổ dành cho giao dịch viên, và đang bận rộn hối hả bò qua trên đó...

“Cẩn thận con chuột kia!” tôi kêu lên, và giơ tay lên chỉ.

Người giao dịch viên trẻ hơn khẽ kêu, đưa mắt nhìn lên trên, rồi nhìn sang người đồng nghiệp lớn tuổi hơn của cô ta. Chẳng có con chuột nào hết, chỉ là bóng chiếc quạt trần vừa lướt qua. Và giờ thì tất cả mọi người đều nhìn vào tôi.

“Cứ trợn mắt ra mà nhìn thỏa thích đi!” tôi nói với họ. “Nhìn cho chán đi! Nhìn cho tới khi trông mắt chết tiệt của các người rơi ra ngoài đi!”

Sau đó tôi đã ở ngoài được, phả ra không khí mùa đông lạnh ngắt trông giống như khói thuốc lá. “Đừng quay lại trừ khi ông có công việc phải làm,” Kevin nói. “Và trừ khi ông có thể nói năng chừng

mục.”

“Bố cậu là gã lừa đảo đáng nguyên rủa tồi tệ nhất tôi từng gặp khi còn đi học,” tôi nói với anh chàng. Tôi muốn cậu ta nện tôi, nhưng cậu ta chỉ quay vào trong và để tôi lại một mình bên rìa đường, đứng trước chiếc xe tải cũ kỹ tàn tạ của tôi. Và đó là những gì xảy ra khi Wilfred Leland James tới thị trấn vào ngày cuối cùng của năm 1922.

Khi tôi về đến nhà, Achelois không còn ở trong nhà. Nó đang ở ngoài sân, nằm nghiêng sang một bên và thở phì phò ra từng đám hơi trắng xóa của chính nó. Tôi có thể nhìn thấy những vết tuyết bị xới tung lên khi con bò cuống cuống lao ra khỏi cửa, cùng một vũng nữa lớn hơn khi nó hậu đậu chạm đất và gãy cả hai chân trước. Dường như cả một con bò cái vô tội cũng không thể sống sót được ở bên cạnh tôi.

Tôi vào phòng ngoài lấy khẩu súng, sau đó vào trong nhà, muốn tìm hiểu xem - nếu có thể - nguyên nhân nào đã làm con bò sợ đến mức làm nó phải hốt hoảng chạy trốn khỏi nơi nương thân mới của mình như thế. Đó là lũ chuột, tất nhiên rồi. Ba con đang ngồi trên chiếc tủ ly Arlette rất quý hóa, nhìn tôi chằm chằm với những đôi mắt đen nghiêm nghị của chúng.

“Quay về nói với cô ta hãy để tao yên,” tôi nói với chúng. “Nói với cô ta rằng cô ta đã làm hại tao đủ rồi. Vì Chúa, hãy bảo cô ta để tao yên.”

Chúng chỉ ngồi đó nhìn tôi với cái đuôi cuộn quanh thân hình màu xám đen. Vậy là tôi giơ súng lên và bắn vào con chuột ở giữa. Viên đạn xé tung nó ra, hất những gì còn lại của nó bắn tung tóe lên tám giấy dán tường chính Arlette đã cầu kỳ lựa chọn chừng 9 hay 10 năm trước. Khi Henry vẫn còn là một chú bé con và mọi chuyện vẫn tốt đẹp giữa ba chúng tôi.

Hai con còn lại bỏ chạy. Quay lại lối đi bí mật dưới đất của chúng, tôi không nghi ngờ gì về chuyện đó. Quay về với nữ hoàng thối rữa của chúng. Những gì chúng để lại trên cái tủ ly thuộc về cô vợ đã chết của tôi là vài bãi phân chuột cùng ba bốn mảnh của chiếc bao tải Henry đã lấy từ chuồng gia súc vào buổi tối đầu hè năm 1922 đó. Lũ chuột đã tới để giết con bò cái cuối cùng của tôi và mang cho tôi vài mảnh nhỏ trong tấm che đầu của Arlette.

Tôi ra ngoài, vuốt ve Achelois trên đầu nó. Con bò nghển cổ lên và ậm ò than vãn. *Hãy chấm dứt nó đi. Ông là ông chủ, là chúa trong thế giới của tôi, vậy hãy chấm dứt nó đi.*

Tôi làm đúng như vậy.

Chúc mừng năm mới.

Đó là đoạn kết của năm 1922, và cũng là đoạn kết câu chuyện của tôi; tất cả phần còn lại chỉ là vĩ thanh. Đám sứ giả đang đứng chen chúc đông nghịt trong căn phòng này - chắc hẳn ông giám đốc của khách sạn cũ đẹp đẽ này phải kêu thét lên nếu ông ta nhìn thấy chúng! - sẽ không phải chờ lâu hơn nữa để đưa ra phán quyết của chúng. Cô ta là thẩm phán, chúng là bồi thẩm đoàn, nhưng tôi sẽ là đao phủ

của chính mình.

Tôi để mất trang trại, tất nhiên rồi. Không ai, kể cả Công ty Farrington, chấp nhận mua 100 mẫu đất đó cho tới khi tôi chịu bán nốt cả trang trại, và khi đám đồ tể giết lợn ấy cuối cùng xông vào cuộc, tôi bị ép phải bán ở mức giá thấp đến điên rồ. Kế hoạch của Lester đã thành công hoàn hảo. Tôi tin chắc đó là trò vè của hắn, và tôi tin chắc hắn đã bỏ túi một khoản hoa hồng.

Ồ, được rồi; kiểu gì rồi hắn tôi cũng mất miếng đất cắm dùi đó của mình ở hạt Hemingford, cho dù tôi có đủ tiềm lực tài chính để trang trải khoản vay đi chẳng nữa, và trong ý nghĩ này quả là có chút an ủi phù phiếm. Người ta nói cuộc suy thoái chúng ta đang lâm vào đã bắt đầu từ ngày Thứ Sáu Đen Tối hồi năm ngoái, nhưng người dân ở các tiểu bang như Kansas, Iowa và Nebraska biết nó đã bắt đầu từ năm 1923, khi những vụ gieo trồng còn sót lại sau những cơn bão khủng khiếp đã bị hủy hoại hoàn toàn trong đợt hạn hán diễn ra liền sau đó, một đợt hạn hán kéo dài suốt hai năm trời. Chút nông sản ít ỏi tìm được đường tới thị trường của các thành phố lớn và các phiên giao dịch nông sản tại những thị trấn nhỏ chỉ mang về những khoản thu nhập chết đói. Harlan Cotterie cầm cự được tới khoảng năm 1925, sau đó ngân hàng tịch thu trang trại của ông ta. Tôi tình cờ biết được tin đó trong lúc xem qua danh mục chào bán của ngân hàng trên tờ *World-Herald*. Tới năm 1925, những bản danh sách như thế có khi lấp kín cả nhiều trang báo. Các trang trại nhỏ bắt đầu biến mất, và tôi tin rằng trong một trăm năm nữa - mà có khi chỉ 75 năm thôi - tất cả sẽ biến mất. Tới năm 2030 (nếu như rồi sẽ có một năm như thế), cả phần Nebraska phía tây Omaha sẽ là một trang trại lớn. Có thể sở hữu nó sẽ là Công ty Farrington, và những kẻ kém may mắn tới mức phải sống trên miền đất ấy sẽ trải qua cả cuộc đời họ dưới bầu trời vàng vọt bẩn thỉu và phải đeo mặt nạ phòng độc để khỏi chết ngạt vì mùi xú uế của lợn chết. Và *tất cả* các dòng suối sẽ đỏ ngầu vì máu chảy ra từ các lò mổ.

Tới năm 2030, sẽ chỉ còn lũ chuột cảm thấy hạnh phúc.

Đó là đổi một xu lấy một đô la, Harlan nói như thế vào ngày tôi đề nghị bán cho ông ta khu đất của Arlette, và cuối cùng tôi buộc phải bán cho Cole Farrington để đổi lấy một phần còn ít hơn thế của một đô la. Luật sư Andrew Lester mang các giấy tờ tới khu nhà cho thuê phòng ở thành phố Hemingford nơi tôi đang sống lúc đó, và ông ta mỉm cười khi tôi ký vào chúng. Tất nhiên là thế rồi. Những kẻ mạnh thế luôn thắng. Tôi quả là ngốc khi nghĩ với mình có thể có gì đó khác đi. Tôi là một gã ngốc, và tất cả những ai tôi từng yêu quý đều phải trả giá vì điều đó. Thỉnh thoảng tôi lại tự hỏi liệu Sallie Cotterie rồi có quay trở lại với Harlan, hay ông ta có tới với bà ở McCook sau khi mất đi trang trại hay không. Tôi không biết, nhưng tôi nghĩ cái chết của Shannon hẳn đã làm kết thúc cuộc hôn nhân trước đó vốn hạnh phúc. Thuốc độc luôn lan ra như mực trong nước vậy.

Trong khi tôi viết những dòng này, lúc chuột đã bắt đầu từ chân tường của căn phòng di chuyển lại gần. Hàng rào hình vuông lúc trước giờ đã trở thành một vòng tròn đang khép lại. Chúng biết đây chỉ là đoạn *tiếp theo*, và không điều gì tới tiếp theo một hành động không thể văn hồi còn có chút gì quan trọng. Song tôi sẽ vẫn hoàn tất nó. Và chúng sẽ không thể có được tôi chừng nào tôi còn sống; chiến thắng nho nhỏ cuối cùng sẽ thuộc về tôi. Chiếc áo khoác cũ màu nâu của tôi đang được treo lên lưng tựa của chiếc ghế tôi đang ngồi. Khẩu súng ngắn ở trong túi áo. Khi tôi đã kết thúc vài trang cuối cùng của bản thú tội này, tôi sẽ dùng đến nó. Người ta nói những kẻ tự sát và giết người phải xuống Địa

Ngục. Nếu vậy, tôi sẽ biết rõ đường đi lối lại, vì tôi vốn đã ở đó trong suốt tám năm qua rồi.

Tôi tới Omaha, và nếu đó thực sự là một thành phố của những gã ngốc như tôi từng tuyên bố, vậy thì trước hết tôi là một công dân kiêu mẫu. Tôi bắt tay vào uống dần đi 100 mẫu đất của Arlette, và cho dù đó chỉ còn là xu lẻ của đô la, tôi cũng phải mất đến hai năm. Khi không uống, tôi tới thăm những nơi Henry đã đi qua trong những tháng cuối cùng của đời nó: cửa hàng tạp hóa và trạm xăng ở Lyme Biska với hình Cô Gái Mũ Xanh trên nóc (đến lúc đó đã đóng cửa với một tấm biển treo trên cánh cửa bị đóng ván gỗ có ghi NGÂN HÀNG RAO BÁN), cửa hàng cầm đồ ở phố Dodge (nơi tôi bắt chước con trai mình và mua khẩu súng ngắn lúc này đang nằm trong túi áo khoác của tôi), chi nhánh Omaha của First Agricultural Bank. Cô nàng nhân viên giao dịch xinh xắn vẫn còn làm việc ở đó, cho dù họ của cô ta giờ không còn là Penmark nữa.

“Khi tôi đưa tiền cho cậu ấy, cậu ấy đã nói cảm ơn,” cô gái kể với tôi. “Có thể cậu ta đã đi vào con đường sai lầm, nhưng ai đó đã dạy dỗ cậu ấy rất tử tế. Ông có biết cậu ấy không?”

“Không,” tôi nói, “nhưng tôi biết gia đình cậu ta.”

Tất nhiên tôi có tìm tới St. Eusebia, nhưng không tìm cách vào trong hỏi chuyện về Shannon Cotterie với bà quản lý hay xơ bề trên, cho dù danh hiệu chính thức của bà ta có là gì đi nữa. Đó là một khối nhà lạnh lùng thù địch, những khối đá dày và những khe cửa sổ hẹp thể hiện hoàn hảo những gì mà đường như giới tu sĩ của giáo hội cảm nhận về phụ nữ trong trái tim họ. Dõi theo vài cô gái mang thai lén lút bước ra với đôi mắt cúi gằm và đôi vai co ro đã nói cho tôi biết tất cả những gì tôi cần phải biết vì sao Shan lại sẵn sàng rời khỏi nơi đó.

Cũng thật lạ, tôi cảm thấy gần gũi nhất với con trai mình trong một con hẻm. Nó là con hẻm nằm cạnh

Hiệu thuốc và sô đa trên phố Gallatin (chuyên kẹo Schraff's ^[35] và kẹo mềm đặc biệt nhà làm), cách St. Eusebia hai khối nhà. Tại đây có một cái vỏ thùng, có lẽ còn quá mới để có thể là cái Henry từng ngồi lên trong lúc thăng bé đợi một cô gái đủ táo tợn để đổi thông tin lấy thuốc lá, nhưng tôi có thể vờ tin là vậy, và tôi đã làm như thế. Những trò giả bộ như vậy dễ hơn khi tôi đã say, và phần lớn những ngày tôi tìm đến phố Gallatin, quả thực tôi đều khá say. Đôi lúc tôi giả bộ rằng lúc này lại là năm 1922, và chính tôi là người đang chờ đợi Victoria Stevenson. Nếu cô gái tới, tôi sẽ đổi cả cây thuốc lá cho cô ta để cô ta chịu thực hiện một lời nhắn: *Khi một thanh niên tự xưng là Hank xuất hiện ở đây hỏi thăm về Shan Cotterie, hãy bảo cậu ta biến đi. Bảo cậu ta hãy đi chỗ khác. Nói với cậu ta rằng bố cậu ta cần cậu ta quay về trang trại, rằng rất có thể với hai người cùng nhau làm việc, họ sẽ cứu được nó.*

Nhưng cô gái ấy đã ở ngoài tầm với của tôi. Cô Victoria duy nhất tôi gặp là phiên bản sau này, người phụ nữ với ba đứa con kháu khỉnh và danh xưng đáng kính trọng bà Hallett. Đến lúc ấy tôi đã thôi không còn uống nữa, tôi đã có việc làm ở nhà máy may Bilt-Rite Clothing, và đã làm quen trở lại với dao cạo và xà phòng cạo râu. Vì lớp vỏ đáng kính trọng này, cô gái đã khá sẵn lòng tiếp chuyện tôi. Tôi cho cô ta biết tôi là ai chỉ vì - nếu tôi cần phải trung thực đến cùng - nói dối ở đây chẳng ích lợi gì. Tôi có thể thấy trong đôi mắt hơi mở to ra của cô gái rằng cô ta đã nhận ra nét tương đồng giữa hai

bố con tôi.

“Phải, nhưng cậu ấy thật dễ mến,” cô gái nói. “Và thật điên cuồng vì yêu. Cháu lấy làm tiếc cho Shan
[36]
nữa. Cô ấy là một cô gái thật tuyệt. Cứ như một bi kịch của Shakespeare vậy, phải không ông?”

Chỉ có điều cô ta phát âm từ đó thành *trad-a-gee*, và sau lần ấy tôi không còn quay lại con hẻm trên phố Gallatin lần nào nữa, vì với tôi vụ sát hại Arlette đã làm nhiễm độc cả cố gắng của bà mẹ trẻ vô tội ở Omaha này khi cô gái muốn tỏ ra thông cảm. Cô ta nghĩ cái chết của Henry và Shannon giống như một *trad-a-gee* của Shakespeare. Cô ta nghĩ những cái chết ấy thật lãng mạn. Liệu cô ta có còn nghĩ vậy nữa hay không, tôi tự hỏi, nếu cô ta nghe thấy tiếng vợ tôi kêu thét lên lần cuối từ bên trong cái bao tải sũng máu? Hay nhìn qua khuôn mặt không còn mắt, không còn môi của con trai tôi?

Tôi đã trải qua hai công việc trong những năm tôi sống tại Thành phố Cửa ngõ [37], cũng còn được biết đến dưới cái tên Thành phố của những Tên ngốc. Các vị sẽ nói tất nhiên tôi phải có công việc; nếu không thế chắc hẳn tôi đã phải sống ngoài đường. Nhưng có những con người lương thiện hơn tôi đã tiếp tục uống rượu ngay cả khi họ muốn ngừng lại, có những người đàng hoàng hơn tôi đã phải kết thúc trong cảnh ngủ dưới vòm cửa. Tôi cho rằng tôi có thể nói sau những năm tháng đã mất của mình, tôi từng thử nỗ lực thêm lần nữa để sống một cuộc sống thật sự. Có những lúc tôi thành thực tin vào điều đó, nhưng khi nằm trên giường buổi tối (và lắng nghe lũ chuột lách rích trong các bức tường - chúng vẫn luôn là những kẻ đồng hành không bao giờ rời xa tôi), tôi luôn biết rõ sự thật: tôi vẫn đang cố để thắng cuộc. Thậm chí ngay cả sau những cái chết của Henry và Shannon, ngay cả sau khi đã mất đi bàn tay, tôi vẫn đang cố đánh bại cái xác ở dưới giếng. Cô ta và *đám sủng thần* của cô ta.

John Hanrahan là quản đốc kho hàng tại nhà máy Bilt-Rite. Ông ta không muốn thuê một người chỉ có một bàn tay, nhưng tôi đã nài xin được làm thử, và khi tôi chứng minh cho ông ta thấy tôi có thể đẩy một xe hàng chất đầy áo sơ mi hay quần yếm chẳng kém bất cứ ai trong đám nhân công dưới quyền ông ta, viên quản đốc nhận tôi vào làm. Tôi đã đẩy những xe hàng đó trong 14 tháng, và thường xuyên phải tập tễnh quay về căn nhà trọ nơi tôi sống với lưng và cánh tay cụt đau như bị lửa thiêu. Song tôi không bao giờ phàn nàn, và thậm chí tôi còn tìm ra được đủ thời gian để học may. Việc này tôi làm vào giờ nghỉ trưa (trên thực tế kéo dài 15 phút) và trong giờ nghỉ ca chiều. Trong khi những người khác quay trở lại chỗ bốc xếp hàng hút thuốc và kể những câu chuyện tục tĩu, tôi tự học cách may nối, đầu tiên là trên những bao tải đựng hàng đã qua sử dụng, rồi sau đó là trên những chiếc quần yếm, vốn là mặt hàng chủ đạo của công ty. Hóa ra tôi lại có khiếu cho việc này, thậm chí tôi còn có thể khâu khóa kéo, một kỹ năng không dễ dàng chút nào trên một dây chuyền may công nghiệp. Tôi dùng cánh tay cụt ép lên món đồ để giữ nó cố định trong lúc bàn chân tôi vận hành bàn đạp điện.

May được trả công khá hơn bốc xếp hàng, và cũng dễ chịu hơn cho cái lưng của tôi, nhưng khu xưởng may tối om giống như những hang động, và sau chừng bốn tháng tôi bắt đầu nhìn thấy chuột trên những đồng vải bò mới tinh chất cao như núi và lấp ló trong bóng tối bên dưới những chiếc xe đẩy được dùng để chuyển vải vào và sau đó đưa sản phẩm ra.

Vài lần tôi chỉ cho đồng nghiệp của mình chú ý tới những kẻ gặm nhấm ăn hại đó. Họ đều nói không trông thấy chúng. Có thể họ không thấy thật. Tôi nghĩ nhiều khả năng hơn thế là họ sợ xường may có thể bị đóng cửa tạm thời để đội bắt chuột tới thực hiện nhiệm vụ. Các thợ may như thế có thể bị mất ba ngày lương, thậm chí là một tuần. Với những người có gia đình, điều đó cũng có nghĩa là thảm họa. Với họ, sẽ dễ dàng hơn là nói lại với ông Hanrahan rằng tôi đã quáng mắt. Tôi hiểu điều đó. Và khi họ bắt đầu gọi tôi là Wilf Điên thì sao? Chuyện này tôi cũng có thể hiểu được. Và đó không phải là nguyên nhân tại sao tôi rời bỏ công việc đó.

Tôi bỏ việc vì lũ chuột cứ tiếp tục kéo đến.

Tôi đã để dành được một ít tiền, và chuẩn bị tinh thần sống dựa vào khoản này trong lúc tìm một công việc mới, song tôi đã không phải làm như vậy. Chỉ ba ngày sau khi rời khỏi Bilt-Rite, tôi thấy một rao vặt trên báo tìm thủ thư tại Thư viện Công cộng Omaha - cần có thư giới thiệu hoặc chứng chỉ. Tôi không có chứng chỉ nào, nhưng tôi đã là người mê đọc sách cả đời, và nếu những biến cố xảy ra trong năm 1922 đã dạy được tôi điều gì, thì đó là cách qua mặt người khác. Tôi giả mạo thư giới thiệu từ một vài thư viện công cộng ở Kansas City và Springfield, Missouri, và có được công việc. Tôi cảm thấy chắc chắn ông Quales rồi sẽ kiểm tra lại các thư giới thiệu và phát hiện ra chúng là giả mạo, vậy là tôi nỗ lực để trở thành thủ thư xuất sắc nhất nước Mỹ, và tôi làm việc rất nhanh. Khi cấp trên mới của tôi bắt tôi đối chứng với trò lừa đảo của mình, tôi sẽ trông đợi vào sự rộng lượng của ông ta và hy vọng vào tình huống tốt nhất. Song chẳng có cuộc đối chất nào xảy ra cả. Tôi đã giữ được việc làm của mình tại Thư viện Công cộng Omaha trong bốn năm. Nói về mặt lý thuyết, lúc này tôi vẫn đang nắm giữ công việc đó, cho dù đã một tuần nay tôi không có mặt tại chỗ làm và vẫn chưa gọi điện báo ốm.

Lũ chuột, các vị thấy đấy. Chúng cũng đã tìm thấy tôi ở đó. Tôi bắt đầu thấy chúng ngồi trên các chồng sách cũ ở phòng đóng sách, hay chạy dọc trên các tầng giá sách cao nhất, nhìn xuống tôi ra vẻ đã biết. Tuần trước, trong Phòng Tham khảo, tôi lấy ra một tập Bách khoa toàn thư Anh cho một độc giả lớn tuổi (đó là cuốn Ra-St, chắc chắn có chứa đầu mục cho *Rattus norvegicus* ^[38], ấy là chưa kể tới

slaughterhouse ^[39]) và thấy một khuôn mặt đói khát màu xám đen nhìn chằm chằm vào tôi từ trong ô để sách đã trống. Đó chính là con chuột đã cắn đầu vú của con bò Achelois tội nghiệp. Tôi không biết làm thế nào lại có thể như thế được - tôi tin chắc đã giết chết nó - nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, tôi đã nhận ra nó. Làm sao tôi có thể không nhận ra chứ? Có một mảnh bao tải, *một mảnh bao tải thấm máu*, mắc vào bộ ria của nó.

Là cái bao chụp trên tóc cô ta!

Tôi mang tập Bách khoa toàn thư Anh ra cho bà lão đã yêu cầu nó (bà lão khoác một chiếc khăn lông chồn, và đôi mắt bé tí màu đen của con vật đó lạnh lẽo nhìn tôi). Sau đó tôi chỉ đơn giản đi ra ngoài thư viện. Tôi lang thang trên phố nhiều giờ liền, và cuối cùng tìm đến đây, khách sạn Magnolia. Và tôi đã ở đây suốt từ lúc đó, sử dụng số tiền tôi đã dành dụm được với công việc thủ thư - một công việc giờ đây cũng chẳng còn ý nghĩa gì nữa - và viết ra bản thú tội của mình, một điều rất có ý nghĩa. Tôi ...

Một trong số chúng vừa cắn vào mắt cá chân tôi. Như thể để nói *Kết thúc đi, sắp hết thời gian rồi*. Một ít máu đã bắt đầu thấm ra tất của tôi. Điều đó không làm tôi bận tâm, không chút nào. Tôi đã nhìn thấy nhiều máu hơn thế trong đời mình; vào năm 1922 còn có cả một căn phòng ngập đầy thứ chất lỏng đó.

Và bây giờ tôi nghĩ tôi nghe thấy... có phải đó là trí tưởng tượng của tôi không nhỉ?

Không.

Có ai đó vừa tới gặp tôi.

Tôi đã nút đường ống lại, nhưng lũ chuột vẫn thoát ra ngoài được. Tôi đã lấp kín giếng, song *cô ta* vẫn tìm được đường chui lên. Và lần này tôi không nghĩ cô ta chỉ có một mình. Tôi nghĩ tôi nghe thấy thêm hai loại tiếng bước chân nữa, chứ không phải một. Hay là...

Ba? Chẳng lẽ là ba? Không lẽ cô gái đáng lẽ đã có thể trở thành con dâu của tôi trong một thế giới tốt đẹp hơn cũng đi cùng với họ?

Tôi nghĩ là có. Ba xác chết đang tiến lên theo lối đi, khuôn mặt của họ (những gì còn lại) biến dạng vì những vết chuột gặm. Khuôn mặt Arlette còn xô lệch sang một bên... vì cú đá của một con bò giầy chết.

Thêm một cú cắn nữa vào mắt cá.

Rồi thêm một cú nữa!

Làm thế nào ban quản lý khách sạn có thể...

Ôi! Thêm một lần nữa. Nhưng chúng sẽ không có được tôi. Và cả những vị khách của tôi cũng không, cho dù lúc này tôi có thể thấy quả đu đủ đang xoay, và tôi có thể ngửi thấy họ, những mảnh thịt còn dính lại trên xương họ tỏa ra mùi hôi thối của chết chóc chết chóc

Khẩu súng

Chúa ơi, nó ở đâu

dừng lại

ÔI HÃY LÀM CHÚNG THÔI KHÔNG CẮN TÔI!

Trích từ tờ *World - Herald* phát hành tại Omaha, ngày 14 tháng Tư, 1930.

THỦ THƯ TỰ SÁT TẠI KHÁCH SẠN ĐỊA PHƯƠNG

Một cảnh tượng kỳ quái trước mắt nhân viên an ninh khách sạn

Thi thể của Wilfred James, một thủ thư tại Thư viện Công cộng Omaha, đã được tìm thấy tại một khách sạn tại địa phương hôm Chủ nhật khi mọi nỗ lực của nhân viên khách sạn nhằm liên lạc với ông ta đều không có kết quả. Vị khách ở trong một căn phòng gần đó đã phàn nàn về “một thứ mùi như mùi thịt ôi”, và một người phục vụ phòng đã báo lại có nghe thấy “tiếng la hét hay khóc lóc bị nghẹt tiếng, giống như của một người đang trong cơn đau đớn” và cuối buổi chiều thứ Sáu.

Sau khi nhiều lần gõ cửa và không có trả lời, phụ trách an ninh khách sạn đã dùng chìa khóa dự phòng của ông ta và phát hiện ra thi thể của ông James, đang gục xuống chiếc bàn viết trong phòng.

“Tôi thấy một khẩu súng ngắn và cho rằng ông ta đã tự sát,” người phụ trách an ninh nói, “nhưng không ai báo lại đã nghe thấy tiếng súng nổ, và trong phòng cũng không có mùi thuốc súng. Khi

kiểm tra khẩu súng, tôi xác định đó là một khẩu cỡ .25^[40] được bảo dưỡng rất tồi, và không được nạp đạn.”

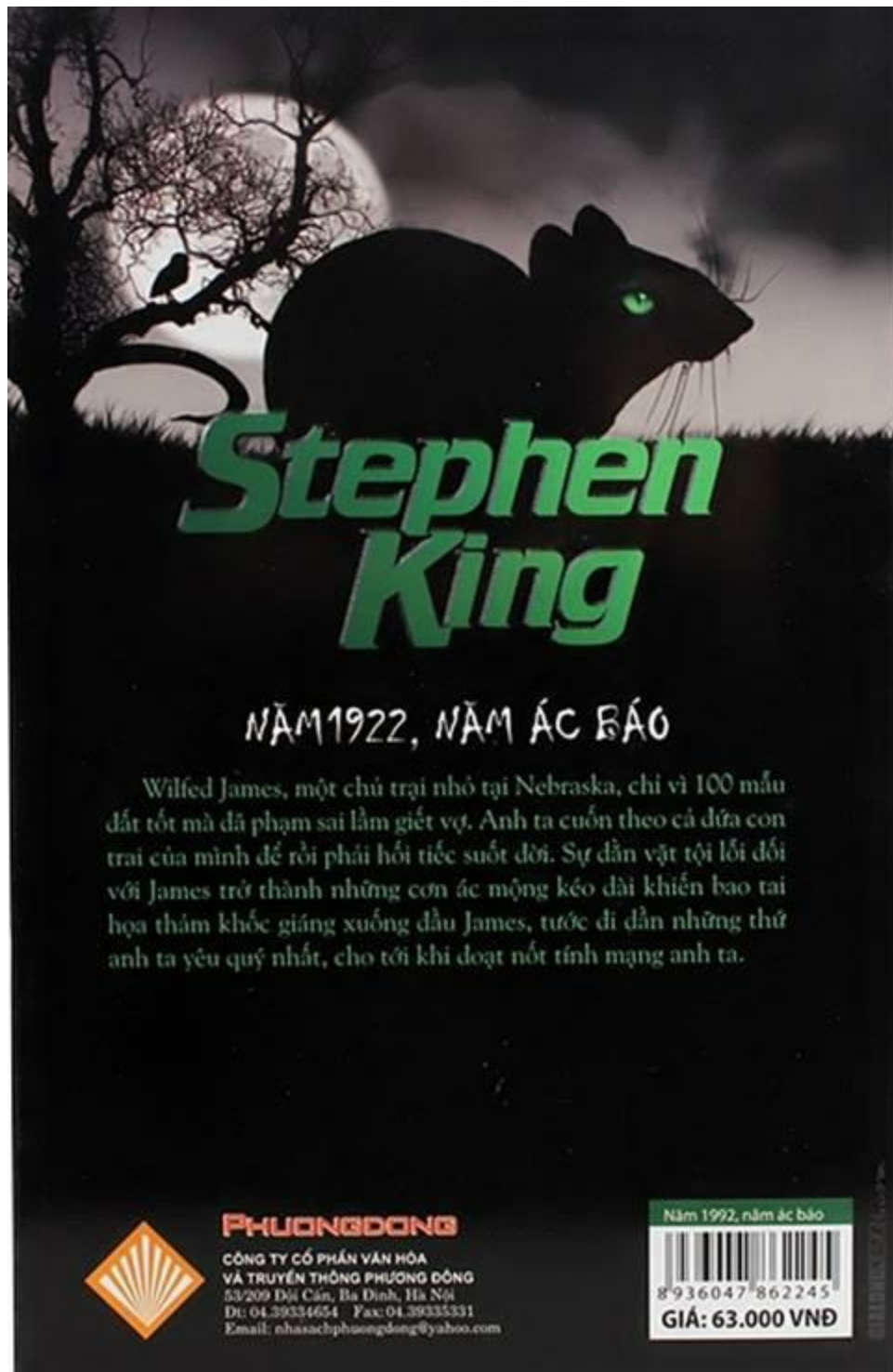
“Tôi lúc đó, tất nhiên tôi đã thấy máu. Tôi chưa bao giờ thấy bất cứ cảnh tượng nào như thế trước đây, và cũng không muốn phải thấy lại. Ông ta đã tự cắn mình lên khắp người - tay, chân, mắt cá, thậm chí cả các ngón chân. Không chỉ có vậy. Rõ ràng người đàn ông này đã bận rộn với việc viết một thứ tư liệu nào đó, song ông ta cũng đã nhai nát hết toàn bộ cả những tờ giấy. Chúng vương vãi khắp nơi dưới sàn. Trông giống như những mảnh giấy bị chuột nhai khi chúng dùng làm tổ. Cuối cùng, ông ta đã cắn xé toang cả hai cổ tay mình ra. Tôi tin rằng chính điều đó đã giết chết ông ta. Chắc chắn người đàn ông này bị mất trí.”

Khi bài báo này lên khuôn, vẫn còn rất ít thông tin được biết về ông James. Ronald Quarles, chánh thủ thư tại Thư viện Công cộng Omaha, tuyển ông James vào làm từ cuối năm 1926. “Ông ta rõ ràng đang ở vào lúc gặp vận không may, và bị tàn tật do mất đi một bàn tay, nhưng ông ấy hiểu biết về nghề của mình và các thư giới thiệu đều tốt,” Quarles nói. “Ông ta quan hệ tốt với đồng nghiệp nhưng có phần tách biệt. Tôi tin ông ta từng làm việc tại nhà máy trước khi xin vào thư viện, và ông ta nói với mọi người rằng trước khi bị mất bàn tay, ông ta từng sở hữu một trang trại nhỏ tại hạt Hemingford.”

Tờ World-Herald rất quan tâm tới ông James xấu số, và xin được cung cấp thông tin từ bất cứ độc giả nào từng quen biết ông. Thi thể đang được quản tại nhà xác hạt Omaha, chờ thân nhân tới nhận về. “Nếu không có thân nhân nào xuất hiện,” bác sĩ Tattersall, bác sĩ pháp y chính của nhà xác, cho biết, “tôi nghĩ ông ta sẽ được chôn tại khu nghĩa địa công.”

HẾT

Mời bạn ghé thăm [Đào Tiểu Vũ eBook](#) để tải thêm nhiều eBook hơn nữa.



[1] 1 mẫu bằng xấp xỉ 4047 m².

[2] Nguyên tác: black-cap, mũ quan tòa đội khi tuyên án tử hình.

[3] 1 dặm = 1609 m

[4] Loại búp bê gồm nhiều con búp bê to nhỏ khác nhau có thể cho lồng vào nhau được.

[5] Người say nói thật.

[6] Gaius Plinius Secundus, hay Pliny Già (23 - 79), triết gia, nhà quân sự và tư lệnh hải quân của Đế quốc Roma.

[7] 1 inch = 2,54 cm.

[8] Nguyên bản tiếng Anh: haunt.

[9] Căm ghét.

[10] Tên thường gọi của Montgomery Ward, một hệ thống phân phối bán lẻ ở Mỹ thành lập năm 1872.

[11] Một loại xe giá rẻ của Ford, là loại xe đầu tiên được lắp ráp theo dây chuyền, được sản xuất trong giai đoạn 1908 - 1927.

[12] Một trò chơi diễn ra vào ngày 1 tháng 5 ở nhiều nước phương Tây, trong đó một cây nêu được dựng lên, có buộc nhiều dải vải màu dài, những người tham gia chơi cầm lấy các dải vải và nhảy vòng quanh cây nêu.

[13] 5,6 mm.

[14] Thế chiến thứ nhất (1914 - 1918).

[15] American Expeditionary Force: Lực lượng viễn chinh Mỹ được gửi tới châu Âu tham chiến trong Thế chiến thứ nhất.

[16] Tên nhân vật cô bé lạc trong rừng vào nhà của gia đình gấu, ăn cháo rồi leo lên giường của gấu con ngủ. Thường dùng để ám chỉ người không được hoan nghênh, chào đón.

[17] Đức (cách gọi mỉa mai).

[18]

Tên một cuốn tiểu thuyết của nhà văn nữ người Anh Mary Anne Evans (1819 - 1880) xuất bản dưới bút danh George Eliot.

[19]

Samuel Pepys (1633 - 1703): quan chức hải quân, nghị sĩ Anh, nổi tiếng với những cuốn nhật ký được ghi đều đặn qua hàng chục năm liền.

[20]

Tên một người da đỏ trong nhóm đến thu hoạch ngô.

[21]

1 gallon Mỹ = 3,78 lít.

[22]

Đơn vị dùng để đo thể tích củi. 1 cord = 3,63 m³.

[23]

Lượng giác, trong nguyên tác Harlan phát âm sai từ này.

[24]

Một tổ chức ái hữu thu nhận thành viên cả nam và nữ, do Rob Morris thành lập năm 1850.

[25]

Nguyên bản là “Dutch uncle”, nếu dịch sát nghĩa từng từ là “ông bác Hà Lan”, nhưng trong tiếng Anh cụm từ này có nghĩa là người thẳng thắn chân thành.

[26]

1 foot = 30 cm.

[27]

1 pound = 0,453 kg.

[28]

Thương hiệu thuốc lá bắt đầu được sản xuất tại Mỹ từ năm 1878.

[29]

Một loại kẹo.

[30]

Âm chỉ tới bộ phim câm *Một lời nhắn cho Garcia* sản xuất năm 1916, trong đó một điệp viên Mỹ được giao nhiệm vụ bí mật tới liên lạc với Calixto Garcia, thủ lĩnh quân du kích Cuba trước thời kỳ xảy ra chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha (1898).

[31]

Cô gái nói nhảm, đúng ra là Oliver Twist, tên một tiểu thuyết của Charles Dicken.

[32]

1 inch = 2,54 cm.

[33]

Một thương hiệu chất tẩy rửa tổng hợp thông dụng do hãng Procter & Gamble sản xuất.

[34]

Xe mui trần có bốn hay năm chỗ ngồi.

[35]

Một công ty kẹo do William F.Schraff thành lập năm 1861 ở Boston.

[36]

Nguyên tác tiếng Anh: tragedy.

[37]

Gateway City, biệt danh của Omaha.

[38]

Tên khoa học latinh của chuột.

[39]

Lò sát sinh.

[40]

6,35 mm